

THERAVADĀ

PHẬT - GIÁO NGUYÊN - THỦY VIỆT - NAM



DASA PĀRAMĪ

THẬP - ĐỘ

QUYỂN II

VAṆSARAKKHITA

MAHA THERA

HỘ - TÔNG TỶ - KHUU

2.505

1961

NAMATTHURATANATTAYASSA

BHŪRIDATA JATAKA

TRUYỆN ĐỨC BHŪRIDATA

BỒ-TÁT TU HẠNH TRÌ-GIỚI BA-LA-MẬT

Một thuở nọ, Đức Phật ngự-an trong Kỳ-viên Tịnh-xá gần Kinh-đô SĀVATTHĪ, ngài đề-cập đến chư thiện-tín về sự trì bát-quan trai-giới cho có nhân rồi ngài thuyết về truyện này. Bậc A-Xà-lê kết-tập Tam-tạng (SAṄGITIKĀCĀRYA) tùy ý-nghĩa kệ-ngôn mà giải rộng thêm rằng : « Ta được nghe như vậy : những thiện-tín đến ngày định nguyện thọ-trì bát-quan trai-giới, từ lúc rạng-đông và làm phước bố-thí, xế lại vào chùa dâng hoa, cùng các vật thơm cúng-dường và nghe pháp tại Bồ Kim-Tự. Ngày đó, đấng Đại-Bi ngự đến phước-xá, vào tọa trên bảo-tọa xong, ngài hỏi chư thiện-tín rằng : « Ngày nay các người đã thọ bát-quan trai-giới chưa ? »

— Bạch Đức Thế-Tôn, chúng tôi được thọ bát-quan trai-giới hằng ngày không bỏ qua.

— Các người nhờ thầy chỉ-dạy, mới thọ bát-quan trai-giới được, không thấy chi lạ thường. Ngày xưa, bậc trí-tuệ, không thấy mà vẫn tinh-tấn thọ bát-quan-trai-giới, không lo ngại đến gia-tài, sự-nghiệp. Ngài chỉ nói bấy nhiêu rồi mặc-tưởng (1)

— Các thiện-tín mong được biết tiền-tích, nên cầu-thỉnh ngài thuyết-pháp.

Đức Phật bèn thuyết về truyện Đức BHŪRIDATA rằng :

(1) Nín tịnh

ATITO KĀLE — Nầy chư thiện-tín ! Thuở xưa có một Đức Vua danh - hiệu là BRAHMADATA thống-trị trong thủ-đô BĀRĀNASĪ. Ngài phong cho con ngài làm thứ-vương. Không bao lâu đức vua thấy thứ-vương có nhiều uy-thế, nên lo sợ thứ-vương đoạt ngôi-vàng. Ngài bèn đòi vào phán rằng : « Nầy con ! Con hãy ra khỏi thành tùy sở-thích, khi nào cha thắng-hà, rồi con sẽ trở về kế-vị ».

Hoàng-Tử vâng lời, lạy tạ lui ra khỏi đền, lần hồi đi đến sông YAMANĀ, tạo tịnh-thất gần mé sông rồi ngụ yên trong nơi ấy.

Thuở đó, có một long-nữ tên là MĀNAVĪKĀ chồng mới chết. Vị long-nữ này thấy các long-nữ khác giàu sang vui-thú với chồng, nên nàng buồn tủi về ái-tình ; nàng bèn ra khỏi long-cung, lên bờ-biển, thấy dấu chơn của Hoàng-tử. Giờ ấy Hoàng-tử đi hái trái trong rừng nên vắng mặt. Vào tịnh-thất thấy các vật-dụng của bậc xuất-gia, long-nữ bèn nghĩ rằng : Đây là tịnh-thất của người tu ở rừng. Vậy ta nên thử-thách đạo-sĩ này, xem có phải là bậc chơn-tu không, Nếu thật là chơn tu thì không nằm trên giường có các thứ hoa mà ta trang-hoàng đây. Bằng như không phải là bậc xuất-gia theo đức tin chơn chánh thì sẽ nằm trên giường có rải hoa. Long-nữ bèn trở về chỗ ngụ, lấy các thứ hoa đem trần-thiết phòng ngủ, có cả nước thơm, rồi nàng trở về cõi rỗng.

Khi Hoàng-tử trở về tịnh-thất, thấy phòng ngủ có rải hoa, và nước thơm thì khen rằng : Ai đến trang-hoàng phòng ngủ của ta như vậy, thật làm cho ta vừa lòng phi-dạ, rồi ngài nằm trên giường hoa ấy, ngủ cho đến rạng

đông. Sáng sớm ngài vào rừng hái trái độ nhật.

Giờ đó, nàng long-nữ MĀNAVĪKĀ trở lại thấy hoa héo, thì biết rằng không phải là bực chơn-tu. Nàng đem bỏ các hoa cũ, rồi hái hoa mới, xong nàng trở về chỗ ngụ.

Hoàng-tử về đến tịnh-thất cũng lên giường nằm có rải hoa thơm ấy và nghĩ rằng: Ai đến đây trần-thiết như vậy, có lẽ do nguyên-nhân gì đây, không sai.

Sáng ra, Hoàng-tử không vào rừng hái trái nữa. Ngài lánh mặt trong nơi gần đấy để rình xem, thấy nàng long-nữ đem hoa và nước thơm đến tịnh-thất. Hoàng-tử xem thấy dung-nhan xinh-đẹp của nàng MĀNAVĪKĀ liền sanh tâm bông bột, luyến ái nàng. Đạo-sĩ theo vào phòng-nội, trong khi nàng MĀNAVĪKĀ đang trang-hoàng chỗ nằm bằng các hoa thơm. Đạo sĩ bèn dùng lời thiện-cảm mà hỏi rằng :

— Nàng là ai, quý-danh là chi ?

— Bạch, tôi là Long-nữ MĀNAVĪKĀ.

— Này nàng ! Có chồng hay chưa ?

— Bạch, tôi là sương-phụ (1). Bạch quý-danh ngài là chi ? ở xứ mô. mà đến ngụ trong nơi đây như vậy ?

— Ta là Hoàng-tử của đức vua BĀRANASĪ, tên là BRAHMADATA KUMĀRA.

— Em bỏ long-cung đến đây, do nguyên-nhân nào ?

— Bạch, tôi thấy sự cao-sang vui-thú của các long-nữ có chồng, nên em tủi-phận buồn teo, trải đi kiếm

(1) Đàn-bà góa .

người quân-tử để nương bóng tùng-quân như vậy.

— Vậy em hãy lại đây, chúng ta chung sống cùng nhau, từ đây anh là chồng của em.

Nàng Long-nữ tuân theo lời của hoàng-tử, nàng liền biến-hóa dinh-thự có đủ vật-dụng nhu-cầu cao sang. Từ đây hoàng-tử không phải vào rừng hái trái, vì có đủ món cần-dùng.

Thời-gian qua, nàng long-nữ sanh được một trai đặt tên là SĀGARABRAHMADATA; trẻ này vừa biết ăn, biết nói; nàng lại sanh được một gái nữa tên là SAMUDDHAJĀ.

Một hôm, có người thợ săn đi đến nơi ấy, được biết rõ hoàng-tử, bèn quì tâu rằng : « Tôi sẽ trở về tâu cho Hoàng-gia biết chỗ ngụ của ngài » Rồi lạy tạ từ-giã Hoàng-tử trở về kinh-đô BĀRĀNASĪ. Trong khi đó, đức vua BĀRĀNASĪ vừa thắng-hà. Triều-dình đang làm lễ hỏa-táng, rồi cu - hội trước đền, bàn-luận cùng nhau rằng : Nay đức vua đã thắng-hà, vậy chúng ta tôn ai lên ngôi báu. Có hoàng-tử, song không rõ nay ngài ngự trong nơi nào. Như thế chúng ta phải làm thế nào ?

Khi đó người thợ săn vừa về đến kinh đô BĀRĀNASĪ, thấy có đông người hội-hợp trong nơi ấy và được nghe rõ duyên cớ, bèn báo cho các vị đại-thần hay rằng : « Tôi biết rõ chỗ ngụ của hoàng-tử, vì tôi đã có tới trong nơi đó ». Các quan nghe lấy làm vui mừng, liền ban thưởng trọng hậu cho thợ-săn, rồi dạy hãn hướng-dẫn quân binh vào rừng lạy thỉnh hoàng-tử, nghinh-giá hồi trào, vì đức vua đã thắng-hà rồi.

Được biết như thế, hoàng-tử vào gần nàng long-nữ tỏ lời thiện-cảm, hỏi rằng : Này em yêu-mến ! Nay phụ-vương của anh đã băng, nên các quan đến thỉnh anh về kinh-đô BĀRĀNASĪ để kế-vị. Vậy em nên theo cùng anh về hưởng quyền-cao chức-trọng, phú-quí vinh-hoa trong thủ-đô BĀRĀNASĪ. Anh sẽ tôn em làm hoàng-hậu, lớn hơn tất cả cung-phi.

— Thưa ngài, tôi không thể đi cùng ngài được. Tại sao ? Vì tôi là loài rồng, khi có điều chi không vừa lòng, thì khó nổi dần lòng nhẫn-nại được ; nếu đã phát sân thì tia nọc-độc đến các cung-phi, cùng chồng phải tử-mệnh. Vì vậy, tôi không thể đi cùng ngài được. Hoàng-tử vẫn nài-nỉ, mà nàng long-nữ cũng quyết chối-từ.

— Thưa, hai con đây là loài rồng, nếu ngài mến tôi, xin ngài chăm-nom hai trẻ cho cẩn-thận, bằng để cho hai trẻ bị gió, nắng lúc nào, thì chúng sẽ chết ngay. Ngài nên dạy người đào ao, chứa nước cho đầy, dành cho 2 trẻ xuống tắm chơi, thế chúng mới được an-vui. Thương-hại thay ! Cho nàng long-nữ MĀNAVĪKĀ, lạy hoàng-tử, ôm hai con hôn-hít nâng-niu và cho nằm ngủ trên mình, ôm-ấp tưng-tiu, trước cảnh biệt-ly tình mẫu-tử, nàng đầm đìa giọt lệ rồi biến mất.

Hoàng-tử rất thâm sâu, tha-thiết, giọt - lệ tuôn-rơi ngài lau mặt xong, ra tiếp chuyện với các quan.

Triều-thần đồng thỉnh ngài về kinh-đô BĀRĀNASĪ. Về đến hoàng-cung lên kế-vị ngôi vàng, ngài phong quan, tấn-tước cho quan-quân, chần-bần dân-chúng.

Ngài dạy quân đào ao chứa nước cho đầy, trồng các thứ hoa thơm, dành cho hai con đến tắm mát, được an-vui.

Ngày nọ, có con rùa to vào trong ao ấy, khi tìm đường ra không được, nên nổi lên mặt nước, làm cho hai trẻ hoảng sợ, chạy đến tâu cho phụ-vương rõ rằng trong ao có con quái vật, lộ trên mặt nước, khiến chúng con rung-sợ, xin phụ-vương dạy người bắt nó, đem đi lập tức cho được. Quan quân đồng nhau đến ao, bắt được con rùa to, đem nạp trước bệ rồng. Đức vua phát thịnh-nộ, nên dạy đem giết rùa ấy. Có vị đại-thần dạy quân nên đem liệng trong nước xoáy, cho nó chết. Rùa được liệng xuống nước, bèn lội đến cung-diện long-vương DASARATHA. Vì oán vua bảo giết, nên rùa tâu dối với long-vương rằng : “Đức vua muốn gả công-chúa cho long-vương”. Long-vương DASARATHA nghe qua rất hoan hỉ, liền đem binh rồng lên cõi người rước công-chúa. Khi đến nhân-gian, cho người vào báo tin. Đức vua BĀRĀNASĪ, vì lo sợ uy-lực, thần-thông biến-hóa của long-vương, tuy rằng không có hứa, nhưng đức vua buộc lòng chịu gả công-chúa cho long-vương.

Khi về ở cùng long-vương, dần-dần công-chúa sanh được 4 trai : Con trưởng tên SUDASANA, thứ hai tên SUBHOGA . . . , con thứ ba tên DATAKUMĀRA tức là đức Bồ-tát, có nhiều trí-tuệ nên được cha mẹ thương yêu hơn cả, người con thứ tư tên là ARITTHA . . .

Lúc nọ, long-vương lên châu đức Đế-thích. Đế-thích và chư-thiên có nhiều điều nan-giải, nhờ có đức Bồ-tát giảng-minh rõ - rệt nên Đế-thích hằng ngợi khen đức

trí-tuệ của Bồ-tát và tặng danh là BHŪRIDATA (vì có nhiều trí-tuệ).

Đức BHŪRIDATA (Bồ-tát) khi lên Đạo-lợi thiên-cung thấy sự sang cả vinh-hoa của đức Đế-thích thì mong được về cõi trời, nên nghĩ rằng: Ta là loài thú không tốt, khi trở về cõi rồng ta sẽ thọ Bát-quan-trai giới, để hưởng quả-báo trong ngày vị-lai.

Sau khi trở về long-cung, đức BHŪRIDATA (Bồ-tát) vào xin cha mẹ cho phép Ngài lên cõi người để giữ Bát-quan-trai-giới. Cha mẹ ngài hết sức khuyên-lơn, ngăn cản, song ngài vẫn quyết trốn lên trần-gian tu-hành như ý-muốn. Ngài chỉ cho long-nữ là vợ của ngài biết rằng: Anh đi hành bát-quan-trai tại cây da to, gần mé sông YAMANĀ.

Ngài giữ 10 điều học (thập giới) và phát nguyện rằng: «Kẻ nào mong được da, thịt, máu và xương trong thân-thể ta, thì tùy sở-thích. Ngài thọ-trì thập-giới tại cây da ấy rất lâu.

Thuở đó, có hai cha con thợ săn, cha tên là NESĀ-DABRĀNA con là SOMADATABRĀNA. Hai cha con thợ săn thường đi trong rừng, bắt thú để nuôi sống. Bữa nọ, tìm trọn ngày không được thịt thú. Người cha mới nói với con rằng: Này con SOMADATA! Nếu ta trở về nhà tay không như vậy, mẹ con bất bình, vậy ta cố tìm cho được thịt rồi sẽ về. Nói xong, hai cha con bèn đến cây da, nơi Bồ-Tát ngụ mà nghĩ đêm tại nơi ấy. Nửa đêm nghe có tiếng đồn ca xướng hát của các long-nữ đến chào Bồ-tát. Thợ săn lên xem, các long-nữ thấy

vậy nên biến-mất, chỉ còn đức Bồ-tát mà thôi. Người thợ-săn liền hỏi: Này anh! Anh tên chi, từ đâu mà đến đây để làm gì?

Bồ-tát nghĩ rằng: Nếu ta tự xưng ta là Để-thích cũng được, nhưng không nên, ngài bèn tỏ thật rằng: Ta là long-vương có nhiều uy-lực, cha ta là DASARATHA long-vương, mẹ ta là hoàng-hậu SAMUDDHAJĀ. Ta danh là BHŪRIDATA. Bồ-tát nghĩ, sợ thợ săn này trở về nói lại với thầy rắn đến phá hoại sự trì-giới của ta. Vậy ta mời y xuống cõi rồng, rồi cho báu vật đến y để ngừa tai-hại ấy. Ngài bèn nói rằng: Này người thợ săn! Người nên cùng ta đi đến cõi rồng, ta sẽ ban-thưởng nhiều báu vật đến người.

Bồ-tát dẫn hai cha con người thợ săn xuống long-cung, cho hưởng sự cao sang phú-quí, ban cho mỗi người có đủ vật-dụng dinh-thự, có 700 long-nữ hầu-hạ, nên cha con ở được an-vui nơi cõi rồng.

Về phần Bồ-tát, ngài không dễ-duôi, vẫn tinh-tấn thợ trì bát-quan-traí như thường. Nửa tháng ngài trở về long-cung một lần, để viếng cha mẹ và ngài không quên đến thăm-an hai cha con người thợ săn, rồi mới vào cung nội của ngài.

Nói về người thợ săn, vì ít phước, nên ở lâu sanh lòng phiền-não, nhớ đến vợ con trên nhân-gian, vì vậy mong mỗi trở về. Người cha khuyên con phải tâu xin với đức Bồ-Tát cho phép trở về nhà. Đức Bồ-Tát an-ủi bảo thế nào cũng chẳng nghe, nên ngài ban cho nhiều

báu vật, rồi sai 4 rổng thanh-niên hộ-tổng hai cha con thợ-săn về đến cõi người. Lên trần-gian, lần hỏi đi đến một ao nước, hai cha con để đồ trên bờ ao, rồi xuống tắm. Bởi ít phước nên những báu vật của đức Bồ-tát cho đó, đều tiêu mất. Khi tắm xong trở lên, hai cha con thấy của cải đã mất, rất mẫn tiếc. Lúc về đến nhà, vợ chồng, cha con xum-hợp mừng rỡ. Sau đó người mẹ hỏi con SOMADATA rằng : Này con SOMADATA ! Có sao cha con và con đi đến nơi nào mà nay mới trở về ?

— Thừa, cha và con gặp đức BHŪRIDATA là vị long-vương, đem về cõi rổng, ban cho đầy-đủ sự sang-cả, rồi khuyên-bảo ở lại hưởng hạnh-phúc nơi cõi ấy. Không bao lâu cha nhớ nhà, bảo con cùng trở về thăm mẹ và các em, nên nay mới được hội-ngộ như vậy. Từ đây, hai cha con thợ săn vẫn vào rừng săn thịt, để nuôi mạng như xưa.

NESĀDA KANDAM NITTHITAM — Dứt đoạn người thợ săn

TADĀ DAKKHINAMAHĀSAMUDDHAM EKO
GRUDDHO PAKKAVĀ MAHATE SAMUDDE
UDAKAM VINŌŪHITVĀ EKAM MĀGARĀJĀNAM
SĪSE GANHI TADĀHI SUPANINĀGĀNAM
NATUTTHAM GAHETUN AJĀNANTO EVAM
PACCHĀPANDA RAJĀTAKE JĀNINSU SO PĀNĀ
SĪSE GAHĒTVĀPI UDAKE AJOTTHARANTE

EVATAM UKKHIPITVĀ OLAMPANTAM ĀDĀYA
HIMAVĀNTAM MATTHAKE PĀYĀSI.

Thuở ấy, có một điều-vương (1) ở trên cây gòn gần phía đông bờ biển, có nhiều uy-lực thần-thông làm gió lớn, rẽ nước làm hai để bắt loài rồng đem về núi tuyết-sơn làm thực-phẩm.

Trong thời đó, có người thợ săn ngụ trong thành KĀSIKARĀJA từ bỏ gia-đình, xuất-gia tu đạo-sĩ trong nơi ấy. Có cây da gần tịnh-thất của vị đạo-sĩ, là nơi nghỉ trưa và cũng là chỗ đi kinh-hành của ngài.

Một ngày nọ, điều-vương bắt được rồng, bay đem đi ăn, ngang cây da, rồng dùng đuôi khoanh siết chặt cây da, mong thoát chết. Điều-vương không hay biết, dùng hết tốc-lực bay lên làm cho cây da phải tróc gốc, đem rồng đến cây gòn rồi mổ ăn. Cây da sa xuống biển nghe tiếng ầm, điều-vương xem biết là cây da, rồi nghĩ rằng cây-da này là nơi tu-hành của vị đạo-sĩ. Tự hỏi : như thế, ta có tội chăng ? Vậy ta đến hỏi ngài đạo-sĩ xem, rồi biến thành một thanh-niên đến tịnh-thất của đạo-sĩ. Thấy đạo-sĩ đang sửa sang chỗ cây-da tróc gốc cho bằng phẳng. Thanh-niên ấy giả như không hay biết chi cả, bèn bạch hỏi rằng :

— Do nguyên-nhân nào mà nơi đây có đất sụp như thế ?

-- Này cậu thanh-niên ! Có một điều-vương đi tìm

(1) — Cũng gọi là đại-bàn-diều — Loài điều, phi thường đầu và mình người nhưng cánh và móng như chim ưng.

thực-phẩm, bắt được long-vương, rồi đem đi. Long-vương dùng đuôi siết chặt cây da, điều-vương dùng sức mạnh bay, đem long-vương đi luôn cả cây da.

— Bạch, điều-vương vô-ý làm cây da tróc gốc vì long-vương siết chặt, vậy ai có tội ?

— Này thanh-niên ! Điều-vương vô-ý làm cho cây da tróc gốc, nên vô-tội.

— Bạch, vậy long-vương có tội chăng ?

— Này thanh-niên ! Long-vương cũng vô-tội, vì sợ chết mà siết chặt cây da.

Khi vị đạo-sĩ đáp câu hỏi như thế, điều-vương rất hài lòng, nên bạch rằng : Tôi đây là điều-vương cao-quí hơn tất cả loài điều, đến đây đề hỏi ngài cho rõ chánh tà. Tôi rất hoan-hỉ trong sạch với ngài. Tôi có chú-ngữ (1) gọi là ĀLAMĀYANA, xin dâng đến ngài, ngài học để dành.

— Đạo-sĩ đáp : Này thanh-niên ! hãy trở về đi, ta không mong được chú-ngữ đó đâu. Điều-vương khuyên-giải yêu cầu vị Đạo-sĩ học rồi trở về chỗ ngụ.

Về sau, có người thợ săn nghèo khó, không nơi nương tựa, nên tính vào rừng tự-tử. Đến tịnh-thất của vị đạo-sĩ, xin ở đậu với ngài và hết lòng phụng-sự đạo-sĩ. Vị đạo-sĩ nghĩ rằng : người thợ săn đây có nhiều công-ơn với ta, vậy ta nên đem chú-ngữ của điều-vương mà truyền lại cho người thợ săn này. Xét như thế, rồi vị

(1) lời bí-quyết

đạo-sĩ cho y biết ý-thức. Người thợ săn bạch, tôi không cần đến chú-ngũ đó đâu. Vị đạo-sĩ an-ủi nhiều lần, rồi dạy chú-ngũ ấy, Khi học xong, người thợ săn ở thêm vài ngày, rồi từ-giả đạo-sĩ ra đi khỏi nơi ấy. Vừa đi vừa đọc thầm chú-ngũ đó theo đường đến sông YAMANĀ.

Trong khi đó, có các long-nữ đều là vợ của Bồ-tát BHŪRĪDATA cầu ngọc mani cho thành-tựu theo sở-nguyện. Ra khỏi long-cung để ngọc mani trên bãi cát, gần mé sông YAMANĀ; các long-nữ đem nhau giỡn nước trợn đêm, có hào-quang của ngọc mani chói sáng. Đến rạng đông, mặt trời vừa mọc, các nàng trang-điểm y-phục rồi ngồi chung quanh ngọc mani. Thành linh các nàng nghe tiếng người thợ săn đọc chú-ngũ, tưởng là điều-vương, hoảng-hốt sợ chết, trốn về long-cung, bỏ ngọc mani trên bãi cát.

Nói về người thợ săn ĀLAMBĀYANA đi đến thấy ngọc mani sáng ngời, cả mừng, liền lượm đem đi, gặp hai cha con người thợ săn SOMADATA. Hai cha con người thợ săn này biết là ngọc mani của BHŪRĪDATA Bồ-tát đã cho mình khi trước, nên tỏ lời thiện-cảm với ĀLAMBĀYANA rồi nói rằng: Này ĀLAMBĀYANA! Ngọc Mani rất quý, đem đến nhiều hạnh-phúc, cho thành-tựu mọi điều mong-muốn, anh được ngọc mani đó từ đâu?

— Này anh! Tôi được ngọc mani này trên bãi biển hồi sáng sớm này.

— Này ĀLAMBĀYANA! Ngọc mani này nếu người biết gìn-giữ chân-chánh thì nó sẽ đem đến nhiều kết-

quả tốt đẹp, nếu không biết chăm-nom cẩn thận ắt có tai-hại chẳng sai.

— Anh là kẻ bất hạnh, không nên giữ ngọc mani ấy, hãy cho tôi đi, tôi sẽ trả vàng bạc đến anh.

— Này anh thợ săn ! Ngọc mani của tôi rất quý, tôi không tin lời anh, tôi không bán, cũng không đổi với bất cứ vật gì.

— Này ĀLAMBĀYANA, anh không tin, không bán, vậy anh muốn cái chi ?

— Nếu anh biết chỗ ngụ của long-vương có nhiều uy-lực, cho tôi rõ giờ nào, tôi sẽ cho ngọc này đến anh, trong giờ ấy.

— Vậy anh có phải là điều-vương biến-hóa ra để tìm thực-phẩm chẳng ?

— Không, tôi là người thuần-thục trong nghề bắt rắn, tôi có tên rõ rệt là ĀLAMBĀYANA, nếu anh biết long-vương trong nơi nào. hãy chỉ ngay đi.

— Này ĀLAMBĀYANA, uy-lực của anh thế nào mà dám bắt long-vương ?

— Này anh thợ săn ! Điều-vương có dạy chú-ngũ đến đạo-sĩ đang tu-hành trong núi, tôi vào ngụ nơi đấy và hết lòng phụng sự ngài cả ngày lẫn đêm, nên ngài từ-bi thương-xót rồi truyền lại chú-ngũ ấy đến tôi. Chú-ngũ rất linh-ứng, (1) vì thế mà họ gọi tôi là ĀLAMBĀYANA. Tôi là thầy cả của thầy giết rắn đây.

(1) dễ ứng, dễ cầu được những điều mình mong muốn.

— Người thợ săn nghe qua liền bàn với con rằng :
« Này con SOMADATA ! Ta chỉ BHŪRIDATA cho
ĀLAMBĀYANA đi, hay thế nào ?

— Thưa, đức BHŪRIDATA có đại-ân với ta, ngài
cho cha hưởng cuộc giàu sang vinh-hiến, lẽ đâu cha lại lấy
ơn đáp oán cho đành. Cha không nên làm điều tội-lỗi
như thế. Cha mong được của-cải, hãy đến ngài mà xin
đi ; muốn bao nhiêu sẽ được như nguyện, nếu chỉ cho biết
ngài BHŪRIDATA thật là không nên. Cha chớ nên
phản bạn, tội này thật là xấu-xa đê hèn lắm, sẽ chịu
hình phạt nặng-nề trong địa-ngục.

— Này con SOMADATA ! Con còn nhỏ mà biết gì,
những thợ săn xưa kia tạo biết bao nghiệp ác mà họ đâu
có bị quả khổ chi, xuống tắm trong sông hằng (1) thì hết
tội. Nói xong, người thợ săn bèn dẫn ĀLAMBĀYANA
đến BHŪRIDATA Bồ-tát, trong khi ngài đang thọ bát-
quan-trai-giới trong nơi đó.

— Nói về người con SOMADATA là kẻ biết ơn,
khi đã dùng hết lời để ngăn cản, cha không nghe, nên
chỉ-trích nhiều điều rồi tuyên-bố cho chư-thiên nghe rằng :
« Thưa chư-thiên, xin các ngài chứng-minh, tôi không đi
chung cùng người có tội như thế ». SOMADATA tuyên-
bố rồi lánh khỏi cha, xuất-gia làm đạo-sĩ, hành-thiền đặc
phạm-định và thần-thông, sau khi mạng-chung được sanh
lên cõi Phạm-thiên.

— Người thợ săn gọi ĀLAMBĀYANA rằng : « Anh

(1) tiếng Phạn là GANGĀ bên Ấn-Độ.

dừng lo buồn, hãy theo tôi, sẽ được gặp long-vương, rồi dẫn ĀLAMBĀYANA đến chỗ BHŪRIDATA (Bồ-Tát) trì-giới, chỉ cho ĀLAMBĀYANA, anh hãy bắt Long-vương và cho ngọc mani đến tôi đi.

— ĀLAMBĀYANA thấy Bồ - tát thì hoan-hỉ vui-thích, bèn liệng ngọc mani trên bàn tay người thợ săn, ngọc mani rớt xuống đất biển luôn, về long-cung. Anh thợ săn bị tiêu-tan 3 điều lợi-ích là :

1/ — Không được ngọc mani.

2/ — Người con bỏ lánh đi mất.

3/ — Lìa xa bạn lành là đức Bồ-tát. vì hăn là kẻ bạc ơn.

Bồ-Tát liếc xem, thấy người thợ săn dẫn ĀLAMBĀYANA đến, ngài bèn nghĩ rằng : Người thợ săn này nhờ ta đem xuống long-cung cho hưởng mọi điều hạnh-phúc, khi về ta cho nhiều báu-vật cũng lấy không được, nay lại dẫn thầy rắn đến hại ta. Nếu ta bất-bình làm hại hăn rất dễ, nhưng không nên, vì ta là người thợ - trì giới. Và lại, ta đã phát-nguyện rằng : Kẻ nào mong được da, thịt, máu và xương của ta, thì hãy dùng tùy theo sở-thích ». Nay ĀLAMBĀYANA muốn làm sao thì tùy-ý, ta không khi nào sân-hận bất-bình. Ngài tưởng đến lời nguyện như vậy, rồi nhắm mắt nằm im, không động-đậy.

ĀLAMBĀYANA dùng thuốc nhai phun cùng mình tay chơn, đọc chú-ngữ xong mới vào gần Bồ-tát, nắm đuôi kéo ra khỏi gò mối, Nắm cứng đầu Bồ-tát rồi gờ miệng ra, nhổ thuốc vào miệng Bồ-tát, thật đáng thương xót,

xong nằm đuôi đưa lên, đầu trở xuống cho mưa thực-phẩm ra, để nằm dài trên đất, dần «Bồ-tát» tới, dần lui như thuộc da, máu chảy ra theo miệng và mũi, thật là vô-cùng khổ-não. Đoạn hẩn liệng trên đất làm khổ trăm bề như thế, mà Bồ - tát vẫn nhẫn-nại không oán-giận. Ngài không liếc xem chi cả, chỉ chăm-chú trì bát-quan-trai giới cho trong-sạch.

ĀLAMBĀYANA làm Bồ-tát yếu-sức, mới bức giầy làm giỏ nhốt Bồ-tát, ĀLAMBĀYANA dùng chân đạp Bồ-tát vào, thật là đau đớn vô cùng, rồi quảy vào xóm và báo tin cho dân-chúng biết đến xem rống múa nhảy.

Khi có người tỵ hội đông đủ. ĀLAMBĀYANA mở giỏ kêu Bồ-tát ra dạy làm thân hình to lớn, xong bảo làm nhỏ lại, làm cho cao, cho thấp, làm mình cho đỏ, trắng, vàng, xanh, làm cho mất nửa mình, phun độc ra như tia nước, lửa, khói v. v. . . ĀLAMBĀYANA dạy thế nào Bồ-tát cũng làm theo cả.

— Dân-chúng xem rồi, ai ai cũng thương-hại Bồ-tát, không ngăn giọt-lệ được. Ngày ấy ĀLAMBĀYANA thu góp tiền của dân chúng đến xem được 1000 lượng. Trước kia hẩn nói khi được 1000 lượng thì hẩn thả Bồ-tát, nay được 1000 lượng, hẩn càng mong được nhiều nữa. ĀLAMBĀYANA đem Bồ-tát cho dân chúng xem từ làng này sang quận nọ, lần-lượt đến kinh-đô BĀRĀNASĪ. ĀLAMBĀYANA đem cơm tấm mật cho Bồ-tát dùng, nhưng ngài không dùng. ĀLAMBĀYANA vào chầu xin đức vua BĀRĀNASĪ cho phép đem Bồ-tát vào múa trong

đền. Đức vua cho bá-cáo đến dân-chúng hay, để vào xem rông của ĀLAMBĀYANA múa trong ngày Bát-quan-trai-giới.

Nói về khi ĀLAMBĀYANA bắt đức Bồ-tát, ngày đó mẹ của ngài là hoàng-hậu SAMUDDHAJĀ, nằm mộng thấy người đen, mắt đỏ, cường-tráng, cầm dao lại chặt lấy tay mặt của bà đem đi, máu chảy rông rông. Giật mình thức dậy, bà rất lo sợ có tai-hại đến chồng con, nhất là nhớ tưởng đến Bồ-tát, vì Bồ-tát lên nhân-gian để thọ Bát-quan-trai giới, có lẽ con bà bị thầy rắn bắt rồi chăng ? Càng nhớ đến Bồ-tát bao nhiêu, thì bà càng đau-đớn bấy nhiêu. Đến nửa tháng mà không thấy Bồ-tát về, mẹ ngài thêm buồn-thảm, khóc-than không dứt, bỏ ăn quên ngủ.

Nói về 3 con của bà là : SUDASANA, ARITTHA và SUBHOGA đến thăm mẹ, thấy mẹ rầu buồn khổ-não, khóc than, nằm im trên long-sàng không thốt lời chỉ mừng-rỡ như mọi khi, nên lấy làm lạ liền quì tâu hỏi cho biết duyên cớ. Bà liền cho 3 con biết về điềm mộng mà bà đã thấy và đã quá kỳ rồi, nhưng không thấy con BHŪRIDATA về thăm như mọi khi. Bà cho 3 con hay rằng : « Nếu mẹ không gặp con BHŪRIDATA thì khó sống được ». Nghe lời mẹ than-van buồn lòng xót-dạ, mong tìm cho ra tin tức của Bồ-tát, bèn quì tâu với mẹ rằng : « Xin mẹ giảm cơn phiền-não, để 3 con hết lòng trải đi dò tin-tức của BHŪRIDATA ».

— Người anh cả là SUDASANA nghĩ rằng : Sự

đi tìm BHŪRĪDATA đây không nên đi chung một đường, vậy ta phải chia ra : một người đi lên cung trời, một người lên núi tuyết-sơn, một người đi tìm trong cõi người. Cần phải đi tìm trong ba cõi như thế mới tiện. Và lại, em KĀNĀRITTA hung-dữ lắm, nếu để đi lên nhân-gian gặp em BHŪRĪDATA trong châu-quận nào, thì em đốt-phá châu-quận đó tiêu tan ra tro-bụi. SUDASANA là anh cả xét thấy như thế, mới nói với em KĀNĀRITTHA rằng : « Này em ARITTHA ! Hôm nay định đi tìm em BHŪRĪDATA, nếu chúng ta đi cùng nhau một đường thì không nên, em lánh phận-sự lên thượng-giới, vì chư-thiên hằng mong thỉnh pháp. Có lẽ chư-thiên xuống thỉnh em BHŪRĪDATA lên thiên-cung chẳng ? Nếu gặp em BHŪRĪDATA em nên mau mời về Tuân theo lệnh anh KĀRĀRITTHA kiêu từ ra đi SUDASANA gọi em SUBHOGĀ đến dạy rằng : « Em lánh mệnh đi đến tuyết-sơn, phải tìm cho khắp núi sông, rồi sẽ trở về cho mẹ biết. Về phần SUDASANA là anh cả lánh trọng trách lên nhân-gian, nhưng nghĩ rằng : Nếu ta hóa ra một thanh-niên đi tìm thì không hay bằng tướng mạo của người xuất-gia. Bậc xuất-gia là hạng đáng cho phần đông kính mến. Vậy ta nên đi dưới hình-thức của vị đạo-sĩ, trong thời-gian này. Nghĩ rồi bèn biến làm vị đạo-sĩ, qui lạy giả-từ mẹ, mong lên cõi người như thế.

Ngày ấy, có một long-nữ tên ACCAMUJĪ là em gái của đức Bồ-tát. Nàng ACCAMUJĪ đây rất thương mến đức Bồ-tát, thấy SUDASANA biến làm đạo-sĩ, định lên trần-gian kiếm BHŪRĪDATA (Bồ-tát) nên thưa rằng :

Thưa anh, tôi rất khổ tâm vì quá nhớ tưởng đến anh BHŪRIDATA, xin cho tôi đi tìm anh BHŪRIDATA cùng với vương-huynh, xin vương-huynh tội-nghiệp, từ-bi cho em đi với.

— Này em ! Em cùng đi không tiện đâu, vì anh đi bằng tướng người đạo-sĩ, em là phụ-nữ không tinh-khiết cho bậc xuất-gia, không nên đi cùng nhau đâu.

— Xin anh đừng lo ngại, tôi không đi bằng tướng người, tôi biến thành con nhái thật nhỏ và xanh, rồi ẩn trên búi tóc của anh.

— Ờ ! Như thế thì được.

— Nàng ACCAMUJĪ biến thành làm con nhái xanh núp trong búi tóc của người anh là SUDASANA.

— Nói về SUDASANA mong trai đi tìm từ nơi đức Bồ-tát thọ Bát-quan-trai giới, theo lời chỉ của các long-nữ vợ của Bồ-tát.

SUDASANA đến nơi đó, đập nhằm những cục máu của em trai văng ra, và thấy chỗ mà ĀLAMBĀYANĀ dùng giầy làm giỏ còn bỏ rác tại đó, nên biết rằng BHŪRIDATA đã bị thầy rắn bắt đem đi, rồi than rằng : Ôi ! thầy rắn quá độc-ác, đến làm tội em ta cho đến chảy máu còn thấy như vậy. Ôi ! không rõ em ta nay ra sao ? thầy rắn đem em ta đến nơi nào ? Đạo-sĩ càng nghĩ đến, càng đau-đớn xót-xa. Em BHŪRIDATA ôi ! Em chưa từng chịu đau-khổ, chỉ quen hưởng sự cao sang hạnh-phúc, nay em phải chịu khổ hình, nằm trong giỏ giầy hẹp trăm phần khổ-não. SUDASANA khóc than kể lể thật là thảm-

thiết, rồi noi theo dấu chơn đi của ĀLAMBĀYANA cho đến nơi ĀLAMBĀYANA cho Bồ-tát múa, nhảy đầu tiên. SUDASANA hỏi thăm người có thấy thầy rắn đem rồng đến nhảy múa trong nơi nào chăng ?

— Bạch đạo-sĩ ! Có người thầy rắn đem rồng đến đây cho phần đông xem cách nay đã nửa tháng rồi.

— Này các ông ! Thấy họ xem rồi có cho tiền thầy rắn không ?

— Bạch, thầy rắn góp được 1000 lượng.

— Thưa quý ông, nay thầy rắn đem rồng đến đâu ?

Nhờ người chỉ dùm, nên đạo-sĩ lần-hỏi đến đến vua BĀRĀNASĪ.

Khi SUDASANA vừa đến cửa thành cũng vừa gặp ĀLAMBĀYANA dạy người quảy giỏ đựng Bồ-tát đồng đi vào thành. Khi vào thành nội, đến giờ diễn-kịch, đức vua còn ngự trong cung-nội, dạy các quan ra cho phép diễn, cho dân-chúng xem trước.

— Về ĀLAMBĀYANA dạy người để giỏ đựng đức Bồ-tát xuống, rồi ra dấu hiệu rằng : Này long-vương ! Người hãy ra khỏi giỏ đi !

— Lúc ấy SUDASANA nghe rõ lệnh truyền của ĀLAMBĀYANA. Đức Bồ-Tát bèn nghiêng đầu ra khỏi giỏ liếc xem dân-chúng trước khi diễn-kịch, đây là thói quen của loại rồng, do hai nguyên-nhân là :

1/ — Tìm xem điều-vương.

2/-- Tìm xem thân-thuộc.

Các loài rồng nếu thấy điều-vương thì không dám diễn-kịch, vì sợ hại đến sanh mạng. Nếu gặp quuyến-thuộc, rồng cũng không diễn-kịch, vì hổ-thẹn với thân-tộc.

— Khi BHŪRĪDATA (Bồ-tát) liếc xem công-chúng như thế, bèn thấy anh mình là SUDASANA biến hình làm đạo-sĩ, đứng ở nơi cuối cùng công-chúng. Đức Bồ-tát không thể dẫn lòng, hai hàng lệ tuôn rơi, ngài ra khỏi giỏ rồi trườn mình đi đến trước mặt SUDASANA là anh ngài, trong lúc ấy.

— Quần-chúng thấy đức Bồ-tát trườn đến, mọi người hoảng-hốt, chạy tránh xa chẳng ai dám đứng trong nơi ấy, chỉ còn SUDASANA (đạo-sĩ). Đức Bồ-tát bò đến nghiêng đầu xuống nơi chân anh và rơi lệ. Trước cảnh tan-thương ấy, đạo-sĩ SUDASANA cảm lòng không dậu, cũng ứa lệ dầm-dề, rồi đức Bồ-tát trườn trở lại vào giỏ như trước.

ĀLAM BĀYANA tưởng rằng rồng của mình đã mổ đạo-sĩ, nên vội-vả đến an-ủi đạo-sĩ và bạch rằng : « Bạch, rồng có cắn mổ ngài chẳng ? Xin ngài cho biết để tôi cho thuốc. Tôi là thầy rắn đại tài, xin ngài đừng lo ngại chi. Sự cứu chữa cho ngài là bổn-phận của tôi ».

— SUDASANA đáp : Này ĀLAM BĀYANA rồng này không thể cắn mổ làm cho ta phải đau-khổ đâu. Dẫu có cắn mổ cũng chẳng làm hại được ta, ta đây cũng là thầy rắn hay vậy. Chẳng có thầy rắn nào sánh bằng ta đâu.

— Khi SUDASANA thốt lời như thế, ĀLAMBĀYANA không rõ đạo-sĩ là long-vương, cho là người tầm thường, nên anh rất bất-bình, rồi tuyên-bố với quần-chúng như vậy : Xin công-chúng đừng khiển-trách tôi, vì tại đạo-sĩ gây chuyện trước.

Khi được nghe như thế, SUDASANA đáp : « Này ĀLAMBĀYANA ! Anh đừng làm phiền công-chúng nếu anh nói mình là cao-cường hãy cùng ta so-tài cho quần-chúng thấy rõ. Anh dùng rồng, tôi dùng con nhái con, để đấu nhau cho rõ tài cao thấp, với số bạc là 5.000 lượng. Kẻ nào thua phải chịu tổn 5.000 lượng ».

Tôi giàu có không thiếu, lo cho Ông không tiền.

— Này đạo-sĩ ! Ông là kẻ nghèo chỉ khoe khoan bằng lỗ miệng dám đánh cuộc (1) đến 5000 lượng. Vậy ai là người hộ ông, ông là hàng xuất-gia tiền bạc đâu ? Ông hãy đem đến trước đi.

— Này ĀLAMBĀYANA, ta có 5000 lượng thật, nói xong, SUDASANA vào đền nội của vua đến trước bệ rồng, tâu rằng : « Tâu hoàng-thượng, người là bậc cao quý, có đủ cả sự giàu-sang, danh-vang bốn bề, cầu hoàng-thượng nghe lời tôi tâu : Xin hoàng-thượng tế-độ cho tôi 5000 lượng, bây giờ đây.

— Đức vua nghe qua lấy làm ngạc-nhiên rằng : Tại sao đạo-sĩ này đến xin tiền ta như vậy ? Ngài nghĩ xong bèn phán hỏi : « Bạch ngài đến xin tiền ta nhiều như

(1) cá, thách-đố ăn-thua

vậy, có lẽ ngài là thân-tộc hay là bạn-thiết của trăm chẳng? Trăm đã có hứa trước nên mới đến xin trăm như vậy, hoặc ngài dối gạt trăm chẳng? Nên ngài nói tự mình đến đây như thế.

— Tâu, nay ĀLAMBĀYANA đánh cuộc với tôi 5000 lượng, với một vấn-đề trắc-ẩn. Có đó nên tôi mới đến đây xin 5000 lượng và xin thỉnh hoàng-thượng ra chứng-minh một chút.

— Vậy kính-thỉnh Hoàng-thượng cùng tôi ra đến đó; đức vua cùng đạo-sĩ ra đến nơi diễn-kịch.

— Phần ĀLAMBĀYANA thấy bèn nghĩ rằng: Có lẽ đạo-sĩ này có đức vua hộ-độ, mới thỉnh được vua ra đây. Xét như thế nên có ý lo sợ đạo-sĩ.

— ĀLAMBĀYANA bạch, tôi không dám khinh-rẻ ngài đâu, tôi vừa nói lúc nãy là vì thấy ngài không kiên-nễ, không cúng-dường rồng có nọc độc. Tôi đâu có khinh ngài hiểu biết thấp hèn.

— Này ĀLAMBĀYANA! bởi người đem rồng không có nọc độc mà cho rằng có nọc độc, nên ta cho công-chúng rõ biết vậy thôi.

— Nghe lời khinh-bĩ của đạo-sĩ, ĀLAMBĀYANA càng thêm sân, nên đáp rằng: Này ông đạo-sĩ mặc y vàng da cạp, đốt-nát si-mê, ông đến đây dám nói giữa đám đông rằng rồng không có nọc độc, như vậy có nên chẳng? Ồ! Nếu nói rồng không nọc độc thử vào gần một tý, nếu không ra tro bụi thì bắt lấy đi.

— Này ĀLAMBĀYANA! Nọc rắn mán-sà, rắn nước,

rắn lục còn hơn rỗng của người nữa. Rỗng dỏ này không có nọc độc, người lừa phỉnh người đó, chớ dối ta không được.

— Này đạo-sĩ ! như tôi đã có nghe rằng : người có đức-tin là thí-chủ, nên hộ-độ bậc có giới như ALAHAN, có thiên-định cao-quí, sau khi mạng chung sẽ được thọ sanh lên cõi trời. Nay nếu ai là đàn-na có vật chi, hãy bố-thí mau đi, đề rồi đạo-sĩ này đền tội với rỗng. Rỗng này có nhiều nọc độc khó biết được, ta cho nó mổ ông bây giờ đây, sẽ thành ra tro bụi mà xem.

— Này ĀLAMBĀYANA ! nếu người có của nên làm phước cho mau đi, rồi ta cho nhái con tên là ACCAMUJĪ xịt nọc độc cho người thành tro-bụi lập-tức bây giờ SUDASANA liền đưa tay ra gọi em gái giữa quần-chúng rằng : « Này em ACCAMUJĪ ! Em hãy ra khỏi đầu tóc và đến bàn tay của anh ngay bây giờ ».

Nàng ACCAMUJĪ ! nghe anh gọi, bèn thực-hành y theo lời dạy. SUDASANA hét lên 3 tiếng « biên-thùy tiêu tan » tiếng hét của SUDASANA nghe vang cả thành BĀRĀNASĪ rộng 12 do-tuần.

Khi SUDASANA hét lên rằng : « biên-thùy sẽ tiêu-tan » lúc ấy đức vua SAGARABRAHMADATA phán hỏi : bạch đạo-sĩ, tại sao biên-thùy sẽ tiêu-tan ?

— Tâu, tôi không thấy nơi nào để xịt nọc độc, nên phải xịt trong biên-thùy, biên-thùy sẽ thành ra tro-bụi.

— Vậy đồ xuống đất có được chăng ?

— Tâu, nếu xịch trong đất, sẽ sanh lên nọc mới, rồi làm hại nữa.

— Vậy liệng trong nước đi.

— Như thế làm hạn-hán 7 năm, cũng không nên.

— Than ôi ! tôi chẳng biết làm sao, tùy ý ngài định, mà làm thế nào cho xóm, làng, châu, quận, thành thị đừng hư-hao.

— Tâu xin hoàng-thượng cho người đào 3 cái hầm. Đức vua lập tức dạy dân chúng đào 3 cái hầm, tại nơi ấy.

— SUDASANA dạy lấy củi chất đầy hầm thứ nhất, rồi đem nọc độc đổ vào cho đầy, liền dẫn lửa phát cháy hầm thứ nhất, kể đến hầm thứ nhì, thứ ba cũng như thế cho đến khi cháy hết nọc độc.

Nói về ĀLAMBĀYANA bởi nghiệp ác đã tạo, nên khiến y đứng gần miệng hầm, khi lửa trong hầm phát cháy, thiêu cả thân-thể ĀLAMBĀYANA tiêu tan ra tro. Trong lúc đó, chỉ được nghe tiếng ĀLAMBĀYANA la lên rằng : «Ta thả rông này».

— Đức Bồ-tát được nghe tiếng la của ĀLAMBĀYANA như vậy, liền bò ra khỏi giỏ, rồi hóa ra hình người xinh đẹp, có đủ cả phục-sức, đến đứng trước mặt đức vua BĀRĀNASĪ là bác của ngài, giống như vị trời Đế-thích. SUDĀSANA và nàng ACCAMUJĪ cũng trang-diễm như đức Bồ-tát vậy.

— SUDASANA bèn tâu hỏi đức vua rằng : Tâu hoàng-thượng, ngài có biết chúng tôi đây là ai chăng ?

— Trẫm nào có rõ.

— Tâu, lệnh hoàng - thượng không biết chúng tôi, vậy hoàng-thượng có biết SAMUDDHAJĀ mà đức vua BĀRĀNASĪ đã gả cho đức Long-Vương DASARATTHA chăng ?

— Ờ, trẫm biết nàng SAMUDDHAJĀ, tức là em của trẫm.

— Tâu, chúng tôi đây không ai đâu xa lạ, tức là con của bà SAMUDDHAJĀ là em gái của lệnh hoàng-thượng, ngài là bác của chúng tôi.

— Được nghe như thế, đức vua rất mừng, bèn đến ôm các cháu, . . . , rồi đồng nhau vào cung - nội, cúng-dường rất trọng-thề. Đức vua tỏ lời thiện - cảm hỏi BHŪRIDATA (Bồ-tát) rằng : « Cháu ôi ! trong tất cả các cháu đây, cháu có nhiều uy-lực thần-thông, vì sao mà ĀLAMBĀYANA bắt cháu được ?

— Tâu, vì cháu đang thọ . trì bát-quan-trai giới và phát-nguyện thí máu, thịt, xương, da cho đức vua nghe đầy đủ, xong đức Bồ-tát thuyết 10 vương-pháp (1) đến đức vua Bác và khuyên ngài gìn-giữ 10 pháp ấy.

SUDASANA tâu : Chúng tôi ở đây lâu không tiện,

(1) Pháp dành riêng cho vua

vì mẹ chúng tôi rất buồn rầu thương nhớ em BHŪRI-DATA.

— Trăm đây hằng nhớ tưởng em trăm, là mẹ các cháu. Làm thế nào cho trăm được gặp em trăm ?

— Tâu, Ông ngoại của các cháu hiện nay ngụ trong nơi nào ?

— Cháu ôi ! Từ ngày mẹ cháu về long-cung, thì ông ngoại các cháu rất thương nhớ, rồi từ bỏ ngôi vàng vào tu trong núi.

— Tâu, mẹ chúng cháu thường nhớ tưởng, mong được gặp bác và ông ngoại. Nay bác mong gặp mẹ cháu, xin bác đi tìm ông ngoại thỉnh về, rồi chúng cháu sẽ mời mẹ chúng cháu đến gặp bác và ông ngoại. Sau khi quyết-định ngày hội-họp, SUDASANA, BHŪRIDATA và long-nữ ACCAMUJĪ lay từ-giả vua bác trở về long-cung.

Khi đức Bồ-tát về đến long-cung, tất cả triều thần đều nghe tiếng hoan-hô chào mừng Bồ-tát. Cha mẹ Bồ-tát ra mừng, Bồ-tát làm lễ mừng cha mẹ, xong rồi trở về cung-diện của ngài. Bồ-tát an-nghĩ để dưỡng sức, vì đã chịu nhiều bề đau khổ trong tháng qua. Những thân-tộc của Bồ tát đến viếng, lần-lượt kể tới người lui, nhiều không kể xiết.

— Nói về KĀNĀRITTHA lên thiên-cung, tìm không gặp đức Bồ - tát nên trở về nước, những hoàng - thân thấy KĀNĀRITTHA có tính cộc-cằn, có thể ngăn-cản thân tộc được, nên khuyên giữ ngọ môn cho Bồ-tát an nghỉ.

Còn SUBHOGA khi lãnh trách-nhiệm đi tìm Bồ-tát khắp núi tuyết-sơn mà không gặp, bèn xuống kiếm trong biển cho đến sông YAMANĀ.

— Nói về người thợ săn là cha của SOMADA khi thấy ĀLAMBĀYANA bị hình phạt như thế, nên nghĩ rằng: vì ta mong được ngọc mani nên chỉ đường cho ĀLAMBĀYANA đến làm khổ đức BHŪRIDATA. Vậy ta phải rửa tội, dùng cho tội dính theo mình, rồi đến sông YAMANĀ, xuống tắm, khăn cầu cho hết tội lấy ơn làm oán, ấy là người bạc ơn quên nghĩa với đức BHŪRIDATA.

Khi SUBHOGO đến nơi đó, vừa được nghe lời khản-vái của người thợ săn, nghĩ rằng: thợ săn này là kẻ bạc ơn, anh ta đem hăn về long-cung cho hưởng đều-đủ sự sang cả an vui, nay hăn lại chỉ đường cho ĀLAMBĀYANA đến bắt làm khổ anh của ta, ta để hăn sống thế nào được... Nghĩ rồi phát sân, bèn dùng đuôi vắn chân người thợ săn lội ra vực sâu nhận cho hăn ngộp thở một chút rồi cho nổi lên, làm khổ hăn nhiều lần như vậy. Khi thợ săn cất đầu lên khỏi nước bèn hỏi: Ai nhận nước ta đây, ta đang rửa tội, sao lại nỡ làm khổ ta như vậy?

— Này thợ săn! Ta là em của đức BHŪRIDATA, con của đức vua DASARATHA đã đến vây thành BĀRĀNASĪ lúc trước đó, người không biết sao? Ta là loài rồng tên SUBHOGA.

— Thợ săn nghe rồi khủng-khiếp. Ôi phen này mạng ta khó sống. Vậy ta nên tỏ lời ca tụng danh-đức của

SUBHOGA và cha mẹ y, mong cầu SUBHOGA thương xót tha thứ cho. Nghĩ xong bèn thưa rằng : Thưa ngài, ngài là hoàng-tử của đức vua DASARATHA là vị hoàng-đế duy-nhất, có nhiều đức-hạnh không ai sánh bằng. Hoàng-phụ của ngài là đại-hoàng-đế cả 2 cõi, ; nơi long-cung và trên trần-gian, mẫu-hậu của ngài cũng thế, không ai sánh kịp. Trong đời này, ngài là bậc cao-sang quân-tử lẽ đâu lại đến nhận nước thợ săn như tôi thế này, xin ngài rộng-lượng từ-bi tha tôi khỏi chết.

— Này thợ săn ác-đức ! Người dùng nhiều lời vô-ích ta không tha người đâu. Khi người còn đi săn, sát-hại thú rừng, thú chạy trốn, cha con người đuổi theo cố tìm giết cho được. Anh ta đem người xuống long-cung, cho người hưởng đầy đủ sự giàu-sang phú-túc, kẻ tùy-tùng hầu hạ, người lại đem ân báo oán, chỉ đường cho ĀLAMBĀYANA bắt hành-hạ anh ta. Nay ta không để người sống đâu, ta nghĩ đến tội của người đã làm chừng nào, khiến ta càng thêm phiền-não, ta sẽ chặt đầu người ngay bây giờ đây.

Nghe những lời của SUBHOGA nói, anh thợ săn càng hoảng-hốt, mới dùng mưu-chước tỏ rằng : Bà-la-môn có đủ 3 chi :

- 1/— Hiểu tam phệ - đà
- 2/— Biết trong sự xin ăn,
- 3/— Cúng-dường lửa.

— Balamôn nào thông rõ kinh tam-phệ-đà như vậy,

người không nên giết-hại. Kẻ nào làm khổ Bà-la-môn có đủ 3 chi ấy, phải chịu đọa trong địa-ngục, bị hành-phạt lâu đời.

SUBHOCA nghe thợ săn nói như vậy, liền nghĩ rằng: Có lẽ như thế chăng? Vậy ta bắt thợ săn này đem về hỏi anh ta xem, nếu thật, ta sẽ tha hăn, bằng không ta sẽ xử tội hăn, Nghĩ xong, SUBHOCA dẫn thợ săn về long-cung. Trước khi vào đền, liền gặp em KĀNĀRITTHA lãnh phần gác cửa cho anh BHŪRIDATA.

ATHANAM DOVĀRIKO HUTVĀ KĀNĀRITTHO - Nói về KĀRĀRITTHA tại ngo môn quan, thấy anh là SUBHOCA làm khổ Balamôn nên nói rằng: Balamôn là con Đại-Phạm-Thiên-Vương, nếu ngài biết chúng ta hại con ngài, ngài sẽ làm cho chúng ta tiêu-tan chẳng sai đâu. Này anh SUBHOCA! Balamôn là hạng người cao-quí nhất, có nhiều uy-lực (vì các tiền kiếp ARITTHA đã sanh là Balamôn cúng-dường lửa, nay sanh lên là KĀNĀRITTHA mới tôn-kính cúng-dường Balamôn như vậy).

ARITTHA gọi anh là SUBHOCA và các loại rừng hội họp lại rồi thuyết-pháp về đạo-đức cúng-dường lửa của Balamôn rằng: Này anh SUBHOCA! Sự thông-hiểu kinh tam-phệ-đà và cúng-dường lửa không phải là thấp hèn đâu, dầu cho Balamôn nào hèn-hạ, nếu đã được học kinh phệ-đà và cúng-dường lửa, người người đều kính-phục chẳng nên làm khổ Balamôn ấy; kẻ nào dễ-duôi khinh-rẻ, họ sẽ bị tiêu-tan của-cải và hại đến sinh-mệnh.

Này anh SUBHOCA! Anh có biết chúng-sanh trong thế gian, ai sanh ra chăng?

Tất cả chúng-sanh đều do Đại-Phạm-Thiên-Vương mà có, Đại-Phạm-Thiên-Vương là cha của Balamôn, ngài tạo ra tất cả, ngài chia ra hạng người da đen, trắng, vàng v.v... dòng vua, quan, dân... Ngài dạy Balamôn chỉ nên học kinh Phệ-Đà, cúng-dường lửa, hàng vua chúa không nên làm công việc khác ngoài sự thẳng kẻ nghịch và gìn-giữ bờ cõi nước nhà; kẻ nông-phu chỉ học nghề cày cấy thôi v.v...

Này anh SUBHOGA ! Balamôn có nhiều đức-tính đáng tôn-sùng dâng cúng, các thí-chủ sẽ được lên cõi trời, mặt trăng v.v... đều nhờ cúng-dường các Balamôn mà được hưởng nhiều hạnh-phúc như thế.

Thuở xưa, có một vị vua tên ANUJA có đủ binh-hùng tướng mạnh đáng sợ. Ngài tinh-tấn cúng-dường lửa, cung-cấp các thầy Balamôn, nên sau khi thắng-hà được thọ sanh lên cõi trời.

Còn một vị vua nữa, thống-trị trong kinh - đô BĀRĀNASĪ. Đức vua này cũng tin theo các thầy Balamôn, cúng-dường các ngài được đầy đủ an vui, sau khi bỏ ngũ-uẩn cũng được lên thiên-cung.

Anh nên biết, Balamôn là bậc đáng cúng-dường trong đời.

Có một vị Hoàng - đế nữa hiệu là JUPUJADINDA trong thủ-đô BĀRĀNASĪ cố ý mong về cõi trời, rồi phán hỏi các vị Balamôn, các ngài khuyên dạy cúng-dường các thầy Balamôn và chư-thiên của Balamôn. (trời của Balamôn tức là lửa, cho lửa ăn sữa v.v...) đức Hoàng-

để nghe rồi tinh-tấn thực-hành theo, sau khi mạng chung cũng được lên thiên-cung.

— Này anh SUBHOGA ! Anh có biết nước biển vì sao mà mặn không ?

— Anh đâu có rõ.

— Anh chỉ làm khổ Bala-môn, anh có biết vì nguyên-nhân nào mà nước biển mặn. Các Balamôn có thuật lại rằng : Thuở xưa có một vị Balamôn, có nhiều đức-tính, thông hiểu kinh Phệ-Đà, mong rửa tội, nên xuống biển vì thương mình theo cách rửa tội. Lúc ấy nước biển lớn lên tràn-ngập vị Balamôn cho đến chết. Đức Phạm-Thiên là cha của vị Balamôn ấy, khi được rõ nước biển lên lấp khỏi đầu hại con ngài, nên ngài giận mới phán rằng : «Từ đây nước biển phải mặn, không một ai uống được». Cho nên từ đó đến nay nước biển vẫn mặn không một ai uống được».

— Này anh SUBHOGA ! Vị Balamôn này có nhiều đức-tính là bậc đáng cúng-dường của trời Đế-thích. KĀNĀRITTHA tán-dương uy-đức kinh Phệ-Đà, và Balamôn theo sự tín-ngưỡng của y là tà-kiến, sai pháp-luật như thế.

Tất cả loài rồng đến thăm và hầu-hạ đức Bồ-tát, khi được nghe lời giảng-giải của KĀNĀRITTHA đều tin theo tà-kiến cả, vì cho rằng ARITTHA nói đúng. Đức Bồ-tát nằm trên long-sàng nghe ARITTHA thuyết từ đầu đến cuối, ngài bèn nghĩ rằng : để ta phá nghi cho

phần đông khỏi lầm lạc, bỏ hẳn tà-kiến mà theo về chánh-kiến. Ngài bèn dậy, đi tắm rửa xong, lên ngồi trên bảo-tọa, gọi tất cả đến nghe rằng : « Nầy ARITTHA ! những lời em giảng về đức của kinh Phệ-Đà, sự cúng-dường, với đức của Balamôn đó đều là tà-kiến, mà các thầy Balamôn soạn đề lại cho chúng được phát-sanh lợi-lộc. Các bậc trí-tuệ không bao giờ tin-tưởng những điều ấy. Sự cúng - dường lửa không đem người về cõi trời được đâu. Lời của em giải đó, anh không nhận một câu nào là chân-chánh cả.

Nầy em ARITTHA ! Những người đọc đủ tam Phệ-Đà, chỉ làm cho những kẻ si-mê, lầm lạc, chớ bậc trí-tuệ không ai vừa lòng nghe đâu. Những kẻ ngu - dốt mới chịu lời dạy bảo ấy. Nếu ai tin theo ắt phải sa trong 4 ác-đạo. Ví như loài thú thấy sóng nắng tưởng là nước, mong được uống, nhưng nào có nước, rồi phải chịu chết khát giữa trời thê nào, kẻ si-mê vô trí - tuệ, khi nghe thấy không phân-biệt, hiểu quấy theo tam Phệ-Đà, thực-hành theo thân, khẩu, ý ác, sai lời Phật-dạy ắt sẽ bị hại trong kiếp này và đời sau, cũng như loài thú thấy sóng nắng rồi cho là nước vậy.

Nầy em ARITTHA ! Kẻ ngu dốt lầm lạc theo tam Phệ-Đà, làm điều tội-lỗi, tạo nghiệp ác, phản bạn, hành trái với chân-lý, khi quả theo kịp sẽ chịu nhiều thống-khổ. Không nên nương theo kinh tam Phệ-Đà đâu. Cái quả học theo tam Phệ-Đà, không sao che ngăn ác-quả mà mình đã tạo, do đấy bậc trí-tuệ không gọi tam-phệ đà là pháp cao-quí, đâu.

Nầy em ARITTHA ! Lời mà Balamôn nói Đại-Phạm-Thiên dạy các đức vua phải chiến-thắng kẻ thù nghịch, gìn giữ biên-cương đó, tin thế nào được.

Nầy em ARITTHA ! Tam-Phệ-Đà là lời ghi chép tô-diễm để lại của các Balamôn theo sở-thích, cũng như chỉ dụ của vua. nếu không lưu-ý quan-sát, thì khó phân-biệt chơn-giả, chánh-tà. Ví như đường bị ngập, nếu thiếu óc suy-xét thì khó đi được an-vui.

Nầy ARITTHA ! Những người giàu-có tận-tụy tìm làm công-việc là nhân mong được của-cải ; các Balamôn cũng có tâm xan-tham tạo những tội các là nhân sanh tội lỗi như thế. Vì còn đều đủ pháp thế-gian (1) là : được lợi thì mừng, thất-lợi thì buồn, được quyền, thì vui, mất quyền thì khổ v. v ... các Balamôn đây khác hẳn với hạng Balamôn ngày xưa, bởi không thực-hành chánh-pháp theo Balamôn trước, không có trí-tuệ quan-sát chu-đáo, để tìm tội phước, chánh tà.

Nầy em ARITTHA ! chúng-sanh hiện-hữu chẳng có một ai là khỏi tám pháp thế-gian đâu ; các Balamôn cũng chưa khỏi, vẫn còn xao-động vì tám pháp thế-gian, giống nhau. Những điều giả-dối, phỉnh người rằng là cao-quí. Họ chú tâm đến sự lợi-lộc ; mong quyền-thế mãi mãi, như thế thì cao-quí chỗ nào ?

Khi đức Bồ-tát là bậc sẽ giác-ngộ Chánh-Đẳng Chánh-Giác, ngài giảng-thuyết phá tan tà kiến như thế,

(1) Tám pháp thế-gian : Khen, chê, vui, buồn, được quyền, mất quyền, được lợi, thất lợi.

khiến những loài rồng, bộ-hạ, nhất là em ARITTHA đều trở nên chánh-kiến theo ngài như thế.

Về phần các loại rồng, sau khi được nghe chánh-pháp của đức Bồ-tát bèn phát tâm hoan-hỷ, ưa-thích, hoan-hô đức trí-tuệ của Bồ-tát. Đức Bồ-tát dạy đem người thợ săn thả về nhân-gian.

SĀGARABRAHMADANTO — Đây nhắc trở lại về đức vua **SĀGARABRAHMADANTO** là vua bác của đức Bồ-tát. Đức vua không quên lời hứa với các cháu của ngài, nhất là với đức Bồ-tát. Đến ngày hẹn, đức vua cùng các quan ngự đến tịnh-thất, chỗ ngụ của vị đạo-sĩ, là phụ-vương của ngài.

Về phần đức Bồ-tát, ngài cũng tàu với cha mẹ ngài hay, và thỉnh song thân của ngài đồng lên nhân-gian để viếng vua bác và Ngoại-tổ, có quân-lính rồng hộ-giá hoàng-gia đến sông **YAMANĀ**, ngự ngay đến tịnh-thất của vị đạo-sĩ ngoại-tổ. Đức Bồ-tát ngự đi trước, các anh em và cha mẹ ngài lần-lượt đến sau.

Đức vua **BĀRĀNASĪ** là vua bác đã đến trước trong tịnh-thất của phụ-vương ngài; xem thấy đức Bồ-tát đến với rất nhiều quân-binh, đức vua nhận không biết là cháu, mới bạch hỏi phụ-vương rằng :

Tâu phụ-vương, đức vua ngự đến đó có đủ quân-binh hộ-giá, trang-sức đủ 7 báu chói-lọi rực-rỡ, xem rất ngoạn-mục. Đức vua này uy-phong lắm-liệt, đường-đường chính-chính như đức Đế-thích thắng hơn A-Tu-La-Vương. Đức vua này danh-hiệu là chi ? Ngự trong kinh-dô nào ?

Đức đạo-sĩ đã dắt ngủ-thông. có nhiều uy-lực, khi nghe vua SĀGARABRAHMADATA, là hoàng-nhi của ngài tâu hỏi như thế, mới đáp rằng : Nầy hoàng-nhi ! đức vua đây không phải là ai xa lạ, tức là cháu của hoàng-nhi, tên BHŪRIDATA là con của nàng SAMUDDHAJĀ, em gái của hoàng-nhi và là của Long-vương DASARATHA dưới long-cung — Khi đức vua SĀGARABRAHMADATA đang đàm-thoại cùng phụ-vương thì các tướng rồng đến, vào quì mọp làm lễ rồi ngồi nơi phải lễ.

Về phần BHŪRIDATA (Bồ - tát), SUDASANA, SUBHOGA, ARITTHA và Đức Long-vương DASARATHA đồng nhau làm lễ vị Đạo-sĩ và đức vua SĀGARABRAHMADATA.

Khi đó, đáng thương-xót cho nàng SAMUDDHAJĀ, từ ngày nàng xa-cách vương-huynh của nàng là SĀGARABRAHMADATA, ngự xuống long-cung đến nay rất lâu, cho đến khi cả 4 con của nàng trưởng-thành, nàng mới được gặp anh. Lạy cha, mừng anh rồi, nàng than khóc kể-lẽ chuyện hàn-huyên ấm lạnh, cơn nhớ tưởng thiết-tha, tình thương yêu thân-thiết đến cha và anh. Khi đã được giải buồn, bà hỏi thăm chuyện trò cho đến trời hừng sáng.

Nàng SAMUDDHAJĀ và 4 con, đồng nhau lạy từ-biệt đức Đạo-sĩ và đức vua SĀGARABRAHMADATA trở về long-cung.

Phần đức vua SĀGARABRAHMADATA ngự lưu lại với đạo-sĩ là phụ-vương của ngài đến 2, 3 ngày sau mới từ tạ trở về kinh-dô BĀRĀNASĪ.

Nàng SAMUDDHAJĀ về long-cung cho đến ngày mạng-chung tại cõi rồng.

Đức BHŪRIDATA (Bồ-tát) hằng thọ-trì giới được trong sạch cho đến ngày tan-rã ngũ-uẩn, được sinh lên thiên-cung. Những loài rồng nghe theo lời dạy bảo của đức Bồ-tát cũng được lên cõi trời rất đông.

SATTHĀ — Đức giáo-chủ khi thuyết xong bèn giảng tiếp rằng : Này chư thiện-tín ! Cận-sự-nam là bậc hiền-minh ngày xưa là Như-Lai đây, dầu trong kiếp trước, Như-Lai lộn kiếp là BHŪRIDATA (Bồ-tát) cũng từ bỏ sự cao sang quyền-thế nơi cõi rồng, tìm chỗ để thọ Bát-quan-trai giới không dễ-duôi, như thế.

Đức Phật giảng xong, ngài hợp các tiền - kiếp lại như vậy : TADĀ KALE MĀTĀPITARO — Trong thuở đó, đức hoàng-phụ và mẫu hậu của BHŪRIDATA nay là Tịnh Phạn-vương và MĀYĀ hoàng-hậu ; (NĒSADO) — người thợ săn nay là Đễ-bà-đạt-đa SAMADATO (SOMADATA) nay là ANANDĀ ; (ACCAMUJĪ) — Nàng ACCAMUJĪ nay là Tỳ-khưu-ni UPAVANNATHERĀ ; (SUDASANA) nay là đức Xá-Lợi-Phất ; SUBHOGA nay là Đại-đức Mục-kiền-liên ; KĀNĀRITTHA nay là Tỳ-khưu SUNAKKHATTATHA — BHŪRIDATA nay tức là Như-Lai đây.

BHŪRIDATAKAM NITTĪTAM

Dứt truyện BHŪRIDATA Bồ-lát

CANDAKUMARA JATAKA

TRUYỆN CANDAKUMARA

BỒ-TÁT TU HẠNH NHÃN-NHỤC BA-LA-MẬT

RĀJĀ SILUDDHAKAMMĀTI IDAM SATTHĀ
GIJJHAKŪTE PABABBATE VIHARANTO DEVA-
DATTAM ĀRABBHA KATHESI TASSA VATTHUN
SANGHABHEDAKE . . . PĀPUNĀTI.

Đức Thế-Tôn là đấng giáo-chủ tối-cao trong tam-giới, khi ngự trong thạch-động GIJJHAKŪTA, ngài đề-cập đến Đề-bà đạt-đa chia rẽ tăng, rồi ngài thuyết-pháp về tích CANDAKUMARA này. Các bậc A-xà-lê (1) giải rộng thêm như vậy : Các bậc trí-tuệ nên hiểu rằng : Đức A-xà-lê dẫn tích Đề-bà đạt-đa chia-rẽ tăng, từ ngày xuất-gia cho đến khi đức vua BIMBISĀRA thăng-hà.

Đây xin giải rộng về chuyện CANDAKUMARA :

Thuở đấng Đại-bi ngự trong thạch-động GIJJHAKUTA, một ngày nọ, chư tỷ-khuru cu-hội nơi phước-xá, đàm-thoại cùng nhau về câu chuyện Đề-bà đạt-đa làm việc không tốt rằng : Này các thầy ! Đề-bà đạt-đa là kẻ bạc nghĩa vong-ân Đức Thế-Tôn, cố tìm dịp giết-hại nhiều người, cũng vì cố tâm buộc oan-trái với Đức Giáo-chủ. Nhờ nương với đức Phật mà những kẻ ấy mới được thoát nạn Khi chư tăng bàn luận cùng nhau như thế,

(1) Đức Bồ-tát giảng-sanh

nhờ nhĩ thông, Đức Thế-Tôn biết chuyện ấy, ngài bèn ngự đến phước-xá, vào ngồi trên Bảo-tọa, rồi phán hỏi rằng: « Nầy các thầy Tỳ-khưu! Các người hội họp nói về chuyện chi đây ».

— Bạch đức Thế-Tôn, chúng tôi luận về Đề-bà-đạt-đa quên ơn Đức Thế-Tôn, nên làm hại nhiều người, chỉ vì gây oan-trái với đấng Đại-bi.

— Nầy các thầy! Chẳng phải hẳn chỉ quên ơn Như-Lai trong kiếp này mà thôi, từ bao kiếp trước Đề-bà-đạt-đa cũng bạc nghĩa Như-Lai vậy, mong giết hại rất nhiều người, cũng do cố tâm gây oan-trái với Như-lai, như trong kiếp này vậy. Đức Thế-Tôn chỉ giảng bấy nhiêu rồi nín thinh. Chư tăng mong được nghe tiền kiếp, mới quỳ cầu đức Thế-Tôn thương xót thuyết cho chư-sư nghe.

Đức Thế-Tôn từ-bi, bèn giảng về chuyện CANDAKUMARA rằng: « Nầy các thầy tỳ-khưu! ATITE KĀLE — Thuở xưa, thành BĀRĀNASĪ có tên rõ-rệt là PUPPHAVADĪ, có một đức vua EKARĀJA là hoàng-tử của đức vua VASAVATI, thống-trị trong thủ đô PUPPHAVADĪ. Ngài có một đông-cung tên là CANDAKUMARA (1). Khi đức CANDAKUMARA biết đi, hoàng-hậu sanh được một hoàng-tử nữa tên là SURIYARĀJAKUMĀRA. Lúc hoàng-tử này biết nói, hoàng-hậu sanh thêm Công-chúa SELĀ. Đức vua có hai hoàng-tử nữa là: BHADDASARA và SURAKUMĀRA, khác mẹ.

(1) Đức Bồ-tát giáng-sanh.

Khi đức CANDAKUMĀRA (Bồ-tát) thành-nhân, vua cha bèn cho sánh-duyên với công-chúa CANDAKUMĀRĪ làm chánh-thất của Bồ-tát, rồi phong cho ngài làm thứ-vương.

Có một Bà-la-môn tên KANDAHĀLABRAHMANA làm cố-vấn dạy đức vua. Đức vua thấy KANDAHĀLABRAHMANA có nhiều trí-tuệ nên phong cho làm quan tòa để phán-đoán. Khi được làm quan cao cấp, KANDAHĀLABRAHMANA quên mình, không biết sợ tội-lỗi gì cả, xử-đoán bất-công không tuân pháp-luật, phân-xử theo ý-muốn, tham-quan ô-lại thường thường như thế.

Ngày nọ, có kẻ kiện nhau đến cửa tòa ; khi KANDAHĀLABRAHMANA được hỏi-lộ rồi, xử cho người thất thành dặng kiện. Họ bất bình, khi ra khỏi tụng đình, vừa thấy đức CANDAKUMĀRA vào chầu vua cha, hẩn bèn quì xuống bên chưn đức Bồ-tát rồi vật mình than khóc.

Đức Bồ-tát xem thấy tình-trạng như thế bèn hỏi :
« Có sao, người lại than-van khổ não ? »

Trăm lạy ngài, nay KANDAHĀLABRAHMANA là kẻ si-mê, xử-đoán không công-bình, được của hối-lộ, bỏ công-lý, tôi phải mà xử tôi quấy, làm cho tôi bất bình buồn khổ ; cầu xin Ngài từ-bi thương-xót cứu-độ cho ngu dân nhờ.

Vậy, người hãy theo cùng ta đến trước tòa kháng-cáo (1), không sao đâu. Rồi Ngài vào tự mình phán-đoán

(1) Chống lại một bản án do tòa xử mà mình không chịu.

theo công-lý cho dân-chúng thấy rõ rằng : « Người này ngay, kẻ kia gian, phán quyết theo chánh-pháp ».

Tất cả nhân dân và quan-tòa hiện-diện trong tòa-án đều hoan-hô «đúng lắm» tán-dương đức Bồ-Tát vang rền. Tiếng reo mừng thấu đến tai đức EKARĀJA là phụ-vương của Bồ - tát. Đức vua bèn phán hỏi quân hầu, họ tâu rằng : « Đó là tiếng hoan - hô khen ngợi đức CANDAKUMĀRĀ là hoàng-tử của lệnh hoàng-thượng, vì hoàng-tử đã phân-xử theo công-lý không tây-vị ». Đức vua EKARĀJA biết được rất hài lòng ; liếc mắt xem thấy đức Bồ-tát vừa đến chầu, mới phán rằng : Này con CANDAKUMĀRA ! Từ đây cha phong cho con làm pháp quan để xét-đoán tất cả công việc trong tòa. Từ đó, KANDAHĀLABRAHMANA bị loại ra khỏi pháp-đình, không còn hưởng quyền - lợi chi cả. KANDAHĀLABRAHMANA cố-tâm buộc oan-trái, tìm dịp để bắt lỗi đức Bồ-tát, không giờ phút nào bỏ qua.

Một đêm nọ, đức vua ngủ mê đến rạng-đông, ngái ngủ mộng thấy đến Đạo-lợi thiên-cung, nào là lầu vàng, điện ngọc, bảy báu cao 60 do-tuần ; có đường đi rộng-rải, đầy những cát vàng ; có đèn vua cao vút 100 do-tuần, toàn là ngọc bảy báu, đủ thứ hoa thơm ngũ-sắc, vườn thượng-uyển, ao sen cao đẹp, xem rất ngoạn-mục. Chư thiên nam, nữ hội họp du-lâm tắm chơi, thiên-nữ hái hoa và ca-sang múa hát hầu-hạ đức Đế-thích. Ngái xem càng vừa lòng thỏa dạ, ưa thích mê-mết.

Đức vua EKARĀJA thấy mộng đến đó thì thức dậy.

Ngài nghĩ nhớ đến cõi trời, thật là vinh-hoa, phú-quí, mong được lên thiên-cung để thọ hưởng cảnh hạnh-phúc ấy, nhưng không biết phải làm phước chi mới được thọ-sanh lên đó. Vậy sáng sớm, trăm sẽ dõng các-quan vào chầu, để hỏi thăm đường lên Đạo-lợi thiên-cung.

Sáng ra, đức vua EKARĀJA ngự đi tắm rửa, trang-diễm y-phục Đế-vương xong, ngài dạy các quan-quân hộ-giá ngài đi du-lâm.

Có KANDAHĀLABRAHMANA đến lạy chào trong nơi đấy, rồi tâu rằng : « Đêm hôm lệnh hoàng-thượng được an-giác chăng ? »

— Nầy khanh ! Nào có được an-vui đâu. Ngài bèn cho phép vị cố-vấn KANDAHĀLABRAHMANA ngồi, rồi bày tỏ về sự nằm mộng của ngài mà rằng : « Nầy hiền-khanh ! Những hàng nam-nữ nào trong thế-gian, làm phước bố-thí trong kiếp này, đến khi tan-rã ngũ-uẩn sẽ được thọ sanh trong nơi nào ? Phước thế nào, mới được sanh lên cõi trời ? Người có nhiều trí-tuệ, vậy hãy giải cho trăm nghe phân-minh ».

Thật ra đức vua nên hỏi câu này nơi đức Phật-Toàn-giác hoặc Thịnh-văn-giác, đến các thánh-nhân, nếu không có hạng ấy thì nên tìm đến đức Bồ-tát mà nhờ giảng-giải. Nay, đức vua lại trở hỏi KANDAHĀLABRAHMANA, khác chi kẻ đã lạc đường 7 ngày, không biết lối ra, lại tìm đến người lầm nẻo trọn tháng thì càng luống công vô-ích. Như đức vua EKARĀJA phán hỏi KANDAHĀLABRAHMANA là người si-mê, hỏi đến hần thì làm cho ngài càng thêm đen tối nữa. Được nghe đức

vua hỏi như thế, KANDAHĀLABRAHMANA lấy làm mãn-nguyện, định-ninh rằng đây là dịp may cho ta báo-oán, giết kẻ thù là Hoàng-tử CANDAKUMĀRA. Sự mong mỏi của ta sẽ được kết-quả theo sở-ước chẳng sai; nghĩ rồi KANDAHĀLABRAHMANA bèn tâu thỉnh đức vua vào trong mà rằng :

Tâu, nếu bệ-hạ hy-vọng được lên thiên-cung, bệ-hạ nên giết người như : vợ, con ; gia-súc là : trâu, bò, ngựa, voi vô-tội để cúng-dường lửa. Tâu bệ-hạ như thế chắc hẳn được lên cõi trời. Tâu, hàng nam, nữ không phải làm lành bố-thí mà được sanh lên thiên-cung đâu. Chỉ cúng-dường lửa đó, mới thật là phương-pháp đem người lên cõi trời được chẳng sai đâu ; bệ-hạ ước mong được lên thiên-cung, vậy cần phải thực-hành theo lời hạ-thần đã tâu đó.

— Này hiền-khanh ! Cúng-dường lửa là thế nào ? Giết người vô tội là sao ? Hiền-khanh hãy giải cho trẫm nghe đi.

— Tâu lệnh Hoàng-thượng, cúng-dường lửa là phải giết bốn giống chúng-sanh, mỗi loại :

1/— 4 Hoàng tử.

2/— 4 Công-chúa.

3/— 4 Hoàng-hậu.

4/— 4 Triệu-phú.

5/— 4 Bò-đực

6/— 4 Ngựa cưỡi.

7/— 4 voi kéo.

Dùng dao chặt đầu chúng-sanh ấy, rồi lấy máu vàng hứng máu đem đồ trong hãm cúng-dường lửa.

Tâu, các Đế-vương ngày xưa mong được lên trời, thường giết con, vợ v . v . . . cúng-dường lửa như vậy.

Tâu, lệnh Hoàng-thượng là chúa-tể, ngài bố-thí cơm, gạo, nước, y-phục đến Sa-môn, Balamôn, kẻ nghèo đói, cô-độc thật vô-ích, không có phước chi cả. Giết con trai, con gái v . v . . . lấy máu đem cúng-dường lửa gọi là bố-thí cao-thượng, trong kiếp hiện tại này.

Nghe đức vua và KANDAHĀLABRAHMANA trù-tính như thế, những người trong hoàng-cung rất sợ-hãi, khóc la, kẻ lễ vang-động khắp hoàng-cung.

KANDAHĀLABRAHMANA bèn tâu thêm rằng : Cách cúng-dường lửa như vậy, lệnh hoàng-thượng có thể làm được chăng ?

Này hiền-khanh ! Người cứ thực-hành đi, trẫm cho phép khanh thi-hành cho được kết-quả vui đến trẫm.

Vị cố-vấn nghe rồi rất hân-hoan rằng : Nay sự thành-lợi phát sanh đến cho ta rồi. Hắn bèn dùng lời phủ-ủy đức vua rằng : Tâu bệ hạ, hạng người không bạo-dạn không thể cúng-dường lửa được. Đây là việc phước lớn và rất khó làm, bệ-hạ đừng trể - nải, hãy dạy bắt những chúng-sanh ấy hội họp lại đây cho đủ đi. Phần hạ-thần lãnh việc đào hãm để cúng-dường, dâng đến bệ-hạ. Nói xong, vị cố-vấn từ-tạ lui ra khỏi thành lo sắp đặt đào hãm, cho có đủ vật dụng theo phép cúng dường lửa.

Khi ấy, đức vua EKARĀJA phán dạy quân hầu rằng : Các người hãy dẫn 4 con của trăm đến đây, là : CANDAKUMĀRA, SURIYAKUMĀRA, BHADASENAKUMĀRA, SURAKUMĀRA để trước sân rồng cho trăm giết lấy máu cúng dường lửa, ngày nay (CANDAKUMĀRA và SURAKUMĀRA là con của hoàng-hậu GOTAMI; còn hoàng-tử SURIYAKUMĀRA và BHADASENAKUMĀRA khác mẹ). Quân hầu nghe lệnh vua truyền liền đến bắt CANDAKUMĀRA trước. Thưa rằng « Chúng tôi vâng chiếu-chỉ đến bắt ngài đem giết lấy máu để cúng-dường lửa. Xin ngài vui lòng đừng dè-duôi cưỡng-lại lệnh truyền.

Đức CANDAKUMĀRA (Bồ tát) hỏi : Này các người ! do nhân chi mà phụ-vương dạy bắt ta cúng-dường lửa. Ai trù-liệu ra chuyện này ?

Thưa, đây là tời tâu bày của KANDAHĀLABRAHMANA rằng : « Nếu Hoàng-thượng muốn được lên thiên-cung hãy giết các con trai, con gái và loài gia-súc, 4 chúng-sanh mỗi loại, chặt đầu lấy máu đem cúng-dường lửa thì sẽ được thọ sanh lên cõi trời, KANDAHĀLABRAHMANA tâu như vậy nên hoàng-thượng mới ra lệnh bắt hoàng-tử đây.

Phụ-vương chỉ truyền bắt một mình ta, hay còn giết ai nữa ?

— Thưa, lệnh hoàng-thượng dạy bắt cả 4 hoàng-tử

— Đức Bồ-tát nghe rồi than rằng : « Ôi ! đây cũng vì KANDAHĀLABRAHMANA oán giận ta, nên tìm

chước báo thù. Từ ngày hăn không được lợi quyền trong pháp đình đến nay, hăn mới hại ta như vậy. Ôi! thảm thương thay những người đồng chung số phận với ta, vì ta mà phải bị hại chung. Các người hãy thi-hành theo chỉ-dụ, ta đâu dám cãi lệnh phụ-vương. Ta chỉ mong khẩn-cầu xin phụ-vương ân-xá kẻ khác.

Quân hầu liền bắt đức Bồ tát đem nạp trước đền, rồi lần lượt dẫn 3 hoàng-tử nữa là : SURİYAKUMĀRA, BHADAKUMĀRA và SURAKUMĀRA để gần đức Bồ tát, rồi vào tâu rằng : Tâu hoàng-thượng, chúng tôi đã bắt bốn hoàng-tử nạp trước bệ rồng.

Đức vua bèn dạy rằng : Các người hãy đi dẫn 4 Công-chúa là : UPASENA, KORILĀ, MUDDHIKĀ và NANDĀ, đem để gần các anh của chúng đó, cho trăm cúng-dường lửa.

Các quân hầu vào hoàng-cung thưa rằng : Chúng tôi vâng lệnh Hoàng-thượng đến bắt các công-chúa để cúng dường lửa, ngày nay. Các công-chúa đều sợ hãi nhào lặn than khóc. Các quân hầu liền dẫn 4 công-chúa đến trước đền.

Đức vua truyền sai đi bắt 4 Hoàng-hậu dung-nhan xinh đẹp sắc nước hương trời là : Bà VIJAYA, bà VIĀVADĪ, bà KESINĪ và bà SUNANDĀ đem đến cho đều đủ.

Quân hầu bèn tuân lệnh làm theo, dẫn 4 hoàng-hậu đến để gần đức Bồ-tát.

Đức vua truyền dạy bắt 4 nhà triệu-phú là : PUNNA-MUKHA, BHADOHIYA, SINGĀLA và BHADDHA, để trước đền.

Khi các quan hầu vâng lệnh bắt 4 hoàng-tử, 4 công-chúa, 4 hoàng-hậu thì không nghe dân-chúng nói lời gì. Về phần 4 nhà triệu-phú họ có nhiều thân-tộc, bạn-bè, nên khi quân hầu đến bắt thì có tiếng kêu oan vang-động rằng : « Này chúng ta ôi ! Nay đức vua dạy bắt 4 Triệu-phú của chúng ta đem cúng-dường lửa ». Tất cả thân-bằng quyến thuộc đến bao vây 4 triệu-phú, vào đến sân rồng, rồi quỳ tâu cầu khẩn, xin tha mạng sống cho 4 nhà Triệu-phú rằng : « Tôi xin hoàng-thượng từ-bi đừng hại 4 Triệu-phú chúng tôi ». Khẩn cầu thế nào cũng vô-ích, các quan hầu dẫn 4 nhà Triệu-phú đến trước đền.

Liền đó đức vua dạy bắt 4 voi là : ABHAYA, NĀLĀ-GIRI, ACCUGGA và VARUNA ; bắt 4 ngựa là : KESI, SUBHAMUKHA, PUNNAMUKHA và VINATAKO, và 4 bò đực là : AYUDHAPATI, MODAKA, SISABHA và KAVAMPA.

Đức vua truyền lệnh cho bắt đủ các nhân-vật họp lại một chỗ rồi, ngài phán : Sáng sớm, trưa sẽ khởi sự cúng dường lửa.

Nói về phụ-hoàng, và hoàng thái-hậu của đức vua EKARĀJA, hai hoàng-tộc này vẫn còn sinh tồn. Các đại-thần dẫn nhau đến tâu cho Hoàng-thái-hậu hay về việc đức vua cúng-dường lửa ấy; phải giết 4 hoàng-tử, 4 Công-chúa, 4 Hoàng-hậu, 4 Triệu-phú và các gia-súc v.v.

Bà hoàng-thái-hậu nghe qua ngậm ngùi, bà đưa hai tay lên than thở, rồi đến ra mắt Hoàng-nhi và hỏi rằng : «Này hoàng-nhi ! Mẹ nghe hoàng-nhi định hạ-sát 4 hoàng-tử để cúng-dường lửa phải chăng ?

— Tâu mẫu-hậu, con sẽ giết 4 hoàng-tử, nhất là CANDAKUMARA để cúng dường lửa được lên thiên-đàng.

— Hoàng-thái-hậu can rằng : «Hoàng-nhi ôi ! Hoàng-nhi hành-động như thế không nên. Giết con, vợ mà được lên thiên đàng đó, là sai với lẽ đạo từ ngàn xưa.

Này hoàng-nhi cao quý ! Sự sát-hại chúng-sanh là tạo ác-đạo, không phải thiên-đạo đâu — Hoàng-nhi nên vâng lời mẹ, mà tha chết cho vợ, con đi.

— Đức vua nghe mẫu hậu nói như thế, bèn đáp rằng : « Sự giết con trai, con gái cúng - dường lửa mà được lên thiên-đàng ấy chẳng phải lời nói ngoa đâu, chính là vị cổ-văn KANDAHĀLABRAHMANA chỉ-dẫn đấy. Tâu mẫu-hậu, vì con mong mỗi được lên thiên đàng hưởng sự giàu sang hạnh-phúc, nên mới nghe lời dạy của cổ-văn KANDAHĀLABRAHMANA mà giết cho đủ 4 con trai, 4 con gái, 4 hoàng-hậu v.v... để cúng-dường lửa, là điều bổ-thí rất cao-thượng, ít ai làm được. Vị cổ-văn giảng rằng : Nếu đức vua nào, đành dứt bỏ những nhân-vật thương-yêu trứu-mến mà cúng-dường lửa, thì ắt sẽ được lên thiên-cung, chắc-chắn. Những hành-động ấy không phải tự con, do lời chỉ-dẫn của KANDAHĀLABRAHMANA nên con mới nghe theo, vì con mong được

lên cõi trời ». Thật vậy, đức vua EKARĀJA đã quá tin tưởng như thế, dầu mẫu-hậu của ngài khuyên đến đâu, ngài cũng không tuân lời.

Đức hoàng-thái-hậu đã cùng đường, không hy-vọng vào đâu cho hoàng-nhi nghe theo lời khuyên của bà, nên buộc lòng phải trở về cung nội.

Đức vua EKARĀJA vừa đưa mẹ trở về hoàng-cung xong, thì hoàng-phụ của ngài lại đến nữa. Hoàng-phụ ngài phán hỏi :

— Nầy hoàng-nhi ! Hoàng-nhi sẽ giết 4 hoàng-tử để cúng-dường lửa phải chăng ?

— Tâu phụ-vương, con định giết các con và vợ cùng các loại chúng-sanh để cúng-dường lửa theo lời dạy của KANDAHĀLABRAHMANA rằng : khi đã làm như thế, sẽ được lên thiên-cung.

— Nầy Hoàng-Nhi ! Hoàng-nhi làm vậy không nên. Sự sát hại con trai, con gái là điều tội-lỗi, sẽ bị sa trong 4 ác-đạo. Hoàng-nhi nên tinh-tấn bố-thí, trì-giới, phụng-sự mẹ cha, chú tâm trong pháp từ-bi, không tạo nghiệp dữ, không hại chúng-sanh, như thế, là con đường lên nhàn-cảnh đó. Nếu hoàng-nhi hành-dộng ác như vậy chẳng nên đâu. Hoàng-nhi chẳng nên nghe theo KANDAHĀLABRAHMANA làm tội-lỗi như thế.

Tâu phụ-vương, đây là lời chỉ dẫn chân-thật của KANDAHĀLABRAHMANA. Sự sát-hại vợ con để cúng-dường lửa như vậy là điều bố-thí cao-thượng khó làm,

kẻ nào thực-hành theo, chắc-chắn sẽ được thăng thưởng-giới, nên con hoan-hỉ quyết-định thực-hành cho kỳ được như sở-nguyện, ngỏ hầu hưởng hạnh-phúc nơi thiên-cung.

Đức vua cha bèn khuyên - giáo thêm rằng : Này Hoàng-nhi ! Hoàng-nhi nên thống - trị theo thập-pháp-vương (1) (DASABIDHARĀJA) là :

1/— DĀNAM = Bồ thí có giới-hạn theo cá-nhân, tinh-tấn bồ thí đến bậc tu-hành, kẻ nghèo khó, tật bệnh, cô-độc v.v..

2/— SILAM = Trì-giới cho thân khẩu ý chân-chánh.

3/— PARICCĀGAM = Dứt bỏ của-cải đến tất cả chúng-sanh, không riêng-biệt.

4/— ĀJJAVAM = Có 4 khuynh-hướng pháp, ngay-thật, chơn-chánh, là phán-đoán theo luật-pháp, không tây - vị.

5/— MUDUKAM = Có khuynh-hướng mẫn-chuộng từ-bi, thương-xót chúng-sanh.

6/— ĀTAPAM = Tinh-tấn trừ điều ác, làm việc thiện.

7/— AKODHAM = Không nên giận vô-lý (dè nén tâm sân-hận, có tâm từ-thiện).

8/— AVIHIMSĀ = Không làm khổ kẻ khác, có lòng từ-bi mẫn.

(1) Mười pháp của vua

9/— KHANTI = Có tâm nhẫn nại.

10/— AVIRODHANĀ = Không làm sai pháp-luật, không khuynh-hướng theo pháp thế-gian.

Hoàng-nhi hãy tinh-tấn trong thiện-pháp, chớ nên làm cho kẻ khác phải đau khổ, gìn giữ các con cho được an toàn, mới có thể đem lại quốc-thời dân an được lâu dài.

Đức phụ hoàng hết sức khuyên-lơn thế nào cũng vô hiệu - quả, vì đức vua EKARĀJA khăng-khăng một lòng, quyết nghe theo lời dạy của vị Cổ-văn KANDAHĀLABRAHMANA.

Thấy khuyên con không được, vua cha ngậm-ngùi giọt lệ trở về hoàng-cung.

Khi ấy, đức Bồ-tát là dòng-dõi của đức Phật xét nghĩ rằng : Đại-chúng bất bình, buồn khổ, chỉ do ta mà ra cả. Vậy ta nên vào tâu, xin Phụ-vương ân-xá cho mọi người cho dân-chúng vừa lòng ». Đức Bồ-tát CANDAKUMĀRA bèn quì trước bệ rồng, cầu xin : « Tâu phụ-vương, lời KANDAHĀLABRAHMANA nói, nếu đức vua nào cúng-dường lửa bằng các con thì sẽ được lên thiên đàng; xin phụ-vương hãy dạy hăn giết vợ, con mà cúng-dường lửa đi, cho hăn được lên trời trước, để làm gương-mẫu, rồi sau phụ-vương sẽ giết các con cúng-dường, chúng con nguyện hy-sinh tính-mệnh cho phụ-vương, không dám trái lệnh. Xin phụ-hoàng bình-tâm suy-xét lại, nếu lời tâu của KANDAHĀLABRAHMANA là đúng và chơn-thật, có sao hăn không giết vợ đẹp, con

yêu của hân. Lời của KANDAHĀLABRAHMANA như giòng nước ngập tràn, không chắc vào đâu. Tàu phụ-hoàng, kẻ nào cúng-dường lửa sẽ sa địa-ngục. Người dạy kẻ khác cúng-dường lửa hoặc có tâm hoan-hỉ, người ấy cũng phải chịu khổ trong địa-ngục.

Tàu phụ-hoàng, nên bỏ tà - kiến trước, nếu phụ-hoàng tin lời của KANDAHĀLABRAHMANA rồi phải đọa trong 4 ác-đạo.

Tàu phụ - hoàng, KANDAHĀLABRAHMANA tin-chắc quả-báo của sự cúng-dường lửa, xin phụ-hoàng cho KANDAHĀLABRAHMANA tự-sát mà cúng-dường để được lên trời trước đi. Vì sao hân thấy sự lợi - ích mà không làm, lại bảo giết anh em chúng con. Xin phụ-vương hãy quan - sát cho tường-tận trước. Phụ-vương ôi ! KANDAHĀLABRAHMANA không được của hối-lộ trong sự xử-đoán nơi pháp-đình, nên mới tìm mưu-chước sát-hại chúng con như vậy. Con nay có chết cũng đành, nhưng thương-hại cho các em vô tội, vì sự oán-thù của KANDAHĀLABRAHMANA mà phải chịu liên - can. Phụ-vương ôi ! nếu phụ-vương không suy-xét nghe theo lời độc ác của KANDAHĀLABRAHMANA hành-động tội-lỗi, rồi đây, nước mất nhà tan, đến lúc lâm-chung phụ-hoàng không tránh khỏi 4 đường ác-đạo.

Đức Bồ - Tát CANDAKUMĀRA trình-bày cạn lời mà cũng không thể làm cho vua cha động lòng thương xót.

Khi ấy, công-chúa SELAKUMĀRI là em út của đức

Bồ-tát, thấy anh hết lòng khuyên-giải mà bất thành, nằng rất động lòng, liền quỳ tâu : Phụ-vương định giết chúng con, chỉ mong lên trời để làm gì ? Phụ-vương cần dùng cái chi mà phải lên thiên-cung, đành sát-hại chúng con ?

Đức vua nghe công - chúa tâu như thế, ngài cảm-động nín-thinh.

Có một em bé, con của đức Bồ-tát tên VASULARĀJAKUMĀRA, thấy cha chịu khổ cầm lòng không đậu, bèn nghĩ, để ta vào tâu với tổ phụ-hoàng, xin ân-xá cho cha ta kéo tội-nghiệp. Em bé VASULARĀJAKUMĀRA liền vào gần nội tổ, vừa tâu vừa khóc rằng : « Nếu nội tổ không thương xót đến cha cháu, thì cũng xin tội-nghiệp dùm cháu, vì cháu còn nhỏ dại, đừng giết cha cháu, cho cháu có người nương nhờ. Xin nội tổ từ-bi thương-xót cháu với, vừa tâu xin, vừa than khóc dầm dề, vì rất triu-mến cha lành ».

Đức vua EKARĀJA thấy cháu thể-thảm như thế, đau lòng xót dạ muốn xiu, tâm-thần xao-xuyến, như bị tên bắn vào tim, dẫu lòng không được nên cũng khóc ròn; đoạn ôm cháu mà dỗ rằng : Cháu ôi ! lời cháu đúng lắm, cháu hãy vui đi, nội tổ sẽ tha cha cháu. Đức vua bèn dạy quân hầu phóng - thích tất cả. Thôi trăm không được lên thiên-cung cũng cam, miễn sao chúa tôi được xum-hạp.

Khi KANDAHĀLABRAHMANA hay được, lập-tức chạy vào đến nội tâu rằng : Tâu, vì sao bề-hạ lại không giữ lời, hạ-thần đã tâu rằng là việc khó làm, mà thực

hành được mới là cao-thượng. Bệ-hạ quyết-dịnh phải làm cho được, chẳng nên bỏ qua lời nguyện. Đức vua nghe lời thúc-dục của KANDAHĀLABRAHMANA bèn nghe theo. Ngài liền dạy quân hầu bắt hoàng-tử, công-chúa, hoàng-hậu, các triệu-phú và các loài thú trở lại.

KANDAHĀLABRAHMANA nghĩ rằng đức vua có tánh nhu-nhược lắm, dạy bắt rồi dạy tha, bảo thả rồi cho bắt. Với đứa cháu VASALA đến khóc nài-nỉ mà ngài cũng xiêu lòng. Vậy ta nên thỉnh ngài ngự đến hăm cúng-dường lửa. Nghĩ xong, KANDAHĀLABRAHMANA bèn tâu thỉnh đức vua đến hăm ngay, rằng : Tâu, hạ-thần xin thỉnh bệ-hạ đến dự lễ khai-mạc cúng-dường, bệ-hạ sẽ lên thiên-cung, bây giờ đây ; đức vua EKARĀJA trang-diễm bằng 7 báu rồi ngự đi.

Đây nói về bà GOTAMI là mẹ của CANDAKU-MĀRA (Bồ-tát) xem thấy quân dẫn con đến gần hăm cúng-dường lửa, thì rất thương tiếc, vật mình khóc than, kể-lẽ, giọt lệ đầm - dề trong cơn tử biệt. Bà liều chết vào quì gần chân đức vua mà khẩn-cầu xin tính-mệnh cho các con rằng : Tâu, xin lệnh hoàng-thượng từ-bi tội-nghiệp thần-thiếp là GOTAMI, bệ-hạ đừng giết 4 hoàng-tử. Nếu thánh thượng không ân-xá, thì thần-thiếp cũng không sống mà làm gì. Vật mình khóc-lóc, thở than đến dẫu đức vua cũng bất nể (1). Khẩn cầu với đức vua không được bà liền day qua khiến - trách thậm - tệ

(1) Không kể đến

KANDAHĀLABRAHMANA rằng : « Nầy KANDAHĀLABRAHMANA ác độc kia ! người đem các con ta để cúng-dường lửa, làm cho ta phải chịu khổ-não muôn phần, những thống-khổ này, sẽ trả lại cho vợ con người. Người cố-tâm tìm mưu-chước giết con ta, người làm khổ người, những nỗi đau lòng xót-dạ này sẽ trả quả ác đến người chẳng sai đâu. Người sẽ chịu chết khổ-não, lìa xa thân-tộc, vợ con yêu-quí của người, để người đền trả lại những thảm-trạng khốc-hại này. Hoàng-hậu nhieśc mắng KANDAHĀLABRAHMANA nhiều điều chua-cay như thế.

Lúc ấy, công-chúa của đức vua PANCĀLARĀJA là vương-phi của đức Bồ-tát, khóc chồng. Nhưng không biết tính lẽ nào, vì mẹ chồng nàng đã khẩn-cầu nhiều lượt mà đức vua bắt kễ, nàng CANDĀ là con dâu thì mong gì nài nỉ cho được ; cùng kễ nên phải đánh liều, nàng liền quì dưới chân đức vua mà tâu rằng : Tâu phụ-hoàng ! nhân sao mà phụ-hoàng chẳng đoái-hoài đến hoàng-tử, xin phụ-hoàng từ-bi tưởng đến tình phụ-tử đừng giết hoàng-tử.

Đức vua nghe lời van xin của con dâu như thế, nên phán rằng : « Nầy con CANDĀ, con hay là dâu của trầm, trầm rất thương-yêu, song vì mong lên trời nên phải buộc lòng giết con trong lúc này. Con chớ khóc than kễ-lẽ, những kẻ chết đó, cũng sẽ gặp nhau trên cõi trời ».

Tâu, nếu phụ-hoàng không thương xót, quyết-định

giết CANDAKUMĀRA cho được, xin phụ-hoàng giết con trước, đừng để con quá khổ tâm, náo-nề, thê-thảm như vậy. Phụ hoàng nỡ đành giết chồng con, để con sống còn có ích chi. Con xin từ-biệt phụ-hoàng để đến cõi ma, chết cùng chồng, ngay bây giờ. Phụ-hoàng hãy sát hại con trước đi. Con nguyện chết theo CANDAKUMĀRA.

Đức vua EKARĀJA phán với nàng dâu rằng : « Này con CANDĀ ! Con chớ lo ngại về sự chết của chồng con, phụ-vương cho con sẽ ở cùng em chồng con. Nghe vua cha phán như thế, nàng vật mình than khóc rằng : « Ôi ! ta thật là kẻ vô-duyên thiếu phước, được chồng vừa lòng yêu mến, mà phụ-hoàng lại nỡ phân-ly chồng vợ như vậy, làm cho ta phải trở thành một quả-phụ, nổi khổ này ta quyết uống độc-dược chết còn hơn, hoặc dùng giây thắt cổ tự tử cho rồi, hay nhảy vào đồng lửa chết thiêu càng tốt. Rồi nàng gọi các con cùng nhau vào tâu với đức vua cha rằng : « Cầu phụ-hoàng đừng giết chồng con, hãy giết con hoặc các cháu bé đây mà cúng-dường lửa. Dâu nàng CANDĀ quyết hy - sinh đủ mọi lễ để cứu mạng cho chồng, nhưng đức vua cũng chẳng nghe. Nàng bèn trở vào ôm chồng, rồi vật mình nằm lẳng-lộn bất-tĩnh trong nơi ấy.

Trong khi CANDĀDEVĪ (vợ đức Bồ-tát) đang khóc than kể - lễ, thì KANDAHĀLABRAHMANA làm vừa xong cái hầm để cúng-dường lửa, liền dạy quân dẫn đức Bồ-tát vào gần miệng hầm. KANDAHĀLABRAHMANA lấy sẵn mâm vàng để hứng máu, rồi đứng dậy đi lấy gươm, định chặt đầu tất cả, trong giờ ấy.

Lúc đó, nàng CANDĀDEVĪ thấy cử - chỉ KANDA-HĀLABRAHMANA như thế, nàng hoảng-hốt, không còn biết đâu là nơi nương - tựa. Nàng nghĩ rằng : Giờ đây không có chi nương cậy bằng sự ngay thật, cái quả của sự ngay-thật là nơi nương nhờ vững chắc của chồng ta, có thể đem lại sự an-vui được. Nghĩ xong, nàng đưa 2 tay lên khỏi đầu rồi nguyện trong khi đó rằng :

TAMATTHAM PAKĀSENATO SATTHĀ ĀHA
SABBASMIN UPĀGGATASMIN NISIDITE CANDA-
SURIYASMIN . . . AJJAYANTI.

Đức Chánh-đẳng Chánh-giác ngài bèn giảng phân-minh giữa tứ-chúng (Tỳ-khuru, Tỳ-khuru ni, cận-sự nam, cận sự nữ) nên thuyết rằng : Nầy chư Tỳ-khuru ! Trong khi CANDAKUMĀRA và SURIYAKUMĀRA vào gần miệng hầm cúng - dường, mà người ta sắp đặt sẵn đó Nàng CANDĀDEVĪ con của đức vua PAÑCĀLARĀJA tỏ lời rung-rung cầu-khẩn giữa công-chúng, nàng đưa hai tay lên lễ-bái chư-thiên rồi nguyện rằng :

ETENA SACCAVAJJENA «Thưa chư-thiên, do lời thành thật của tôi đây, tôi không giả-dối, KANDAHĀLA-BRAHMANA này là kẻ vô trí-tuệ, không có giới-đức, là người bất-lương, không chân-thật, vô hạnh-kiềm ; sự thật là như thế. Do lời thành-thật này, cầu mong oai-lực chư-thiên nhất là đức Đế-thích và Tứ . Đại Thiên-Vương hãy ủng-hộ chồng tôi cho thoát khỏi tay kẻ ác-dộc, đừng cho tôi lìa xa chồng tôi trong giờ này ».

Trong lúc đó, đức Đế-thích cầm côn sắt cháy đỏ, lướt đến ngự trên hư-không, hét lớn rằng : « Nầy vua thống-trị bất-minh, ngươi được thấy rõ trong nơi nào ; từ xưa, ai dạy bảo « cúng-dường lửa bằng máu rồi được lên thiên-đàng ». Ai là người chỉ dạy ngươi làm như vậy ? Nếu ngươi dạy giết con, vợ, các nhà triệu-phú v.v... thì ta sẽ bỏ côn sắt cháy hỏa-hào này lên đầu ngươi ra tro bụi, lập tức bây giờ ».

Khi đó, cả hai là : Vua EKARĀJA và KANDAHĀLABRAHMANA nghe tiếng hét la, quở trách trên trời và thấy rõ hào-quang của đức Đế-thích thì kinh tâm tán-đổm, mới cho thả ngay tất cả, nhất là hoàng-tử CANDAKUMARĀ. Đại-chúng đang hội-hợp gần nơi hầm cúng-dường lửa đều xôn-xao, huyên-náo ; đồng cùng nhau người dùng cây đánh đập, kẻ ném đá trúng KANDAHĀLABRAHMANA chết tại chỗ. Thấy KANDAHĀLABRAHMANA chết rồi, công-chúng bèn tiến vào định hạ-sát vua EKARĀJA. Đức hoàng-tử CANDAKUMĀRA (Bồ-tát) liền xông đến ôm đỡ vua cha, khuyên-cang, không cho người giết. Chúng dân tâu : Chúng tôi tha chết cho vua EKARĀJA, nhưng vua này rất độc-ác, bất minh, chúng tôi không vừa lòng cho thống-trị nữa.

Chúng tôi bằng lòng loại ra khỏi thành. Nói xong, chúng xông vào lột hết y-phục triều-đình của vua, cho mặc y nhuộm màu vàng nghệ trở thành kẻ hạ-tiện, rồi đuổi ra ở với bọn người thấp-hèn độc-ác. Khi đã giải-quyết xong những điều không may ấy và xếp-đặt trang-

hoàng đề tôn-vương cho CANDAKUMĀRA (Bồ-tát). Tất cả dân-chúng, nhất là các nhà triệu-phú đều hội lại đông-đủ làm lễ đăng-cực (1) đức CANDAKUMĀRA (Bồ-tát) trong lúc đó.

Khi quan quân, cung phi, đại-thần và vị cổ-văn đã tề-tụ đông đủ, đức Đế-thích cũng đến cầm cây long vàng to và thổi sáo chào mừng. Do uy-lực của đức Đế-thích đến dự lễ tức-vị của đức CANDAKUMĀRA (Bồ-tát) nên chư-thiên và các ngọc-nữ, nhất là nàng SUJĀTĀ cũng đến tham-gia lễ lên ngôi của đức CANDAKUMĀRA (Bồ-tát).

Khi đức Bồ-tát lên ngôi rồi, ngài bèn tu-chỉnh việc triều-chính, chấn bần dân nghèo, phóng-thích tù-nhân. Nhân-dân được gọi nhuần ân-huệ, nên trong nước toàn dân được an-cư lạc-nghiệp, thật là đời thái-bình thanh-trị.

Đức Bồ-tát hằng hết lòng phụng-sự cha già, nhưng không cho cha EKARĀJA vào đền. Ngài ngự đến thượng-uyển rồi đi thăm cha, song ngài không làm lễ ; cha ngài lại lễ bái ngài và chúc nguyện cho Bồ-tát được an-vui lâu dài.

Đức Bồ-tát trị quốc theo thập-vương-pháp nên sau khi thặng-hà được sanh lên thiên-cung.

SATTHĀ — Đức Thế-tôn khi đã giảng xong truyện đức Bồ-tát CANDAKUMĀRA, rồi giải tiếp rằng :
BHIKKAVE — Này các thầy Tỷ-khưu ! Để-bà Đạt-đa

(1) Đăng-cực là tôn lên ngôi vua.

không phải chỉ quên ơn Như-Lai trong kiếp này mà thôi. Các tiền-kiếp trước khi Như-lai chưa sanh làm CANDAKUMARA, Đề-bà Đạt-đa cũng bạc nghĩa Như-lai vậy, chỉ vì oan-trái mong giết hại Như-lai.

Xong, ngài thuyết-kháp Tứ-diệu-đế, chúng-sanh nghe và được đắc đạo-quả rất đông.

Đức Thế-Tôn bèn hợp các tiền kiếp lại như vậy :

TADĀ = Trong thuở đó, KANDAHĀLABRAHMANA nay là Đề-bà-đạt-đa ; Bà GĒTAMĪ nay là MĀYĀ hoàng-hậu, tức là Phật-mẫu ; CANDADEVI nay là nàng BIMBĀ, tức là mẹ RAHULĀ ; nàng SELĀKUMĀNĪ nay là UPAVANNA Tỳ-khưu ni ; trẻ VASULAKUMĀRA nay là ANANDA ; RĀMAGOTARO nay là đức Ca-Diếp ; BHADDHASEMO nay là Mục-kiền-Liên ; SURİYAKUMĀRA nay là Đại - đức Xá-lợi-Phất ; đức Đế-thích nay là A-Nậu lâu-đa. Tất cả kẻ tùy-tùng bộ-hạ của đức Bồ - Tát nay toàn là hàng Phật - tử. Đức CANDAKUMĀRA là dòng-dõi của Phật nay tức là đẳng Chánh-đẳng Chánh-giác, giác-ngộ tất cả pháp như thế

CANDAKUMĀRA JĀTAKA NITTHITAM

Dứt truyện Bồ-tát CANDAKUMĀRA

NARADA JĀTAKA

Truyện NARADA

BỒ-TÁT TU HẠNH XÁ BA-LA-MẬT

AHURĀJĀ VIDEHĀNANTI IDAM DHAMMA-
DESANAM SATTHĀ LADDHIVANUDYĀNASAMIPE
RĀJAGAḤANAGARE VIHARANTO URUVELAKAS-
SA PATTHERAM ĀRABBHA ATHEŚI.

(SATTHĀ) — Một thuở nọ, đức giáo-chủ ngự-an trong rừng tre gần thành RĀJAGAHA, ngài đề-cập đến nguyên-nhân hóa - độ đức URUVELAKASSAPA, rồi thuyết về chuyện NARADA.

Các vị A-xà-Lê kết-tập tam-tạng nương theo Phật-ngôn nhất là : AHU RĀJĀ VIDEHĀNAM ITI . . . rồi giảng rộng rằng : Khi đức Thế-tôn thuyết DHAMMA-CAKKAPPAVATANASŪTRA xong, ngài ngự đi hóa-độ 3 anh em, nhất là URUVELAKASSAPA bỏ tà-kiến, cho xuất-gia Ehibhikkhu (1) trong Phật-giáo ; ngài có tất cả 20.000 tỷ - khuru tùy - tùng, ngự vào kinh - đô RĀJAGAHA để thủ lời hứa với đức vua Tần-bà-xa

(1) Ehibhikkhu = Khi đức Phật gọi như vậy «Người hãy là Tỷ-khuru đi» thì đầu được cạo, thân mặc y ngay, như người đã xuất-gia 100 hạ.

(BIMBISĀRA) rồi an-nghỉ trong rừng tre gần kinh-dô RĀJAGAHA.

Thuở ấy, đức vua Tần-bà-xa và 12 muôn dân-cư, đồng nhau ngự đến lễ Phật, rồi ngồi nơi phải lễ.

Khi ấy, các Bà-la-môn, triệu-phú suy nghĩ rằng : Đức URUVELAKASSAPA hành đạo theo đức Samôn GOTAMA hay là đức Samôn GOTAMA là đệ-tử của ngài URUVELAKASSAPA, có thể vậy chăng ? Khi các Balamôn và triệu-phú phát tâm nghi ngờ, phân-vân như vậy. Đức Đại-bi hiểu rõ tâm-niệm của họ, muốn cho mọi người thấu-đáo rằng : URUVELAKASSAPA tu theo giáo-pháp của ngài. Đức Thế-tôn liền nói với đức URUVELAKASSAPA như vầy : KIMEVA DISVĀ URUVELAVĀSI PAHĀSI AGGĪ KISAKOVADĀNO PUCCHĀMI TAM KASSAPA ETAMATTHAM KATHAM PAHINĀM TAVA AGGIHUTANTI.

Nầy URUVELAKASSAPA ! Người là thầy dạy dỗ tất cả 500 Đệ-tử của người trong xóm URUVELA, nay có sao người liệng bỏ cả vật cúng-dường lửa ?

Đức URUVELAKASSAPA mong tỏ bày nguyên-nhân ấy cho rõ-rệt, bèn quì bạch bằng câu kệ-ngôn rằng :

RŪPECA SADDECA ATHO RASECA KĀMITHI-
YO CĀBHIVADANTI YAÑÑĀ ETAM MALANTI
UPADHĪSU NĀTVĀ . . .

Bạch đức Thế-Tôn ! Thông-thường các Balamôn sáng-lập đạo cúng-dường lửa đó, là mong được tăng-gia

sắc, thanh, hương, vừa lòng phụ-nữ, tham ngũ-dục là điều không tinh-khiết. Bạch Phật, tôi đã thấy và hiểu được sự cúng-dường lửa là không trong sạch, là phiền-não, lôi-cuốn chúng-sanh vào vòng sanh-tử luân-hồi, Bạch Phật, tôi quán-tưởng thấy Niết-Bàn là nơi dập tắt phiền-não, không cho sanh-diệt nhất là ngũ uẩn. Tôi thấy chắc rằng Niết-Bàn chẳng còn phiền-não, thoát-ly tam-giới. Niết-Bàn này, chúng-sanh không thể biết được, bằng ngoài đạo tâm của người được chứng quả, thoát-ly tất cả thống-khổ. Vì thế, tôi chẳng còn ưa-thích sự cúng-dường lửa, và bỏ cả vật cúng-dường như thế.

Đại-đức URUVELAKASSAPA sau khi quì bạch, đáp như đã giải, chỉ mong cho công-chúng biết rõ rằng ngài là hàng Thanh-văn của đức Đại-Bi, rồi cúi đầu mọp nơi chân đức Phật mà tuyên-bố rằng: SATTHĀ ME BHANTE BHAGAVĀ... Đức Thế-Tôn là đấng giáo-chủ, tôi là thanh-văn đệ-tử của Ngài. Ngài là đức Bồn-sur của tôi. Xong đức URUVELAKASSAPA liền thị-hiện thần-thông bay lên không-trung cao một cây thốt-nốt, xuống lễ-bái đức Phật rồi bay lên nữa cao 2 cây thốt-nốt, 3, 4, 5, 6 cho đến 7 cây thốt-nốt, nghĩa là bay lên 7 lần, trở xuống mỗi lượt đều quì lạy dưới chân của đấng Chánh-Đẳng, Chánh-Giác 7 lần như vậy, rồi đến ngồi trong nơi phải lễ.

Đại chúng xem thấy thần-thông phi-thường như thế, rất kính-phục và bàn luận cùng nhau rằng: Đức Phật có rất nhiều uy-đức. Ngài URUVELAKASSAPA mà chúng ta cho rằng là bậc Alahan mà Phật chinh-phục

được, làm cho ngài URUVELAKASSAPA phải bỏ cả vật cúng-dường lửa, qui-phục theo làm đệ-tử của ngài.

Đức Thế-Tôn nghe Đại-chúng khen-ngợi như vậy bèn phán rằng : « Nầy chư thiện-tín ! Như-lai được giác-ngộ rồi, hóa - độ URUVELAKASSAPA đây không lạ thường đâu. Khi xưa Như - Lai sanh làm NARADA Đại Phạm-Thiên, còn tham, sân, si, nhưng cũng đã chinh-phục URUVELAKASSAPA cho liệng bỏ các vật cúng-dường lửa theo tà-đạo, rồi ngài nín tĩnh.

Chư Tỳ-khuru mong được nghe tiền tích. nên qui cầu xin đức Thế-Tôn từ-bi giảng tiếp.

Đức Phật bèn thuyết về truyện NARADA rằng : Nầy các thầy Tỳ-Khuru ! ĀTITE KĀLE = Trong thuở quá-khứ, có vị hoàng-đế tên là ĀNGATIRĀJA trị - vì trong thành MITHILĀ, đức hoàng-đế này trị dân theo chánh-pháp.

Đức Hoàng-đế có một công-chúa tên là RUCĀ có quốc sắc, thiên hương và đại-phúc-đức — Hoàng-đế ĀNGATIRĀJA chỉ có con một, nên rất quý mến. Hằng ngày đức vua ban cho Công-chúa những y-phục quý-giá và hoa thơm 25 hộp để nàng trang điểm, và thực-phẩm cao-lương mỹ-vị vô giá ; mỗi nửa tháng ngài đều cấp cho 1.000 lượng để công-chúa chi-phí tùy sở thích.

Trong các quan hầu của vua có 3 Đại - thần là : VIJEYA, SUMĀNA và ALĀTA. Cả ba đại-thần này đều vừa lòng vua. Khi đến ngày rằm tháng 12 (Ấn-Độ) đức vua dạy trang-hoàng đường-xá, từ các châu-thành

đến hoàng-cung thật là xinh đẹp, như thiên-cung, rồi cho dân chúng diễn-kịch vui chơi. Đức vua phán hỏi các Đại-thần rằng : Này các khanh ! Nay là ngày rằm tháng 12, trời thanh trăng tỏ, gió mát cảnh vui, vừa cho chúng ta lưu lại trọn đêm, để ngắm cảnh êm-đềm lạc-thú. Vậy các khanh có chi hay, hãy trình-bày cho trẫm nghe.

Khi ấy, vị đại-thần ALĀLA tâu rằng : Hạ-thần xét thấy, nếu bộ-hạ đem binh chinh-phạt thâu-phục được các nước lân-bang thành thuộc địa của Đại-vương, là hay nhất.

Đức vua nghe bèn cấm-ngăn, không vừa lòng lời tâu ấy.

Vị Đại-thần SUMĀNA thấy đức vua không chấp-thuận, nên tâu : Hạ-thần xin bộ-hạ cho người sắm sanh cao-lương mỹ-vị, rồi cùng nhau ăn uống vui chơi, dạy cung-nữ ca xang múa hát, thế mới thật là vui thú cho.

Nghe tâu như thế, đức vua không vui và cũng không buồn, ngai nín thinh.

Về phần đại-thần VIJEYA thấy đức vua không ưa-thích ngũ-dục, cho đức vua là bậc trí-tuệ. Lệ thường, người trí-tuệ hằng mong nghe pháp. Vậy ta nên tâu thỉnh đức vua đi nghe pháp chắc ngai vừa lòng. Nghĩ rồi tâu : Tâu lệnh hoàng-thượng, đêm nay đáng cho chúng ta đi tìm các vị Samôn, hoặc Balamôn hay hàng trí-tuệ học cao hiểu rộng, thấy xa mà luận đạo hoặc hỏi những

điều nan-giải, dễ phá-nghi cho chúng ta. Tâu, hạ-thần thấy như vậy mới thật là hạnh-phúc cho chúng ta.

Đức vua ANGATIRĀJA rất hài-lòng, phán rằng : Khanh tâu như thế rất hay, vậy khanh biết rõ có bậc trí-tuệ trong nơi nào, đáng cho trầm nghe đạo.

Khi đức vua phán như vậy, vị đại-thần ĀLĀTA nghĩ rằng : Ta có một nội-tổ là GUNĀJIVAKA ngụ trong vườn Thượng-Uyển. Vậy ta nên tâu cho đức vua rõ, dễ ngài đến đó, cho nội-tổ ta được làm thầy đức vua, thì vinh-dự biết bao. Nghĩ như vậy rồi vị đại-thần ĀLĀTA bèn tâu rằng : Hạ-thần có một nội-tổ, hiện nay ngụ tại Ngự-uyển, ngài là thầy tổ của phần đông, ngài dạy toàn là lời chân-chánh, và biết tri-túc. Xin thỉnh bộ-hạ ngự đến luận đạo với nội-tổ hạ-thần, tin chắc ngài sẽ phá-nghi cho bộ-hạ được.

Đức vua ANGATIRĀJA bèn dạy sửa sang long-xa và mặc triều-phục có quan quân hộ-giá cùng các Đại-thần ngự đến vườn thượng-uyển. Khi gần tới, ngài xuống xe, đi chân không vào gần thầy GUNĀNIVAKA rồi đưa tay lên lễ-bái Bạch ngài GUNĀJIVAKA ! Thân tứ-dại của ngài được điều-hòa không ? Thường ngày, Ngài có được thực-phẩm vừa cho ngũ-uẩn chẳng ? Không thiếu-thốn thái-quá chẳng ? v . v . .

Khi đức vua ôn - tồn tỏ lời hỏi ấm - lạnh như thế, Đạo-sĩ GUNĀJIVAKA đáp : Uy-nghi, 9 khiếu tôi đã duy-

trì như thường lệ, thực-phẩm cũng vừa đủ nuôi mạng ; sự mạnh-khỏe ốm đau khi vầy khi khác v.v..

— Tâu Đại-vương trị - vì được an-vui, bệnh hoạn cũng không làm hại, đại-vương được sức-khỏe kiện-toàn chẳng ?

— Bạch, tôi trị nước được thái-bình, thân tâm mạnh khỏe an-vui. Bạch đạo-sĩ, chúng tôi đến đây hy-vọng hỏi những pháp mà chúng tôi còn nghi-nan, cho minh-bạch điều gì nên làm, việc chi phải tránh. Xong, đức vua bạch hỏi rằng :

Thông-thường, đức vua được trị-an trong nước nên có :

1/— Thiện-pháp với triều thần.

2/— Phụng-sự mẹ cha, các bậc thầy - tổ và hàng trưởng-thượng.

3/— Đối với vợ con.

4/— Đối với các Samôn, Balamôn.

5/— Đối với dân-chúng bằng cách nào ?

6/— Tu-hành thế nào mới được lên cõi trời.

7/— Người trong đời này, sau khi mệnh-chung được sanh về nhàn cảnh bằng nghiệp lành nào ?

8/— Những kẻ phải sa-đọa địa-ngục, do nhân ác gì ?

Với những câu mắc-mở, vi-tế và cao-thượng ấy, đức vua ANGATIRĀJA nên hỏi đến Đẳng Chánh - Đẳng Chánh-giác hay Độc-giác, hoặc Thịnh-văn-giác, bằng

không có các bậc thánh-nhân, thì tìm đức Bồ-tát, chẳng nên hỏi GUNNĀJIVAKA, khác chi kẻ mù trong đêm tối, biết gì mà giải được.

Khi nghe hỏi như thế, đạo-sĩ GUNNĀJIVAKA không biết pháp gì mà giảng cho đức vua nghe, nên thuyết về pháp tà-kiến rằng : « Tâu đại-vương ngài nên lắng nghe tôi giảng chánh-pháp đây : Quả-báo của thiện-pháp không có đâu, không có tội phước chi cả, những kẻ mà vô trí-thức mới nói có tội, có phước và cho bố-thí, trì-giới là có, được phước.

Tinh tấn bố-thí, trì-giới thật là luống công, vô-ích làm cho tiêu hao tài - sản ; thiên đàng, địa-ngục cũng chẳng có, đời này không, mẹ cha cũng không, mà ông bà, thầy tổ cũng chẳng có. Thường ngày đây sự tốt xấu như nhau, lành dữ cũng chẳng có. Tiếng nói sát-sanh, giết người cũng sai, ai giết, ai chết ? Sanh ra thành hình là nơi tập-hợp của 7 yếu-tố là : Đất, nước, lửa, gió, cũng theo mỗi yếu-tố ; vui-khổ và sinh-mệnh ; đến khi tan-rã 7 yếu-tố, đất thì theo đất, nước, lửa gió cũng theo mỗi yếu-tố ; vui khổ và sinh-mệnh thì bay lên không-trung. Như thế thì gọi giết ai, ai chết ? Tiếng nói chúng-sanh là gọi theo thông-thường mà thôi, thật ra sự giết chết nhau không có. Khi 7 yếu-tố tan-rã chia lìa rồi, đời chỉ sanh là chết, là hết sinh-mệnh. Hết thế nào được, sinh mệnh lên ở trên không-trung. Người nào có thể làm cho hết sinh-mệnh được. Mặc-dù kẻ cướp đoạt của giết người như thế, nếu quan-sát theo chân-lý là tứ-dại đem yếu-tố đi, không có người cướp, cũng không có kẻ tà-dâm.

Tâu Đại-vương, con người trải đi trong vòng sanh-tử luân-hồi, cho đến hạn-kỳ 84 kiếp rồi, thì tự-nhiên trong-sạch; dầu thực-hành cho trong sạch đến đâu, thì cũng phải đến hạn-kỳ đó.

Đức vua được nghe như thế, phán rằng : Nếu quả phước không có, thì đi tìm nhà sư có ích gì. Nói xong, ngài liền đứng dậy ngự đi về thành. Khi đức vua đến gặp GUNĀJIVAKA thì ngài lễ-bái, lúc trở về ngài không từ-giả chi cả. Vì GUNĀJIVAKA thuyết-pháp tà-kiến như thế, nên mới tiêu tan tất cả lợi-lộc cúng-dường như vậy.

Sáng ra, đức vua ĀṆGATIRĀJA cho các đại-thần tề-tự lại đông đủ, hỏi phán rằng : « Kể từ đây, các khanh hãy xếp đặt, tìm kiếm cho đầy đủ ngũ-dục để trang hoàng cung-diện cho trăm thọ-dụng được an-vui. Trăm không còn phận sự nhỏ lớn trong triều-chính như trước nữa. Ba đại-thần là : VIJJEYA, SUNĀMA và ĀLATA hãy lãnh trách-nhiệm chỉ-huy, thay thế cho trăm đi, dầu có việc đại-sự chi cũng chẳng nên cho trăm hay, trăm không còn phải bận lòng gì nữa cả. Các phước-xá đã tạo trước nay nên phá-hủy đi.

Đến ngày 14 Công-chúa RUCĀRĀJA cho đòi các cung-nga đến dạy rằng : « Mai này là ngày mà chư-thiên hội-họp nhau, chúng ta sẽ đi thăm vua cha, các người nên xếp đặt đồ trang-sức và phục-sức cho ta, cho khác hơn ngày thường ».

Các cung-nga vâng lời đem tràng-hoa bằng lõi trăm-

hương quý-giá và các ngọc báu v . v . . . cho công-chúa trang-diễm. Sáng hôm sau, công-chúa cùng 500 cung-nữ bạn của công-chúa đồng nhau đến chầu phụ-vương của nàng.

Đức vua thấy công-chúa đến chầu, ngài rất vui mừng, rồi ban-thưởng cho nàng 1.000 lượng tùy ý xử - dụng. Đây là vua cha cho theo thường lệ vì thương con, nhưng không ưa thích trong sự bố-thí vì ngài đã chấp hản tà-kiến.

Sáng ra, công-chúa sắp đặt sẵn-sàng để thọ-trì bát-quan trai-giới và làm việc bố-thí đến kẻ cô-độc, nghèo đói, bệnh tật vừa với chí-hướng của nàng. Sự xu-hướng của đức vua nghe theo lời GUNĀJIVAKA, dân-chúng khắp thành BĀRĀNASĪ đều biết.

Các cung-nga hay rõ tự-sự của đức Vua, bèn vào tâu cho Công-chúa biết. Công-chúa rõ được nguồn cơn sanh lòng buồn thảm, phiền muộn rằng : Phụ-vương không nên thân-cận với GUNĀJIVAKA, kẻ không biết hổ-thẹn như thế. Phụ-vương nên tìm hỏi đạo với các Bạc Samôn chơn chánh, lẽ đâu lại vẫn đạo nơi GUNĀJIVAKA. Nay, ngoài ta ra, ai dám khuyên phụ-vương ta bỏ tà theo chánh được. Ta nhớ được 7 tiền - kiếp, và biết được 7 hậu kiếp thành 14 kiếp. Ta sẽ đem giảng các kiếp và những nghiệp mà ta đã tạo, cả quả mà ta đã phải chịu cho vua cha nghe rõ, khiến cho phụ-vương bỏ tà-kiến mới được. Nếu ta vào chầu trong ngày nay, khi phụ-vương hỏi nguyên-nhân nào mà đến gặp. Theo thường lệ ngày rằm mới vào chầu, nếu ta tâu rằng vì được

nghe Phụ-vương theo tà-kiến mới đến, thế là không hợp thời. Thôi ta chờ đến 1 ngày nữa, như đã quen đến châu từ trước, ta giả làm như không nghe biết chi cả. Xét như thế, công-chúa chờ đến ngày rằm, nàng trang-diễm xong cùng đi với các cung-nga vào châu vua cha, khi công-chúa lễ-bái rồi nàng ngồi trên bảo-tọa vàng.

Đức vua thấy con vào châu, ngồi cùng các bạn gái dung-nhan xinh đẹp như các ngọc-nữ trên thiên-cung, ngài rất vui lòng, rồi tỏ lời thiện-cảm hỏi con rằng :

— Này con quý mến ! Hoàng-cung của con có đủ đồ trang - hoàng, có ao sen, hoa thơm đủ màu, có cung-nga mỹ-nữ hầu hạ, con được vừa lòng ưa-thích chăng ?

— Tâu, những trang-sức, kẻ tùy tùng bộ-hạ, cao-lương mỹ-vị, v.v. mà phụ-vương ban cho, con rất được hài lòng. Tâu, mai này là ngày 30 có chư-thiên hội-hợp, xin phụ-vương cấp cho con 1000 lượng, để con bố-thí như trước mà hồi-hướng phước báu đến phụ-vương.

Nói về đức vua ANGĀTIRĀJA, từ trước Ngài hằng ban của tiền đến công-chúa RUCĀRĀJA, không chờ nàng phải xin và thường hay nhắc-nhở nàng bố-thí. Nay ngài không cho, vì ngài đã tin hẵn theo tà-kiến, là bố-thí không có quả-phúc chi — Đức vua phán với công-chúa rằng : « Này con RUCĀ ! Con đã bố-thí nhiều, của-cải cũng đã tiêu-hao nhiều rồi, từ đây, con đừng làm việc bố-thí nữa ; con hãy lo ăn cho no bụng, vui chơi còn tốt hơn. Trước kia cha không biết, tưởng rằng là được phước, có quả-báo, lợi-ích mới khuyên con làm. Nay

cha được gặp giáo-pháp mới nơi Đạo-sĩ GUNĀJIVAKA tu đạo lửa thề, là vị giáo-sư cao-quí lắm. Đạo-sĩ dạy rằng : không phước, không tội, thiên - đàng không có, địa-ngục cũng không, cha mẹ cũng không, đời này qua đời sau cũng chẳng có. Thường ngày đây, con người sanh ra là sanh theo với nhau, luân-hồi đến hết 84 kiếp rồi trở nên trong sạch tự-nhiên ; GUNĀJIVAKA dạy cha như vậy.

Công-chúa RUCĀ được nghe vua cha phán như thế, nàng rất buồn thảm. Ôi ! Phụ-vương ta đã chấp hản theo GUNĀJIVAKA, vậy ta nên tường - thuật về 14 kiếp mà ta nhớ được, cho Phụ-vương ta nghe rõ quả phước và quả tội, để Phụ-vương bỏ tà quy-chánh, trong giờ này. Xét như thế, nàng RUCĀ tâu rằng : Tâu phụ-vương, các bậc trí-tuệ từ ngàn xưa có tuyên-ngôn rằng : « Kẻ nào gần hạng si-mê thì sẽ thành si mê, thân cùng lầm-lạc thì sẽ lầm-lạc theo, đây là những lời của các bậc tiền-bối. Phụ-vương là dòng-dõi cao sang quyền-thế, có nhiều trí-tuệ, lẽ đâu lại nghe lời của GUNĀJIVAKA, là hạng thấp hèn, vô-trí-thức. Phụ-vương là bậc chí-tôn trong đời, không nên xu-hướng theo tà-kiến, những lời mà GUNĀJIVAKA đã giảng toàn là điều xấu-xa tội-lỗi, hản không biết hổ-thẹn, phụ-vương không nên tin-tưởng. Và lại, lời nói trước và nói sau không hiệp nhau rằng tội không tội, phước không phước, không có lợi-ích, phước tội cũng không, đến 84 Kiếp thì trở nên trong-sạch. Như thế tại sao GUNĀJIVAKA không đi theo ngũ-dục, lại tu Đạo-sĩ lửa thề làm

chi cho phải khổ sở như vậy. GUNĀJIVAKA nói rằng làm phải không có quả vui, thì hẩn tu làm gì ? Tâu phụ-vương, lời nói và việc làm của GUNĀJIVAKA không đi đôi, thế chứng tỏ rằng hẩn là kẻ vô trí-tuệ lăm-lạc thật. GUNĀJIVAKA là kẻ lạc đường, không thấy xa, như con phù-du (1) thấy ánh sáng lửa trong đêm, cho là vui rồi nhảy vào lửa mà phải chết. Phù-du chết vì ngọn lửa, thế nào GUNĀJIVAKA theo tà-kiến tìm không thấy hạnh-phúc, sẽ chịu khổ trong 4 ác-đạo vì sự lăm-lạc ; khác nào loài thiêu-thân đó vậy. Những người đã lăm-lạc tin theo GUNĀJIVAKA ắt sẽ bị hại chẳng sai, như loài cá ăn mồi của ngư-ông, sẽ bị khổ chết không sao tránh khỏi, thế nào, kẻ tin lăm theo lời của GUNĀJIVAKA ắt sẽ sa trong 4 ác-đạo chịu khổ lâu đời.

Tâu Phụ-vương, con xin thí-dụ cho phụ-vương rõ ; như người thương mãi chở chuyên rất nhiều hàng-hóa, vì mong được lợi, tưởng là thuyền to đến khi nước ngập vào, thuyền đắm trong biển, khác nào kẻ làm tội mà chưa chịu quả khổ, là vì quả khổ chưa đến kịp, nên còn hưởng sự vui, khi nhân ác cho quả, phải mang lấy nghiệp khổ không sai.

Lệ thường, người sinh ra trong đời nên gần bạn lành có hạnh-kiềm tốt, biết tội phước, tốt xấu, lợi hại, chánh tà ; thân-cận các bậc hiền-minh, bác học lánh dữ làm lành, bổ-thí, tri-giới, tham-thiền niệm Phật, nghe pháp.

(1) Con thiêu thân

Những người được gặp thầy bạn lành như thế, thì hằng được an vui trong cõi này, đến kiếp sau. Được gần bậc có giới - đức dần - dắc, nhắc nhở, khuyên lơn thì sẽ trở nên bậc hiền nhân, biết rõ rằng đây lành hay dữ, kia là tội hay phước. Khi đã rõ tội hay phước rồi là nhân cho mình bỏ dữ về lành, chỉ làm điều phải đem hạnh-phúc đến mình và cho kẻ khác, do nhờ thân-cận bậc trí-tuệ như thế. Những người tìm giao-thiệp với bậc trí-tuệ, sẽ thành bậc trí-tuệ giống nhau, ví như lá cây có rải nước thơm. Kẻ gần bậc hiền-minh sẽ được các ngài dìu-dắc lên phẩm-hạnh thanh-cao đến nơi giải-thoát. Những kẻ làm bạn cùng hạng si-mê, hằng gặp điều bất hạnh, những hạnh-phúc, dần-dần sẽ hao-mòn, của-cải sẽ tiêu-tan, vì hạng si-mê vô-trí-tuệ thường quấy-rủ trong việc ác là sát-sinh, trộm cắp. v . v . . . Mặc dù mình chưa quen làm, chỉ thân-thiết với kẻ si-mê, mình sẽ trở nên hạng si-mê. Ví như lá cây mà họ dùng gói cá thối, thì lá trở nên thối hôi thế nào, người thân-cận với kẻ ác sẽ là người ác như thế. Những người hay tìm gần kẻ si mê, ắt sẽ làm điều tội-lỗi rồi phải sa-đọa địa-ngục. Do đó, hàng trí-tuệ không bao giờ thân-cận với kẻ tối-tăm, lăm-lạc và luôn luôn tránh xa họ, vì khi đã si-mê vô trí-tuệ rồi hằng lăm-lạc làm những việc trái với công-lý, và phải chịu khổ trong ác-đạo lâu đời.

Tâu Phụ-vương, nếu phụ-vương tôn-sùng và tin lời GUNĀJAVAKA không nên đâu. Quả của thiện-pháp có, quả của ác-pháp cũng có ; làm lành hằng được vui, làm

dữ phải chịu khổ, chẳng phải như lời GUNĀJIVAKA đã giảng đó đâu.

Những hàng nam, nữ nào tinh-tấn bồ-thì, trì-giới v.v... các nam nữ ấy sẽ đến Niết-Bàn. Kẻ nào làm điều tội-lỗi phải chịu khổ trong 4 ác đạo, luân-hồi sanh-tử lâu đời nhiều kiếp. Khi luân-hồi đến 84 Kiếp rồi được trong sạch chẳng phải đâu.

Tâu phụ-vương, xin phụ-vương lắng nghe con tâu cho phụ-vương rõ các tiền kiếp của con như vầy :

Một kiếp trước con sanh làm con trai của người thợ bạc, ngụ trong kinh-đô Rajagaha. Thuở đó, con gần bạn ác, nên tà-dâm với vợ con người, nhưng khi hấp-hối, nghiệp ác đó chưa trả quả; nghiệp lành của con đã tạo trong kiếp trước nữa đến cho quả, nên con sanh làm con trai của một triệu-phú có 800 triệu trong thành Kosambhī. Kiếp này con được gặp bạn lành, bạn con dẫn-dắt cho biết tội-phước chánh-tà v.v... và nhắc-nhở con làm việc lành nhất là bồ-thì, trì-giới. Con tinh-tấn thợ trị bát-quan trai thường, nhưng đến khi mạng chung, cái phước đó chưa cho quả kịp, nghiệp dữ mà con đã tạo khi làm con trai của thợ bạc theo kịp, nên sau khi chết phải sa-đọa trong

địa-ngục Roruva (1) rất lâu. Hôm nay con nhớ đến những thống-khổ đó nên không dám cầu-thả dễ-duôi. Con bị khổ trong địa-ngục Roruva muôn phần thâm-thảm, không sao tả xiết. Ra khỏi địa-ngục rồi ; cũng chưa hết tội, con lại sanh làm lừa của vị Đại-thần trong thành Nakatarāja, họ bắt thiến và dùng để cỡi, nếu không cỡi thì họ bắt kéo xe rất nặng - nề, khổ-nhọc. Khi chết khỏi kiếp lừa, sanh làm khỉ trong rừng. Khi ra khỏi lòng mẹ không bao lâu bị người ta bắt đem về thiến rất đau khổ, kêu la đến đâu họ cũng thiến cho được. Đây cũng vị tội tà-dâm đã tạo trong kiếp người, khi là con thợ bạc.

Tâu, sau khi chết khỏi kiếp khỉ, sanh lên làm người lưỡng tính (2) trong thành Vajirāja, do tội tà-dâm còn dư-xót, song nhờ phước hộ-trợ nên mới được làm người như vậy. Cha mẹ, anh, chị, em, ông, bà, thân-tộc, bạn bè hăng thương yêu con luôn. Sau khi chết con được sanh lên cõi trời là một thiên-nữ, hưởng phước trên Đạo-lợi thiên-cung, là hoàng-hậu của đức Đế-thích. Được làm hoàng-hậu của

(1) Roruva

(2) Có cả tính nam và tính nữ.

đức Đế-thích 4 kiếp. Đến kiếp thứ 5 con sanh ra là hoàng-hậu của vị trời Javana.

Một ngày nọ, đức Javana dẫn đi ngoạn cảnh, cùng các ngọc-nữ tùy tùng đến hái hoa; các ngọc-nữ hầu hạ hái hoa kết thành tràng, dặng trang-điễm cho con. Trong lúc đó con hết phước, nên hạ sanh làm con của phụ-vương hiện giờ. Nay con đã được 16 tuổi rồi, nhưng đối với cõi trời chỉ có một phút mà thôi, nên vị trời Javana và các cung-nữ chưa biết con đã chết, còn đang lo xỏ hoa dể trang-điễm cho con. Khi bỏ ngũ-uẩn kiếp này, con sẽ sanh lên cõi trời có rất nhiều uy-lực và sẽ khởi làm người nữ từ kiếp này đây.

IDAM NARADA VATTHUN — Về truyện đức NARADA đây chư thiện-nam tín - nữ được nghe biết như đã vừa giải qua, có lẽ nghi ngờ và đặt câu hỏi rằng: Tại sao đoạn trước nói nàng công-chúa nhớ được 14 kiếp (7 kiếp trước và 7 kiếp vị-lai). Nay lại thấy giải 13 tiền-kiếp và 1 kiếp vị-lai, tại sao?

Xin giải rõ rằng: Nàng Công-chúa RUCĀ nhớ được 7 tiền kiếp, vì căn cứ khi nàng làm hoàng-hậu của đức Đế thích, không phải đề-cập về kiếp hiện tại, khi nàng là công-chúa RUCĀ đây. Bởi kiếp nàng là Hoàng-hậu của đức Đế-thích đó, nàng nhớ được 7 kiếp vị-lai và 7

tiền kiếp. Khi được sanh ra là công-chúa RUCĀ đây, nàng chỉ nhớ được 13 tiền kiếp và 1 kiếp vị-lai như thế thôi.

Nàng công-chúa RUCĀ giảng-giải về tiền-kiếp và vị-lai kiếp cho phụ-vương nàng nghe, có lời kệ-ngôn rằng : « Người nào mong được làm người nam trong mỗi kiếp. Cần phải giữ không tà-dâm, cho trong-sạch. Người đã rửa sạch chơn rồi, hằng tránh không cho dính bùn, vì sợ dơ bẩn. Vả lại, kẻ nào mong được lên cõi trời, nên chừa cải những điều tội-lỗi, phải hành theo thập-thiện (thân, khẩu, ý lành) trú trong pháp không cầu thả (appamadadharma) đừng làm hại chúng-sanh. Chúng-sanh, sinh ra trong đời có đủ sự sang cả, uy-quyền, được nhiều người kính-mến tôn-sùng, đều nhờ nghiệp lành của mình đã tạo từ bao kiếp trước.

Tâu phụ-vương ! Phụ-vương nên suy-nghĩ xem tất cả 16 ngàn cung-ngà mỹ-nữ, quốc-sắc thiên-hương như hàng ngọc-nữ, ngày đêm hầu hạ phụ-vương. Phụ-vương được các nàng hầu hạ, châu-chực do nhân nào ; hay là phụ-vương ngủ rồi có được, hoặc phụ-vương làm điều ác-đức mà được ? Phải chăng nhờ kiếp trước phụ-vương có bố-thí, làm lành nên nay mới

được thọ-hưởng cao-sang như vậy. Xin phụ-vương bình tâm suy-xét cho tường-tận.

Phụ vương nghe lời của GUNĀJIVAKA, rồi phụ-vương xét lại lời của bạn lành như con đã giải; phụ-vương tin rằng đời này có quả báo như thế đi ».

Các Samôn, Bàlamôn cũng có phụ-vương đừng nghĩ sai như vậy. Công-chúa chỉ con đường lên thiên-cung cho đức vua cha nhận-thức phân-minh như thế.

Đức vua ANGATIRĀJA được nghe, thì vui thích, vừa lòng lời giải của công-chúa, nhưng vừa lòng bằng cách trống không, vẫn chấp hủn tà-kiến, một mực không chịu đời đời kiến-thức. Đây là do sự thân cận với kẻ si-mê, thiếu trí-tuệ mới trở nên lầm lạc như thế.

Các bậc trí-tuệ nên quán-tưởng cho thấy rõ mà tránh xa, kẻ si-mê ta chẳng nên ăn ở chung với kẻ ấy, xem kẻ đó như nọc-độc. Nhưng khi đã lỡ (nên tìm gần các bậc hiền-minh) vướng nọc độc rồi nên tìm các bậc hiền-minh có thể sửa-chữa khỏi được. Trái lại, kẻ nào thân-cận với hạng người si-mê, khó gỡ cho khỏi tay kẻ độc ác được và ắt sẽ bị hại không sai.

Khi công-chúa RUCĀ đã hết lòng giảng-giải cho phụ-vương nàng nghe, từ sáng sớm cho đến trọn đêm như thế, mà cũng không làm cho vua bỏ tà theo chánh được. Khi công-chúa đã hết lời khuyên giải để thức-tỉnh vua cha mà bất thành như vậy ; nàng nghĩ ta phải tìm phương-pháp nào làm cho vua cha bỏ tà theo chánh mới được. Nghĩ xong nàng bèn đưa 2 tay lên quì vái, cầu khẩn mười phương, nguyện rằng : « Các ngài Samôn, Bàlamôn có giới - đức, chư-thiên, phạm-thiên có nhiều uy-lực trong thế gian, xin giúp tôi để cởi mở tà-kiến cho phụ-vương tôi. Nếu ân-đức của cha mẹ có thật, cầu xin các ngài hãy làm cho phụ-vương tôi đừng vướng tà-kiến nữa, hiện trong giờ này ».

Khi công-chúa RUCĀ cầu-nguyện xong, rồi quì lạy trong 10 phương, khiến cảm-ứng đến đức Bồ-tát của chúng ta là đức NĀRADA. Ngài có nhiều đức từ-bi, thường tìm xem sự quấy phải của chúng-sanh. Khi đức Bồ-tát NĀRADA quán-tưởng thấy rằng công-chúa RUCĀ mong cho phụ-vương nàng bỏ tà-kiến, cầu-khẩn chư-thiên hộ-trì, Ngài suy-nghĩ rằng : Thật vậy, ngoài ta ra không ai làm cho đức vua ĀṅGATIRĀJA bỏ tà-kiến được. Vậy ta hãy té-độ đến nàng công-chúa RUCĀ, cho phụ-vương nàng bỏ tà-kiến, đem đến chúng-sanh những điều hạnh-phúc, hôm nay ta nên xuống bằng cách nào đây ? Ta giáng-hạ bằng tướng người xuất-gia có phạm-hạnh, là bậc mà đại-chúng thường tôn-kính. Bồ-tát xét như thế, liền biến ra người xuất-gia, tướng-mạo đường đường, chính chính, có đủ y bát rõ-ràng, hào-quang chiếu sáng

như vầng trăng tỏ trong đêm rằm. Ngài ngự trên không trung ngay trước mặt đức vua ANGATIRĀJA trong lúc ấy.

TAMATTHAM ATHĀTAMĀ BRAHMALOKĀ
NARADO NASSĪPAJAM JAMBŪDĪPAM APEK-
KHANTO ADUSARĀJĀNĀM ANGATI TĀTO PATIT-
THAPĀ SAVE VEDEHASSA PURATO TABBADISVĀ
NUDAPATTAM PĀIMAM VANDA THĀTI YAM
ATTHAM.

Ý nghĩa nào không rõ-rệt trong câu chuyện, đức Thế-tôn khi thuyết ý-nghĩa đó, ngài giảng bằng Phật-ngôn rằng : « BHIKKHAVE — Này các thầy Tỳ-khưu ! Khi đức Bồ-tát xem thấy trong thế-gian có đức vua ANGATI-RĀJA tà kiến, rồi thương hại công-chúa RUCĀ, nên giáng hạ từ cõi trời Phạm-thiên, ngự trên không-trung ngay hoàng-cung, trước mặt công-chúa RUCĀ, nàng xem thấy hết lòng hoan-hỉ rằng : « Ngài đến trong giờ này đây, là vị trời từ-bi xuống để tế-độ ta, sẽ làm cho phụ-vương ta bỏ tà-kiến không sai, rồi nàng quì lạy đức Bồ-tát trong khi ấy.

Nói về đức vua ANGATIRĀJA khi thấy đức Đại-phạm-Thiên NĀRADA ngự trên hư-không ngay mặt ngài, khiến ngài kinh sợ uy-đức của trời Phạm-thiên, không thể ngồi trên bảo-tọa được, ngài bèn ngự xuống đứng nơi đất mà hỏi rằng :

KUTO NU ĀGACCHĀSI DEVAVANNI OBHĀSA-

YAM SABBARĀTTI CANDIMĀVA KATHEHI ME
PUCCHITAM NĀMA GOTTALAM KATHAM NA
JĀNANTI MANUSSALOKETI.

Tôi xin hỏi ngài : Ngài có tướng-mạo quang-minh như
chư-thiên hào-quang của ngài chói-lọi trên không-trung
như ánh-sáng mặt trăng trong đêm. Ngài đây, từ nơi
nào mà đến ; quý danh ngài là chi ? Xin ngài cho tôi biết
rõ tên họ phân-minh.

Đức vua ANGATIRĀJA cho rằng đức NĀRADA
là hạng phàm nhân, nên không làm lễ Đức NĀRADA
hiều rằng đức vua ANGATIRĀJA tưởng là cõi khác
không có, vậy ta nên giảng cho vua hiểu rằng cõi khác
cũng có. Nghĩ rồi đức Bồ-tát tỏ bằng kệ-ngôn rằng :
ANAM PIDEVATO IDĀNI EMA OSABHĀYAM
SABBARĀTTI CANDIMĀVE AKKHAPITE PUCCHI-
TO NAMAGOTTAM JĀNANTI NARADO KASSAPOTI.

Này Đại-vương ! Ta đây là vị trời từ cõi chư-thiên
mà đến, vì ta là trời, nên mới có hào-quang rực-rỡ, như
ánh sáng của mặt nguyệt trong đêm. Đại-chúng nên biết
ta là NĀRADA họ KASSAPA đây.

Đức vua ANGATIRĀJA được nghe rồi nghĩ rằng :
« Đức NARADA nói ngài từ thiên-cung mà đến, lời này
chúng tỏ rằng cõi khác có, vậy điều này ta sẽ hỏi sau.
Đức vua ANGATIRĀJA bèn hỏi rằng : Bạch đức
NARADA, tướng - mạo của ngài thật khác phàm-phu,
uy-đức của ngài rất đáng tôn-trọng. Đức NARADA
ngự trên không-trung, đứng đi trên không, thật là phi-

thường. Tôi xin hỏi về thần-thông mà ngài NARADA có đó, do nhân nào, nhân-duyên chi ?

SAÑCADHAMMO VADAMOPĀJA PATOGUNĀ-
NA METECAGATA PURĀMĀ

Tâu đại-vương ! Tôi hiện thần-thông đây, vì tôi được chế ngự ngũ-căn, đè nén phiền-não pháp là : xan-tham, sân-hận, si-mê. Tôi tinh-tấn bồ-túc không bỏ qua thiện-pháp, nhân đó nên thần-thông và uy-lực mới được toại-nguyện, đi đứng ngồi trên không-trung được như vậy.

Đức vua ANGATIRĀJA đã chấp hản tà-kiến trong tâm, khi được nghe đức NARADA giải như vậy thì sanh nghi cho rằng điều nói có thiên-dàng đó tin không được, mới hỏi rằng :

Bạch ngài NARADA, ngài dạy pháp cho kết-quả thần-thông biến-hóa phi-thường, lời ngài nói đây thấy rằng có phước, có tội. Tôi xin hỏi : Được thành-tựu bằng quả-phước như thế nào ? Đây là những điều mà ngài vừa giảng qua, nhưng tôi còn sanh nghi-ngại.

— Đại-vương cứ hỏi theo ý muốn đi, tôi cho phép, không sao đâu. Tôi sẽ giải cho Đại-vương nghe được phân-minh, cho hết hoài-nghi. Chẳng phải tôi giải bằng lý-thuyết suông đâu, tôi sẽ cụ-thể-hóa đủ cả lý nhân-quả trước, sau để phá nghi cho đại-vương. Vậy đại-vương hoài-nghi điều gì cứ tùy-tiện hỏi đi.

Đức vua ANGATIRĀJA bèn bạch hỏi rằng : Bạch ngài NARADA, tôi hỏi đây xin ngài trả lời theo chân-

lý đừng dối-giả. Này ngài NARADA ! điều mà chúng-sanh hằng gọi là Chư-thiên, Phạm-thiên, cõi này, cõi khác, có thật như vậy hay thể nào ? Đức Đế-thích, Đức Đại-phạm-Thiên, cõi này, cõi kia, có thật hay không ? Chư-thiên nam, chư-thiên nữ có thật chăng ?

— Này Đại-vương ! Chư-thiên có thật ; đức Đế-thích, đức Phạm-thiên có thật ; cõi này cõi kia có thật, như chúng-sanh đã kêu rằng KAMESUKHITĀ MIDA VAMULĀHA = Người không nhìn nhận trong thiện-nghiệp là kẻ vô trí-tuệ đó, không biết rằng có chư-thiên nam, chư-thiên nữ ; có đức Đế-thích, đức Phạm-thiên, có cõi này, cõi khác, thể gọi là người thiếu trí-tuệ và trí nhớ.

Đức vua nghe đức NARADA trả lời như vậy, bèn cười nhạo rằng : Bạch ngài NĀRADA, ngài nói cõi khác có, con người ra khỏi cõi này, sanh đến cõi khác có gia-tài, của-cải, chỗ ngụ, nơi ăn trong cõi khác, trong ngày vị-lai có thật. Nếu ngài NĀRADA thấy chắc, tin đích-xác như thế, xin ngài cho tôi mượn 500 lượng, song kiếp này tôi chưa trả, ngài NĀRADA sẽ lấy lại trong kiếp sau. Đến kiếp sau tôi sẽ trả bằng hai số mà đức NĀRADA cho tôi mượn đó, nghĩa là tôi trả 1000 lượng trong kiếp vị-lai, đức NĀRADA dám cho tôi mượn không ?

Khi đức vua ĀṅGATIRĀJA nói như vậy. Đức Đại-phạm-Thiên Bồ-tát tỏ lời khiển-trách rằng : Đại-vương nên hiểu nếu Đại-vương Có giới nói lời ngay thật, là người hiền-lành có thiện

pháp trong tâm, khi ra khỏi cõi này rồi không sinh trong 4 ác-đạo, như thế, tôi mới cho đại-vương mượn 500 lượng. Còn đại-vương không có giới-đức, không chân-thật, đại-vương có tâm ác, lánh xa thiện-pháp, từ trước đến giờ chỉ có si-mê, sân-tham, theo phái tà-kiến, thì không sao tránh thoát 4 ác-đạo đâu, phải sa trong địa-ngục chịu khổ-não muôn phần, lâu đời nhiều kiếp. Như thế, một ngàn lượng đó, biết bao giờ đại-vương mới đem trả lại cho tôi. Dầu tôi có theo đòi hỏi cũng không được, vì lửa địa-ngục nào có tha thứ ai, tôi đâu dám theo đòi đại-vương trong địa-ngục. Thông thường, trên thế-gian này, nếu họ thấy ai tốt, lành thì cho mượn hoặc cho luôn cũng có. Còn họ biết rõ là kẻ xấu, không ngay thật cho mượn thì trông gì mà đòi được, như vậy họ đâu cho. Như đại-vương mở miệng mượn 500 lượng để kiếp sau trả 1.000 lượng tôi quan-sát biết rằng khó đòi lại được, vì đại-vương là kẻ tội-lỗi, chấp tà-kiến, đã phá bỏ các phước-xả bố-thí từ trước, không thọ-giới, cũng không niệm Phật, chỉ làm việc ác, tà-dâm vợ con người. Đại-vương tạo đầy tội ác, sau khi tan-rã ngũ-uẩn phải sa địa-ngục, như vậy đại-vương được của đâu mà trả cho tôi, dầu tôi

có theo dõi đại-vương trong địa-ngục đi nữa cũng vô-ích.

Khi đức Phạm-thiên Bồ-tát nói như thế, đức vua ANGATIRĀJA không còn lời lẽ nào đáp lại được, đành phải nín thinh, trong khi đó.

Trong lúc ấy, đại-chúng rất hân-hoan, sung-sướng, reo mừng khắp kinh-thành rằng đức NĀRADA có nhiều uy-lực, đáng làm cho đức vua bỏ tà-kiến được.

Nhờ thần-lực của đức Bồ-tát, tất cả nhân dân trong thành MITHILĀ rộng hơn 6 do-tuần, đều được nghe đức NĀRADA Bồ-tát giảng đạo.

Đức NĀRADA Bồ-tát nghĩ rằng : Đức vua ANGATIRĀJA này đã chấp vững lập-trường tà-kiến. Vậy ta nên tả cảnh khổ-hải nơi địa-ngục cho ngài sợ mà bỏ tà-kiến ; rồi sẽ cho thấy cảnh hạnh-phúc trên thiên-cung, an-ủi cho ngài vui-thích mới được. Đức Bồ-tát bèn nói rằng : Này đại-vương ! nếu ngài giữ vững tà-kiến như vậy, ắt sẽ xuống chịu khổ trong địa-ngục lâu đời. Này đại-vương ! nếu ngài không bỏ tà-kiến, sau khi chết sa vào địa-ngục, được thấy loài thú to miệng lửa cháy đỏ, đến cắn, mổ, banh da xẻ thịt, uống máu đại-vương, thân hình đại-vương đứt từng đoạn, máu chảy đầm đề xem rất thê-thảm, chết rồi phải sống trở lại chịu khổ nữa ; phải bị lao sắt đâm từ đầu đến tron, ví như cá bị người lấy cây đâm từ miệng tới đuôi. Chết rồi tái-sanh để chịu khổ nữa. Có quỷ-xử dùng các vũ-khí lửa cháy hỏa-hào, đánh-đập tội nhân cho thân-thể đứt lìa từng khúc... Đại-

vương càng kêu la, khóc kể, thì càng bị đánh, đâm bằng búa, lao, rêu, niền sắt cháy đỏ. Đại-vương chạy khỏi địa-ngục đó, quỷ-xú rượt theo đánh đập bảo phải trèo lên địa-ngục cây gòn, có gai sắt nhọn, bén, dài 16 ngón tay, cháy hỏa hào. Đại-vương vừa leo lên, phía dưới quỷ xú dùng côn sắt cháy đỏ đánh đập, làm cho gai sắt cây gòn đâm lủng thịt đến gân, xương. Khi đại-vương leo lên bị đánh, lúc tuột xuống cũng bị đập rất là đau khổ không sao kể xiết. Quỷ-xú đánh đập như thế cho đại-vương chạy đến địa-ngục gươm. Vào địa-ngục này, gió quạt lá cây thành gươm, chém đứt tay, chân, mũi, miệng, mặt rồi sa xuống địa-ngục đồng sôi. Cảnh khổ trong chảo đồng sôi thật là thảm-khốc, xong, quỷ-xú thả cây sắt cháy đỏ xuống móc đại-vương lên, rồi quỷ xú cho ăn khúc sắt cháy đỏ, cho uống nước đồng sôi, đại-vương chịu đau khổ không sao tả xiết. Chết rồi còn sống lại để chịu hành phạt như vậy nữa. Như thế, ai theo đòi 1000 lượng bạc trong các địa-ngục đó được.

Này đại-vương ! Nếu đại-vương không bỏ tà-kiến, sẽ đọa trong địa-ngục, bị quỷ-xú hành hạ, bắt đại-vương tra vào xe sắt cháy hỏa-hào, như bò trâu bị kéo xe vậy, rồi quỷ-xú dùng côn sắt cháy đỏ đánh bổ trên đầu thân-thể toàn là mủ máu. Như vậy đại-vương nghĩ sao ?

Đức vua ANGATIRĀJA khi được nghe đức NĀRADA Bồ-tát giảng thuyết như thế, kinh tâm, tán đờm, sợ-hãi vô cùng, mong tìm nơi nương-dựa ở đức Bồ-tát, bèn tỏ lời cầu-khẩn rằng : Tôi được nghe ngài

NĀRADA giảng-giải các nỗi thống-khổ trong địa-ngục, tôi lấy làm ghê-sợ, tâm-hồn rung-động, ví như cây tróc gốc, lá lìa nhánh. Tôi là người lăm-lạc, nay tôi nhận biết mình là si-mê lăm-lạc rồi, tôi rất sợ khổ trong địa-ngục. Nay tôi không nơi nương nhờ, ví như người bị chìm thuyền trong bể cả, cầu ngài **NĀRADA** từ-bi cứu-vớt tôi. Ví như cù-lao là nơi nương nhờ của người bị chìm thuyền nơi đại-hải. Xin ngài **NĀRADA** là nơi nương cậy của tôi, như ngọn đèn là nơi nương nhờ của kẻ lạc đường trong đêm tối. Giờ đây tôi chỉ biết nhờ ngài **NĀRADA** mà thôi. Xin đức **NĀRADA** từ-bi thương-xót, chỉ-dẫn tôi, giảng-giải con đường thiên-đàng trong-sạch, để tôi tin-tấn thực-hành theo trong giờ này.

Thấy đức vua **ĀṆGATIRĀJA** đã hối - cải ăn-năn, bỏ tà theo chánh ; đức **NĀRADA** Bồ-tát bèn chỉ rõ con đường tu-hành, trong-sạch để dẫn-dắt đức vua như vậy :

Nầy đại-vương ! Các đế-vương ngày xưa là **URINNARĀJA** và 6 đức vua khác các ngài hằng bố-thí đến các vị Samôn, Bàlamôn, nên sau khi tan-rả ngũ-uẩn đều được sanh lên 6 cõi trời dục-giới-thiên. Chẳng phải chỉ có thế thôi đâu, còn rất nhiều đức vua khác, có đức tin trong sạch bố-thí, trì-giới, rồi cũng đều được thọ sanh lên cõi trời. Ngài hãy chuyên-cần làm phước bố-thí, trì-giới cho trong sạch đi, quả-phước của sự bố-thí có thể đem ngài lên cõi trời được. Ngài nên cho người đem cơm, nước,

γ-phục v.v... cho đến kẻ cô-độc, nghèo nàn và dāng-cứng đến bậc tu-hành. Đại-vương dạy quân đi báo-cáo cho dân-chúng trong và ngoài thành hay, ai mong được cơm, nước, γ-phục v.v... thì đến thọ lãnh về dùng. Những trâu, bò, ngựa, voi đã già yếu, ngài nên cho thả, đừng bắt chúng nó kéo xe, làm việc nặng nề như trước nữa. Với những quan-lại tuổi già sức yếu, đại-vương chẳng nên thái-hồi, phải ban ân-huệ như trước. Nầy đại-vương ! Tôi khuyên đại-vương lãnh dũ làm lành, đây là chỉ mong đại-vương tránh khỏi 4 ác-đạo, được lên thiên-cung. Khi sanh lên thế-gian sẽ được giàu sang phú-túc, nhờ sự bố-thí như thế.

Quả báo của sự bố-thí sẽ đem đến người nghèo đói được sự an-vui được thiên-hạ yêu-mến kính-vì. Mặc-dù phước bố-thí cao quý như vậy, cũng chưa bằng phước của sự trì-giới. Trì-giới có nhiều quả báo hơn bố-thí. Người tinh-tấn trì-giới, ví như trang-diễm bằng bảy báu quý giá nhất trên đời. Kẻ không trì-giới ví như người thiếu trang-sức.

SILAM YĀNA MUTTANAM = Giới ví như một cơ-quan giao-thông để thoát khổ, có thể dẫn chúng-sanh thoát-ly ác-đạo. Giới là phương-tiện để đưa hành-giả đến cõi trời và Niết-Bàn.

Giới làm cho người được tinh-khiết khỏi phiền-não.

SĪLA MOKKHASSA SAPĀNĀ = Giới là cái thang cho người đi đến nhân cảnh là Niết-Bàn.

Nầy Đại-vương ! Đại-vương tinh-tấn thọ năm giới, tám giới đừng cho dứt, vì quả-báo của giới thật là cao-quí nhất.

Đức Bồ-tát giảng-giải về pháp bố-thí và trì-giới như thế rồi ; đức Bồ-tát nghĩ thêm rằng : « Thật đức vua nầy, nếu ta thuyết pháp đem thí-dụ thân thể với long-xa, ngài sẽ ưa-thích lắm ». Đức Bồ-tát liền giảng rằng : Nầy đại-vương ! Ngài đem thân-thể của ngài như long-xa, chú tâm như người xa-phu, có tâm không làm khổ chúng-sanh, nên chia sớt vật dụng đến các thầy Samôn, Bàlamôn, kẻ cơ-hàn đói-khát và cô-độc ; TAM PĀDASAÑÑA = Chế-ngự hai chân, không làm ác-nghiệp bằng chân ; TAM HATTHASAÑÑA = Chế-ngự hai tay, không làm nghiệp dữ bằng tay. TAM KUCCHISAÑÑA = Chế-ngự bụng là dùng thực-phẩm cho vừa ; chế-ngự miệng đừng nói chuyện nhiều, chỉ nói những lời hữu-ích, ngay thật, hiền-lành mát mẻ, hòa-nhã, đoàn-kết, đừng dùng lời sang-đàng mất thì-giờ quý-báu. Cần phải nói lời nhã-

nhận đối với tất cả mọi người. Có đức-tin trong sạch với Tam-bảo, tìm nghe thuyết-pháp; chế-ngự : nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, tâm. Đừng để ác-pháp phát-sanh lên được, như giầy cương giữ ngựa chạy cho ngay không cho sấn-hận do tâm bác-ái đến mọi loài, tham-thiền tập-trung tư-tưởng vào một đối-tượng ; cho tâm không phóng-túng theo ngoại-trần, cho trí-tuệ phát-sanh để trừ diệt phiền-não, nhất là tà-kiến, ngã-mạng. Muốn cho các đức-tánh ấy được mau tiến-hóa, cần phải thân-cận bậc trí-tuệ, làm người dễ dạy, thật tâm vâng lời chỉ-giáo của các ngài, đó là điều cần-thiết.

Đức Bồ-tát thuyết-pháp cho đức vua ANGATIRĀJA bỏ tà-kiến như thế, rồi khuyên đức vua thọ-trì bát-giới, nên tâu rằng : « Từ nay đại-vương đừng gần kẻ ác, phải tìm nương với bạn lành, chớ dễ-duôi quên mình như trước nữa ». Xong, đức NĀRADA Bồ-tát tỏ lời ngợi-khen công-chúa và khuyên bảo các cung-nữ, rồi ngài trở về cõi trời Phạm-thiên, theo uy-lực thanh-cao thấy rõ trước mắt của đại-chúng như thế.

Về phần đức vua ANGATIRĀJA ngài thực-hành theo giáo-huấn của đức NĀRADA Phạm thiên Bồ-tát, bố-thí, trì-giới, tham-thiền, sau khi thăng-hà được lên cõi thiên-cung.

SATTHĀ IDAM DHAMMADESANAM ĀHARITVĀ.
Đức Chánh-Đẳng Chánh-Giác khi giảng về tích đức
Phạm-thiên NĀRADA Bồ tát rồi ngài gọi BHIKKAVE -
Nầy chư Tỷ-khưu ! URUVELAKASSAPA được bỏ tà-
kiến không phải chỉ nhờ Như-Lai trong kiếp nầy đâu ;
thuở sinh làm đức vua AṅGATIRĀJA được bỏ tà-kiến
cũng do Như-Lai trấn-áp như đã giải. Đức Thế-tôn bèn
hội các tiền-kiếp như vậy : TADĀ — Trong khi đó,
(ALĀTO) đại - thần ALĀTA nay là Đề - bà - đạt - đa ;
(SUNĀMO) đại - thần SUNĀMA nay là BHADHAJITHERA ;
(VIJAYO) — đại-thần VIJAYA nay là Đại-đức
Xá-ly-Phất ; (VIJAKO) — VIJAKA nay là Đại-đức
Mục - Kiền - Liên ; (LACANAPUTTO) nay là đức vua
JIVANA nay là Tỷ-khưu SUNAKKHATABHIKKHU ;
(GUNO — GUNĀJIVAKA) nay là ACELAKAJĪ ; RUCĀ
công-chúa nay là Đại-đức ANANDA ; (RĀJĀ) đức vua
AṅGATIRĀJA nay là Đại-đức URUVELAKASSAPA ;
MAHĀBRĀHMA BODHISATTA đức Đại-Phạm-Thiên
Bồ-tát tức là Như-lai SAMMĀSAMBUDHO là đức
Chánh-Đẳng Chánh-giác đây.

Evam

NĀRAJĀTAKAM NITTHITAM

Dứt truyện Đức Đại-Phạm-Thiên NĀRADA

VIDHURA JĀTAKA

Truyện VIDHURA

BỒ-TÁT TU HẠNH CHÂN-THẬT BA-LA-MẬT

PANDUIYĀSI DUBBALĀTI IDAM SATTHĀ
JETAVĀNE VIHARANTO PAÑÑĀPĀRAMIN
ĀRABBHA KATHESI EKADIVASAMHI BHIKKHU
DHAMMASABHĀYAM KATHAM SAMUTTHĀPE-
SUN AVUSO AHO VATA SATTHĀ MAHAPAÑÑO
TIKKHANAPAÑÑO PUTHUPAÑÑO JAVANAPAÑÑO
HĀSAPAÑÑO NIBBEDHIKAPAÑÑO PARAPPAVĀ-
DAMATTHAMO ATTANO PUÑÑĀNŪBHĀVENA...
PATIPĀDESĪTI.

Một thuở nọ, đức Thiên-Nhơn-Sư an-nghĩ trong Kỳ-Viên Tịnh-xá gần thành SĀVATTHĪ, Ngài đề-cập đến trí-tuệ Ba-la-Mật của Ngài cho có nhân rồi Ngài thuyết-pháp về truyện VIDHURA giữa hàng tứ-chúng (Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni, Thiện-nam, Tín-nữ).

Các vị A-La-Hán kết-tập Tam-Tạng tùy Phật-ngôn nhất là PANDHUKISİYĀ DUBBALĀ ITI mới có lời chú-giải rộng rằng khi đức Thế-Tôn ngự trong Kỳ-Viên tịnh-xá đó.

Ngày kia, có chư Tỳ-khưu tụ hội trong phước-xá bàn luận về trí-tuệ Ba-la-mật trong giữa tăng hội rằng :
Này các thầy ! Ô, thật là hết sức phi-thường, đức Giáo-Chủ của chúng ta đây, Ngài có rất nhiều trí-tuệ cao-quí tối-thượng.

1/ — PUTHUPAÑÑO — Trí-tuệ của Phật dày-dặn không thể đo-lường.

2/ — HĀSAPAÑÑO — Nói về trí-tuệ làm cho thánh-giả được vui, vượt quá quyền hạn Trời, người.

3/ — TIKKHANAPAÑÑO — Nói về sự bén, nhọn, là hiểu biết xuất-chúng vô-ngại tất cả các pháp, giác-ngộ chân-chánh trong Niết-Bàn. Ngài trấn-áp những người sẵn-sàng sắp-đặt trí-tuệ, nhưng chẳng có một ai lướt qua trí-tuệ của Ngài được.

Các câu đố của Samôn, Bà-la-môn, Vua, Triệu-phú toàn những bậc có trí-tuệ đến tìm hỏi những điều thắc-mắc vi-tế rất nan-giải, thế nào Ngài cũng giảng được cả, từ đầu đến cuối thông-suốt phân-minh. Ngài từ-bi tế-độ những kẻ tà-kiến, ngã-mạng được dứt bỏ sự hiểu lầm tưởng quấy, trở nên ưa-thích, phát tâm trong sạch, có đức-tin chơn-chánh trong Tam-Bảo và thọ-trì Tam-Quy, Ngũ-Giới, thực-hành chánh-pháp. đạt đến đạo-quả Niết-Bàn. Thật là kỳ diệu, theo trí-tuệ của Ngài.

Lúc ấy, đức Thế-Tôn ngự trong Hương-thất (GANDHAKUTI) nhờ nhĩ-thông Ngài hiểu rõ, rồi ngự đi đến phước-xá, vào ngồi trên bảo-tọa. và hỏi rằng :

Trí-tuệ của Như-Lai trong kiếp cuối cùng này dầu là xuất-chúng cũng như không xuất-chúng, vì Như-Lai đã giác-ngộ Chánh-đẳng Chánh-giác rồi.— Thuở trước, lúc Như-Lai trí-tuệ còn kém, là còn tu hạnh Bồ-tát Như-Lai cũng hơn chúng. Kiếp Như-Lai sinh làm VIDHURA-PANDITA có trí-tuệ sắc-bén, chinh-phục Dọa-Xoa PURANAKA trên danh núi KĀLĀGI, cao 60 do-tuần làm cho Dọa-xoa qui-phục, bỏ tà kiến, ngã-mạng trở nên bác-ái, mới đáng là huyền-diệu, nói đến đây rồi Ngài mặc-tượng.

Chư Tỳ-khuru mong được nghe tiền-tích, bèn qui cầu thỉnh đức Thế-Tôn giảng tiếp. Ngài liền dẫn tích VIDHURA mà giải rằng :

BHIKKHAVE ATITE KĀLE. Này các thầy Tỳ-khuru ! trong thuở quá-khứ có một đức vua danh là THNAÑ-JEYAKORABARĀJA trị-vì trong kinh-dô CAMPĀKA. Vị cố-vấn giáo-đạo cho đức vua ấy có tên rõ rệt là VIDHURAPANDITA, lời nói tao-nhã, là một pháp-sư cao-quí. Vị pháp-sư VIDHURAPANDITA thuyết-pháp rất du-dương trong khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối cùng, làm cho công-chúng nhất là đức vua vừa lòng ưa-thích, ai được nghe pháp của VIDHURA-PANDITA rồi cũng không muốn trở về nhà.

Đây xin giảng về tiền-kiếp của đức vua THNAÑ-JEYAKORABARĀJA như vậy : Thuở nọ, có 4 phú-gia ngụ trong thành BĀRĀNASĪ làm bạn cùng nhau. Cả 4 Bàlamôn đó, khi đến tuổi già, quán-tưởng thấy tội ngũ-

dục, bỏ nhà vào tu trong núi Tuyết-sơn, tham-thiền đắc định, hái trái cây làm thực-phẩm. Lâu ngày thềm vật chua, mặn nên cùng nhau đến thành CAMPĀKA vào ngụ trong vườn thượng-uyên của vua. Sáng sớm, đắp-y mang bát vào thành khất-thực. Trong thành CAMPĀKA có 4 nhà phú-gia là bạn thân cùng nhau. Bốn vị này thấy các Đạo-sĩ có giới-đức, chế-ngự lục-căn, nên phát tâm trong sạch thỉnh về nhà, mỗi người một đạo-sĩ. Sau khi thọ-thực xong các phú-gia ấy thỉnh 4 đạo-sĩ ngụ trong vườn thượng-uyên. Buổi xế mỗi vị đạo sĩ tìm nơi an-vui vừa lòng: Một vị đạo-sĩ lên nghỉ trưa trên Đạo-Lợi Thiên-Cung, một vị xuống nghỉ tại Long-Cung, một vị vào nghỉ tại núi Tuyết-Sơn và một vị nghỉ an tại vườn thượng-uyên của vua VIJEYAKORAHARĀJA. Mỗi vị đạo-sĩ này thấy sự nghiệp đế-vương của 4 vị vua (1), nên trở về tường-thuật sự sang cả của 4 đức vua ấy đến thí-chủ mình. Nghe bốn đạo-sĩ trình-bày sự cao-sang phú-túc của bốn vị vua như thế: bốn thí chủ đều phát tâm ưa-thích, tinh-tấn bố-thí, trì-giới, sau khi chết được như sở-nguyện.

Người phú-gia thứ nhứt được sinh lên cõi Trời làm Đế-Thích; người phú-gia thứ nhì được sanh làm Long-Vương; vị thứ ba sanh về cõi Điều-Vương, vị thứ tư sanh vào thai-bào Hoàng-hậu của vua THNAÑJEYAKORABARĀJA, sinh ra đặt tên là KORABAKUMARĀJA, khi trưởng-thành lên kế-vị vua cha. Ngài trị quốc theo 10 vương-pháp, không dám dễ-duôi. Ngài tinh-tấn bố-

(1) Đức Đế-Thích, Long-Vương, Điều-Vương, đức vua THNAÑJEYAKORABARĀJA.

thí, trì - giới chăm chú thực-hành theo lời chỉ-giáo của đức VIDHURA Bồ-tát, không vi-phạm điều ác. Song, Ngài còn mê đánh cờ tướng ăn cuộc.

Một ngày nọ, đến kỳ Bát-quan-trai giới, đức vua THNAÑJEYAKORABARĀJA đang thọ bát-quan trai-giới, Ngài tham-thiền quán-tưởng và mong tìm nơi vừa lòng để hành-đạo theo sở-thích.

Trong ngày ấy, đức Đế-Thích cũng thọ bát-quan trai-giới. Ngài xét rằng : tại cõi trời không thanh-vắng, ta nên xuống nhân-gian để tham-thiền. Ngài quán xét thấy vườn Thượng-Uyển của nhà Vua dưới trần gian là nơi vừa lòng, liền hạ-san xuống tọa-thiền trong nơi đó.

Chẳng phải chỉ có đức Đế-Thích mà thôi, vị Long-Vương hưởng đế-quyền dưới Long-cung cũng thọ bát-quan trai vậy. Ngài thấy tại cõi rồng huyền-náo, ồn ào cũng như đức Đế-Thích, nên đến vườn Thượng-Uyển của đức vua trên nhân-gian mà tập-trung tư-tưởng.

Nói về vị Điều-vương hưởng cảnh giàu-sang trong núi Tuyết-sơn, thọ bát trai giới cũng suy xét như Long-Vương rồi tìm đến cõi người mà tham-thiền

Tất cả 4 vị vua là đức THNAÑJEYAKORABARĀJA, đức Đế-Thích, đức Điều-vương và đức Long-Vương đều đến ngồi thiền trong Thượng-Uyển cùng nhau.

Sáng sớm ngày ấy, 4 vị vua ra khỏi chỗ tọa-thiền, đến gặp nhau gần ao sen. Khi thấy nhau bèn phát tâm yêu-mến, ưa-thích nhau, có tâm từ-bi thương xót lẫn

nhau, nên tỏ lời thiện-cảm cùng nhau. Đây là do tiền-kiếp làm 4 vị phú-gia, trong thành CAMPĀKA, đã từng làm bạn thân-thiết cùng nhau.

Đức Đế-thích ngồi trên tảng đá, đức vua THNAÑ-JEYAKORABA, Điều-vương và Long-Vương cùng nhau ngồi đàm-thoại. Đức Đế-Thích bèn hỏi 3 vị vua kia rằng : Tất cả 4 ta đều là hàng vua-chúa, đồng nhau bỏ sự sang cả, để tìm chỗ thọ bát-quan-trai giới, như thế, ai là người cao quý hơn ?

Khi ấy, Long-Vương nói lên trước rằng : Giới của tôi cao-thượng hơn cả ba Ngài.

— Này Đại-vương ! Vì sao Ngài cho rằng giới của Ngài cao-thượng hơn ?

— Tâu, vì tôi đề nén được sân-hận. Đức Điều-Vương là thù nghịch của tôi. Lệ thường, Long-Vương đã sinh rồi, hoặc đang sinh hay chưa sinh, hằng xem Điều-Vương là thù-nghịch. Tôi thấy Điều-Vương là địch-thù, song tôi dẫn lòng không bao giờ oán giận Điều-Vương dù là vi-tế hay thô-thiền. Nhân đó, tôi thấy rằng giới của tôi cao-thượng hơn quý Ngài.

Nói xong, Long-Vương bèn tuyên-bố lời kệ-ngôn rằng :

YO KO PANA NEYYANAKAROTI KOPAM NA
KUCCHATI SAPPURISO KATHĀNI KADĀPI KUD-
DHOTISO NĀVIROTI KOPAM TAM VENARAM
SAMANA MĀHU LOKE.

Đức vua, Balamôn, thương-gia, nông-phu v.v... hành pháp nhẫn-nại, không oán giận, như đức đạo-sĩ KHAN-TITĀPASA không oán giận vua GARAPANĀJA ; các bậc trí-tuệ khen rằng là một vị Samôn trong đời. NAKUCCHATI SAPPURISO. Thông thường, bậc thiện-trí-thức hằng hành pháp nhẫn-nại, là vật trang-sức, là năng-lực vận-tải, là lực-lượng của thân thể, không bao giờ sân-hận chi cả. Bậc thiện-trí-thức hằng dè-nén sự giận, không cho bộc-lộ ra ngoài. Kẻ nào không có sự hờn giận trong tâm, các bậc trí-tuệ hằng ngợi khen là vị Samôn yên-lặng tội-lỗi trong đời.

Nầy ba Ngài, các đức-tính như đá giải ấy, có trong tâm tôi. Vì thế, tôi thấy rằng giới của tôi cao quý hơn của ba Ngài.

Đức Điều-vương được nghe qua, liền ngăn lời của Long-Vương mà rằng : Giới của tôi đây mới cao quý hơn của ba Ngài, vì tôi chế-ngự được bụng tôi. Long-Vương đây là thực-phẩm cao-lương của tôi, được đức Long-vương là món ăn mỹ-vị. Như vậy mà tôi nhẫn-nại được không làm tội, vì sự ăn. Nhân đó, nên tôi cho rằng giới của tôi là cao-quý hơn cả. Đức Điều-vương muốn cho lời nói mình trường-cửu, nên tuyên-bố bằng kệ-ngôn rằng :

ONODARO YO SAHATE JIGHACCHI DANTO.
TAPASSIMIGAPĀNABHO PI ĀCĀRIYA HETU NA
KAROTI PĀPAM TAM VE NARAM SAMANAMAHU
LOKE.

Kẻ nào có bụng đói cào ruột xót-xa mà cố-gắng nhẫn-nại sự khó-chịu ấy, không làm tội bởi miếng ăn, thực-hành chế-ngự không ăn, trì-giới được trong sạch, dùng nước cho vừa để chịu đựng, không làm ác vì sự ăn.

Các bậc trí-tuệ hằng ngợi khen người đó là bậc Samôn đàn-áp được tội-lỗi trong đời.

Nầy ba ngài ! Ngày nay tôi không làm tội vì miếng ăn, nên tôi thấy rằng giới của tôi cao quý hơn các ngài,

Tiếp theo, đức Đế-thích bèn tự ca tụng giới của mình rằng : Giới của tôi rất cao quý hơn giới của các ngài vì đã tự bỏ những vui-thú cao sang trên thiên-cung, nào là đèn vàng, ngọc nữ, mà xuống nhân-gian để thọ bát-quan trai giới. Đức Đế-Thích muốn cho lời nói được kể-tục, ngài bèn đọc câu kệ-ngôn rằng :

KHIDDAM RATTIVIPPAJAHĪ TATTHA
SABBAM NA PATIKAMKHĀ SATI KIŃCI LOKE
VIBHŪSANATTHĀNA VIRATO METHUNASĀ TAM
VE NARAM SAMANAMĀHU LOKE.

Người nào trong đời này, dứt tính lười biếng và sự ưa thích ngũ-dục không nói những lời sang đáng vô-ích, tội-lỗi, dầu là nhỏ nhen chút ít, tránh xa nhục-dục cùng sự tô-diễm hình thể, thoa vật thơm, dôi phấn, đeo hoa, có tiết - độ trong thực-phẩm. Như thế, các bậc trí-tuệ hằng ca-tụng kẻ ấy là bậc Samôn, chế-phục tội-lỗi được hẳn, trong đời.

Này quý ngài ! AJJA AHAM DEVACCHARAM PAHĀYA. Hôm nay tôi bỏ được các ngọc-nữ, không miễn tiếc sự-nghiệp thiên-cung, đến thọ bát-quan-trai giới trong cõi người đây. Do đó, tôi tự khen rằng tôi có giới cao-quý hơn các ngài.

Kể đức vua THANAÑJEYAKORABA bèn tán-dương giới của mình rằng : Giới của tôi đây mới là quý hơn của các ngài, rồi tuyên-bố rằng :

PARIGGAHALOKA DHAMMAÑCA SABBAM YEVA PARIÑÑĀYA PARICCAJANTI DANTAM THITATAM RAMANAM NIRĀSAM TAM VĒ NARAM SAMANAMĀHU LOKE.

Người nào biết quán-tưởng phân-biệt tội của vật-dục và ái-dục phát-sanh trong vật-dục đó theo ba PARIÑÑĀ là : ÑĀTAPARIÑÑĀ, TIRANAPARIÑÑĀ. PAHĀNA PARIÑÑĀ : Sự hiểu tình-trạng thông-thường nhất là của ngũ-uẩn gọi là ÑĀTAPARIÑÑĀ, sự thấy nhất là tội-lỗi của ngũ-uẩn gọi là TIRANAPARIÑÑĀ sự thấy tội và bỏ tất cả lỗi được gọi là PAHĀNAPARIÑÑĀ. Khi quán-tưởng nhận thấy tội của vật-dục và ái-dục phát-sanh trong vật-dục theo ba PARIÑÑĀ như ý-nghĩa đã giải trên, rồi quyết tâm dứt bỏ vật-dục và phiền-não dục, trừ ngoan-ngạnh vì tự cao, phá tan tà tư-duy, chí tâm kiên-cố tham-thiền để diệt phiền-não. Các bậc trí-tuệ ngợi khen cho là bậc Samôn chề-ngự được tội-lỗi trong

đời. Khi bốn vị vua tự ca-tụng giới đức cao-quí của mình, không đồng-ý nhau như vậy.

Liền khi ấy, đức Để-Thích, đức Điều-Vương và đức Long-Vương bèn hỏi đức vua THANAÑJEYAKORABA rằng : Tâu đại-vương ! trong lãnh-thổ của đại-vương có bậc trí-tuệ nào không ?

Tâu, bậc trí-tuệ của tôi là VIDHURAPANDITA có sự hiểu biết không người bì kịp, là bậc trí-tuệ cao-quí, thường hay chỉ-giáo đến tôi. Bậc trí-tuệ đó, có thể phá nghi cho 4 chúng ta được. Vậy chúng ta hãy đến tìm bậc trí-tuệ VIDHURAPANDITA ấy.

Cả ba vị vua đồng ý nhau rằng : SADHŪ phải rồi liền dẫn nhau ra khỏi vườn thượng-uyển, ngự đến phước-xá sắp-dặt bảo-tọa an-bài rồi dạy người đi thỉnh đức VIDHURAPANDITA Bồ-tát đến. Bốn vị vua bèn thỉnh Bồ-tát lên bảo-tọa, tỏ lời thiện-cảm cùng nhau, rồi bốn đức vua đồng nói rằng : « Nầy bậc trí-tuệ ! xin ông hãy phá nghi giùm chúng tôi hôm nay. Nầy bậc trí-tuệ ! Ông có thể biết được nhân-quả, việc đáng làm và không nên làm. Nay, chúng tôi vẫn bảo thủ sự trì giới cao thấp của chúng tôi là hạng người lăm lặc, không vừa ý nhau.

Xin ông hãy giải nghi cho 4 chúng tôi, như Chur-thiên cắt đánh núi Tu - Di - Sơn bằng gươm báu vậy. Ông nên làm cho chúng tôi thoát khỏi sự hoài-nghi, trong lúc này. Xong rồi, bốn đức vua lần-lượt bày tỏ hết tự-sự cho đức Bồ-tát nghe, như đã giải trên.

Đức Bồ-tát được nghe rõ lời tường-thuật của bốn đức vua rồi, quan-sát thấy rõ rằng giới-đức của bốn vị có quả báo đồng nhau, không cao không thấp, không quý không hèn hơn nhau, nên ngài tâu rằng :

SABBĀNI ETĀNI SUBHASITĀNI NA HETUDUB-
BHĀSITĀ MATTHIKIÑCI YASMIÑCA ETĀNI
PATITTHITĀNI ĀRĀVA NĀDARAYĀSU SAMOHI-
TĀNI CATŪHI DHAMMEHI SAMANGIBHŪTAM
TAM VE NARAM SAMANAMĀHU LOKE.

Tâu, lời của bốn thánh-thượng vừa trình bày toàn là thiện-ngôn cả, có quả-báo đồng nhau. Bốn pháp ấy có trong người nào, các bậc trí-tuệ hằng ngợi khen là bậc Samôn, đàn-áp các pháp được kiên-cố trong đời. Tâu, giới của các ngài cao quý đồng nhau, không cao không thấp.

Bốn đức vua nghe lời tâu của đức Bồ-Tát liền hết nghi-nan. Mỗi vị đều tỏ lòng hoan-hỉ tán-dương đức Bồ-tát bằng lời « SĀDHU » hay lắm, phải lắm, đúng lắm rằng : « Ông thật là bậc trí-tuệ cao-quý chẳng ai sánh bằng. Rõ-ràng là bậc trí-tuệ duy-nhất trong đời này ».

Đức Đế-Thích ban y báu và phán rằng : « Y này có màu như hoa sen tinh - khiết và vô giá, tôi xin dâng cúng đến chánh-pháp của ông ».

Đức Điều-Vương cúng-dường hoa vàng và phán rằng : « Hoa này rất quý có đủ 100 mùi, có nhụy như ngọc báu, tôi xin cúng-dường pháp của ông ».

Đức Long-Vương cúng-dường ngọc MANI vô-giá,

có hào-quang sáng chói đề trang-điểm cho đức Bồ-tát, mà rằng « Tôi xin cúng-dường pháp của ông ».

Về phần đức vua THNAÑJEYAKORABA cúng-dường 1.000 bò sữa, có bò đực hướng dẫn, một tượng bạch, một long-xa và 10 ngựa tốt để kéo long-xa, và ban cho thụ cống lễ 16 làng, đến đức Bồ-tát.

Đức Đế-Thích, đức Điều-Vương và đức Long-Vương, sau khi ban thưởng đức Bồ-tát rồi, bèn từ-giã trở về cung-điện của mình.

Nói về Hoàng-hậu của Long-Vương VARUNANAGARĀJA tên VĪMALĀRAJEDEVĪ, khi không thấy ngọc mani trang-sức nơi cổ của chồng, bà liền tâu hỏi ; Tâu, ngọc mani Ngài trang-điểm đề trong nơi nào mà thần-thiếp không thấy ?

Nầy Hậu ! Trăm di thọ bát-quan trai giới trên nhân-gian được gặp đức Đế-Thích, đức Điều-Vương và vua THNAÑJEYAKORABA rồi có đàm-đạo cùng nhau về giới của mỗi vị coi ai cao quý hơn. Ai cũng tự cho giới của mình là cao-thượng hơn cả, không đồng ý cùng nhau, cứ bảo-thủ ý-kiến riêng của mình, nhân đó, phải cầu đến bậc trí-tuệ VIDHURAPANDITA phá nghi cho. Sau khi được nghe đức VIDHURAPANDITA giảng-giải phân-minh, phát tâm vui-thích, mỗi vị bèn đem báu vật cúng dường pháp đến VIDHURAPANDITA. Phần Trăm đã phát tâm trong sạch đem ngọc mani cúng-dường pháp của đức VIDHURAPANDITA rồi.

— Tâu, vậy VIDHURAPANDITA là bậc pháp-sư, thế nào ?

— Nầy Hậu ! VIDHURAPANDITA thật là bậc trí-tuệ duy-nhất trong đời, không ai sánh bằng đâu. Tất cả nhân-gian đều kính-mến và tán-dương oai-lực của Ngài. Những kẻ được nghe pháp, không ai muốn trở về quê-hương, vì sợ mất điều lợi-ích trong sự thính-pháp. Phần đông quý trọng sự nghe pháp đó hơn xứ-sở, gia-tài sự-nghiệp. Pháp mà vị VIDHURAPANDITA thuyết làm cho Trẫm và các vua được toại-nguyện, như được nghe đờn của chư-thiên. Long-Vương tường-thuật và tán-dương uy-đức của VIDHURAPANDITA như vậy.

Hoàng-hậu của Long-vương nghe qua, cố ý mong mỗi được nghe pháp, mới nghĩ rằng : Nếu ta cầu đức vua (chồng) thỉnh VIDHURAPANDITA về đây nói pháp cho ta nghe, ắt Ngài không ưng-thuận theo ý-nguyện của ta đâu. Vậy, ta nên giả bộ như có bệnh, nếu đức vua hỏi, ta sẽ trả lời mong được quả tim của VIDHURAPANDITA. Nghĩ rồi nàng vào lên long-sàng nằm giả đau và cho cung-nga biết trước.

Nói về Long-vương VARUNANĀGARĀJA khi đến gần Hoàng-hậu hỏi thăm rằng : Nầy Hậu, do nhân nào mà thân-thể của Hậu tiểu-tụy khô héo như vậy, khác chi lá cây rơi khỏi cành. Hậu phải bệnh chi, hãy tâu Trẫm rõ ngay đi.

Hoàng-hậu VIMALĀRAJADEVI tâu rằng : Tâu lệnh Hoàng-thượng, lệ thường các long-nữ có sự mong muốn

khác nhau. Nếu long-mữ mong được vật chi mà bắt thành thì buồn phiền khổ não, mặt ủ mày chau, thân-thể vỏ-vàng là thường sự của phái yếu. Tâu, thần-thiếp ước mong được quả tim của VIDHURAPANDITA. Hoàng-thượng đem trái tim của bậc trí-tuệ ấy, đến cho thần-thiếp theo lễ đạo. Nếu không được trái tim của VIDHURAPANDITA chắc thần-thiếp không thể sống còn được thấy mặt rồng từ đây. Thần thiếp xin làm lễ từ biệt Hoàng-thượng để đi đến cõi ma. Sự thật, Hoàng-hậu VIMALARĀJADE-VI không phải mong được ăn trái tim của VIDHURAPANDITA, nàng chỉ mong được biết trí-tuệ của bậc hiền-minh ra sao mà thôi.

Đức vua VARUNANĀGARĀJA khi được nghe Hoàng-hậu tâu như thế bèn đáp rằng: Này Hậu, Hậu hy-vọng được tim của VIDHURAPANDITA cũng như ước được mặt trăng, mặt trời trên không-trung, vì đức VIDHURAPANDITA là người mà tất cả đức vua trên nhân-gian hằng hộ-trì gìn-giữ nghiêm-nhặt khó thấy được. Nếu khó thấy được, như thế, thì làm sao đem VIDHURAPANDITA về cõi rồng được, Hậu nên biết rõ như vậy đi. Nghe đức Long-vương nói như thế, Hoàng-hậu liền xoay mặt vào trong năm im lìm trên long sàng.

Đức Long-vương thấy vậy bèn nghĩ rằng : nếu không lấy được tim của VIDHURAPANDITA thì Hoàng-hậu khó sống được. Vậy ta phải làm sao mới lấy được tim của VIDHURAPANDITA.

Đức Long-vương VARUNANĀGARĀJA có một

Công-chúa tên là VIRANDATI rất xinh đẹp, có các long-nữ hầu-hạ tùy-tùng nàng vào hầu vua cha, rồi ngồi một bên. Nàng thấy sắc mặt vua cha khô héo, có vẻ âu sầu buồn thảm, nên tâu hỏi rằng ; Tâu, Phụ-vương là chúa cõi rộng, uy-lực rộng đến 50 do-tuần, nay có điều chi mà Phụ-vương phải lo âu, hoặc có ai làm cho Phụ-vương phải phiền muộn, nên Phụ-vương có vẻ tiều-tụy như vậy.

— Này con yêu mến ! Mẹ con mong được trái tim của VIDHURAPANDITA, bằng không thì khó sống được. Cha suy nghĩ rằng : VIDHURAPANDITA là bậc khó tìm thấy, vì các vua chúa trên nhân-gian hằng gìn giữ nghiêm ngặt thì làm thế nào đem VIDHURAPANDITA đến long cung được. Cha xét thấy chỉ có con mới cứu mạng sống của mẹ con được. Vậy con hãy cứu mẹ con đi. Con hãy tìm chồng cho vừa ý con, là người nào đủ tài trí, có thể lấy tim của VIDHURAPANDITA đến nạp cho cha, người đó là chồng của con.

Sự thật, đức Long-vương dạy con đi tìm chồng không nên, như thế lòng chẳng nên, song vì mong cứu sống Hoàng-hậu, nên buộc lòng phải bảo như vậy. Bởi sợ cho Hoàng-hậu phải mạng chung, nếu không có trái tim của VIDHURAPANDITA.

Khi Công-chúa nghe vua cha phán dạy như vậy bèn quỳ tâu rằng : Xin Phụ-vương đừng lo ngại, con nguyện vâng lời và cố làm vui lòng cha mẹ. Đoạn Công-chúa vào cung-nội thăm mẹ, xong lạy tạ trở về hoàng-cung. Công-chúa trang điểm y-phục bằng 7 báu xinh đẹp như

ngọc-nữ, rồi rẽ nước lên đến cỏi người, bay đến núi KĀLĀGIRI cao 60 do tuần. Đến đánh núi, nàng tìm hái các hoa thơm trang-hoàng đỉnh núi rất đẹp, rồi nàng ngồi giữa những hoa ấy ca hát tiếng nghe du dương, có thể quyến rũ được lòng người. Nghe tiếng ca đáng luyến ái bằng kệ ngôn rằng :

«KE GANDHABBHE CA YAKKHASE NĀGEKE
KIN PURISE CA MĀNUSEKE PANDITE SABBAKĀ
MADADE DIGHARATTAM SO ME BHAVISSATĪTI».

Kẻ nào là cang-thát-bà, dạ-xoa long-vương, kinnara (1) hoặc người, dầu là bậc trí-tuệ có thể đem trái tim của VIDHURAPANDITA dâng đến mẹ ta được như nguyện. Người ấy sẽ là chồng của ta, cùng nhau được lâu dài.

Nàng VIRANDATI ca hát trầm bổng, tiếng nghe dịu-dàng êm-ái khiến cho người nghe phải luyến-ái.

Khi đó, có một dạ-xoa tên là PURANAKA là cháu của một trong 4 vị Tứ-dại Thiên-vương (VESSASUVANNAHARĀJA đang cỡi ngựa bay trên không trung đi nhóm hội. Khi được nghe tiếng hát du-dương của nàng VIRANDATI long-nữ nên say mê, nịch-ái (vì đã có làm vợ chồng nhau trong kiếp trước) bèn dừng ngựa trên mây mà hỏi rằng : Này nàng tiên-nữ kia, nàng mong được trái tim của VIDHURAPANDITA là như thế nào ? Ta đây có thể đem trái tim của VIDHURAPANDITA dâng đến

(1) đầu, mặt, thân người, đuôi thú.

mẹ nàng. Vậy, em hãy chịu làm vợ anh đi, anh đây là chồng của em.

Nàng VIRANDATI đáp : Khi nào ông đem trái tim của VIDHURAPANDITA dâng đến mẹ tôi được rồi, tôi mới chịu là vợ của ông. Tôi không phải là con mồ côi, cha tôi là đức vua VARAVAVAGARĀJA, mẹ tôi là VIMALĀ Hoàng-hậu.

Khi được nghe nàng VIRANDATI nói như thế, dạ-xoa PURANAKA xin lỗi và từ giả nàng, rồi lên ngựa bay đến kinh-đô của đức THNAÑJAYAKORABARĀJA, xuống ngựa vào đến vua bằng tướng người thanh-niên, quân hầu không thấy được.

Thuở ấy, có 101 đức vua hội trước sân rồng đang đánh cờ tướng. Vị thanh-niên đến nơi tâu rằng : Tâu chư vương, nơi đây có đức vua nào bằng lòng đánh cờ tướng cá với tôi không. Nếu tôi thua thì lấy ngọc mani của tôi, bằng tôi thắng thì phải trả vật quý gì đến tôi.

Đức vua THNAÑJEYAKORABA nghe rồi nghĩ rằng: ta chưa từng thấy có người nào bạo dạn như vậy. Người thanh-niên này tên chi, từ đâu mà đến ? Vậy ta nên hỏi cho biết.

Đức vua THNAÑJEYAKORABA phán hỏi rằng : Người là ai, ở quốc-độ nào ?

Trẫm chưa từng gặp, vì những thanh-niên trong xứ trẫm chưa có ai dám tỏ lời như vậy.

— Tâu Đại-vương, tôi là MANABA dòng KACCĀ-YA, cha mẹ tôi ở trong thành KĀLACAMPĀKA thuộc lãnh-thò ANGARĀJA, thiên-hạ gọi tôi là ANOLONĀMA. Tâu đại-vương, tôi đến đây vì muốn đánh cuộc cờ tướng. Nếu đức Vua nào vui lòng chơi cờ tướng, xin thỉnh đánh cuộc với tôi bây giờ.

— Này người thanh-niên ! Nếu người thua thì phải trả cho trăm bằng cái chi ?

— Tâu, tôi có ngọc mani. Ngọc mani của tôi gọi là MANOHARACINDĀ. Ngọc có nhiều uy-lực, mong cái chi cũng được như ý-nguyện.

Khi dạ-xoa PURANAKA trình bày uy-lực của ngọc mani như vậy, rồi tâu rằng: Nếu Đại-vương thắng thì tôi xin dâng ngọc mani đến Ngài, còn nếu Đại-vương thua thì Ngài phải trả vật chi cho tôi.

— Này người thanh-niên ! Nếu Trăm thua thì Trăm cho sự-nghiệp Đế-vương đến người, trừ ra ngôi vàng, trăm và hoàng-hậu; ngoài ra người muốn lấy món nào tùy ý.

— Tâu Đại-vương, xin Đại-vương dạy xếp đặt sẵn chỗ đánh cờ đừng để lâu, vì tôi là người phương xa, mong đánh cuộc cho mau, lúc bấy giờ.

Đức vua dạy các quan lo sửa soạn chỗ đánh cờ. Trước khi đánh cờ, dạ-xoa tuyên-bố có đủ 101 đức vua làm chứng rõ-rệt.

Cuộc đánh cờ không bao lâu đức vua thua dạ-xoa

Dạ-xoa vỗ tay cười reo rất lớn, ai ai cũng đều nghe biết.

Đức Thế-tôn giảng đến đây bèn gọi chư Tỳ-khưu rằng : Nầy các thầy ! Khi đức vua thua dạ-xoa, trong lúc đó, đức vua rất bất bình.

Dạ-xoa thấy thế, nên tâu rằng : Tâu Đại-vương, thông thường sự đánh cá khi ăn lúc thua, không có ai ăn hoài, hoặc thua luôn đâu. Nếu kỳ này Đại-vương thắng thì được báu vật, chẳng may Đại-vương mất món quý, Đại-vương buồn nổi gì. Tôi là người thắng, vật mà tôi được đây, xin Đại vương nên cho đến tôi mau lẹ, đừng thương tiếc dè lâu.

Đức vua THNANJEYAKORABA phán rằng : Nầy người thanh-niên ! Người chẳng nên nghĩ rằng trăm đã quên lời hứa, dặng hay thất, trăm không bao giờ thất hứa với người đâu : voi, ngựa, bò, trâu, tôi trai tở gái, thanh nam thiếu nữ, ngọc mani, tất cả vật chi là của trăm, trăm vui lòng cho đến người, trừ ra trăm, ngôi vàng và hoàng-hậu thôi. Người muốn thọ-dụng vật chi, đem đến xứ mô, người hãy chuyên-chở tùy sở thích đi.

— Tâu, tất cả những vật báu, gia-súc, tôi trai tở gái v.v.. của đại-vương đó, ngoài VIDHURAPANDITA ra, tôi không ước-ao chi cả. Tôi chỉ xin một VIDHURAPANDITA mà thôi. Đức VIDHURAPANDITA cao quý hơn cả. Đức VIDHURAPANDITA là món báu, đáng cho tôi là người thắng cuộc được lấy. Xin Đại-Vương hãy cho Đức VIDHURAPANDITA đến tôi, bây giờ đây.

— Nầy người thanh-niên ! Đức VIDHURAPAN-

DITA đó gọi là chính thân của trăm, là nơi nương tựa tới lui tiến-hóa của trăm, là nơi khuyến-khích ủng hộ hình-thể của trăm mãi mãi. Đức VIDHURAPANDITA không nên so-sánh với 7 báu. Đức VIDHURAPANDITA đây ví như mạng sống của trăm. Trước trăm có hứa với người rằng sẽ cho các vật khác, trừ mình trăm, ngôi báu và hoàng-hậu. Trăm đã hứa như thế nếu như người muốn lấy Đức VIDHURAPANDITA trăm không vui, xin người đừng lấy. Đức VIDHURA đó tương-đương với Trăm và đồng sanh-mạng với trăm.

— Tâu Đại-Vương, Đại-Vương cùng tôi cãi nhau mất thì giờ vô-ích. Vậy chúng ta nên đến gặp đức VIDHURAPANDITA đi. Chừng ấy, chúng ta sẽ hỏi xem lời của ai quấy, phải, để đức VIDHURA phân xử. Đức VIDHURAPANDITA xử sao thì ta nên nghe theo vậy.

Khi nghe lời của người thanh-niên, đức Vua THNANJEYAKORABA bèn phán rằng: Này người thanh-niên, lời nói của người rất hữu lý, đó là công-lý vậy. Chúng ta nên đi đến gặp đức VIDHURA, nhờ đức VIDHURA xử-đoán thế nào thì cứ nghe theo.

Tất cả 101 đức Vua cùng đi với đức Vua THNANJEYAKORABA và vị thanh niên đến phước-xá của đức VIDHURAPANDITA.

Đức VIDHURA (Bồ-tát) xuống quỳ làm lễ đức Vua, rồi đứng qua một bên. Khi đó, PURANAKA dạ-xoa gọi đức Bồ-Tát rồi hỏi rằng: Tôi có nghe đức Vua

THNANJEYAKORABA có vị Đại thần là đức **VIDHURAPANDITA**, là bậc có thiện-pháp và duy-trì thiện-pháp rất chân-chánh, không lời nói giả-dối, để bảo-tồn sinh-mệnh. Danh thơm của ông được bay khắp cả Đông-Thăng Thần-Châu. Hôm nay tôi được biết rõ ông là người hăng gìn giữ thiện-pháp, tôi hết lòng tin tưởng trong việc xử-đoán của ông.

Nầy bậc trí-tuệ ! Xin ngài phân xử theo công-lý, tôi và Đại-Vương đây đều tin-tưởng trong sự phán-đoán sáng-suốt của Ngài. Ngài hãy cho biết phân-minh theo chánh-pháp : Ngài là dòng-dối thấp hơn đức Vua, hay đồng với đức Vua hoặc quý hơn đức Vua ? Ngài là tôi của đức Vua hay là thân-tộc, hoàng-thân quốc-thích của đức Vua ?

Đức Bồ-tát nghĩ rằng : Nếu ta tự xưng là thân-quyền của đức Vua hay là quý cao hơn đức Vua, nói như thế vô ngại, làm cho người thanh-niên tin theo cũng được. Nhưng, tất cả cái chi cao quý ngoài «sự ngay thật» chẳng có, ta nên nói lời ngay thật là hơn. Đức Bồ-tát đáp : **ĀMA YATHĀ SĀMI BHAVANTEHI . .**
TUYHAM DAJATI.

Nầy người thanh-niên ! Thông thường, tôi tớ của người đây có bốn hạng :

1/— Tôi tớ sanh trong nhà.

2/— Tôi tớ mua chuộc.

3/— Người mong đến nương dựa và vừa lòng làm tôi tớ.

4/— Kẻ bị bắt, bị giam, bị cầm tù.

Sự thịnh-đạt hoặc điều suy-vi của đức Vua, cả hai điều ấy, để qua một bên, ta không để ý đến sự thịnh-suy xảy đến đức Vua. Ta chỉ lấy sự thật, lời đích-xác, chánh-dáng mà nói, ta chẳng giả-dối được, ta không nghĩ đến thân và sinh-mạng ta, ta phải giữ vững lời chân-thật. Đức vua bỏ ta cho đến người trong sự đánh cuộc cũng là cho theo pháp, không có mưu-chước chỉ dơ-bẩn dính dấn đến đức Vua.

Có lời chú-giải rằng : đức Bồ-tát tuyên-thệ ngài là tôi của vua cho kết-quả mười Balamật.

1/— Đức Bồ-tát không lo ngại với của cải và sinh-mệnh, chỉ mong đức vua khỏi nợ của người thanh-niên, nên nói lời thành-thật, đó là bổ-thí Balamật.

2/— Nói lời chánh-dáng, chân-thật không giả-dối, là giới Balamật.

3/— Có tâm không suy-nghĩ tà, rồi nói ra, là xuất-gia Balamật.

4/— Suy-xét theo trí-tuệ rồi mới nói ra, là trí-tuệ Balamật.

5/— Có tâm vô ngại, không hồ với tiếng làm tôi (1) không ngã lòng vì quyền-lực mà nói, là tinh-tấn Balamật.

6/— Tính gắng chịu điều khổ-cực mà người thanh-niên sẽ làm đến ngài, là nhẫn-nhục Balamật.

7/— Nói ra lời ngay thật rằng : Ta chỉ nói lời xác-thật rồi giữ vững không bỏ qua, chỉ quyết-định nói theo chân-lý, tránh khỏi lời lừa đảo, đó là ngay thật Balamật.

8/— Nói lời chính đáng là chỉ nói lời xác-thật, rồi giữ vững không bỏ dở, đó là quyết-định Balamật.

9/— Không oán-giận người thanh-niên sẽ làm hại đến ngài, đó là bác-ái Balamật.

10/— Đức Bồ-tát nghĩ rằng : Người thanh-niên này đem ta đi làm điều gì cũng mặc-tình, tùy sở-thích đi, ta sẽ gắng chịu những thống-khổ. Ngài xét như vậy rồi diễm-nhiên lãnh-đạm, dù là khổ-não xảy đến cho ngài, đó là xả Balamật.

Mười pháp Balamật lấy sự dứt bỏ của cái, bỏ sinh-mệnh, cả ba điều ấy đem nhân với

(1) Thuộc họ của vua.

ba pháp là : Balamật đến bờ kia, đến bờ trên và đến bờ cao - thượng, thành ra ba mươi Balamật.

Dạ xoa PURANAKA nghe lời xử-đoán của đức Bồ-tát nhận là « tôi » của đức vua thì phát tâm hoan-hỉ, bèn vỗ tay reo cười rằng : Hay, ta đã thắng vua hai lượt. Thật vậy, điều mà ta hỏi đức VIDHURAPANDITA đây, ngài trả lời rất chân-chánh. Lời đáp đây là thiện - ngôn, là chánh đáng. Như vậy thì đức vua không có chánh pháp, nên ngài mới tìm có không ưng-thuận cho đức VIDHURA đến ta.

Đức vua THNANJEYAKORABA nghe rất lấy làm bất bình rằng : Ôi là vô-thường ! bậc trí-tuệ không hòa với ta, ta là vua hết lòng hộ-trợ phong quan tấn-trước, ban-thưởng đều đủ quyền cao, chức trọng. Như vậy có nên chăng ? Bậc trí-tuệ không niệm tình ta, lại tưởng đến người thanh-niên chỉ mới quen biết nhau trong chốc-lát. Đức vua không vừa lòng, than trách Đức Bồ-tát như thế, rồi tỏ lời với PURANAKA rằng : Này người thanh - niên ! Bậc trí-tuệ nói rằng là « tôi » của trăm, không phải là thân quyến của trăm vậy chính mình bậc trí-tuệ cao - quý hơn ngọc báu trong đời này, nay thuộc quyền sở hữu của người, người muốn dẫn đi nơi nào tùy ý. Đức vua phàn như vậy rồi nghĩ rằng : Người thanh-niên sẽ dẫn bậc trí-tuệ theo ý muốn của hãn, từ đây ta là kẻ mồ-côi, ai đâu là người thuyết-pháp cho ta nghe như trước nữa.

Pháp du-dương vi-diệu này ta khó nghe được nữa. Vậy ta nên hỏi về pháp cư-sĩ để được nghe lần cuối cùng này. Xét rồi đức vua bèn hỏi đức Bồ-tát rằng: Khi hiền-khanh đi rồi, trăm mất lợi ích trong sự nghe pháp. Vậy, xin thỉnh hiền khanh lên bảo-tọa thuyết-pháp lần cuối cùng cho trăm nghe đi.

Đức Bồ-tát vâng lệnh, liền lên bảo-tọa để thuyết-pháp. Đức vua THANAÑJEYAKORABA hỏi rằng: Xin pháp-sư có danh hiệu rõ rệt là VIDHURAPANDITA, giải cho trăm biết thế nào là:

1/— Người cư-sĩ tại gia, cần phải nuôi sanh mệnh bằng cách nào mới được an-vui, khỏi lo sợ.

2/— KATHAÑCA ASSA SAṄGAHA. Người cư-sĩ thực hành thế nào mới gọi là có đều đủ bốn pháp tể-độ.

3/— ABYĀPAJJHAM KATHAM ASSA. Người cư-sĩ tu-hành cách nào mới khỏi khổ.

4/— SACCAVADĪ. Người cư-sĩ nói lời ngay thật, khi ra khỏi đời này qua kiếp khác, phải làm cách nào mới khỏi phiền não.

Cầu pháp-sư giảng bốn điều cho rõ rệt đến các đức vua trong đời này.

Đức Bồ-tát tâu rằng: Thông-thường, người cư-sĩ tại gia muốn được yên-vui, cần phải có

trí-tuệ và tri-nhớ, chẳng nên chịu theo tình dục.

NA SĀDĀRASSA. Không nên có vợ chung với kẻ khác, tức là đừng tà dâm.

NA BHUÑJA SĀDHU PEKKHO. Người cư-sĩ nếu đã được vật ngon đừng ăn một mình, nên tùy-tiện chia sớt đến kẻ khác.

NA SEVE LOKĀYATIKAM Người cư-sĩ chẳng nên thân-cận với kẻ có thành kiến trong «hư vô-luân» (1) không phải là đường trời, Niết-bàn, chẳng nên học điều đó.

NETAM PAÑÑĀYA VANDDHANAM. Thật vậy, thuyết «hư vô» không có sự tiến hóa, lợi ích, không cho phát sanh trí-tuệ, không phải là đạo giải-thoát SĪLAVĀ SAMPANNO. Người cư-sĩ nên thọ-trì ngũ-giới, nếu là bậc vua chúa thì phải giữ 10 pháp dành cho vua (thập vương pháp)

APPAMADO VICAKKHANO. Nên có trí nhớ và trí-tuệ; đừng cầu thả, dễ - dãi trong các pháp, đừng ngạo mạn, phải tinh tấn hành theo lời dạy của bậc trí-tuệ, có lòng bác-ái đến mình.

ABADDO. Nên dứt lòng bòn-xẻn, đừng chịu

(1) Lý-thuyết cho rằng vũ-trụ đều trống không, không có lợi ích chi cả.

theo tâm đơ-bần, hẹp hòi, phải làm người dễ dạy, dễ nói, nên nói lời êm, dịu dàng cho công chúng bằng lòng, dứt bỏ những điều ác.

SANGAHETA CA MITTĀNAM. Người cư-sĩ nên tế-độ bạn lành theo trí nhớ biết rằng người nào là bạn lành, thì một lòng thành thật trước mặt cũng như sau lưng, phải tìm điều lợi ích đến cho bạn lành, ấy là dâng cúng đến các bậc Samôn, Bàlamôn, kẻ nghèo đói, cô độc, phải sáng-suốt trong phương cách sinh hoạt.

DHAMMAKĀMO. Nên ưa thích trong thập-thiện là thân, khẩu, ý lành.

SUTĀDHARO. Nên thường nghe pháp; thấy rõ điều nào lợi ích nên hành, thì cố gắng thực hành chẳng nên bỏ qua.

PURIPUCCHAKO. Nên gần bậc trí-tuệ để học hỏi điều phải lẽ quấy, phước tội.

Nên hiểu rằng người cư-sĩ, nếu đã thực-hành theo những pháp đã kể trên thì hằng được an vui; tấn-hóa; khỏi lo sợ cũng gọi là hành theo bốn pháp tế độ, làm cho mình khỏi khổ. Trong đời này, gọi là người chân thật, khi tan rã ngũ-uẩn sẽ khỏi phiền não lo-sợ, vì đã được ở theo pháp cư-sĩ. Thật vậy, pháp cư-sĩ hằng đem hạnh-phúc đến người thực-hành,

ví như bóng cây to, che cho người được mát -
mẻ an-vui. Vì thế, trong kinh VIJIRASĀRA có
giải rằng : pháp cư-sĩ đây là bốn cây đa to theo
PALĪ (phạn ngữ) như vậy : CATTĀRO KIRA NIG-
RODHĀ. VARABUDDHIMĀ giải rằng: KIRA.— Như
đã được nghe : có bốn cây đa to có cành lá sum
sê, là nơi vừa lòng an-vui đến kẻ hành-khất tới
nương dựa mà đức VIDHURAPANDITA đã trồng
đề trong thành INDAPATTA có nhiều sự an-vui.
Cây đa thứ nhất có chũ nơi gốc, cây đa thứ nhì
có chũ ở thân cây, cây đa thứ ba có chũ chặn
giữa, cây đa thứ tư có chũ trên ngọn. Cả bốn
cây đa đó, không chi lạ, tức là bốn kệ ngôn của
đức VIDHURA đã giải đáp trong pháp cư-sĩ mà
đức vua THNAÑJEYAKORABA đã hỏi trước khi
Dạ-xoa dẫn đức Bồ-tát đi. Bốn câu kệ - ngôn
ấy là :

1/— NA SĀDHĀRAṆA DARASSA NA BHUÑ-
JEYYA SĀDHUPEKKHO NA SEVERO KĀYĀTIKAM
NETAṀ PAÑÑĀYA VADDHANAM.

NGHĨA LÀ : Đừng tà-dâm vợ người, đừng
ăn vật ngon một mình, đừng đọc kinh sách
vô-ích.

2/— SĪLAVĀ VATTASAMPANNO APPAMATTO

VICAKKHAÑO NIRĀGA UTTADASA DO TALATO
SAKHILOMUDUNI.

NGHĨA LÀ : Giữ năm giới đừng cho đứt, phải thi-hành theo lệnh vua chớ nên cầu-thả, làm người dễ dạy, dễ nói, nói lời êm-dịu tao - nhả.

3/— Câu kệ thứ ba là : dạy tể-dộ đến bạn lành, chia sót, bổ thí, thông rõ phương cách sanh nhai, dâng cúng đến các bậc Samôn, Bàlamôn.

4/— DHAMMAKĀMO SUTTĀDHARO BHAVE-
YYA PURIPUCCHAKO SAKKACCAṂ PAYIRUPĀYA
SĪLAVANTE BAHŪSUTTE.

NGHĨA LÀ : Dạy phải thọ-trì thiện-pháp mà mình đã được nghe, phải tinh-tân học hỏi cho biết phải quấy, phước, tội, nên gần bậc có giới-hạnh.

Cư-sĩ nào thực-hành theo bốn kệ-ngôn ấy, thì sẽ phát sanh trí-tuệ, của-cải, báu vật trong kiếp này và kiếp vị-lai.

Nếu là bậc hiền-minh có trí-tuệ đáng thân-cận và tôn kính thì nên thực-hành theo, ắt sẽ được an-vui, như kẻ lữ-hành đã cực-nhọc trong đường xa mà được nương dưới bóng cây to,

có bóng mát, hằng được vui khỏi lo-sợ nóng nực và đói khát v.v...

Khi thuyết xong, đức Bồ-tát liền xuống pháp-tọa.

Đức vua THNAÑJEYAKORABA cúng dường đức Bồ-tát rất nhiều rồi từ biệt trở về cùng 101 vị vua.

Dạ-xoa PURANAKA, nói với đức Bồ-tát rằng : Này bậc trí-tuệ nên đi theo tôi, đức vua THNAÑJEYAKORABA đã giao mạng Ông cho tôi rồi, Ông nên làm điều lợi-ích đến tôi từ đây. Tình-trạng thực-hành cho lợi-ích đến tôi đó, là thói quen của công-chúng, không có chi lạ.

Này người thanh-niên ! Tôi hiểu rõ rồi, nhưng tôi xin lưu lại ba ngày. Ông mà được tôi là do lời chân-thật của tôi, chớ không phải được vì lẽ gì khác.

Này người thanh-niên ! đức vua THNAÑJEYAKORABA có nhiều ân-đức với tôi, nhưng tôi không theo ý muốn của ngài, tôi nói lời chánh-đáng, nên Ông mới được tôi theo sở-thích. Do đó, Ông nên hiểu : Tôi có đại-ân với Ông nhiều lắm. Vậy, ông hãy vui lòng cho phép tôi lưu lại ba ngày đi.

PURANAKA dạ-xoa nghe đức Bồ-tát nói như thế, nghĩ rằng « Đức VIDHURA đây có đại-ân với ta, đừng nói chi ba ngày, dù là bảy ngày, hoặc nửa tháng ta cũng vui lòng cho phép. PURANAKA liền chấp-thuận lời yêu cầu của đức Bồ-tát. Đức Bồ-tát bèn cho sửa sang chỗ ngụ đến PURANAKA trong dinh-thự 7 tầng, đây là nơi ngụ của ngài. Đức Bồ-tát có ba dinh-thự là : KOÑĀCA,

MAYURA và PIYAKATA. Cả ba điện ấy đều ngủ trong ba mùa : Nóng, mưa và lạnh.

Đức Bồ-tát bèn dạy dọn một trong ba điện của ngài cho PURANAKA dạy-xoa, có đủ vật-dụng cao-quí, có năm trăm thanh-nữ xinh đẹp hầu-hạ, ca-xang múa hát. Đức Bồ-tát tuyên-bố rằng : Cả năm trăm thanh-nữ này, tôi cho là vợ của Ông, Ông được tự-do hưởng những lạc-thú, vinh-hoa. Xong, đức Bồ-tát bèn trở về tư-dinh của ngài.

Ngài gọi nàng ANOJĀ là vợ ngài đến an-ủi rằng « Này em ! em hãy gọi các con trai, gái đến tề-tụ trong ngày nay cho đông đủ, để anh có lời chỉ-giáo đến em và các con. Anh chỉ còn ba ngày nữa kể từ nay, không được ở lâu thêm nữa. Khỏi ba ngày, anh sẽ từ biệt em đi với người thanh niên theo duyên-nghiệp. Anh chỉ còn thấy mặt và được dạy bảo em trong ba ngày này thôi, em nên gọi các con mau tề-tụ-hợp lại đây ».

Nàng ANOJĀ được nghe lời của đức Bồ-tát liền vật mình khóc, hai hàng giọt lệ tuông rơi, nghĩ rằng ta đi gọi các con không được. bèn bảo nàng dâu đi kêu và dạy rằng : « Này ! con hãy mau đi gọi các anh, chị, em con tề-tụ lại đây cho đều đủ để cha con dạy việc ». Các nàng dâu liền đi tìm các nơi, gọi anh em lớn nhỏ mau đến hầu và nghe cha dạy bảo, mà rằng : « Được nghe cha tường-thuật, có một gã thanh-niên đến chơi cờ tướng với đức vua. Đức vua đánh cuộc thua mới giao cha của chúng ta cho gã thanh-niên làm chủ. Cha chúng ta xin

lưu lại ba ngày để dạy bảo chúng ta, rồi cha chúng ta phải đi theo người thanh-niên ấy. Nay, cha mong giảng dạy chúng ta, dạy tôi đi tìm tất cả anh-em tựu hội nhau trong giờ này, vậy các anh em nên đến lập tức, và sẽ được thấy cha trong lần chót ».

Khi đó, con trưởng nam là DHAMMAPĀLA, vừa nghe qua lời nói như thế cảm lòng không đậu giọt lệ chan-hòa, và hối các em mau cùng nhau đến nghe cha dạy bảo. Vào đến gần đức Bồ-tát các con nam, nữ than-van kể lể thật rất thê-thảm.

Đức Bồ tát khi thấy thân bằng quyến - thuộc đã tựu hội đông đủ, ngài bèn dạy rằng : Này các người đã tựu họp nơi đây, hãy lắng tai nghe ta thuyết trình về nhiệm vụ công-dân đối với đức vua. Làm công việc gì cần phải cần-thận, suy xét cho chu-đáo rồi sẽ làm. Phải giữ bậc trung đừng quá lo-sợ hay quá dạn-dĩ. Phải có trí-tuệ; không nên cầu thả trong việc của đức vua ban hành. Phải có giới đức, dùng trí-tuệ suy xét cho thấy điều quấy phải, tội phước, nên hay chẳng. Lệ thường đức vua biết rõ kẻ nào có giới đức thì ngài thường hay nghe và tin theo, không nên giấu giếm phải chân-thật. Khi đức vua dạy sao thì làm vậy, đừng chịu theo pháp tây-vị, phải làm cho chánh đáng, bảo giờ nào phải làm theo giờ ấy, nên tránh pháp thiên-vị vì thương, vì ghét, vì si, vì sợ. Phải sáng suốt trong công việc làm. Đường nào họ trang hoàng dành cho đức vua ngự đi, ta chẳng nên đi trên con đường ấy. Chẳng nên trộm lấy của vua, đừng ăn mặc như đức vua, vật nào đức vua trang-điểm, mình đừng dùng tới vật cao

sang ấy, đừng uống rượu say, đừng lên ngồi ghế, giường, ngựa, chỗ của đức vua dùng.

Khi vào chầu vua dùng ngồi gần quá hay xa quá, ngồi chỗ vừa nghe được lời đức vua chỉ-phán. Đừng làm điều chi trái ý với đức vua. Tâu điều chi thì nên dùng lời êm-ái hữu-ích khi vào chầu, phải chờ lệnh mới nên vào. Nếu đức vua ban vật gì đến người nào, ta chẳng nên tìm nói phải quấy đến việc ấy.

Kẻ làm tôi vua, khi dùng cơm, nên dùng có chừng mực, đừng ăn quá no. Nên hiểu biết chỉ-dụ củ hay mới. Không nên say mê ngủ dục. Khi hầu chuyện với đức vua chẳng nên nhiều lời, nói cho vừa phải, nên dùng lời thiện cảm và hữu ích. Phải nói lời vô tội là đừng nói dối, đừng mắng nhiếc chưởi rủa ai và đừng nói chuyện sang-đàng. Không nên dễ-duôi, phải tinh-tấn phụng-sự mẹ cha và bậc trưởng-thượng. Phải là người dễ dạy, dễ nói, biết khiêm-nhượng. Biết ân-huệ của đức vua, nên thọ bát quan trai giới, nhất là phải bố thí. Khi đức vua bố thí ta đừng ngăn-cản. Nên suy xét cho thấy quấy phải, phước tội. Nên biết thương xót kẻ tôi tớ, người giúp việc của mình. Nên biết dùng thì-giờ là : Giờ này nên bố-thí, ngày nay nên thọ-trì bát quan trai giới, giờ này nên vào chầu, thời tiết nào nên cày bừa trồng tía, nên mua bán, nếu anh em, chị em không có giới hạnh, thì chẳng nên cho làm lớn. Kẻ phá giới, dầu là thân thuộc, dầu còn sống ví như đã chết. Những kẻ dù tôi tớ, mà có hạnh-kiểm tốt cũng nên giao trách nhiệm trong nhà được, nên chu cấp

vật thực, y-phục, chỗ ở cho vừa, lúc bệnh hoạn phải thuốc men săn sóc.

Đức Bồ-tát VIDHURAPANDITA khi đã dạy bảo, dặn dò thân bằng quyến thuộc, trải qua ba ngày rồi, đến ngày thứ tư, sau khi thọ thực xong, ngài bèn vào lạy đức vua từ-biệt rồi đi cùng người thanh niên trong lúc đó.

Khi vào đến sân rồng, ngài nhiễu ba vòng rồi quì làm lễ dưới chân đức vua, đưa tay lên râu rằng : Tâu Bệ-hạ, hạ-thần xin từ biệt dưới chân Bệ-hạ, để đi với người thanh-niên trong giờ này. Cầu xin Bệ-hạ ở lại được an-vui, trị-vì quốc-thối dân an, cầu xin cho lệnh hoàng-thượng hăng có sức khỏe kiện toàn.

Hạ-thần ví như kẻ té nằm trên đất, tức là lệnh hoàng-thượng là nơi nương tựa của hạ-thần. Kẻ té nằm trên đất ví như hạ-thần, không vì đức vua mà gìn giữ lời chân - thật nói đến người thanh - niên rằng là « tôi » thuộc hạ của lệnh hoàng - thượng, làm cho Bệ - hạ thua lời nói của người thanh niên. Tội này là của hạ-thần, cúi xin Bệ-hạ từ bi tha-thứ cho hạ-thần. Tâu, hạ-thần không có ai là nơi nương-tựa, chỉ có bệ-hạ là nơi cậy nhờ của hạ-thần. Từ đây, hạ-thần ví như kẻ té nằm trên đất và nằm được là nhờ mặt đất. Khi hạ-thần đi với người thanh-niên này rồi, vợ, con thân quyến của kẻ hạ-thần, hạ-thần cầu xin Bệ-hạ tế-độ cho ở ngày mai hậu, cũng như lúc hạ-thần còn phò Bệ hạ vậy. Vả lại, của cải mà lệnh hoàng-thượng đã ban cho hạ thần và những báu vật mà các đức vua ngoại-quốc thưởng đã cho hạ thần còn rất nhiều

không xiết kể, xin bệ-hạ ủng-hộ cho, hạ-thần xin gọi tất cả con, vợ thân-quyến và bạn bè, cầu xin bệ - hạ từ - bi thương xót.

Đức vua THNANJEYAKORABA được nghe qua lấy làm cảm động, đau lòng xót dạ, giữa tình biệt-ly của Bồ-tát mới phán rằng, Này bậc trí-tuệ ! hiền khanh đi cùng gã thanh-niên đó không vừa lòng trăm. Vậy hiền khanh đừng đi, đề trăm gọi thanh-niên ấy đến, rồi giết chết hẳn, giấu kín đừng cho ai hay biết, cần gì hiền khanh phải phục tùng đi với hẳn:

Tâu Bệ-hạ, làm nghiệp ác như thế không nên đâu. Bệ-hạ cần nghiêm-trì thiện pháp, ác-pháp không ích lợi gì đâu, đó là nguyên nhân dẫn-dắc chúng - sanh phải chịu khổ trong đường ác-đạo ở ngày vị - lai mà người đã tạo, bậc trí-tuệ hằng chê - trách. Làm tội rồi cũng không thoát chết, khi chết lại chịu vô cùng khổ nảo. Do đó, hạ-thần mới tâu rằng : « Xin bệ-hạ không nên làm vậy ». Hạ-thần nghĩ, nếu gã thanh-niên ấy đem hành hình hạ-thần thế nào hạ-thần cũng không oán giận, đây là do duyên nghiệp của hạ-thần.

Đức Bồ-tát tâu như vậy rồi lay tạ lui ra. Đức vua và các quan ai-ai cũng đều thương hại, khóc than, kể lể trước giờ phút biệt-ly của Đức Bồ-tát.

Chúng dân từ thành-thị đến thôn-quê, khi nghe đức Bồ-tát sẽ bị đi cùng thanh-niên ấy, đều đem nhau tụ-hội đông đủ trước cửa đền để tiễn biệt đức Bồ-tát và khóc than thương hại.

Đức Bồ-tát an - ủi chúng dân chớ nên phiền - nã, thương tiếc, hãy ở lại an-vui, cố-gắng làm phước bố thí, trì-giới, tham-thiền. Tất cả tập hợp nhất là thân ngũ-uẩn mà đời chỉ dành cho nam, nữ đây đều là vô-thường Xong, ngài từ biệt trở lại dinh của ngài.

Khi đó trưởng tử của đức Bồ-tát là DHAMMAPĀLA dẫn các em lớn, nhỏ đồng đứng chờ trước dinh. Đức Bồ-tát thấy các con như thế, bèn ôm con trưởng nam vào ngực, nhìn con giọt lệ đầm-dề. Ngài dùng trí - tuệ quán tưởng ba tướng thông thường (1) ngài thấy rõ tất cả vạn vật trên vũ-trụ này đều là vô-thường, khiến cho ngài diệt trừ phiền-nã rồi vào dinh.

TAMATTHAM PAKĀSENTO SATTHĀ ĀHA : Ý-nghĩa nào chưa rõ-rệt, đức Thế-Tôn bèn giảng ý-nghĩa ấy phân-minh rằng : Này các thầy Tỷ-khuru ! người thấy sợ trong sự luân-hồi, ai cũng đều khóc than thê-thảm, thương-tiếc đức Bồ-tát vô hạn, đau đớn xốn-xa, bức-tức muôn phần, ví như bị người chặt tay chân.

Đức Bồ-tát thấy tình cảnh chúng dân như thế, thật là cảm-động vô-cùng. Ngài dùng pháp vô-thường đem giảng dạy công-chúng và khuyên bảo đừng cầu-thả trong thiện-pháp, lánh dữ làm lành, bố-thí, trì-giới cho trong sạch. Giảng-giải xong, đức Bồ-tát xoay qua hỏi PURA-NAKA dạ-xoa chúng ta phải đi ngỏ nào ? Tôi đã làm xong bồn-phận, vậy Ông hãy dẫn Tôi đi tùy theo ý thích của Ông.

(1) Vô thường, khổ nã, vô ngã.

Vậy bậc trí-tuệ, người hãy nắm chắc đuôi ngựa của Tôi đi. Đường mà chúng ta phải đi rất xa, nhà người di chuyển này không mong gì trở lại, thấy người trong thế-gian này nữa.

Này thanh-niên ! ta không lo sợ chi cả, vì những nghiệp ác dẫn người đi thọ sanh trong cảnh khổ, ta đã tránh khỏi rồi. Nhân đó, tâm ta không hối-hận lo-ngại, chi cả. Đức Bồ-tát tỏ lời như thế, tâm ngài không còn chi lo-sợ, rất dạn-dĩ như sư-tử vào rừng. Đức Bồ-tát chú tâm phát-nguyện rằng : Y-phục ta mặc đây đừng sút khỏi mình, dù cho thanh-niên này có đem ta đến nơi nào, xin cho y-phục dính chặt vào thân ta mãi. Xong ngài dùng hai tay siết-chặt đuôi ngựa, hai chân kẹp vào chân ngựa, rồi ngài nói với thanh-niên rằng : Người mong mỗi đem ta đến đâu thì cứ đi theo sở-nguyện đi.

Khi ấy dạ-xoa PURANAKA điều-khiển cho ngựa bay lên không-trung. Dạ-xoa PURANAKA nghĩ rằng ta không đi đường gần, nên theo đường núi Tuyết-Sơn rồi liền giục ngựa cho đi trong khoảng cây, đá cố-ý làm cho VIDHURA va vào đá, vào cây cho chết, để mỗ lấy tim đem dâng đến hoàng-hậu của đức vua Long-Vương VARUNA thì sẽ được đem Công-Chúa VIRANDATI về làm vợ như ý. Do uy-lực của đức Bồ-tát sanh ra để chứng-quả Phật-Tổ, nên khiến ngựa né tránh cây, đá không đụng vào mình đức Bồ-tát được, thật là huyền-diệu vậy.

Dạ-xoa PARANAKA dùng ngựa để xem cho biết

đức Bồ-tát chết hay chưa. Thấy vẻ mặt đức Bồ-tát trong sáng như gương vàng, biết rằng còn sống, hăn giục ngựa cho chạy theo khoảng cây, đá nữa, chạy qua chạy lại như vậy đến ba lượt, nhưng dường như cây và đá có tâm-thức biết tránh đức Bồ-Tát, nên không chạm vào ngài chút nào, thật là phi-thường. Dạ-xoa PURANAKA thấy đã lâu, nên ngoảnh lại xem đức Bồ-tát chết hay chưa. Khi biết đức Bồ-tát còn sống, dạ-xoa lấy làm bức tức liền lái ngựa bay lên không-trung, tính cho gió thổi hình thể đức Bồ-tát ra tro bụi. Gió ở tầng này có thể thổi đỉnh núi cao lia ra từng đoạn được, nhưng không thổi nhằm đức Bồ-tát, nhờ uy-đức Ba-la mật pháp của ngài, khiến gió rẽ làm hai chừa khoảng trống không chạm nhằm đức Bồ-tát, Tuy nhiên đức Bồ-tát rất khò thân vì phải bám chặt đuôi ngựa, bay qua bay lại trên không-trung. Dù khò thân đến đâu đức VIDHURA vẫn bình tĩnh không chút lo sợ, gương mặt ngài trong sáng ví như đóa hoa sen vừa chớm nở. Dạ-xoa PURANAKA ngừng ngựa xem thấy đức Bồ-tát vẫn tươi tỉnh như thường nên phát nộ, khiến ngựa đi đến chỗ gió to, bay tới lui bảy lượt, gió ấy cũng rẽ làm hai nhường đường cho đức Bồ-tát. Dạ-xoa thấy đức Bồ tát bất-động trong những làn gió to đó, nên lái ngựa bay vút lên cao độ, ở đây gió thật mạnh có thể thổi bay đỉnh núi cao 100 do-tuần ra tro bụi được. Gió tuy mạnh nhưng cũng không động đến mình đức Bồ-tát. Thấy thế, dạ-xoa PURANAKA lấy làm ngạc-nhiên liền khiến ngựa trở về núi KĀLA-

GIRĪ. Đến nơi, PURANAKA cho đức Bồ-tát ngồi trên đỉnh núi.

Đây xin nhắc lại, khi dân-chúng và vợ con của đức Bồ-tát vật mình than khóc, lúc tỉnh dậy không thấy đức Bồ-tát, nên đem nhau vào dinh ngài để tìm kiếm, nhưng chẳng gặp đức Bồ-tát và dạ-xoa PURANAKA. Nghĩ biết người thanh-niên đó, chắc là dạ-xoa biến ra hình người để tìm bắt đức Bồ-tát. Càng nhớ đến càng thương hại không rõ quỷ dạ-xoa đem đức Bồ-tát đến nơi nào, hay là giết ngài rồi chẳng? Họ than-thở vô cùng thê-thảm, rồi dẫn nhau vào đền tâu cho đức vua rõ rằng: Tâu bệ-hạ, gả thanh-niên đến đánh cò tướng với bệ-hạ đó, không phải là người dâu, hẳn là Dạ-xoa biến hình. Nay không biết Dạ-xoa đem đức VIDHURA đi đến chốn mô? Tâu bệ-hạ, nếu chúng tôi chờ đến bảy ngày mà không thấy đức VIDHURA trở về, chúng tôi xin từ-biệt bệ hạ, đồng nhau nhảy vào lửa thiêu thân cho rồi, còn hơn sống mà xa đức VIDHURA thì không lợi-ích chi.

Đức vua dùng lời khuyên lơn rằng: Các người chớ nên quá buồn thảm, đức VIDHURAPANDITA thuyết-pháp rất hay, có lẽ khi dạ-xoa nghe được chánh-pháp của VIDHURAPANDITA rồi cải-hối phát tâm trong-sạch đưa đức VIDHURAPANDITA trở về, không sao đâu, trăm tin chắc như vậy. Các người đừng quá nông-nổi mà tự-tử chẳng nên.

Khi dạ-xoa PURANAKA để cho đức Bồ-tát ngồi trên đỉnh núi KĀLAGIRĪ, rồi hăn nghĩ rằng: Đức VIDHURA

đây còn sống đến đâu, thì sự mong muốn được nàng VIRANDATI của ta cũng chưa kết-quả đến đó. Vậy ta phải cố tìm cách giết đức VIDHURA cho được, nhưng ta không giết bằng tay, ta nên biến ra hình kỳ-quái để hại người cho chết lập-tức. Dạ-xoa PURANAKA liền hiện nguyên hình quỷ dạ-xoa rất to lớn, dị-kỳ đáng ghê-tởm, hét to như tiếng sấm nổ, đánh đức Bồ-tát nằm rồi đè vào nanh dường như muốn ăn tươi nuốt sống. Đức VIDHURA Bồ-tát tự nhiên bất động. Thấy vô hiệu-quả, dạ-xoa liền hóa ra hình sư-tử vồ bắt đức Bồ-tát định cắn xé, chà đạp cho nhừ, nhưng nhờ uy lực pháp Ba-la-mật bảo vệ, đức Bồ-tát vô hại. Dạ-xoa liền biến làm rắn to bằng chiếc ghe, bò tới xít nọc độc, vẫn mình đức Bồ-tát, nhưng không đủ làm hại, đức Bồ-tát vẫn điềm-nhiên. Dạ-xoa đem Bồ-tát trên đỉnh núi hóa gió to thổi đức Bồ-tát té xuống núi cho ra tro bụi. Nhưng gió to ấy không lay chuyển được đức Bồ-tát. Biến-hóa đủ cách mà giết đức Bồ-tát không được, nên dạ-xoa nghĩ rằng: Ta giết đức VIDHURA bề ngoài không được, vậy ta phải dùng tay mới được. Dạ-xoa PURANAKA liệng đức Bồ-tát lên không-trung, hất rể núi cách 15 do-tuần chực sẵn. Khi đức Bồ-tát rớt xuống, dạ-xoa nằm hai chân dõ lên xem thấy đức Bồ-tát còn sống, bèn liệng lên nữa. Khi liệng lên kỳ nhì cao 30 do-tuần, lúc rớt xuống đức Bồ-tát chưa chết. Dạ-xoa tức giận liệng đức Bồ-tát lần thứ ba cao 60 do-tuần, nhưng khi rớt xuống đức Bồ-tát vẫn còn sống. Dạ-xoa nghĩ rằng phen này ta phải liệng VIDHURA xuống tận chân núi cho chết. Dầu phải chịu

thống khổ như vậy, đức Bồ-tát vẫn không động đậy. Ngài nghĩ rằng : Vì sao gã thanh-niên này lại tìm đủ cách để giết ta như vậy ? Nguyên-nhân giết ta có lợi-ích chi ? Ta hỏi thử xem coi ra sao ? Ta nên biết cho rõ về duyên-cớ mà dạ-xoa mong hại ta. Đến đây dạ-xoa có phần kiêng nể uy-lực của đức Bồ-tát.

Đức Bồ-tát bèn hỏi rằng : Ông ôi ! thân-thể của ông xinh đẹp như vị trời, có thể ghép vào hàng thiện-trí-thức là bậc lành có giới đức. Tại sao ông lại là kẻ phá giới, không chân thật, là người tàn ác, xem thấy ông không có chút lương tâm. Này người thanh-niên ! Quý danh người là chi ? Thuộc hạng dạ-xoa nào ? Do nhân chi mà người quá tàn nhẫn, cố giết hại ta ?

Này Bậc Trí-tuệ ! PURANKA NĀMA YAKKHO — Tôi đây có tên rõ-rệt là PURANKA dạ-xoa — VESSA-VANNASSA AMACCO — Ta là cháu mà cũng là đại-thần của đức VESSUVANNA (1) — AYAM LOKONUGAHITENA DASSATI — Ta cố gắng giết cho được ông hôm nay, chỉ vì yêu nàng VIRANDATI con của đức vua VARUNA Long-Vương.

Này PURANKA dạ-xoa ! MAHEVA MOHO — Ông đừng hiểu lầm, đời này chúng-sanh phải chịu đau-khổ và sẽ bị tiêu-diệt cũng bởi sự hiểu lầm đó. Này PURANKA dạ-xoa ! Tôi muốn biết chút ít duyên cớ, tại sao ông vừa lòng VIRANDATI mà cố gắng hại tôi, hôm nay?

(1) Một trong Tứ-Dại-Thiện-Vương

Nầy bậc trí-tuệ ! Tôi rần sức giết ông, không phải vì si-mê hiểu quấy đâu. Vì nàng VIRANDATI có tuyên - bố rằng muốn được nàng đem về làm vợ, thì phải lấy cho được trái tim của đức VIDHURAPANDITA đến dâng cho mẹ nàng là hoàng-hậu VIMALĀJADĒVĪ, song phải đúng theo pháp.

Nầy bậc trí-tuệ ! Do đó mà tôi phải cố gắng giết ông.

Vừa nghe qua, đức Bồ-tát liền hiểu ngay bằng tuệ-lực của ngài rằng : VIMALĀ DAYENA KICCAM NATTHI — Đức Long - Vương VARUNA được nghe pháp của ta, rồi cúng dường ngọc mani là vật trang điểm của ngài. Có lẽ, khi trở về ngài tường thuật cho hoàng-hậu VIMALĀ nghe, nàng mong được thính pháp, nên nói muốn được trái tim ta. Đức Long-Vương hiểu lắm, rồi dạy công-chúa VIRANDATI làm việc như thế, nên dạ-xoa mới đến tìm làm khổ ta như vậy.

Vậy đề ta yêu cầu dạ-xoa để ta xuống trên đỉnh núi này, ta sẽ thuyết pháp chinh phục PURANAKA dạ - xoa tha mệnh sống cho ta, trong lúc này.

Đức Bồ-tát bèn nói rằng : Nầy PURANAKA dạ-xoa ! nếu ông được trái tim của ta, ông hãy để ta xuống trước đi, rồi sẽ giết lấy tim ta sau.

Được nghe đức Bồ-tát nói như vậy, PURANAKA dạ-xoa liền để ngài xuống đỉnh núi KĀLAGIRĪ, rồi thỉnh ngài thuyết pháp.

Đức Bồ-tát nói: Thân-thể tôi không được sạch, xin cho tôi tắm rửa trước đã.

Dạ-xoa PURANAKA khen phải, liền lấy nước hoa thơm cho đức Bồ-tát tắm và cho dùng thực - phẩm quý. Xong, dạ-xoa PURANAKA trang hoàng bảo-tọa, rồi thỉnh đức Bồ-tát bố-thí pháp. Đức Bồ-tát thuyết pháp về pháp SĀDHUDHARMA cho dạ-xoa PURANAKA nghe trong khi ấy.

Đức Bồ-tát thuyết về pháp SĀDHUDHARMA trong lúc đó, rất oai-nghiêm và thanh-nhả như bậc Chánh-dẳng Chánh-giác. Đức Bồ-tát nói với PURANAKA dạ-xoa rằng: Này ông ! SĀDHUDHARMA có 4 phần là :

- 1/ — Phải đi theo người đi trước
- 2/ — Không nên đốt tay ướm
- 3/ — Đừng phản bạn, làm hại bạn
- 4/ — Đừng ở trong quyền-lực của người có ác pháp.

Được nghe pháp tóm tắt như thế, dạ-xoa PURANAKA không hiểu bèn hỏi tiếp rằng : Tôi xin hỏi :

- 1/ — Người đi trước có ý nghĩa thế nào ?
- 2/ — Đốt tay ướm đó ra sao ?
- 3/ — Phản bạn, hại bạn như thế nào ?
- 4/ — Đừng ở trong quyền-lực của kẻ có ác pháp là cách nào ? Xin bậc trí-tuệ giải rộng cho tôi nghe.

Nầy ông ! Điều thứ nhứt có ý dạy rằng người nào có ân với mình, mình phải tìm dịp báo ân. Dẫu với người mà mình chưa quen biết, chưa từng ăn ở chung, khi gặp họ niềm nở mời mình ngồi, chỉ có bấy nhiêu, dù là chưa được ăn uống chi, cũng gọi là người đi trước. Những người biết ơn, không cầu tha, cố gắng đáp ơn, được gọi là kẻ đi theo người đi trước.

2/— Điều nói không nên đốt tay ướm đó, là mình được nường ngụ trong nhà người rồi, nên tỏ lòng tri-ân người đã thi ân với mình, như thế gọi là người lành, không đốt tay ướm vậy.

3/— Điều nói « không nên phản bạn, hại bạn » là ám chỉ người nào đã thi ân đến ta, thì ta đừng tính làm hại họ. Chỉ nên tưởng đến điều tốt của họ và tìm làm lợi-ích đến họ. Kẻ bạc nghĩa, quên ơn người, làm hại người ân gọi là phản bạn, là kẻ đê hèn, tội lỗi. Không riêng về làm hại người ân, dù là với cây mà mình đã vào nghĩ mát, rồi lại làm cho rụng lá, gãy cành cũng gọi là kẻ xấu xa, phản bạn.

4/— Điều nói « đừng ở trong quyền-lực của kẻ có ác pháp » là dạy người không nên chịu theo phụ nữ. Thông-thường phụ nữ mà người

nam đã cho gia-tài của cải, hoặc làm đến bậc Chuyển-Luân-Vương có đủ bảy báu, cũng không nên tin lòng phụ nữ, chỉ yêu thương riêng một mình ta. Phụ nữ khi có trai hằng khinh rẻ chồng. Nhân đó, mới gọi người có ác pháp, tức là người yêu riêng phụ nữ đó vậy. Người có trí-tuệ không bao giờ ở trong quyền-lực của phụ nữ, không phạm tà-dâm gọi là không chịu theo quyền-lực của người có ác pháp.

Nầy ông ! ông nên trú trong bốn SĀDHU-DHARMA, như tôi đã giải đây.

Khi đức VIDHURA Bồ-tát thuyết về 4 pháp SĀDHU-DHARMA vừa dứt, Dạ-xoa được nghe rồi nhìn nhận rằng : Bậc trí-tuệ xin sanh mạng với ta, trong 4 pháp.

Thật vậy, bậc trí-tuệ đã có cứng đường đến ta rồi. Ta với bậc trí-tuệ chưa từng gặp nhau lần nào. Bậc trí-tuệ đã thi ân đến ta, ta được nương nhờ, ăn ngũ trong dinh của bậc trí-tuệ, thọ hưởng gia-tài của bậc trí-tuệ trọn 3 ngày, nay ta làm hại như vậy cũng vì phụ nữ. Nếu xét rõ ta là kẻ phản bạn, hại bạn trong lúc này, thế gọi là không được đi theo người đi trước, là kẻ đốt tay ướt, là kẻ phản bạn và cũng là kẻ ở trong quyền-lực của phụ

nữ có ác pháp. Ôi ! Ta càng xét càng thấy ta là người không tốt, là kẻ rất xấu xa, đê-hèn. Lợi ích chi với nàng VIRANDATI không được thì thôi, ta không nên làm tội đâu.

— Này bậc trí-tuệ ! lại đây tôi sẽ đưa ông về thành NIDAPATTA, ông sẽ hết khổ, do thiện ngôn của ông. Xin ông thứ lỗi cho tôi, ông hãy lại đây, tôi đưa ông về đến chỗ ngụ của ông.

— Này Dạ-xoa PURANAKA ! Ông khoan đưa tôi về thành NIDAPATTA trước, nên đem tôi đến Long-cung đi. Tôi mong được thấy đình thự Long-vương, muốn biết xứ sở tại Long-cung, ông hãy đem tôi đến đức Long - vương trước đã.

— Này bậc trí-tuệ ! Lệ-thường bậc có trí-tuệ khi họ biết rằng kẻ nào là thù nghịch rồi, họ không hy-vọng vào gần. Nhưng tại sao ông lại muốn gặp Long-vương và vừa lòng đến xứ sở của kẻ thù, do nhân nào ?

Này dạ-xoa PURANAKA ! Không nên tìm đến kẻ thù, điều này tôi đã hiểu. Nhưng tôi không tạo những điều ác, tội lỗi vì thế tôi không biết ghét, biết sợ đối với sự chết xảy đến cho tôi.

Này ông ! xin ông đừng lo ngại chi, như

ông, trước kia cũng hiểu lắm làm khổ tôi, mà tôi còn an - ủi bằng sự thuyết pháp cho ông trở nên có tánh tình dễ-dãi được; hà tất loài rồng dù là với Long-vương, tôi cũng có thể chế - phục được, đó là phận - sự của tôi. Vậy ông nên đem tôi xuống cõi long-cung đi.

Dạ-xoa PURANAKA đáp SÂDHU — phải rồi, thỉnh ngài lên ngồi ở phía sau. Sở dĩ dạ-xoa PURANAKA đề đức Bồ-tát ngồi phía sau đó với ý-dịnh rằng nếu thấy Long-Vương có lòng mát-mẻ với bậc trí-tuệ thì thôi, bằng không, ta sẽ bảo-vệ đem bậc trí-tuệ về lập-tức, không cho Long-Vương làm hại ngài — Nghĩ như thế, dạ-xoa mong che khuất thân thể của đức Bồ-tát, dạ-xoa ngồi phía trước ngựa, đưa đức Bồ-tát xuống đến Long-cung, đi thẳng vào cung, trước mặt Long-Vương.

Đức Long-Vương VARUNA thấy PURANAKA bèn hỏi rằng : « Người đi tìm trái tim của VIDHURA trên cõi người, được kết-quả chăng ? »

— Tâu, tôi đem được đức VIDHURAPANDITA, đúng theo pháp, ngài hãy nhìn xem bậc trí-tuệ đây. Ngài hãy nên cầu nghe pháp của đức VIDHURA, thuyết theo giới-đức, rất du-dương, trong giờ này. Tâu, kẻ nào thân-cận bậc trí-tuệ như đức VIDHURAPANDITA đây, hằng được an vui trong cõi này, và kiếp sau.

Đức Long-vương VARUNA khi được thấy đức Bồ-tát bèn phán rằng : « Này bậc trí-tuệ ! Ông là loài người,

đến cõi rỗng được thấy Long-cung mà từ trước chưa từng thấy. Xuống đây thì sự chết của ông trong tay ta, vì sao ông không lo sợ, xuống ngựa mà lễ-bái ta. Thái-độ của ông không phải là bậc trí-tuệ đâu ».

Đức Bồ-tát nghe Long-vương bảo lễ-bái, ngài bèn đáp rằng : « Tôi đây không nên lạy đại-vương, làm như thế không nên. Tôi không được thủ-lễ đại-vương đây vì tôi là tội nhân. Tâu, kẻ có tội chết, dù là lạy hay không cũng không khỏi chết, thế nào cũng bị tử-hình, tội nhân lạy đao-phủ thủ làm gì ? Đao-phủ thủ có dạy tội-nhân lễ-bái cũng chẳng ích chi. Như thân tôi đây, đại-vương dạy dạ-xoa PURANAKA giết tôi dễ lấy trái tim như thế, thì đại-vương bảo tôi lễ-bái ngài có ích gì ? »

Đức Long-vương VARUNA nghe qua cho lời của đức Bồ-tát là đúng, nên khen phải. Này bậc trí-tuệ ! Lời của người là chánh-đáng, đúng là bậc trí-tuệ rồi.

Đức Bồ-tát tỏ lời thiện-cảm với đức Long-vương rằng : « Tâu, đại vương là bậc vua chúa, có nhiều uy-lực, đế-nghiệp của đại-vương không trường-cửu thật, song cũng gọi là được vững chắc.

Long-cung của Đại-vương hăng rực-rỡ bằng hào-quang của ngọc-báu và vàng-ròng, như sét chớp trên không trung. Trong long-cung có đầy đủ long-nữ trang-diễm xinh-đẹp, ca-sang xướng-hát hầu hạ đêm ngày. Những hạnh-phúc này phát sanh theo mùa tiết hay tự nhiên mà có ; hoặc đại-vương tự tạo ra hay chư-thiên

làm cho đại-vương. Đại-vương được sự-nghiệp vĩ-dại như vậy, do nhân nào?

Nầy bậc trí-tuệ! Đèn vàng điện ngọc đây, chẳng phải do trầm tự tạo ra được, cũng không nhờ chư-thiên làm cho, cũng chẳng phải sanh ra do thời-tiết, những gia-tài của-cải cao sang nầy phát sanh do nơi nghiệp lành cho quả phúc đến trăm. trăm là chúa tại Long-cung.

Tâu, kiếp trước Đại-vương tạo nghiệp chi, nên nay đại-vương được sự-nghiệp to-tát như vậy?

— Nầy bậc trí-tuệ! Trăm và nàng VIMALĀ hoàng-hậu, kiếp trước là vợ chồng nhau trong thành CAMPAKA. Chúng tôi có đức tin đồng nhau bố-thí như là y-phục, thức ăn, món uống, thuốc men, chỗ ở, hoa thơm đèn đuốc đến các vị Sa-môn, Balamôn, kẻ nghèo đói, cô-độc. Nhà của chúng tôi là nơi nương ngụ của các thầy Samôn, Balamôn, kẻ nghèo đói, cô-độc ví như giòng nước là nơi tắm rửa cần dùng cho loài người và thú. Do uy-lực của sự bố-thí làm lành như thế, đến khi tan rã ngũ uẩn tôi được sanh ra làm Long-vương, thọ hưởng đế-nghiệp cao sang phú-túc như vậy.

— Tâu, đại-vương là bậc vua chúa trong cõi rồng, khi đại-vương đã nhận đây là hạnh-phúc cao sang quyền quý thì đại-vương chẳng nên cầu thả, say-mê vì đế-nghiệp. Điều nào là tội đại-vương đừng bận lòng tạo những nghiệp ác ấy. Đại-vương nên cố gắng gieo trồng cội phúc. Nghiệp lành nào làm cho đế-nghiệp được bền vững và cho hạnh-phúc trong kiếp vị-lai được lâu dài, đại-

vương hãy tinh-tấn đào-tạo thêm đừng bỏ qua và quyết tâm không cho vi phạm, dù là tội ác nhỏ nhen.

Nầy bậc trí-tuệ ! Trăm tính bổ-thí, nhưng tại Long-cung không có Samôn và Balamôn, vậy phải làm thế nào được bồ tát điều thiện. Xin nhờ bậc trí-tuệ từ bi giảng giải, chỉ giáo đến trăm di. Phải tu thân thế nào, mới có thể giữ vững ngôi vàng này được lâu dài đến kiếp vị lai.

— Tâu, nếu đại-vương ước mong như vậy, cần phải đè nén sự sân-hận, thấy tội phát sanh trong tâm rồi nên chế-ngự cho giảm bớt, lắng lòng yên lặng, đừng chịu theo tâm ác. Nên tinh-tấn trấn áp điều ác, cho sanh lòng từ-bi đến khắp cả loài rồng, gần hoặc xa, tức là vợ con, cùng các quan châu chực mỗi ngày. Đại-vương nên rải lòng bác-ái đến tất cả, đừng phân-biệt giai-cấp, nên cố gắng hành thiện pháp bằng nghiệp thân, khẩu lành, đừng làm tội theo ác tâm. Khi đại-vương tu-hành như thế rồi, thì đại-vương được an-vui, đến hết tuổi thọ sẽ được sinh lên cõi trời theo quả phúc của tâm bác ái và thân, khẩu, ý lành, Phước báu của tâm bác ái quý báu hơn sự bổ-thí, Đại-vương nên niệm tâm bác ái cho khấn khít trong tâm.

Đức Long-vương VARUNA được nghe pháp của đức Bồ-tát, ngài bèn phát tâm vui thích và nghĩ rằng :

Ta để cho đức VIDHURAPANDITA ở lâu không tiện, vậy ta nên dẫn đến nàng VIMALĀ hoàng-hậu, cho nàng được thính pháp để đề-nén lòng mong mỏi của nàng, rồi ta sẽ nhờ Dạ-xoa đưa đức VIDHURAPANDITA về kinh - đô NIDAPATTA cho đức vua KORABA vui mừng. Đức Long-vương bèn phán rằng : Này bậc trí-tuệ là đại-thần của đức vua THNAÑAJEYAKORABA trong lãnh thổ KURU ! Dạ-xoa PURANAKA được bậc trí-tuệ đây, do nguyên nhân nào ?

Tâu, Dạ-xoa PURANAKA đến đánh cuộc cờ tướng với đức vua THNAÑJAYAKORABA Đức vua thua nên phải cho tôi đến dạ-xoa PURANAKA, theo lời giao-kết, nay dạ-xoa mới đem tôi đến nơi đây.

Đức Long-vương nghe, vui-thích, phát tâm phỉ - lạc bèn nắm tay đức Bồ-tát mời vào phòng hoàng-hậu VIMALĀ. Đến nơi đức Long-vương gọi này : Em VIMALĀ ! Em khổ vì mong được tim của đức VIDHURAPANDITA. Này em VIMALĀ ! Em hãy ngồi dậy chớ phiền não, đức VIDHURAPANDITA đã vào đến nơi rồi và sẽ thuyết pháp cho em nghe, bây giờ đây. Em hãy lắng nghe thiện ngôn của đức VIDHURAPANDITA. Bậc trí-tuệ VIDHURAPANDITA có danh vang khắp cả trời người, chẳng có ai sánh bằng. Đức VIDHURAPANDITA đây là nơi trừ diệt các phiền não cho em được. Đức VIDHURAPANDITA làm cho sáng tỏ tức là trí - tuệ, thấy phân - minh trong tất cả ý nghĩa, mời em xem đức VIDHURAPANDITA và nghe ngài thuyết pháp.

Hoàng-hậu VIMALĀRĀJADEVĪ được nghe tiếng chồng gọi như thế liền vội-vã ngồi dậy, nhìn đức Bồ-tát, nàng phát tâm hoan-hỉ, đưa tay lên lễ-bái và ân-cần tỏ lời thiện-cảm với đức Bồ-tát. Lời nàng VIMALĀ hỏi đức Bồ-tát và lời đáp của đức Bồ-tát cũng như đã giảng cho Long-vương nghe.

Nàng VIMALĀ được nghe pháp, phát tâm phi-lạc sắc mặt vui tươi bình-phục lại như trước.

Khi đức Bồ-tát đã thuyết cho nàng VIMALĀ nghe xong, ngài bèn nói với Long-vương rằng : « Tâu đại-vương, ngài mong được trái tim của tôi, xin ngài tùy-tiện theo ý muốn đi, ngài đừng nghi ngại điều chi cả và cũng đừng vì sự nghe pháp mà phải tha tôi. Vậy đại-vương hãy thi-hành theo sở-nguyện đi ».

Đức vua VARUNA đáp : Nàng VIMALĀ hy-vọng được trái tim của ngài. nay nàng đã được như nguyện rồi, trái tim đó tức là trí-tuệ của ngài vậy. Này bậc trí-tuệ ! Chúng tôi có lòng hân-hoan mong được trái tim tức là đức trí-tuệ của ngài từ lâu, nay đã toại-nguyện. Vậy, để tỏ lòng biết ơn, nay tôi xin gả nàng VIRANDATI cho dạ-xoa PURANAKA làm vợ. Nói xong, đức Long-vương bèn tuyên-bố gả công-chúa VIRANDATI sánh-duyên cùng dạ xoa PURANAKA. Đức Long-vương dạy dạ-xoa PURANAKA rằng : Người hãy thỉnh bậc trí-tuệ đem về xứ NIDAPATTA đi.

Dạ-xoa PURANAKA rất mãn nguyện vì được nàng VIRANDATI làm vợ, nên dâng ngọc mani đến đức Bồ-tát và tỏ rằng : Tôi nay thỏa nguyện, vì được nàng VIRANDATI làm vợ cũng nhờ ngài. Tôi không có chi xứng đáng để đáp ơn cao dày của ngài, tôi xin thành kính dâng ngọc mani đến ngài, xin ngài hoan-hỉ thọ lãnh.

Đức Bồ-tát thọ ngọc mani và chúc rằng : Cầu cho ông chung sống cùng nàng VIRANDATI được an-vui lâu dài, đừng có điều chi trở ngại.

Dạ-xoa PURANAKA thọ lời chúc của đức Bồ-tát và thỉnh ngài lên ngựa ngồi phía trước, dạ-xoa ngồi giữa, nàng VIRANADATI ngồi sau, đầu đó chính tể, dạ-xoa liền lái ngựa bay lên khỏi long-cung, nhắm ngay xứ NIDAPATTA mà tiến-hành.

Khi đức Bồ-tát đang được đưa về, đêm hôm ấy đức vua THNANĀJAYA nằm mộng lúc rạng-đông : thấy có một cỗ thọ to mọc giữa ngo môn, có trang-hoàng đủ các thứ hoa thơm, dân chúng cư-hội rất đông lễ-bái cúng-dường cây cỗ-thọ ấy.

Có người, hình thể to lớn, da đen mặc y đỏ, tay cầm binh khí bén đến đốn cây cỗ-thọ đó đem đi. Đại chúng khóc than thương tiếc cây cỗ-thọ vô hồi. Nhưng, không bao lâu người ấy lại đem cây cỗ thọ trả lại chỗ cũ.

Đức vua giật mình tỉnh giấc, suy xét hiểu rằng : Cây cỗ-thọ đây chắc là đức VIDHURAPANDITA ; người chặt cây cỗ thọ tức là vị thanh-niên dẫn đức Bồ-tát đi trong khi ấy. Có lẽ vị thanh-niên ấy sẽ đưa đức

VIDHURAPANDITA trả lại tại nơi ngọ môn trước phước - xá.

Lành thay ! Sáng nầy trăm sẽ gặp đức VIDHURAPANDITA chẳng sai. Đức vua quả-quyết như vậy, ngài rất vui mừng. Sáng sớm, đức vua dạy trang-hoàng kinh đô và phước-xá, bảo-tọa mà đức Bồ tát đã quen ngồi thuyết-pháp từ trước. Chỉ trong chốc lát cả 101 vị vương và các quan quân cùng dân chúng, châu chực chung-quanh ngài rất đông, để đón rước đức Bồ-tát tại phước-xá. Đức vua THNĀÑJAYA bèn tỏ lời an-ủi công-chúng rằng : Các người hãy vui - thích lên đi, đức VIDHURAPANDITA sẽ trở về với chúng ta trong ngày nay.

Trong lúc ấy, dạ-xoa PURANAKA bay xuống đáp giữa công-chúng, đưa đức Bồ-tát để gần phước-xá, rồi từ tạ dẫn nàng VIRANDATI lên thiên-cung là nơi ngụ của dạ-xoa. Những người có mặt tại đó, không ai thấy được dạ-xoa PURANAKA và nàng VIRANDATI cả.

Đức vua THNĀÑJAYA khi nhìn thấy đức VIDHURA Bồ tát, ngài rất mừng rỡ, liền xuống ngai-vàng chạy đến ôm hôn và ẩm đức Bồ-tát để ngồi trên pháp-tọa với niềm hân-hoan vô hạn. Đại-chúng và 101 vị vương cũng đồng vui mừng, ví như người đã chết mà được sống lại, ai ai cũng đều đưa tay lễ-bái và nhìn xem gương mặt của đức Bồ-tát.

Đức vua ôn - tồn tỏ lời thiện - cảm rằng : Nầy bậc trí-tuệ VIDHURAPANDITA ôi ! Tất cả dân-cư nhất là

101 vị-vương và trăm được thấy hiền-khanh hôm nay, rất toại nguyện. lòng mừng không xiết kể. Hiền-khanh hãy cho chúng ta nghe trước, gã thanh-niên đó thuộc hạng nào; đem hiền-khanh đến đâu và hiền-khanh vui khô thế nào? Do đâu mà hiền khanh được khỏi tay gã thanh-niên ấy, trở về đây.

Tâu, thanh-niên đó không phải loài người; thật là Dạ-xoa vương có tên rõ-rệt là PURANAKAYAKSA, là cháu của đức vua VESSUVANNA (một trong tứ đại thiên-vương) Dạ xoa PURANKA vì mong được nàng VIRANDATI công chúa của vị Long-vương VARUNA, đây là nguyên-nhân đầu tiên.

Đức Long-vương VARUNA có đến thọ bát quan trai giới nơi vườn thượng-uyển và có tranh biện về sự tri - giới cao thấp, mà bệ hạ đã dẫn cả 3 vị vua, nhất là đức Đế-thích đến gặp hạ-thần và dạy hạ - thần phân - đoán trong lúc trước. Long-vương cũng dưng cho hạ-thần ngọc mani là vật trang-diễm của ngài. Khi trở về nàng VIMALĀ là Hoàng-hậu của Long-vương không thấy ngọc Mani nên hỏi, ngọc mani của bệ-hạ đâu không thấy? Đức Long vương cho biết rằng đã cúng dường pháp cho hạ-thần. Nàng VIMALĀ mong được nghe pháp, nhưng không biết làm sao, mới tâu với Long-vương muốn được trái-tim của hạ-thần. Đức Long-vương liền dạy công - chúa VIRANDATI là con của ngài, trái đi tìm chồng có uy-lực, có thể lấy trái tim của hạ - thần đem về đây cho cha, người đó là chồng của con.

Khi ấy, dạ-xoa PURANAKA nghe như vậy, mong được nàng VIRANDATI, nên dạ-xoa liền trở về núi VIPŪLA lấy ngọc Mani dành cho đức Chuyển-luân-vương, đến đánh cuộc cờ tướng với bộ-hạ.

Dạ-xoa thắng cuộc, bắt hạ - thần. Sau khi ngụ tại dinh hạ-thần trọn ba ngày đêm, đến ngày thứ tư, lúc hạ-thần từ giả bộ-hạ và quan quân xong, dạ-xoa dạy hạ-thần nằm đuôi ngựa bay lên không-trung, khiến ngựa chạy theo khoảng cây, đá ba lượt như vậy, cố tâm giết hạ-thần. Khi thấy hạ-thần còn sống, dạ-xoa khiến ngựa bay lên gió mạnh, bay tới lui đến 7 lượt, cho hạ-thần chết vì thể lực của gió. Lúc thấy hạ-thần chưa chết, dạ-xoa phát nộ liền khiến ngựa bay vút lên cao độ cho hạ-thần ra tro bụi. Nhưng khi biết hạ-thần chưa bị hại, dạ - xoa đem hạ-thần để trên đỉnh núi KĀLAGIRĪ, dạ - xoa hiện nguyên hình to lớn dị kỳ; hóa ra sư-tử dày xé, sau cùng biến ra rắn to quấn mình hạ-thần với tất cả những hành-động tàn-nhẫn ấy, Dạ-xoa chỉ mong giết cho được hạ-thần; xong hạ-thần vẫn còn sống. Dạ-xoa nằm hai chân hạ-thần liệng lên cao 15 do tuần, khi rớt xuống thấy hạ-thần không chết, dạ-xoa tức giận liệng lên kỳ nhì cao 30 do tuần nhưng hạ-thần cũng còn sống. Dạ-xoa cố hết sức mình liệng hạ-thần lên lần thứ ba cao 60 do-tuần, lạ thay khi rớt xuống hạ-thần vẫn chưa chết. Đến đây, dạ-xoa có phần kiên-nễ, do nhờ uy-lực của Ba-la-mật pháp, hấn bèn để hạ-thần xuống đỉnh núi KĀLAGIRĪ, nhân đó, hạ-thần thuyết pháp SA-

DHUDHARMA cảm thấy được dạ-xoa **PURANAKA**, khiến dạ-xoa ưa-thích tha mệnh sống cho hạ-thần. Dạ-xoa đưa hạ-thần đến Long-cung thuyết pháp cho Long-vương **VARUNA** và hoàng-hậu **VIMALĀ** nghe. Khi nghe pháp xong, đức Long-vương và hoàng-hậu phát tâm trong sạch bèn gả công chúa **VIRANDATI** cho dạ-xoa **PURANAKA** và dạy dạ-xoa đưa hạ-thần trở về. Dạ-xoa vâng lời đề hạ-thần ngồi trước, hễ ngồi giữa, sau là công-chúa **VIRANDATI**, cho ngựa bay lên trần gian, thẳng đến kinh - đô của bộ-hạ. Dạ-xoa đáp xuống để hạ-thần giữa công chúng rồi từ tạ chở nàng **VIRANDATI** về chỗ ngụ của Dạ-xoa.

Tâu đây ngọc Mani dành cho Đức Chuyển - luân - vương, có thể cho thành tựu đầy-dủ sự mong muốn. Dạ-xoa **PURANAKA** biết ơn hạ-thần, nên biếu ngọc Mani này; hạ-thần xin dâng lên bộ-hạ. Đức Bồ-tát qui dâng ngọc Mani đến đức vua **THANĀJAJA**.

Đức vua **THĀNĀJAYAKORABA** và đại chúng được nghe câu chuyện của đức Bồ-tát **VIDHURA** chịu bao điều thống khổ như vậy, ai ai cũng đều thương xót rơi lệ và tán tụng rằng : « Ngài ôi ! Tuệ lực của ngài rất cao quý không chỉ so sánh bằng. Từ đây cầu xin ngài ở được an - vui ». Tiếng ca tụng cầu chúc của dân chúng khi ấy vang rền khắp trong xứ.

Đức vua bèn tường thuật sự nằm mộng của ngài cho đức Bồ-tát nghe rồi dậy tổ-chức cuộc lễ ăn mừng đức

Bồ-tát đến nửa tháng. Lúc ấy cả dân-cư nam, nữ, các quan quân, hàng triệu-phú v v... đều trang phục chỉnh tề mang lễ-vật đến cúng dường đức Bồ-tát. Đức vua dạy dân-chúng phóng sanh súc vật rất nhiều.

Đức Bồ-tát bèn thuyết pháp, khuyến dạy nhân dân bố-thí, trì-giới để gieo trồng cội phúc trong đời này và kiếp sau. Đức Bồ-tát luôn luôn tinh-tấn bồ-túc bố-thí, trì-giới tham-thiền không dám để xuôi, sau khi thác ngài được sanh lên cõi trời. Những người thực hành theo lời chỉ giáo của đức Bồ tát, khi tan rã ngũ-uẩn đều được lên thiên cung cả.

SATTHĀ IMAM DHAMMADESANAM ĀHARITVĀ. Đức Giáo-chủ dẫn tích Đức VIDHURAPANDITA xong, ngài liền gọi các Tỷ-khưu mà rằng : Này các thầy ! Như-Lai chẳng phải chỉ sáng suốt trong phương pháp độ-sinh trong kiếp cuối cùng này mà thôi đâu, thuở Như-lai luân hồi là VIDHURAPANDITA đó, Như-lai cũng có trí-tuệ sáng suốt như thế. Đức Thế-tôn thuyết tiếp pháp tứ-diệu-đề, rồi hợp tiền kiếp lại như vậy :

SADĀ — Trong trong thuở ấy cha mẹ của đức VIDHURA nay là đức Tịnh-phạn-vương và MĀYĀ hoàng-hậu; vợ của đức VIDHURA nay là nàng GIĀ - DU - DA-LA, con trưởng nam của đức VIDHURA nay là RA-HĀU-LA, nàng VIMALĀ nay là Tỷ-khưu ni UPAVAN-NATHERĪ; đức Long-vương VARUNA nay là Đại-đức

Xá lợi-Phất, đức Điều-vương nay là đại-đức Mục-kiền -
Liên; đức đễ-thích nay là A-Nậu-Lầu-Dã; đức vua THNA-
ÑJAYAKORABA nay là ANANDA — Dạ-xoa nay là đức
vua KANTHASAKA. Tất cả những kẻ tùy-túng nay là
hàng Phật-tử. Đức VIDHURAPANDITA AHAM EVA-
Tức là Như-lai là Bạc Chánh đẳng Chánh-giác, đã giác
ngộ tất cả các pháp như thế.

VIDHURAPANDITA JĀTAKAM NITTHITAM

Dứt truyện Đức HIỀN-MINH VIDHURA

VESSANTARA — JATAKA

Truyện Đức VESSANTARA

BỒ-TÁT TU HẠNH BỒ-THÍ BA-LA-MẬT

PHUSSATI VARAVANNĀBHETI IDAM SATTHĀ
KAPIVATTHUN UPAÑISSĀYA NIGRODHĀRĀME
VIHARANTO POKKHARAVASSAM ARAMBHA
KATHESI

Đức Thiên-Nhơn-Sư, khi trú trong thành KAPILAVASTU, Ngài nghỉ-aa tại tịnh-xá NIGRODHĀRĀMA của dòng Thích-Ca đã tạo-dâng Ngài đề-cập đến đám mưa cho có nhân, rồi ngài thuyết về truyện VESSANTARA có cả 500 Đại A-La-Hán, nhứt là Đức đại Ca-Điếp (MAHAKASSAPATHERA) theo Phật ngôn như vậy :

YADĀ = Sau khi Đức Giáo-Chủ được giác-ngộ Chánh-Đẳng Chánh-Giác, ngài thuyết-pháp luân (1) (DHAMMACC-
AKKAPPAVATTANASŪTRA) lúc độ 5 anh em nhóm Kiều-Trần-Như xong, ngài bèn ngự đến kinh-đô RĀJAGRAHA nghỉ-an tại Trúc-Lâm Tịnh-xá hết mùa đông (HEMANTA). Do Đức UDĀYITHĒRA dẫn đường, Đức Phật ngự đi cùng 2 muôn vị Thánh-Văn-giác trọn 60 ngày (2) mới đến kinh-đô KAPILAVASTU là lần đầu tiên (3)

(1) Pháp như bánh xe lăn tròn

(2) Đường xa 60 do-tuần

(3) Năm ngày rằm tháng 4 lễ...

Khi đó, dòng Thích-Ca được tin Đức Giáo-chủ ngự đến, đồng phát tâm hoan-hỷ dạy tạo tịnh-xá NIGRODHĀRĀMA và trang-hoàng xinh đẹp, để thỉnh Đức Thế-Tôn vào nghỉ-an và cúng-dường. Đến nơi Phật ngự, những thân - bằng quyến-thuộc đều nghĩ rằng : Đức SIDDHATTHA (Sĩ-Đạt-Ta) có uy-nghiêm tề-chỉnh, hào-quang sáng rõ, thật đáng tôn-kính, song phần đông chúng ta là ông, bà, cha mẹ, cô, bác, chúng ta không nên lễ-bái người, bèn tìm ngồi phía sau các thanh - niên. Đức Giáo-Chủ hiểu rõ tánh-tình của thân-tộc như thế, Ngài tìm cách tiếp-độ cho thân-quyến dứt bỏ tính ngã-mạng, tà-kiến. Ngài liền nhập tứ-thiền dùng thần-thông bay lên giữa không - trung làm cho cát-bụi tung bay mù-mịt, chiếu hào-quang rực-rỡ thật là thiêng-liêng mầu-nhiệm.

Đức Tịnh-Phạn-vương xem thấy phi-thường như vậy, bèn đưa tay lên lễ - bái đức Thế - Tôn. Trong giờ ấy, có đám mưa to như thác đổ, nhưng chẳng có một ai bị ướt. Tất cả hoàng - gia đều hết lòng kính-phục uy-đức của Phật, đồng qui lạy không còn ngã-mạng, tà-kiến như trước.

Sau khi đó, chư tăng hội nhau bàn-luận về pháp lạ-thường của Phật mà từ xưa chưa từng thấy.

Đức Thế-Tôn ngự đến nơi tăng hội, phán hỏi cho rõ câu chuyện đàm - thoại của chư tăng. Ngài bèn phán rằng : « Này các thầy Tỳ-Khưu ! Chẳng phải chỉ có đám mưa lạ-thường như thế, trong kiếp này đâu ; xưa kia cũng đã có như vậy, rồi ngài mặc tướng.

Chư-Tăng mong được nghe tiền-tích, nên qui lạy cầu Phật giảng tiếp.

Đức Thế-Tôn giảng rằng; ATITE KĀLE - Này chư-tăng! Thuở xưa có một đức vua danh là SRĪSANJEYA trị-vì trong kinh-đô JETUTTARA, ngài là hoàng-tử của đức vua SIRĪMAHĀRĀJA; hoàng-hậu tên là SUPĀRASUPPATIDEVĪ là công-chúa của đức vua MADDHARĀJA. Nguyên-nhân mà nàng có tên gọi là SUPĀRASUPPATIDEVĪ đó, vì nàng được thí mùi trầm-hương đến Phật VIPASSĪ, từ kiếp trước. Nàng sinh-tử luân-hồi trong cõi người và cõi trời, thường có mùi trầm-hương nơi thân-thể nàng, trong mỗi kiếp.

Có kiếp nọ; nàng sanh làm hoàng-hậu của đức Đế-Thích tại Đạo-Lợi thiên-cung, nhờ mùi trầm-hương từ nơi thân - thể của nàng phát ra, nên đức Đế-Thích ban cho nàng là SUPĀRASUPPATIDEVĪ như thế. Khi gần đến ngày hạ sang, lìa thiên-cung, nàng được đức Đế-Thích là chồng của nàng chấp-thuận 10 điều yêu-cầu là :

1.- Xin cho tôi được làm hoàng-hậu của đức vua SRĪSANJEYA tại kinh-đô JETUTTARA.

2 - Xin cho tôi có cặp mắt đen huyền như mắt thỏ.

3.- Xin cho tôi được giữ tên cũ là SUPĀRASUPPATI.

4.- Xin cho tôi sanh con trai có trí - tuệ và đức-tin là nơi nương-nghờ của những kẻ nghèo đói và cô-độc.

5.- Lúc có thai, xin cho bụng tôi đừng lớn hơn ngày thường.

6. Xin cho đôi nhũ tôi đừng lớn, cho khuất và đẹp mãi mãi.

7.- Xin cho cặp lông mày tôi được sanh kiểu-diêm, và tóc tôi hằng đen mãi đừng bạc.

8.- Xin cho nhan-sắc tôi tốt-đẹp như vàng mà thợ bạc thường trau-dồi.

9.- Xin cho tôi có thể-lực phóng-thích tội-nhân được thoát khổ, như ý.

10.- Xin cho tôi được nghe tiếng thanh - tao của những loài công ở gần hoàng-cung và xin cho có bậc trí - tuệ thường hội-hợp với tôi, để nhờ giải những điều thắc mắc, nghi ngờ của tôi.

ITI SÀVARE GAHETVĀ TĀTO JUTĀMADDHARAÑÑO OGGAMAHESIYĀ KUCCHIYAMHINIBBAT-
TI ... UTTAMARŪPADHARĀ AHOSI

Khi nàng SUPĀRASUPPATI xin được 10 điều rồi, liền giáng-sanh vào thai-bào hoàng-hậu của đức vua MADDHARĀJA ; đến 10 tháng sanh ra có mùi thơm như trầm - hương, dung-nhan rất xinh đẹp, đức vua đặt tên là SUPĀRASUPPATI như trước.

Khi nàng lên 16 tuổi, đến lúc trưởng-thành, đức vua cha gả nàng cho hoàng-tử SAÑJAYAKUMĀRA Hoàng-tử SAÑJAYA lên kế-vị trị vì trong thủ-đô JETUTTARA ; nàng SUPĀRASUPPATI được phong làm hoàng - hậu có cả 16 ngàn cung-nữ hầu-hạ.

Khi đức Đế - Thích xem thấy nàng SUPĀRASUPPATI được như nguyện, chỉ còn thiếu điều thứ tư là xin cho nàng sanh con trai có trí-tuệ, và đầy-đủ đức-tin. Đức Đế-Thích bèn ngự đi thỉnh đức Bồ-Tát tại cung-trời, cầu ngài giáng-sanh xuống phàm-gian để bổ-túc pháp thập-độ và tế-độ chúng-sanh.

Đức Bồ - tát nhận lời thỉnh cầu của đức Đế - thích, bèn giáng-sinh vào lòng nàng SUPĀRASUPPATI hoàng-hậu. Từ ngày hoàng-hậu SUPĀRASUPPATI thọ thai, nàng chỉ làm việc

lành, mỗi ngày nường bố - thí 60.000 lượng vàng. Do đó, nhà chiêm tinh đoán rằng : « Hoàng-hậu sẽ sanh hoàng - nam là bậc đại-phúc, có đức-tin trong-sạch phi-thường không ai sánh bằng ». Đức vua càng hoan-hỉ ban-thưởng cho hoàng-hậu nhiều báu-vật, để nường tiêu-phí, tùy sở - thích. Khi nường mang thai được 10 tháng, sanh ra một hoàng-nam đặt tên là VESSANTARAKU-MĀRA, vì sinh giữa đường của đoàn người thương-mãi.

Thuở đó, có sáu muôn chư-thiên cũng giáng-sinh vào thai-bào phu-nhân của các đại-thần và cũng đồng thời sinh ra, đều là bộ-hạ tùy-túng của đức vua VESSANTARA (Bồ-tát) sau này.

Đức VESSANTARA (Bồ-tát) là dòng-dõi của chư Phật-Tổ, khi lên 8 tuổi, ngài thường bố-thí mỗi ngày 100.000 KAHAPANA (1) và phát nguyện rằng : « Nếu có ai đến xin thân-thể, tứ-chỉ nhỏ lớn, mắt, mũi, tim, gan, v . v . . thì ta có thể xẻ da, lóc thịt, móc mắt, mổ ngực lấy tim đem bố - thí bất nghịch ý ». Do uy-lực của tác-ý lành thệ-nguyện như thế, khiến cho địa cầu rung - động, thật là huyền-diệu. Trong thuở ấy, có một voi cái, từ trên không trung, mang một voi con tên là PACCAYANĀGENA, đến dâng để làm bảo - tọa cao quý cho đức Bồ - tát.

Khi lên 16 tuổi, đức Hoàng-tử VESSANTARA (Bồ - tát) thông-suốt tam phệ - đà. Đức vua SRĪSAÑJEYA nhường ngôi báu và cưới công - chúa MADRĪ của đức vua MADDHARĀJA cho đức Bồ - tát, có cả 16.000 cung phi tùy - tùng. Không bao lâu Hoàng-hậu MADRĪ sanh được một hoàng-nam tên là JĀLI, và một công - chúa danh là KANHĀ. Đức

(1) *Kahapana* lối 2d50

vua VESSANTARA (Bồ-tát) có tâm rộng lớn, xuất của kho bồ-thí mỗi ngày mười muôn lượng vàng trong 6 phước-xá.

Một hôm, đức Bồ tát ngự trên voi PACCAYANĀGENA, đến quan - sát phước - xá, bắt - ngờ có bọn Balamôn từ thành KALINGA đến xin voi mà ngài đang ngự cỡi. Đức VESSANTARA (Bồ-tát) liền hoan-hỷ nhận lời và cho các Balamôn luôn cả vật trang - điểm voi đáng giá là 2 triệu 8 muôn lượng vàng, và 500 nài voi. Do đó, nhân - dân trong thành bắt-bình, đồng nhau kéo vào đền tâu xin đức vua SRĪSAÑJEYA đuổi đức Bồ-tát ra khỏi kinh - đô, vì đây là voi báu của quốc gia có nhiều uy - lực.

Đức Hoàng - phụ SRĪSAÑJEYA khi được nghe lời tâu của nhân - dân như thế, ngài nghĩ rằng : « Không thể tranh-biện với chúng-dân được, nên ngài cho đòi đức Bồ-tát đến và phán rằng : « Này Hoàng nhi VESSANTARA ! Nay chúng dân đồng nhau đến tâu xin trăm đuổi hoàng-nhi ra khỏi thành, do hoàng-nhi không nghĩ đến sự lợi hại của triều-đình, cho voi báu đến các Balamôn. Vậy hoàng-nhi hãy đi ẩn trong nơi nào thanh-vắng đi, mai hậu thái-bình hoàng-nhi sẽ trở về trị-vì thiên-hạ như trước. Nếu hoàng - nhi cưỡng lại lời yêu cầu của nhân-dân ắt có hại, vì họ phản-uất hoàng-nhi đã bồ-thí rất nhiều của-cải, họ sợ cho đẽ-nghiệp sẽ mất. Vậy hoàng-nhi hãy vâng lệnh cha tránh một thời-gian đi.

Bồ-tát nghe cha phán, rất vui lòng, ngài bèn bồ - thí mỗi món một trăm, 7 lần như vậy, trọn 3 ngày rồi mới ra đi.

Đức Bồ-Tát vào cung nội cho nàng MADRĪ hay rằng : « Tất cả của-cải mà ta đã cho nàng, và tài sản phát-sanh lúc hội

môn, nàng hãy cắt giữ để dành làm của ». Nghe như thế, nàng MADRĪ tâu hỏi chồng rằng : » Với của ấy em phải làm thế nào ?

— Nàng hãy dùng làm vật thí : cơm, nước, y-phục, v. v... đến kẻ nghèo đói cò-độc và dâng cúng đến các bậc tu-hành, như thế gọi là của chôn cao-quí, chẳng có chi quý-báu hơn sự bố-thí, không sợ kẻ gian-phi cướp đoạt. Nàng chớ nên dễ-duôi, hãy tinh-tấn tôn-trọng, phụng-sự phụ-vương và mẫu-hậu của ta, chẳng nên trái ý nghịch lời. Nếu có vị vua nào vừa lòng, đem nàng về làm hoàng-hậu, nàng phải vâng giữ hành theo cho hài lòng đức vua ấy, nhớ nên thương tiếc quyền luyến ta. Riêng phần ta, ta sẽ vào rừng chịu chết.

Được nghe chồng nói như thế, nàng MADRĪ lấy làm nghi ngờ, bèn hỏi rằng : « Vì sao mà hoàng-thượng phán như vậy, từ trước thần thiếp chưa từng nghe những lời như-bảo như hôm nay ; dường như thần thiếp thuộc về hạng hạ-lưu, không biết câu : Phụ-nữ xuất giá tòng phu . Tâu, hoàng-thượng ngự đi trong nơi nào, thần thiếp cũng xin theo hầu-hạ, dầu cực-khổ gian-lao đến đâu, thần thiếp nguyện vui buồn cùng chia xớt xin theo phụng-sự để đền đáp công ơn dạy dỗ của hoàng-thượng cho đến ngày mạng chung. Thần thiếp là MADRĪ nguyện không bao giờ xa chồng được, dù là phải đói-khát ăn trái cây, sống trong cảnh màn trời chiếu đất, hay bị tai nạn đến nỗi hại mình, thần thiếp nguyện theo phụng-sự hoàng-thượng cho trọn niềm phụ-đạo. Nếu hoàng-thượng không chuẩn cho, thần thiếp là MADRĪ đây cũng đành nhảy vào lửa thiêu mình còn hơn sống mà xa lìa chồng. Như vậy hay hơn là góa bụa cho người chê-trách rằng : chỉ có chồng trong khi được vui, đến lúc khổ

lại bỏ nhau, thần thiếp xin theo hoàng-thượng vào rừng núi chung vui, chung khổ cùng nhau ; như voi cái dính theo voi chúa, có ngà xinh-đẹp, trải đi trong nơi ẩm thấp mà cũng rán theo gót voi chúa, thế nào, tôi đây cũng nhất nguyện theo chồng, không màng gian-lao khổ-cực ; nếu có tai-hại xảy đến, tôi hy-sinh đến trước chịu chết cho chồng để báo-đáp ân sâu cho trọn niềm nhân nghĩa.

Đức vua cha ban cho 6 muôn bộ-hạ, hộ-vệ đức Bồ-tát cùng nàng MADRI và 2 hoàng-tôn trên một chiếc long-xa thặng 4 ngựa. Khi đi được nửa đường, đức Bồ-tát thí xe và 4 ngựa, và cho tất cả bộ-hạ trở về, Ngài ẩm trai JĀLI, vợ bông gái KANHĀ đi bộ được 35 do tuần mới đến kinh đô JĀTUTTARA.

Dân-cư biết rõ được là đức VESSANTARA Bồ-Tát và nàng MADRI khổ cực như thế, đồng đem nhau đến viếng than khóc thương hại vô-cùng. Phần đông chạy báo cho đức vua CETA đang trị vì trong xứ MATUTTARA hay. Đức vua CETA gặp đức Bồ-tát tại phước-xá, bèn than-van kể lể rằng : Đại-vương ôi ! Đại-vương quen dùng vật-thực cao-lương mỹ-vị, ngự vắng lai bằng long-xa quý-báu, ngồi trên bảo toạ, nằm giường ngà nệm gấm, có cung-phi mỹ-nữ hầu-hạ. Nay ngài ngự đi vào rừng dùng núi làm kinh thành, lấy đất làm gối; thọ thực những trái cây, chỉ nghe tiếng diều thú, thế thì thảm khổ biết dường nào. Ôi ! Ngài phải chịu biết bao gian-lao khổ nhọc. Tâu, xin ngài đừng ngự đi đâu, thỉnh ngài ở lại đây, chúng tôi xin dâng tất cả sự nghiệp đế-vương đến ngài trọn quyền xử-dụng, chúng tôi đồng tình-nguyện làm bộ-hạ của ngài.

Dù được lòng tốt của đức vua CETA cầu khẩn khuyên lơn thế nào, đức Bồ-tát vẫn khước từ, ngài chỉ một lòng cương-

quyết tiến hành không nao-núng. Đức vua CETA đưa đức Bồ-tát đến núi GANDHAMADANA, xa 15 do-tuần ; đức Bồ-tát ngự đi đến trước gặp hai cây da có trái ngọt như mật ong, có bóng mát ngai bèn nghỉ an thân-thể tại đây. Sáng ra, ngai ngự đi tới nữa, đến núi NĀLIKA là nơi ngụ của loại KINNARA (1) múa hát như trên thiên-cung và có ao nước đủ các loại hoa sen tươi đẹp. Đức vua CETA gặp người thợ săn tên CETAPUTTA, ngài liền dặn-dò CETAPUTTA nên bảo-vệ đức Bồ-tát và nàng MADRĪ, rồi xin từ tạ trở về kinh-đô.

Khi ấy, Bồ-tát ẩm trưởng nam JĀLI, nàng MADRĪ bế thứ nữ KANHĀ đi theo CETAPUTTA vào núi GIRĪVĀNKA-TA.

Có vị trời VESSUKAMMA vâng lệnh đức Đế-thích xuống tạo 2 tịnh-thất cách xa nhau, có đủ cả vật-dụng thường ngày tiện-nghỉ, trước khi đức Bồ-tát chưa đến. Vị trời VESSUKAMMA viết bản bố-cáo rằng : « Những người muốn xuất-gia chớ nên nghỉ ngơi chi, hãy vào ngụ trong tịnh-thất này và được trọn quyền dùng các vật-dụng, đã sẵn có, tùy sở thích, cho phạm-hạnh cao-quí hàng được tăng-trưởng ; rồi dùng uy-lực nguyện cho phi-nhơn và các loài ác-thú có tiếng không vừa lòng hãy tránh xa ra, đừng đến đây khuấy nhiễu, và khuyên chư-thiên tuân-lệnh của đức Đế-thích hộ-trì đức Bồ-tát và cả gia-quyển được an-vui. Thi-hành xong nhiệm-vụ, vị-trời VESSUKAMMA bèn trở về thiên-cung.

Đức Bồ-tát ngự gần mé ao sen SANKETU, đi quan-sát chung quanh trong các nơi gần đây, thấy con đường mòn, có

(1) Chúng sinh dần mình người, đuôi thú.

dấu chơn người đi, ngài nghĩ rằng : Có lẽ trong nơi đây có đạo-sĩ tu-hành mới có con đường đi vào núi như vậy . » Ngài đi tới trước xem thấy có tịnh thất đủ cả vật-dụng mà vị trời đã hóa ra đó ; thấy có chữ đề trên bản, ngài xét biết có đức Đễ-thích thấy việc lành đáng làm, nên ngài từ-bi biến ra để bố-thí nơi đây. Nghĩ như thế, Đức Bồ-tát phát tâm phỉ-lạc khiến ngài càng vững bước trên đường tu-luyện. Đức Bồ-tát bèn vào tịnh-thất cỡi tất cả võ-khí (gươm, cung tên) rồi ngài cạo tóc tu đạo-sĩ. Xong, ngài trở ra ngoài tịnh-thất, tâm thần vui tươi phát sanh phỉ-lạc và tuyên-bố rằng : « Hạnh phúc thay » rồi ngài trở lại dẫn nàng MADRĪ và hai trẻ vào một tịnh-thất khác với nàng MADRĪ cũng cạo tóc làm đạo-sĩ nữ cùng tu phạm-hạnh được an-vui trong nơi ấy.

Nàng MADRĪ đạo-sĩ nữ vì hết lòng thương yêu kính mến chồng và từ-bi đến hai con, mong cho chồng và hai trẻ được ở an tu-hành, nên đến trước Bồ-tát quì bạch rằng : « Bạch ngài, xin ngài từ-bi xá lỗi, cho phép tôi từ đây vào rừng hái trái về dâng đến ngài và nuôi hai con, ngài chỉ ngự an nơi tịnh-thất không cần phải nhọc thân tâm vào non hái trái. Chính tôi là MADRĪ đây xin hết lòng phụng-dưỡng, đi tìm các thứ trái cây dâng ngài dùng và hai trẻ được an-vui, còn phần dư lại để chiều cho hai trẻ dùng, hoặc có người từ phương xa đến, thì ngài được dịp để bố-túc pháp thí Ba-la-mật theo sở-nguyện. Cầu ngài phê-chuẩn và nhận nơi đây lòng thành kính tri-ân của tôi ; xin ngài xem tôi như kẻ nô-tỳ hầu-hạ ngài vậy.

Đức Đạo-sĩ Bồ-tát nhận lời yêu cầu của Đạo-sĩ nữ MADRĪ mà rằng : « Nàng phát tâm trong-sạch nguyện phụng-

sự như thế, ta cũng chấp-thuận theo lời của nàng, nhưng còn một điều nữa là về phép tu phạm-hạnh chúng ta cần phải thọ-thì cho tinh-khiết ; ta nay là hàng xuất-gia, nhất là đã lãnh tình-ái, thật hành pháp Samôn. Thông thường phụ-nữ là bất-tịnh đến phạm-hạnh (ITTHĪMALAM BRAHMACARIYASSA). Vậy, kể từ nay, nàng chẳng nên đến tìm ta trong khi khuấy mặt của hai trẻ, cả ngày lẫn đêm cho đến trọn đời đạo-sĩ chẳng nên dè duôi.

Nàng MADRĪ hết lòng hoan-hỷ quì-lạy thọ lời giáo - huấn của đạo-sĩ, tinh-tấn hành theo, không dám vi-phạm.

Mỗi buổi sáng đạo-sĩ nữ thức sớm, mặc y quét dọn chỗ ngụ sạch-sẽ trong và ngoài tịnh-thất, sắp đặt vật-dụng cho có thứ-tự sách nước đổ đầy trong các nơi chứa nước. Khi thấy đạo-sĩ Bồ-tát mở cửa đi ra, nàng mới vào trong quét dọn kỹ-càng mức nước rửa mặt. Trang-hoàng đầu đầy tươm-tắt ; nàng dạy hai con ở chơi gần đạo-sĩ, để nghe đạo-sĩ sai-khiển và dạy-bảo.

Phần nàng đạo-sĩ sắp đặt xong xuôi, mang giỏ vào rừng tìm hái trái ngon ngọt dùng làm thực-phẩm được. Khi đầy giỏ, vừa đủ cả 4 vị dùng, nàng liền trở về tịnh - thất cho kịp giờ thọ thực. Về đến phước-xá nàng MADRĪ dẫn hai con cùng đi tắm rửa cho khỏe. Xong, nàng soạn các thứ trái cây để giữa dâng cho đạo-sĩ một phần, còn lại nàng và hai trẻ cùng nhau ăn quả độ nhật. Lúc dùng xong, đạo-sĩ nữ quét dọn các nơi rồi dẫn hai con về tịnh-thất riêng của nàng.

Đức Bồ-tát trì-giới trong sạch, ngài rải tâm từ-bi bác ái đến tất cả chúng-sanh vô hạn, đều đủ các hướng. Do Bồ-tát thực-hành pháp bác-ái đáo bỉ ngạn, khiến tất cả loài thú trong

châu-vi 3 do tuần đều phát tâm thương xót nhau, thú dữ cũng không ra ngoài chung quanh 3 do-tuần núi GIRĪVANKAGIRĪ.

Bốn vị hoàng-gia được ngự-an vui trong tịnh-thất, trên núi GIRĪVANKATA trọn 7 tháng.



TADĀ KĀLINGARATTHETUNAVITTHA BRAHMANAGĀMAVĀSĪ JŪJAKONĀMABRAHMANO BHIKKHĀCARIYĀYA KAHĀPANASATAM LABHITVĀ EKASMIM BRAHMANA KULETHAPETVĀ PUNATHANAM PĀRIYESA NATTHĀYAGATOTI TASMIM CIRĀYANTE BRĀHMANA KULAM SAÑJETVĀ PACCHĀITARENA ĀGANTA VĀ COTIYAMĀNĀNAM KAHĀPANEDATUM ASAKKONTAM AMITTATĀ PĀNAM NĀMA ATTĀNODHITARAM TASSA ADĀSI.

Có một Balamôn già, nghèo khó, ngụ trong xứ KĀLINGA. Lão già này cô-độc, thường trải đi xin ăn từ xóm này đến làng nọ; nhịn ăn mỗi ngày đành dùm được 100 KAHĀPANA (1), sợ để trong mình của ấy sẽ hao mòn tiêu mất, nên tìm người bạn thân có thể tin cậy được, để gởi số tiền đó, rồi đi xin ăn trong nơi khác.

(1) 1 KAHAPANA lĩ 2d50

Hai vợ chồng người bạn của lão ăn mày, trong thời-gian sau, suy-sụp nghèo đói, và thấy lão JŪJAKA vắng bóng lâu ngày, tưởng là ông đã chết mất, bèn lấy số tiền ấy tiêu phí dần dần cho đến hết.

Ngày nọ, bất ngờ lão ăn mày JŪJAKA trở lại nhà người bạn hỏi lấy số tiền đã gởi. Hai vợ chồng người bạn rất nghèo không tiền trả lại, nên phải năn nỉ hẹn sẽ trả.. Nhưng ông lão không vừa lòng, rầy la quở trách rằng : nếu không trả thì ông sẽ thưa đến nhà chức-trách. Hai vợ chồng người bạn khẩn-khoãn không được bèn xin gả con gái tên là AMITTADĀ để trừ số tiền ấy. Lão JŪJAKA vừa lòng, bèn dẫn nàng AMITTADĀ về làm vợ. Hằng ngày lão JŪJAKA vẫn đi xin đem về nuôi vợ.

Phần nàng AMITTADĀ là gái hết lòng phụng-sự chồng, không nghĩ rằng có chồng già là xấu hổ, chỉ nghĩ vì do duyên phận đã tạo, nay phải chịu và vui lòng để báo đáp ơn sâu cho cha mẹ, nên nàng rất siêng-năng lo làm các công việc cho vừa lòng chồng.

Các thanh - niên thấy nàng AMITTADĀ còn trẻ và có nhan sắc, nên tỏ lời trêu ghẹo trong khi lão JŪJAKA đi vắng, song nàng AMITTADĀ tỏ ra lãnh - đạm với những lời chọc ghẹo ấy. Những trai thanh-niên lấy làm bất-bình, nên dùng lời nhục mạ rằng : « Trẻ thơ mà lấy ông già không biết xấu » sau cùng bảo các thiếu - nữ chặn đường đánh chửi, làm cho nàng AMITTADĀ rất thẹn thùa bức-tức, về than khóc với lão JŪJAKA rằng : « Nếu không có người giúp đỡ tôi xách nước kiếm củi, thì tôi không ở với ông nữa ». Lão JŪJAKA khuyên lơn an-ủi và hứa sẽ tìm trẻ giúp việc cho nàng. Lão tính sẽ phải vắng mặt lâu

ngày, nên dặn bảo nàng AMITTADĀ đừng ra khỏi nhà mà bị người hiếp-đáp và khinh rẻ. Lão JŪJAKA bèn mang bị lên đường, vừa đi vừa hỏi thăm đến chỗ Bồ-tát ngụ, vì biết rõ đức Bồ-tát có nguyện bố-thí bất nghịch ý, ai xin vật chi, có thì ngài bố thí ngay. Tìm đến chân núi GIRĪVANKA, hỏi thăm đường đi lần lên núi, gặp anh thợ săn CETAPUTTA mà đức vua trong thành MĀTURA đã gởi gắm và cho quyền ngăn cấm kẻ lạ mặt tìm đến làm khổ Bồ-tát. Khi nghe lão JŪJAKA, dối gạt rằng ông là Đại-diện của đức vua SRĪSAÑJEYA, sai đến thỉnh đức VESSANTARA Bồ-tát trở về kể-vị như trước; anh thợ săn rất mừng, hết lòng tiếp đãi lão JŪJAKA, vì tin chắc lão là đại-diện của đức Vua. Anh thợ săn niềm-nỡ mời lão dùng cơm với mật ong và thịt rừng, xong dọn chỗ cho ông an-nghỉ trọn đêm tại chân núi. Sáng ra người thợ săn chỉ đường cho lão JŪJAKA đi lên núi.

Lên lối nửa đường lại gặp một ông đạo-sĩ là ACCUTATAPASA được lão JŪJAKA cho biết rằng ông là Đại-diện của đức vua cho sai đến thỉnh đức VESSANTARA Bồ-tát. Vị đạo-sĩ cũng hết lòng trọng đãi cho lão JŪJAKA dùng các thứ trái cây và dọn chỗ cho lão an-nghĩ. Trong đêm ấy, lão JŪJAKA hỏi thăm biết rõ tình-trạng sống hằng ngày của đức Bồ-tát. Sáng ra vị đạo-sĩ đưa lão JŪJAKA một khoảng đường rồi chỉ nẻo cho lão đi ngay đến tịnh-thất, của đức Bồ-tát. Lão đi gần đến vừa thấy dạng tịnh-thất của đức Bồ-tát, lão nghĩ rằng: « Giờ này nàng MADRĪ đạo-sĩ nữ vào rừng hái trái đã về, vậy ta chờ xem đã. Lệ thường phụ-nữ hay có tính bòn-xén và quyền-luyến chồng con, của cải, nếu ta trình-diện tỏ bày việc xin con, thì nàng không cho mà còn cản

trở sự bổ - thí của chồng nàng nữa. Như thế, công việc của ta bất-thành, vậy ta nên tạm nghỉ đêm nay, sáng ra nàng MADRĪ vào rừng hái-trái chỉ còn đức VESSANTARA với hai trẻ, chừng ấy ta sẽ thực - thành theo ý - nguyện. Khi kết - quả ta sẽ trở về cùng vợ ta, thế mới được an - vui và không thất-lợi. Lão JŪJAKA liền tìm nơi kín-đáo để ngựa thú dữ và nghỉ mệt trọn đêm đó.

Trong đêm lão JŪJAKA ngủ gần tỉnh-thất ấy, nàng MADRĪ đạo-sĩ nữ, sau khi dỗ hai con ngủ rồi, nàng băng-khuông lo nghĩ quanh-quẩn việc gì đâu đâu không ngủ được, dường như có điềm chẳng lành xảy đến cho nàng. Đêm về khuya quá mỗi một, nàng mơ-màng thấy một người to tướng, mạnh bạo, dị hình, da đen, mặt nám, mặc y nhuộm dầ, mắt sâu, má thò, hai tai vất hoa đỏ, tay cầm dao bén nhọn, quơ múa vào gần cửa tỉnh - thất, hét la chửi mắng, đánh đập nàng, dùng dao mổ lấy tim nàng. Nhưng nàng không cưỡng lại, chỉ la cho đến tắt tiếng. Khi giật mình tỉnh giấc nghe trái tim đánh mạnh, uể-oải tâm-thần, nàng lấy làm kinh-khủng và nghĩ rằng : « Ta chưa từng nằm mộng như vậy. Không biết tìm ai để bàn điềm mộng này, cho biết lành dữ thế nào. » Nhìn trước xem sau, tư bề quanh-quẻ, chỉ thấy có chồng nàng là đạo - sĩ mà thôi. Vì quá nóng lòng lo sợ, nàng MADRĪ liền đứng dậy đi đến tỉnh-thất của chồng, nàng kêu cửa và xin đạo-sĩ từ-bi tha-lỗi cho. Đức Bồ-tát bèn hỏi ai đấy ?

— Bạch, tôi là MADRĪ

— A, nàng quên rồi sao, giờ này không phải thời cho nàng đến đây, trong đêm tâm-tối như vậy ;

— Bạch, vì tôi nằm mộng thấy điều lạ thường, khiến tôi rất lo sợ, cầu ngài từ-bi đoán cho tôi rõ.

— À, nàng ngồi phía ngoài đó, không nên vào trong. Vậy nàng nằm mộng điều chi hãy tỏ bày đi, ta sẽ giải cho nàng nghe.

— Đức Bồ-tát nghe rõ từ đầu chí cuối, với trí-tuệ Ba-la-mật ngài đoán biết rằng : « Sáng này có kẻ ăn xin đến thọ thí ». Ôi ! đáng tội nghiệp cho hai con, mai này sẽ lìa cha xa mẹ. Thương thay cho nàng MADRĪ sẽ chịu thảm khổ, vì lìa con thơ khờ dại, hiu quạnh một mình ở chốn rừng sâu không được thấy mặt hai con yêu mến, như thường ngày nữa, nếu ta nói ngay ra thì rất trở ngại con đường giác-ngộ của ta. Nghĩ như thế ngài bèn đáp rằng : « Nay nàng MADRĪ vì nàng đã quen nằm trên giường ngà chiếu ngọc, dùng những cao-lương mỹ-vị, nay nàng bỏ đèn vàng nệm gấm, trải tuyết đầm sương, phải dùng trái cây mà tự mình đi tìm kiếm, nằm trên lá cây làm cho tứ-dại bất hòa, ngủ không an giấc nên nàng thấy mộng lạ thường, làm cho nàng phải buồn lòng lo sợ ; nàng hãy trở về an-nghỉ đi ».

Nàng MADRĪ vâng lời từ tạ trở về tịnh-thất. nhưng vẫn còn thắc-mắc, lòng chẳng yên. Trời rưng sáng, tiếng các loài chim líu lo cùng nhau bay đi kiếm ăn ; nàng bèn ẵm hai con đem rửa mặt và dùng lời an- ủi, tỏ cùng hai con rằng : « Nay hai con yêu mến của mẹ ôi ! hồi khuya này mẹ nằm mộng thấy điềm khác thường, mẹ có đến hỏi cha hai con, ngài đoán là không gì lạ. Song mẹ chẳng an lòng, tin đâu. Hai con nên lóng tai nghe lời mẹ dạy : Nay con KANHĀ ôi ! Con đừng dễ-duôi, quá ham chơi nhé ; đừng chạy chơi rong xa anh con nhé ? Con JĀ LI cũng nên rón xem chừng em nhé, nên thương

xót em còn ngây thơ khờ dại. Hai con hãy gắng ghi lời mẹ dặn-dò mọi lẽ, phải cẩn-thận và thương yêu nhau. Nói xong, nàng MADRĪ ẵm con nâng-niu hôn-hít một hồi, rồi tay bồng KANHĀ, tay dắt JĀLI, đến tịnh - thất của chồng để hai con yêu mến trước mặt Bồ-tát và bạch rằng : « Cầu xin ngài tế-độ tôi với ; xin ngài từ bi thương xót hai con, ghé mắt xem chừng và kêu gọi cho trẻ chơi gần bên chân Ngài. Hai con khờ - dại chỉ biết giỡn chơi mà thôi, ví như thú con, khi xa mẹ bơ - vơ một mình, thường hay đùa giỡn vui chơi, không biết tai-hại xảy đến là thế nào .

Ngài ôi ! Cầu ngài giúp tôi, để chăm nom hai trẻ trong lúc này, chúng là bạn yêu mến, trong cơn khổ-cực của tôi. Vậy ngài nên tội nghiệp MADRĪ đi, chớ bỏ qua lời cầu khẩn của tôi. Khẩn cầu gởi gắm xong, nàng lay tạ lui về tịnh - thất, sắp đặt mang giỏ vào rừng hái - trái. Vừa ra đi nhớ đến hai con, nàng bận - bịu quay trở lại dặn bảo, nâng ẵm, tung - tiu hai con không đành rời bước, khác nào cảnh từ biệt cuối cùng của tình mẫu tử. Này hai con quý mến của mẹ ôi ! Nếu mẹ có thể xẻ thân ra làm hai, mẹ xẻ ngay phân nửa đi, nửa ở lại để làm vừa lòng thỏa-thích đến hai con quý-mến của mẹ. Ôi ! tâm mẹ rất quyến-luyến hai con trong giờ này, mẹ không đành lìa hai con vào rừng hái trái.

Thương-hại cho hai con sanh ra cô-độc, xa lìa hoàng-tộc. chỉ có mẹ mà cũng không gần được trọn ngày. Đến xế chiều mẹ mới trở về, sáng ra lại đi nữa, chẳng có ai bên cạnh chăm-nom săn-sóc hai con. Vậy hai con phải tự thận-trọng nhau đi, đầu đuôi chỉ có hai anh em mà thôi ; vì mắc nghiệp xưa nên nay

mẹ phải chịu xa hai con như vậy. Ôi ! Này hai con quý - mến của mẹ ! mẹ xin giả từ hai con. Nàng MADRĪ ra đi mà lòng vẫn quẩn-quít khó dứt, dỗi, liếc nhìn hai con quý mến còn khờ dại, khiến nàng sa lệ ; chân bước đi, nhưng mắt còn ngoảnh lại nhìn con vô cùng bận-bịu, song phải buộc lòng ngưng lệ để vào rừng hái trái đem về nuôi 3 hoàng-gia trong lúc ấy.

Ánh sáng bình-minh vừa ló mọc, lão JŪJAKA nghe tiếng chim riu rít trên cành, khiến lão vui mừng hân-hái chỗi dậy, tìm nước rửa mặt xong, lần đến tịnh-thất của đức Bồ-tát.

Đức Bồ - tát thấy lão JŪJAKA đến lấy làm hoan - hỉ, gọi mời lão rằng : (EHIVATTABBO) này Balamôn ! mời người là bạn đại-hạnh, dẫn ta đến hướng Niết-Bàn. Người hãy vào nghỉ an đi, người giúp cho ta đem hai con bố-thí Balamật.

Đức Bồ-tát liền gọi trưởng - nam là JĀLĪ tiếp rước lão JŪJAKA rồi ngài nói câu kệ rằng :

UTT HEHI JĀLĪ PATITTHA PORĀNAMVIYA-
DISSATI BRĀHMANAM VIYĀPASSĀ MI NANDIYO.
MĀBHIKIRARETI AHAM PITĀTAPASSĀMI YO SO
BRĀHMĀVADISSATI ATTHIKOVIYĀĀYĀTI ATITHI-
NOBHAVISSATITI.

Con ôi ! Con JĀLĪ nên hiểu tâm - trạng của cha, con có ưa thích ông lão đó chăng ?

JĀLĪ nghe cha dạy nên vừa theo ý cha, song chưa biết lão Ba-la-môn này giả là đạo - sĩ đến làm hại hay xin vật chi, JĀLĪ ngoan-ngoãn chạy đến lão JŪJAKA và lễ phép thưa rằng :

thừa, túi ông đựng chi mà nặng vậy ? đưa đây cháu xin mang hộ cho. Lão JŪJAKA nghe nói tắc lưỡi nghĩ thầm : đứa bé này có lẽ là JĀLĪ con của đức vua. Thông thường, loài công có màu lông lông-lánh không bao giờ hoại mất; như gai không mài cũng nhọn tự nhiên, thế nào, dù ta có xin được đứa trẻ này về, nó cũng rắn-mắc, khó dạy, để ta dùng lời đe - dọa dằn mặt nó trước, mà rằng : « Đây là đứa con ai, vô lễ, dám đến gần bậc trưởng thượng, hãy tránh ra đi, đừng ngỗ - nghịch ; coi chừng cây gậy này đây, không thấy sao ? vừa nói vừa trợn dục, mày muốn lãnh một cây gậy này không ? Rồi quơ gậy dọa nạt. Trẻ JĀLĪ bèn tránh xa và nghĩ rằng lão này thật là hung-tợn.

Lão JŪJAKA dọa-nạt trẻ JĀLĪ rồi lần vào quì lạy đức Bồ-tát tỏ lời thiện-cảm rằng : « Tôi bệ-hạ ngự lên ngự nơi đây được an-vui chẳng ? Thường ngày có thú dư đến chẳng ? Thực-phẩm có đầy đủ chẳng ? Thấy bệ-hạ từ bỏ đèn vàng các tia lên đây, tôi lấy làm cảm phục vô cùng và hằng khẩn cầu cho bệ-hạ được sức khỏe kiện-toàn, tinh-tấn tu-hành mau đến ngày giải-thoát. Tôi bệ - hạ, nước của 5 con sông, nhất là sông hằng (GANGĀ) hằng chảy ra đại - hải, mà biển to cũng không bao giờ tràn ngập, thế nào, tôi đây là kẻ ăn xin ngày này qua tháng nọ, cũng vẫn chưa no đủ. Vì thế, không nệ tuổi già, sức yếu, khổ cực, gian lao trải bao dặm trường lên ai xuống đèo đến đây tôi chỉ mong cầu xin bệ-hạ cho hai trẻ JĀLĪ và KANHĀ để đem về làm tôi-tớ, cầu bệ-hạ hoan-hỉ bố-thí Ba-la-mật đến tôi đi. »

Đức Bồ-tát nghe lão JŪJAKA tỏ lời cầu xin hai con, ngài rất hoan-hỉ, ví như kẻ nghèo được vàng, người khát gặp nước,

ngài liền đáp : « Này ông lão ôi ! ông đến xin hai trẻ quý-mến, ta vui lòng dứt sự quyến luyến, cho đến ông. Nhưng, ta mong ông lưu lại một đêm chờ nàng MADRĪ trở về cho nàng thấy mặt hai con, vì nàng sanh và dưỡng hai trẻ từ lâu ; tâm bố - thí Ba-la-mật của nàng cũng sẵn có, để cho nàng được như nguyện. Vậy ông hãy nán đợi nàng trở về, sáng mai sẽ đi cũng chẳng muộn.

Lão JŪJAKA tâu : ngài muốn cho tôi rón đợi đến mai chờ lệnh bà trở về, điều nầy khiến cho tôi lo ngại lắm (ITTHĪY-OMANTAM). Thông thường, phụ - nữ có nhiều mưu - chước hẹp hòi, chỉ tốt ngoài miệng, chứ trong lòng hằng bòn-xén, dính mắc không muốn rời những nhân-vật của mình đã có, khó dứt bỏ đem làm việc lành, muôn người chỉ có một, thật là khó. Nếu nàng thương tiếc hai con không chịu cho thì ngài cũng mất duyên lành bố-thí Ba-la-mật, khó được đạo-quả Niết-Bàn chẳng ?

Tâu, nếu ngài có đức-tin bố-thí, cầu ngài từ-bi gọi hai trẻ đến cho tôi dẫn về làm tôi-tớ giúp việc cho vợ tôi là AMI-TTADĀ, tốt hơn là buộc tôi phải lưu lại đây một đêm nữa.

Đức Bồ-tát nghe lời tâu của lão JŪJAKA, không chịu nán lại ngài bèn khuyên lão rằng : « Vậy ông nên dẫn hai trẻ này đến kinh-đô của đức vua SRĪSĀÑJEYA, rồi phụ - vương ta sẽ ban-thưởng ngựa, bò, trâu, tôi trai tớ gái, vàng bạc không thiếu chi. »

Lão JŪJAKA tâu : tôi không dám đâu, nếu đem hai hoàng-gia đến đức phụ-hoàng, sợ e ngài cho tôi là kẻ trộm cháu, ngài bắt hành-phạt hoặc xử tử tôi, chừng ấy lấy đâu mà khiếu-nại. Tâu, tôi đến đây vì tình thương vợ, nên tôi không nệ tuổi già cực nhọc, mong đến xin được hai trẻ đem về cho vợ sai khiến

là được toại-nguyện rồi, tôi không mong cầu điều chi cao sang hơn nữa. Vậy, nếu bệ-hạ sẵn lòng bố-thí, xin ngài gọi hai trẻ đến giao cho tôi bây giờ đây.

Thương thay cho JĀLĪ và KANHĀ được nghe biết điều không may sắp diễn đến, hai trẻ rung sợ, ví như thú con được nghe tiếng cộp thét, mong tìm đường trốn-thoát. Trẻ JĀLĪ bèn nắm tay em là KANHĀ chạy ra khỏi tịnh-thất, tìm ẩn trong kẹt cây, nhưng vẫn sợ lão JŪJAKA tìm gặp, nên cố tìm trốn núp từ cội cây này đến cây khác, nhưng nơi nào cũng thấy không kín, hai trẻ liền xuống ao trằm mình, lấy lá sen che đầu, mong trốn cha và lão ăn mày vì quá kinh sợ.

Không thấy hai trẻ trong nơi đó, lão JŪJAKA bắt bình bèn tỏ lời trách-cứ đức Bồ-tát rằng : Tâu, trước tiên, ngài đã tỏ tâm trong-sạch hoan-hỷ, bố-thí không ngần-ngại, tôi chưa nói hết lời mà ngài đã vui lòng cho con, thật đúng theo lời đồn, là bậc vua chơn-chánh đáng kính hơn hết. Nhưng chẳng biết ngài nghĩ thế nào, lại bảo tôi chờ nàng MADRĪ về, khi thấy tôi không vừa lòng, ngài bèn dạy tôi đem hai trẻ đến đức vua SRĪSAÑJEYA, sau cùng biết tôi không tuân theo, ngài lại ra dấu cho hai con trốn tránh. Hai trẻ thấy cha ra ám-hiệu nên chúng đã ẩn mình vắng bóng. Bậc vua chúa mà tính tình như trẻ con, nói quá lời như thế có nên chăng ? Tôi chưa từng thấy vị hoàng-đế nào như đức VESSAN-TARA này.

Đức Bồ-tát biết hai trẻ sợ chạy ẩn mình nên lão ăn mày mới dám sĩ-nhục ngài, ngài bèn nói : Ông lão ôi ! ông đừng trách-cứ ta, để ta tìm hai trẻ cho, rồi ngài theo dấu chơn hai trẻ mà đến

ao sen, đức Bồ-tát than với con bằng kệ ngôn rằng : « EHITĀTA
PIYAPUTTA PURETHAMANA PARAMINĀ HATAYAMME
BHISIṆCETHA KAROTHACAVANAM MAMA YĀNANĀVĀ-
VAMEHOTHA ACA LĀBHAVASĀGARĀ JĀTIPĀRAMGAMIS-
SĀMI SANTĀRESSAM SADEVAKANTI EHIAMMAPIYĀDHITA
PIYĀMEDĀNAPĀRAMINĀ HADAYAMMEBHISIṆCETHA
DAROTHA VACANAM MAMA YĀNANĀVĀVAMEHOTHA ACA
LĀBHAVASĀGARĀ JĀTIPĀRAMGAVISSĀMI UDDHARISSAM-
SADEVAKANTI TAMATTHAM PAKĀSENTO SATTHĀ ĀHA
TATO KUMARE ĀDĀYA JĀLIṆKANHĀ JINĀÑBHO BRĀHM-
ANASSA ADĀDĀNAM SĪVINAMRATTHA VADDHANOTI TATO
KUMĀRE ĀDĀPHA JĀLIṆKANHĀJINĀÑCUBHO ... CANO
IME TĀNIAMMĀ UDIKKHANTI SOKAM PATIVINESSATITI ».

Này con **JĀLĪ**, con yêu-quí của cha ôi ! Con sinh trong nhà
vua, hàng quý-tộc, tại kinh-đô **SRIVIRĀJA**, lẽ đâu con dạn-dĩ,
đành bỏ cha, cho lão Ba-la-môn vô-lẽ nhục-mạ cha, con có nghe
chăng ? Con quý mến ! Chúng ta là dòng vua cao-quí, chưa từng bị ai
đến tỏ lời chê-trách. Con ôi ! Con có biết chăng ? Cha rất quý mến
sự giác-ngộ mong độ tận chúng-sanh thoát vòng sanh tử, mà trong
đời chưa ai từng thực-hành được. Những thuyền nào mà kẻ thương
mãi đã tạo chắc-chắn bằng các cây danh-mộc, khít-khao và bền vững
có họa hình sư-tử v.v... khi đến mùa, họ dùng chuyên-chở đầy
các hàng-hóa, chờ lúc biển êm sóng dịu, họ trương buồm tách
ra bể khơi, chẳng may gặp cơn gió lớn, sóng to tạt vào thuyền
tan-rã, chìm trong đại-hải. Những thủy thủ trong thuyền đều
làm mồi cho cá, chẳng còn dư sót, bởi thuyền đời không kiên-cố.

Này hai con ôi ! hai con hãy dòm thấy xa ; hai con hãy là chiếc thuyền báu vững bền, cho cha đưa chúng-sanh đến bờ kia, tức là Niết-Bàn, thoát vòng sanh-tử. Vậy hai con chẳng nên ẩn dưới ao sen, hãy lên giúp cha để cha bố-thí Ba-la-mật trong giờ này đi.

Trẻ JĀLĪ khi được nghe lời than-thở và khuyên-giải của cha, mới nghĩ rằng : Ta đây là con của đức vua, vì sao lại im-lặng cho cha kêu đòi ba lượt, thật là không nên đâu. Dù là lão già này có tàn-nhẫn đánh-đập hoặc giết - hại, ta cũng mặc đời, tùy ý. Trẻ JĀLĪ liền vệt lá sen đi lên, hôn chân phải của cha và khóc ròng.

Đức Bồ-tát hỏi : còn em con ở nơi nào, JĀLĪ ?

— Thưa phụ-vương, lệ-thường, chúng-sanh khi có sự lo-sợ, thì mau tìm đường thoát thân là lẽ cố-nhiên.

Đức Bồ-tát bèn gọi KANHĀ bằng những lời khuyên-nhủ như đã kêu JĀLĪ vậy. Trẻ KANHĀ cũng xét thấy như anh JĀLĪ, nên mau lên khỏi ao, đến hôn chân trái của cha, thật đáng cảm-thương cho hai trẻ hiếu-đạo cao-quí này. Hai anh em nhìn nhau giọt lệ tuôn rơi, vệt mình khóc kể dưới chân của đức cha lành.

Trước thảm-trạng thương tâm ấy, đức Bồ-tát lấy làm cảm-động, cúi đỡ hai con, không ngăn được giọt lệ, đành để rơi lã-chã trên mặt con yêu-quí, tâm ngài héo đon không đứng vững, khòem xuống an-ủi lau mặt cho hai con. Ngài đỡ hai trẻ đứng dậy và nói rằng : Này JĀLĪ và KANHĀ con ôi ! Hai con rón nghe lời cha, hãy vui và tươi tỉnh lên đi. Con KANHĀ

oi ! Con hãy ngược mặt lên nhìn cha, rồi vui-vẻ tươi cười thề mới xứng đáng con rồng cháu giống. Con ưu-sầu thảm khóc làm gì, cha đây có phải là phụ-thân con chẳng ? Hai con đã sáng-suốt và nhận-định chắc rồi ; nếu cha có sẵn vàng bạc châu báu đầy đủ cha đâu nỡ để cho hai con đi lang-thang bị hành - hạ khổ sở như vậy. Ôi ! giờ đây cha vô cùng sầu-thảm, thấy hai con yêu quý hơn muôn phần vàng bạc. Đức Bồ-tát bèn đánh giá hai con như chủ đánh giá bò, mà thốt rằng : Hai con hãy nhớ lời cha dạy : Nếu có ai đến mua chuộc hai con ra khỏi tay lão JŪJAKA. Con JALĪ tìm cho đầy-đủ ngàn lượng vàng. Về phần con KANHĀ, phải có bò sữa, bò đực, ngựa, tôi trai, tớ gái, mỗi loài một trăm và một ngàn lượng vàng đưa đến tay lão JŪJAKA giờ nào, thì hai con mới được tự-do trong giờ ấy. Con ôi ! Con chớ trách cha là thiên-vị thương con không đồng nhau, không phải thế đâu nghe JALĪ ? Đức Bồ-tát bèn vỗ-về hai con rằng : « lại đây hai con hiếu-thuận, đừng chậm-trễ, lão Ba-la-môn chờ-đợi, ngài nắm tay KANHĀ dẫn đến tịnh-thất để ngồi trên tảng đá. Đức Bồ-tát múc một ve nước trong, gọi lão JŪJAKA rằng : Này Ba-la-môn ôi ! hãy vào lãnh hai trẻ đi, ngài rưới nước trên tay lão JŪJAKA và chú-tâm rãi lòng từ-bi, phát sanh tình-cảm trong-sạch rằng : Ba-la-môn ôi ! Cả hai con ta đây, ta quý mến như quả tim, như đôi mắt của ta vậy. Vì ta rất yêu chuộng sự giác-ngộ trăm phần hơn hai con, cầu uy-lực của sự bồ-thí này xin cho ta sẽ được chứng quả Phật bảo trực-giác (BUDDHARATANAÑĀNA) trong ngày vị-lai.

BHIKKHAVE ! Này chư-tăng ! đức VESSANTARA Bồ-tát, khi ngài đem hai con quý mến thí đến lão JŪJAKA,

lúc ngài rưới nước trên bàn tay lão JŪJAKA, khiến cho địa-cầu dày 240 000 do-tuần phải chấn-động, thật là huyền-diệu phi-thường.

Này các thầy Tỳ-khưu ! khi lão JŪJAKA được đức Bồ-tát cho hai con rồi, lão liền kéo lôi hai trẻ đến và trói cả hai tay của trẻ lại ; lão cầm mỗi giây lôi đi, la hét, chưởi mắng, đánh đập trước mặt đức Bồ-tát, không chút thương xót, vì nể.

Trẻ JĀLĪ khóc và than rằng : Cha ôi ! vì sao cha không lòng thương-hại dùm mẹ MADRĪ là bạn cơ-hàn, buổi sáng này lúc mẹ con vào rừng hái trái, đem hai con phó - thác cho cha, khóc than, kể lể, bây giờ cha đành để cho lão bắt hạnh này tự-do dày-xéo hai con trước mặt cha, như thế có nên chăng ? Xin trăm lạy ông, tội nghiệp chúng tôi, đừng quá đánh đập chưởi mắng chúng tôi. Ông ôi ! tôi xin lạy ông, em tôi còn bé thơ khờ dại, ôi, thương hại em tôi quá, vừa khóc vừa van-lơn đưa lưng đỡ đòn, che chở cho em. Thảm thay cho trẻ JĀLĪ bị đánh nhiều lần roi ngang-dọc, rướm máu khắp mình rên la than khóc, cầu-khẩn mà lão JŪJAKA chẳng chút từ tâm, nên kêu đến cha, xin cha khuyên can ông lão, nhân tay đánh đập ; cha ôi ! nỡ nào cha lãnh đạm để cho chúng con bị hành hạ tàn-nhẫn như vậy. Rất thâm-thảm cho em con khờ dại, chịu sao thấu với những trận đòn đau ; ôi ! thật là vô cùng thảm-hại. Cha ôi ! Xin cha tưởng đến chút tình phụ-tử cứu vớt con với. Xin ông từ-bi chờ chốc lát mẹ con về rồi sẽ dẫn đi, giờ này mẹ con cũng sắp về đến. Ôi ! tội-nghiệp em con vô-cùng đau đớn. JĀLĪ khóc và ôm em than thở, chỉ còn trông cậy ở mẹ hiền mau được trở về kịp, cho mẹ con gặp mặt. Ôi ! mẹ ta trở về hay chưa hoặc đã đến nửa đường ?

Càng trông càng vắng bóng mẹ. Lão JŪJAKA nào kiên-nể lệnh vua, ông vẫn đánh chửi hành-hạ hai trẻ. Trẻ JĀLĪ kêu la nài-nỉ bất thành, bèn than với em rằng : « KANHĀ em ôi ! lấy ai để cứu khổ chúng-ta, cha ta đã lãnh-đạm rồi. Cha ôi ! nếu cha không thương-hại con, thì xin cha tưởng đến em KANHĀ. Ôi ! Em tôi còn nhỏ dại, chỉ biết la khóc kêu mẹ mà thôi, thật đốn đau biết dường nào. Cha ôi ! lẽ nào cha im-lặng như tảng đá to, không lay động vì gió, đành lòng để cho hai con cam chịu khổ hình như vậy ». Ông lão đánh chửi và kéo lôi hai trẻ không chút từ tâm, hai trẻ càng la khóc càng bị đánh chửi bội phần.

Trẻ JĀLĪ kêu cha xin từ-biệt và than cùng em rằng : « Em ôi ! biết bao giờ mới trở lại thấy cha và mẹ quý mến của chúng ta nữa. Chúng ta chắc phải bị ông JŪJAKA hành-hạ cho đến chết theo sở-thích của ông rồi ».

Khi trẻ JĀLĪ kêu cha tiếp cứu, đức Bồ-tát vẫn tham-thiền, không để ý đến. Thảm thay cho trẻ JĀLĪ liếc xem em KANHĀ, than khóc và khuyên-giải rằng : « Này em KANHĀ, những người nam nữ nào đã sanh ra trong đời, chưa đến Niết-Bàn, đều phải chịu khổ-não, lo sợ như anh em chúng ta đây. Khổ này đâu sánh bằng những nỗi đau đớn của mẹ chúng ta, khi trở về mà không thấy anh em ta, thì ắt mẹ vật mình than khóc, vì con là bạn thân lúc cơ-hân. Mẹ ôi ! Mẹ thường được an-vui hơn hờ với KANHĀ và JĀLĪ mỗi ngày, mà nay phải vắng bóng, lìa xa tình mẫu tử, ôi ! thật là vô-lường thảm khổ ».

Đức Bồ-tát khi nghe được hai trẻ khóc than, trong ngày ấy không thể dứt sự lưu-lạc được, nhưng vì thẹn với chư-thiên nên

ngài ngự vào tịnh-thất khóc thầm rằng : Ô ! con là bạn lúc cơ-hàn của cha ! Con đã từng làm nghiệp thế nào, hôm nay phải chịu khổ-cực vất vả cho lão JŪJAKA hành-hạ tàn-nhân đến thế, lão lôi kéo còn thêm đánh đập, xiết bao đau lòng xót dạ. Ôi ! giờ xế này mẹ con gọi nhau lại dùng quả đở lòng, người lo tắm rửa cho con, thay quần đổi áo, vờ-về con ngủ. Hôm nay, ai từ-bi cho con ta tắm, bị đánh-đập vày-vò thân-thể, chân không mang dép, quần áo tả toí, nằm bờ té bụi, trăm bề khổ nảo. Hai con quý mến của cha ôi ! ông lão thật là độc ác đánh hai trẻ trước mặt ta, như ngư phủ đập cá, chẳng chút khoan-hồng. Nghĩ đến đây, ngài phát tâm bất bình muốn giết lão JŪJAKA, song nhờ trí-tuệ ngài quán-tưởng kịp về đức-tính của hàng thuộc về dòng dõi chư Phật rằng : Ta đem con ra bố thí mong chúng được Phật quả, lẽ nào ta lại làm cho trở ngại con đương giác-ngộ. Nay VESSAN-TARA ! Người chớ nên nghĩ quấy, khi đã cho rồi, mặc hẳn muốn hành-động thế nào tùy sở thích, người không nên để ý đến, đã thí rồi còn thương tiếc là có sao ? Ngài liền vào tọa thiền cho tâm yên-lặng, sắc mặt ngài trở nên vui tươi, tinh-thần sáng suốt.

Khi lão JŪJAKA dẫn hai trẻ đi, lão lở chơn vấp té, lại đứng dậy bẻ roi đánh-đập hai trẻ trước tịnh-thất của đức Bồ-tát. Thảm thương thay cho hai trẻ thân hình bầm dập vô cùng đau đớn. Trẻ JĀLĪ gọi em mà than rằng : « Nay em KANHĀ ôi ! Người đời họ nói : « Không cha có mẹ cũng vui, vắng mẹ con phải tót-côi thiệt thòi », trẻ nào xa cha còn mẹ, cũng vừa chịu được, chớ là mẹ còn cha cũng như không, khác nào không cha mẹ vậy, dù có bị khổ nảo đến đâu cha cũng vẫn điềm nhiên. Do đó, mà người đời hằng cho ân-đức của mẹ là cao-quí hơn. Lời nói đó thật là đúng đắn em ôi ! Như chúng ta vì xa

mẹ nên mới bị lão JŪJAKA hành-hạ tàn-nhân như thế này.

Khi lão JŪJAKA dẫn hai trẻ đi đến đường 'gồ ghề, ông vấp chơn té nhào lăn, hai trẻ thừa cơ lén chạy trốn về tịnh-thất của cha. Lão JŪJAKA đứng dậy được bèn đuổi theo đánh-đập hai trẻ ngã lăn, la khóc kêu cầu-cứu. Ôi ! cha ôi, cha có hay chẳng giờ này chúng con bị khổ trăm bề thâm-thảm. Ôi ! tội nghiệp em KANHÃ còn nhỏ dại, xin ông thương-xót đừng đánh em tôi.

Lão JŪJAKA lôi kéo hai trẻ dần dần xa tịnh-thất của đức Bồ-tát. Thương thay bé KANHÃ khóc than thâm-thiết, vì quá đau đớn mỗi một kêu anh mà rằng : « Anh JĀLĪ của em ôi ! em khát sữa đói lòng đi không nổi nữa ». Trẻ JĀLĪ an ủi em rằng : « Em KANHÃ ôi ! em rần đi đường còn xa, chẳng có ai đến tiếp cứu mình đâu. Bận cơ-hàn của anh ôi ! nếu em đuổi sức nằm đây, anh cũng nguyện chết theo em, tham sống làm gì mà phải chịu khổ thế nì. Thăm thay cho hai trẻ than-thở cùng nhau, bơ-vơ cảnh lạ, chỉ còn trông cậy ở chư-thiên. Hai trẻ khẩn vái cầu trời cho mẹ chúng tôi mau đến chốn này, được gặp mặt chúng tôi, cho mẹ con thấy nhau lần cuối cùng, còn không bao lâu lão JŪJAKA sẽ dẫn chúng con ra khỏi rừng núi rồi, biết đâu mà tìm con. Mẹ ôi ! nếu mẹ trở về không thấy mặt chúng con, thì mẹ khổ-não biết bao, không cùng tả xiết. Mẹ ôi ! Chừng nào chúng con mới được hội-ngộ xum vầy, hết khổ được vui, hỏi mẹ !

Nói về đức Bồ-tát là dòng-dõi chư Phật, ngài bồ-túc pháp thập-độ, thí hai con yêu-quí cho lão JŪJAKA dẫn đi trong nơi gồ-ghề thảm-trạng như thế, làm cho thế-giới đều chuyển-động. Đáng thương cho trẻ KANHÃ ấu thơ chưa rời vú mẹ, phải chịu cho lão JŪJAKA kéo lôi đánh chửi.

Khi được nghe những lời than-van cầu-khẩn của trẻ, chư thiên trong rừng đều cảm-động, thương-hại cho hai trẻ phải lìa xa mẹ và chịu trăm bề khổ cực. Rồi đây đến lúc nàng MADRĪ trở về không thấy hai con yêu mến, nàng phải vật mình kêu la khêc kê, thật là thê thảm biết bao.

Muốn cho đức Bồ-tát được bỏ-túc bỏ-thí Ba-la-mật, nên ba vị trời biến ra làm sư-tử, cạp và beo nằm giữa đường đi, không cho nàng MADRĪ trở về sớm, sợ gặp lão JŪJAKA xin con, e có sự trở ngại pháp bỏ-thí Ba-la-mật của đức Bồ-tát.

Nàng MADRĪ từ buổi sáng ra khỏi tịnh-thất hằng có tâm xôn-xan, bức-rức không yên, lo cho hai con sẽ bị việc chẳng may. Đi đến nơi đã quen hái trái, thấy lạ thường, hôm qua cảnh trái sum sê, nay lại biến đâu chả thấy. Vì thế, mà nàng MADRĪ phải đi đến nơi này chỗ nọ, để tìm hái trái mất nhiều thì giờ hơn mọi bữa, thậm chí cho đến hoa cũng khó kiếm được. Nàng cố tìm quả cho mau đầy-đủ dâng về sớm, để thấy mặt hai con. Tay đang hái trái mà tâm vẫn nghĩ tưởng đến con, sợ eó việc chẳng lành xảy đến. Nàng cố gắng hái trái cho vừa đủ, không cần lựa chọn trái ngon như mọi khi. Nhìn lên thấy mặt trời gần lặn, lấy làm lo sợ, nàng liền bươn bả trở về. Chợt nhìn thấy 3 ác-thú nằm cản đường, nàng phát rộ lên một cơn khủng-hoảng, thật là thảm khổ. Biết theo lối nào mà về, cả hai bên đường đều là cây gai, tảng đá chập chồng không nơi tẩu-thoát. Hai con ôi! nhớ đến hai con mẹ càng thêm rối lòng bức-rức, biết đường nào mà trở về được. Bất đắc-dĩ ngồi xuống khấn vái rằng « Xin ba ngài dù lòng từ tránh đường cho tôi về tịnh-thất, được kịp thời; thương hại cho hai con tôi còn ấu-thơ không ai chăm nom, bé KANHĀ

của tôi còn bú, giờ này trẻ khát sữa trông mẹ rất đáng thương. Trời đã tối, xin ba vị về hang ngọc nghĩ an, cho phép tôi đem trái cây về nuôi chồng con. Tôi là MADRĪ công-chúa của đức vua MADDHARĀJA và là hoàng-hậu của đức vua VESSAN-TARA. Tôi thương chồng mong theo để báo-ân và làm trọn phụ-đạo, xin ba vị từ-bi mở đường cho tôi, tội-nghiệp !

Ba vị trời được nghe lời cầu khẩn khóc than của nàng MADRĪ xin đường về tịnh-thất, ba vị cảm-động tránh đường ; nàng MADRĪ bèn quảy giỏ lên vai chạy thẳng về đến tịnh-thất, là nơi hai con quen chơi giỡn chờ đón mẹ. Không thấy hình dạng con trong nơi nào, nàng hoảng-hốt kêu to rằng : Báu KANHĀ, con JĀLI của mẹ ơi ! con ngoan của mẹ đâu ! Mẹ về đêm rồi, vì sao con yêu quý không chạy đến rước mẹ ? Mỗi ngày trước hai con trông mẹ về chạy đến mừng quỳnh và hôn mẹ, con JĀLI chọn-lựa trái cây, con KANHĀ quăn-quít theo đòi sữa, nằm nghiêng-ngửa trên mình mẹ theo sở thích. Hai con yêu quý của mẹ ôi ! Hai con chưa từng để chơn trên đất, chưa bị ai rầy la, chỉ quen nghe tiếng mẹ ru hát vờ-về, có mẹ quạt nồng đắp lạnh, mẹ hằng chăm nom đủ mọi điều, hai con chưa từng xa mẹ một ngày. Ôi ! Ta chưa từng gặp tình-trạng khổ-não thái-quá. như ngày hôm nay. Mẹ không nệ dầm-sương phơi nắng, đi tìm trái nuôi con và chồng mỗi ngày không biết mệt, mẹ bỏ hai con mồ-côi từ trưa, khi mẹ trở về hai con vội-vã đến mừng, thấy mặt con tươi cười, mẹ liền vui-sướng, quên hết tất cả sự mệt nhọc. Ôi ! từ trước mẹ quen nghe tiếng hai con liu-lo diu-dàng êm-ái nơi đây. Đây là dấu chân của JĀLI, kia là dấu chân của KANHĀ, mẹ còn nhớ được, đó là nơi hai con chơi cát. Kia là đồ chơi còn để lại, vậy hai con yêu-mến của mẹ đâu ? Ôi ! Hai con đi

nơi nào mà mẹ chưa gặp. Tỉnh-thất này ơi ! trước kia cảnh vật vui vầy, là nơi hội mặt hai con đùa-bỡn hỉ-hạ cùng nhau trước mặt mẹ, nay lại im-lìm vắng-vẻ như chốn mồ-hoang. Có lẽ hai con đã lìa xa hẳn ngực mẹ, trong giờ này chẳng ? Thoáng qua một niềm an-ủi, nàng MADRĪ hy-vọng rằng : « hay là chồng ta bảo hai con lên ngự trong tỉnh-thất chẳng ? vì hôm nay ta về trễ. Nàng nửa mừng nửa lo, vụt chạy hỏi đạo-sĩ rằng : Tâu, ngài có gìn hai con đây chẳng ?

— Đức Bồ-tát mặc dù biết rằng nàng MADRĪ rất khổ tâm, nhưng ngài muốn thoa dịu lòng bồng-bột của sự thương tiếc, nên ngài bèn quở trách rằng : Nàng chung vui cùng ai mà lâu thế ? Đến giờ này mới về tìm hỏi con, ai biết được. Nàng chớ đến trong giờ này, hãy ra khỏi cho mau đi. »

Nàng MADRĪ chạy tìm con cả đêm, than khóc kêu gọi con ơi, con hỏi, biết là biệt-tích, nàng té nằm bất tỉnh dưới thang, nơi tỉnh-thất của chồng.

Đức Bồ-tát thấy thế bèn nghĩ rằng : « Nếu ta không nói thật ra cho nàng rõ, ắt nàng sẽ bể ngực chết ngay. Ngài liền bưng thao nước bước xuống lau mặt cho nàng hồi tỉnh, rồi phán rằng : « Này nàng MADRĪ ôi ! cả hai con chúng ta, anh đã đem bố-thí cho lão JŪJAKA rồi, nàng hãy chú-tâm bố-túc bố-thí Ba-la-mật đi. Nàng MADRĪ bèn hoan-hỉ bằng tiếng SAD-HŪ. SADHŪ (phải rồi, lành thay) Nàng MADRĪ tâu : nếu ngài từ-bi nói thật như thế, dù sống hay chết, tôi cũng không quá đau lòng xót dạ đâu. Tâu, vì sao mà ngài không cho tôi biết sớm.

— Này nàng MADRĪ ! nếu ta vội cho nàng hay khi nàng

từ trong rừng vừa mới trở về còn mệt nhọc. ta thấy như thế, sự nóng nảy và yêu mến hai con thái-quá, sẽ siết-chặt tim nàng, vì hai trẻ là bạn cơ-hàn. Này MADRĪ ôi ! chớ nên sầu thảm vì hai trẻ đi xa.

— Tâu, vì tôi đã cố - gắng chăm nom từ lâu, xin hoan - hỉ bằng sự đem hai trẻ bổ-thí Ba-la-mật, cầu cho tâm của ngài được mát-mẽ.

— Này nàng MADRĪ ! Nếu ta không cho theo tâm trong-sạch thì quả địa cầu này đâu có rung - động, rồi ngài tường-thuật tự-sự cho nàng MADRĪ nghe, chư - thiên cho đến trời Để-thích đồng tỏ lời tung-hô hoan-hỉ vang lừng trên không-trung trong thời ấy.

Khi hai hoàng-gia phát tâm mát mẻ trong-sạch vui-thích sự bổ-thí Ba - la - mật, đang ngụ trong tịnh-thất riêng tại núi GĪRIVANKA mà tu-hành. Đức Để-thích là chúa cả chư-thiên tại Đạo-lợi thiên-cung, hằng có thiện-chí hoan-hỉ hộ-trì những trời, người, nhất là các bậc cố-gắng bổ-túc pháp Thập-độ cầu được giác-ngộ Chánh-Biến-Tri. Ngài suy xét thấy Đức Bồ-tát, vì sự bổ-thí hai con yêu quý mà làm cho địa-cầu rung-động ; nếu có kẻ nào đến xin nàng MADRĪ là bạn-thiết lúc cơ-hàn, ngài sẽ thỏa-thích cho nữa, khiến ngài phải cô-độc vắng-vẽ một mình. Khi ấy, ngài có thể tự cấp (1) được chăng ? Vì mình phải đích thân vào rừng tìm hái trái nuôi thân như thế. Vậy ta nên hạ-san để giúp ngài. Ta sẽ biến làm vị Balamôn trong sạch như đạo-sĩ rồi vào tỏ lời thiện-cảm cho đức Bồ-tát phát đức-tin, xong ta sẽ

(1) Tự cung-cấp cho mình.

xin nàng MĀDRĪ về làm nội-trợ. Khi đức Bồ-tát vui lòng bỏ-thì nàng MĀDRĪ đến ta và thỏa-thích trong pháp Balamật ; ta sẽ xin gởi nàng lại để phụng-sư đức Bồ-tát và cầu ngài chớ nên cho đến kẻ khác.

Lúc đức Đề-thích xét-nghĩ như thế, trời vừa rạng-đông, ngài bèn hạ-san xuống nhân-gian biến làm đạo-sĩ đến ngay tịnh-thất của hai hoàng-gia, trước giờ nàng MĀDRĪ vào rừng hái trái. Đức Đề-thích hóa ra bậc tu phạm-hạnh có tướng-mạo trang-nghiêm đáng kính mến, đến đứng gần vừa phải lễ, rồi tỏ lời thiện cảm như vậy :

« KACCINUBHOTOKUSALAM KACCIBHOTAAN-
ĀMAYAM KACCIUÑCHENAYĀPETHA KACCIMŪ-
LAPHALĀBAHŪ KACCIDAMŚĀCAMAKASĀ
APPAME VĀSIRĪNSAPĀ VANE BĀLAMIGĀKINNE
KACCIHINSĀNAVIJJATĪTI ».

Ôi ! bậc trưởng-thượng đến ngự trong nơi hẻo lánh, tu phạm-hạnh trong tuyết-sơn xa nhà người như thế, tôi xin hỏi đến sự lành dữ ra sao : Thân tâm ngài hằng được an-vui mạnh-khỏe chăng ? Ngài chế-ngự thân-tâm tinh-tấn, bỏ-tức tham-thiền đã lâu, mà thân thể có mỗi một ốm đau chi chăng ? Vả lại, ngài đến đây tu hạnh đạo-sĩ trong chốn xa người, không nơi khát-thực, ngài hằng đi tìm hái trái trong rừng, vô tài chủ giữ gìn, đem về độ nhật phải chăng ? Tôi thẩm-định ngài hành như thế mới ngu nơi đây được ; những khoai củ nhỏ lớn đáng làm thực-phẩm và có các trái cây đã kiếm, tích trữ để dành trọn năm có đầy đủ chăng ? Trong rừng tuyết-sơn này là nơi mà thiên-hạ đồn là chỗ ở của

các loài ác thú 4 chân, chúng nó hằng làm hại đến kẻ vắng-lai, những người giữ mình khỏi điều lo sợ thật là rất khó, ngài ngụ trong nơi đây không có sự khó chịu vì ác-thú bốn chân chăng ? Xin ngài cho tôi rõ, để tôi mừng với.

Đức Bồ-tát lắng nghe những lời thiện-cảm của vị Balamôn vắng-an như thế, ngài rất vừa lòng rồi thần tự đáp theo lời hỏi đó rằng : « Này thầy Balamôn ! Sự mạnh-khỏe an-vui, thân - tâm không bệnh-hoạn và lo sợ hằng có đến chúng tôi trong nơi đây. Chúng tôi không có sự mệt mỏi chi cả, những muỗi, ruồi cũng không làm bận đến chúng tôi, thậm-chí đến khoai củ, hoa-quả cũng được dồi-dào. Các ác thú bốn chân chẳng làm hại, trái lại chúng rất mến yêu chúng tôi. Do đó, chúng tôi ngụ được an-vui, không lo sợ chi cả. Chúng-tôi hằng rải tâm bác-ái đến tất cả mọi loài và không nghĩ đến loài nào là thù-nghịch cả. Chúng tôi ở được an-vui trong rừng này trải qua 7 tháng. Nay được thấy ông là người tu hành, dùng da thú làm y-phục là nhân cho quả thành chư-thiên trong kiếp vị-lai. Nay ông vào đến đây, gọi là người thứ nhì trong sự gặp-gỡ tôi ở chốn này.

Này ông Balamôn ơi ! sự đến trong nơi này của ông tuy quen biết, song tôi thiết-tưởng cũng có điều tốt, tôi không nghi-ngờ điều chi là nguy hại cả. Ông là kẻ từ phương xa mới đến, tôi xin mời ông vào nơi chứa nước, tắm rửa nghỉ-an cho khỏe, rồi dùng các loại quả ngon-ngọt vừa lòng đi. Những trái cây có trong mùa này như : xoài, thanh-trà, trái dâu v.v... đã có sẵn trong tịnh-thất, ông hãy chọn lấy mà dùng cho vừa miệng. Các trái ngon tôi cũng chẳng cất giữ, xin ông hãy thọ-thực cho no đi. Lại nữa, trong lu-khạp có chứa những nước trong sạch,

mát-mê và tinh-khiết, tôi đã tích-trữ đầy đủ, nếu vật gì vừa lòng, xin ông hãy tự-tiện dùng theo sở-thích.

Khi đức Bồ-tát tỏ lời trọng-đãi ông đạo-sĩ Balamôn là đức Đề-thích biến ra đó, cốt để nêu cao phẩm-giá vị Balamôn đạo-sĩ ấy, vì ngài rất vui lòng với sự bố-thí Ba-la-mật, cố ý làm cho vị Balamôn không ngần-ngại và có dịp muốn xin chi thì tự-tiện yêu cầu, nên ngài liền tỏ lời hỏi về sự mong mỏi vào rừng của vị Balamôn như vậy :

« ATHATVAM KENAVANNENA KENAVĀPAN-
AHETUNĀ ANUPAPATTOSI BRAHĀRAÑÑAM TAM
ME AKKHĀHIPUCCHITOTI ».

Tôi xin hỏi ngài, những vật mà hạng người họ tường-thuật lại để tán-dương là có giá-trị, dùng lời quyến-rũ rằng là có trong rừng này, nên ông mới dám băng rừng lướt bụi, không nệ gian-lao, nguy-hiểm mà đến non tuyết-lãnh này. Những vật mà ngài cho là có giá trị, sự cần-thiết khích-lệ ngài phải vào đây. Tôi xin hỏi, vậy ngài hãy trình-bày cho phân-minh để tôi được tường-tri.

Lúc đó, vị Balamôn được dịp rõ thiện-chí với lòng từ-bi rộng lớn của đức Bồ-tát, nên ngài liền tỏ lời xin nàng MADRĪ hoàng-hậu theo kệ-ngôn rằng :

« YATHĀVĀRIVAHOPURE SABBAKĀLAMNA-
KHIYYATI EVAM TAMYĀCI TĀGAÑCHIN BHARI-
YAM MEDEHIYĀCITOTI ».

Nước hằng chảy xuống trong nơi thấp theo từng bậc cho đến đại-hải là nơi cuối cùng giới-hạn của địa-cầu, không ngừng

ngĩ. Tôi được biết ý-chí khuynh-hướng của ngài ưa-thích bổ-túc thiện-pháp nhất là bổ-thí, nên tôi mới tìm đến đây, hy-vọng xin vật mà ngài có thể cho được. Nay tôi xin thú-thật cùng ngài, cầu ngài bổ-thí Balamật là cho MADRĪ đạo-sĩ nữ đến tôi, vì là nơi vừa lòng của tôi.

Đức Bồ-tát được nghe như thế, ngài phát tâm hoan-hỉ rằng : « Đây là một pháp bổ-thí Balamật, mà tôi chưa được dịp làm, khó cho thường nhân thi-hành được, là thiện-pháp đầy-đủ trong tâm, ngài bèn đáp bằng kệ-ngôn rằng :

« DADĀMINAVIKAMPĀMI YAM MAM YĀCA-
SIBRAHMANA SANTAMNAPPAGUYTRĀMI DĀNE-
MERATEMANOTI ».

Này ông Balamôn ơi ! dù là với việc phước to lớn, tâm tôi cũng chẳng thờ-ơ thối-chuyển. Vật gì mà ông mở miệng xin trong lúc này, tôi cũng vui-thích đem cho, tôi không lòng thương-tiếc vì vợ mà để lòng bõn-xẻn. Những vật chi thuộc quyền sở-hữu của tôi, tôi cũng sẵn lòng đem bổ-thí vô-ngại. Tôi không tính giấu-giếm đối với những người đang mong mỏi, tôi vẫn hoan-hỉ luôn luôn trong sự đem của ra bổ-thí, một lòng bất thối, theo lời tôi đã tuyên-bố.

Đức Bồ-tát phán như thế, rồi phát tâm trong-sạch bổ-túc bổ-thí Balamật, một tay nắm nàng MADRĪ, một tay rưới nước xuống tay của vị Balamôn, trình-bày rõ-rệt sự cho vợ dứt-khoát đến thầy Balamôn. Khi ấy địa-cầu lay-động như lúc thí hai con của ngài đến lão JŪJAKA, thật là một việc cao-thượng hiếm có trong đời.

Đức Đễ-thích được rõ chí-hướng bồ-thí thanh-cao của đức Bồ-tát, ngài rất hài-lòng và nghĩ rằng : Hôm qua đức Bồ-tát thí hai con yêu-quí đến lão JŪJAKA, thật là kỳ-diệu trong thế-gian, mặc dù như thế mà lão JŪJAKA không phát tâm hoan-hỉ, lại hành hạ đánh đập, chưởi mắng, kéo lôi hai trẻ trước mặt đức VESSANTARA Bồ-tát là vị thí-chủ, khiến ngài phải một cơn buồn-thảm bất-bình. Hôm nay, ta hoan-hỉ ca-tụng đến sự cho cả con và vợ, cho ngài vui mừng đầy-đủ trong sự bồ-thí, mà trên thế-gian không ai thí-hành được, để ngài càng thêm tác-ý lành bội phần, thêm nghị-lực trong sự giác-ngộ. Đức Đễ-thích suy nghĩ đến đây bèn tỏ lời tán-dương đức Bồ-tát bằng kệ-ngôn rằng :

« TAMATTHAM PAKĀSENTO SATTHĀ ĀHA ».

Đức Thế-Tôn muốn cho ý-nghĩa được rõ - rệt, nên tuyên-bố Phật-ngôn như vậy :

TESAṂSAM KAPPAMAÑÑĀYA DEVINDOETA-
DABRAVI SABBE JITĀTEPACCUHĀ YEDIBBĀYE
CAMANUSSĀ NINNĀDITĀTEPATHAVĪSADDOTETI-
DIVAṂGATO SAMANTĀVIJJUTĀ ĀGU GIRĪNAMVĀ
PATISSUTTĀ TASSA TEANUMODANTI UBHONĀ-
RADAPABBATĀ INDOCABRAHMĀ CAPAJĀPATICA
SOMOYAMOVESSAVANNOCARĀJĀ SABBE DEVĀ
ANUMODANTI DUKKĀRAM HIKAROTISO DUD-
DADAMĀDAMĀNĀNAM DUKKĀRAMKAMMA
KUBBATAM ASANTONĀNUKUBBANTI SATAM-
DHAMMODURAMNAYO TĀSMĀ SATAÑCĀSA-

TAÑCA NĀNĀHOTIITOGATI ASANTONIRAYAM-
YANTI SANTASAGGAPARĀ YANĀ YAMETAMKU-
MĀREADADĀ BHARIYAM ADADĀVANEVĀSAM
BRAH̄MAYĀNAMAMOKAKĀMMA SAGGETETAM-
PACCATŪTI ».

Này chư-tăng ! hãy lắng nghe ý-nghĩa của cổ-tích. Bậc chúa tể lớn hơn tất cả chư-thiên trên Đạo-lợi thiên-cung, được hiểu rõ tự-sự rồi suy - nghĩ đến điều lợi-ích của hai bậc xuất-gia tu pháp Ba-la-mật đúng theo chánh-giáo, khiến đức Đế-thích phát tâm hoan-hỷ tán-dương đức Bồ-tát, ngài hài lòng với sự thí con bằng kệ ngôn như vậy : Ô ngài ơ ! bậc cao-quí thắng - qua tất cả kẻ thù nghịch, người trau-dồi đường trời sẽ được lên trời trong ngày vị-lai. Vả lại, hạng nào dù là chư-thiên mà có tâm ác, tạo nghiệp dữ bỏ điều lành, không tu-chỉnh trong cõi người ; hoặc người bay phi hơn có ác tâm, ganh-tỵ người bỏ-tức điều lành, đến khuấy-nhiều làm cho thí-chủ bất-bình, bực tức là những phiền não phá-hoại, thiện-pháp, bậc cao quí đều thắng được cả. Đây là sự thật, có bằng chứng rõ-rệt sự rung-động của địa cầu, có ý-nghĩa hoan-hỷ thiện-pháp của bậc cao-quí ấy, thấu đến cõi trời, có ánh sáng chói lòa trên không trung, chỉ cho thấy rằng chư-thiên trong các hướng đều cảm-phục và hoan-hỷ. Các núi to lớn, là nơi cư-ngụ của những đại đạo-sĩ cũng rung-rình, chứng tỏ sự vui-thích với pháp bố-thí Ba-la-mật của ngài ; cho đến chư phạm-thiên cũng đến hoan-hỷ pháp thí Ba-la-mật của ngài trong lúc này.

Ô, bậc đại nhân cao quí ! Ngài là hàng xuất-chúng thật. Ngài can-đảm trừ-dứt tâm bồn-xảo, bồn-nhơ, ngài thí con, vợ trong lúc khó-khăn như vậy thật là hi-hữu.

Khi các hàng thiện trí-thức trong-sạch khỏi lòng bôn-rít bổ-thí vật quý hoặc vợ, con yêu quý được, là việc cao - thượng làm cho mình trở nên hạng thượng-lưu.

Hàng vô trí-tuệ nhiều phiền-não, phóng tâm hàng thiếu nghị lực, không dám làm việc lành, vì pháp của bậc thiện-trí-thức là điều khó cho thường nhân thực-hành được. Con đường đi đến kiếp sau của hai hạng người : trí thức và vô-trí-thức khác nhau.

Kẻ vô trí-thức nhiều phiền-não thường thọ sanh theo nghiệp ác, phải sa-đọa vào bốn ác-đạo.

Hạng trí-thức luôn luôn không bỏ qua việc lành, sẽ được lên nhàn cảnh.

Nay Ngài là bậc cao - quý, đáng tán - tụng là bậc cao - nhân đang bị câu thúc trong tuyết - sơn, hiu - quạnh, chỉ có vợ con là bạn cơ hàn, mà ngài vẫn còn tạo được đường phạm-thiên, không kể đến sự cơ-hàn vất-vả trong hiện - tại. Ngài đã bổ-thí hai con trong ngày hôm qua ; nay có tâm trong-sạch bổ-sung thiện-nghiệp thí hoàng - hậu có ân - đức phụng - sự ngài. Sự đại-thí con, vợ là pháp cao-thượng, ngài sẽ được đắc-kỳ sở nguyện không sai.

Đức Đễ-thích biến ra vị đạo-sĩ, khi đã giảng pháp thiện-trí thức, hoan-hỉ sự bổ-thí Ba-la-mật của đức Bồ-tát vừa với đức-tin rồi, ngài bèn gởi nàng MADRĪ lại cho đức Bồ - tát bằng kệ ngôn rằng :

DADĀMIBHOTOBHARIYAM MADDIN̄SABBAM-
GASOBHANAM TVAṆCEVAMADDIYĀCHANDO
MADDĪCAPATINĀSAHA YATHĀMAYOCASAṆ-

KHOCA UBHOSAMĀKAVANNINO EVAMTUVAÑ-
CAMADDĪCA SAMĀNAMANACETASĀ AVARUDDE-
TATHA ARAÑÑASMIÑ UBHOSAMMATHASSAME
KHATTIYĀGOTTA SAMPANNĀ SUKHĀTĀMĀHU-
PETITO YATHĀPUÑÑĀNIKAYIRĀTHA DADANTĀ
APARĀPARANTI.

Ô, bạch ngài ! Tôi đây có lòng vui-thích ngài không có
chi sánh bằng. Tôi hoan-hỉ xin trả nàng MADRĪ lại, tôi không
mong dẫn nàng đi, và yêu cầu ngài nhận lãnh nàng MADRĪ để
dùng làm người phụng-sự, vì tôi nghĩ rằng ngài nên cần đến
nàng thật, và nàng cũng đáng làm bạn với ngài, ví như sữa tươi
trong - sạch vừa với nôi trắng tức là vỏ ốc mà thợ đã trau-dồi
bóng láng, có màu trắng trong-sạch thế-nào, ngài cùng nàng
MADRĪ đều có nước tâm trong-sạch một màu như nhau. Tôi
biết rõ cả hai vị là dòng vua cao-thượng. Hai ngài đến ngụ tu-
phạm-hạnh trong rừng này, thật là ít ai làm được. Ngài nên suy
xét vật chi nên bố-thí; thì ngài bố-thí để bổ-khuyết pháp thập-độ
theo sở-thích của ngài.

Khi đức Đế-thích đã tỏ lời thiện-cảm như thế, sắc mặt ngài
tươi vui. bay lên không-trung và nói rằng :

« SAKKOHAMASMIDEVINDO ĀGATOSMITA-
VANTIKE VARAMVARASSURAJISI VAREATTHADA-
DĀMITETI ».

— Ô ! Đại-vương ôi ! tôi đây không phải ai xa lạ đâu,
chính là Đại-vương Đế-thích đây, có thể cho kết-quả những

mong muốn, hoặc giúp ngài được như nguyện. Vậy cầu ngài chọn những điều chi mà ngài cần-thiết, hãy cho tôi biết để tôi cho ngài được như sở-thích không sai.

Khi đức Bồ-tát nhận ra vị đạo-sĩ lúc nầy không phải là thường nhân, chính là đức vua trời Đế-thích trên Đạo-lợi thiên-cung, ngài bèn phát tâm trong sạch hoan-hỷ liền đáp rằng :

Tâu đại-vương là chúa cả chư-thiên, xin ngài sẵn lòng ban cho tám điều yêu-cầu của tôi :

1/— Xin cho phụ-vương tôi là đức SANJEYAMAHA-RĀJA có tâm vui-thích theo sự hành-động của tôi, và phụ-vương tôi mời tôi về kế-vị như trước.

2/— Khi tôi có quyền sát - hại, xin cho tôi đừng vừa lòng trong việc giết người, dù một kẻ nào có tội nặng đến đâu, tôi vẫn giữ lòng từ-bi thương-hại xử tội nặng thành nhẹ, hoặc phóng thích cho họ khỏi tử-hình.

3/— Xin cho tôi hằng thương-xót chúng dân và là nơi nương-tựa của mọi người. Xin cho những người nam nữ, già trẻ, sang hèn đều là bộ-hạ tùy-tùng nương cậy nơi tôi như trước và thường được an-cư lạc-nghiệp.

4/— Xin cho tôi đừng say mê lầm-lạc, tà-dâm vợ con kẻ khác, dù có phụ-nữ đến yêu tôi, tôi đừng xiêu lòng luyến-ái.

5/— Xin cho con tôi được kế-vị theo thập-vương pháp và được vừa lòng quần-chúng.

6/— Trước ngày tôi được quyền cao tước cả, xin cho tôi có đầy-đủ thực-phẩm theo sở-thích vừa với tâm bồ-thí của tôi,

7/— Xin cho những của mà tôi đã đem ra bố-thí, phát-sanh lên đầy kho, trở lại như trước.

8/— Xin cho tôi thọ-trì giới được trong-sạch mãi-mãi, đến khi mệnh chung được sanh lên cõi trời luôn luôn như vậy.

Khi đức Đế-thích được nghe tám điều yêu-cầu của đức Bồ-tát, ngài nhận lời, rồi biến trở về thiên-cung.

PAMATTHAM PAKĀSENTO SATTHĀ ĀHA —
Đức Thế-Tôn tuyên-bố về đức Đế-thích nhận lời của đức Bồ-tát yêu-cầu bằng Phật-ngôn rằng :

TASSATAMVACANAMSUTVĀ DEVINDOETĀBRAVI ACI-
RAMVADA TĒTĀTO PITĀTAMDATTHAMESSATI IDAMDAT-
VĀNAGHAVĀ DEVARĀJĀSŪJAMPĀTI VESSAVATARASSA-
VARAMDATVĀ SAGGAKĀYAMAPĀKKAMĪTI.

Này các thầy ! đức Đế-thích nhận lời yêu-cầu của đức Bồ-tát VESSANTARA như vậy, ngài bèn đáp lại cho vừa lòng đức Bồ-tát rằng : Ô ! không lâu, đức vua tại thủ-đô SAÑJEYA là phụ-vương của đức VESSANTARA sẽ ngự đến rừng núi tuyết sơn này, do tâm vui thích mong được thấy hoàng-nhi là con yêu-quí nhất của ngài. Đức Đế-thích chỉ tỏ bấy nhiêu lời vừa với quả-phúc sẽ phát-sanh theo thứ tự. Đức Đế-thích có danh là SAYAMPATĪ, ngài là chồng của công-chúa con đức Atula vương, tỏ lòng khoan-hồng trong sự ban phước đến đức VESSANTARA rồi trở về thiên-cung, như vậy.

EVAM BODDHISATTOCA MADDĪCA SAMMODAMĀNĀ
SAKKADĀTIYE ASSAMEVASINSU JŪJAKOPIKUMARE GAHE-
TVĀ SATTHĪYOJANAMAGGAM PATĪPAJJIDEVATVĀ KUMA-

RĀNĀMARAKKHAMAKĀMSU JUJAKOPISURIYE ATTHAṆGA-
MITEKUMĀRE GACCHEBANDHITVĀ BHŪMIYĀM NIPAJJĀ-
PETVĀ SAYAṆGANDABĀLAMIGGABHAYENA RUKHAM
ĀRUYHASĀKHAVITĀPPABHANDARESEYYATĪTI.

Nói về đạo-sĩ và đạo-sĩ nữ cả hai đều là dòng dõi nhà vua. Đức VESSANTARA là dòng giống đức Phật, còn nàng MADRĪ là công-chúa đức vua MADDHARĀJA cùng nhau ngự được an-vui trong tịnh-thất, tham-thiền, tu phạm-lạnh trong tuyết-sơn.

Nói về khi lão JŪJAKA dẫn hai trẻ lần theo đường rừng trải qua 60 do-tuần, nhờ chư-thiên thương-xót bảo-hộ nên hai trẻ được được an-vui khỏi điều nguy-hiểm.

Một hôm, bóng hoàng-bôn vừa thấp-thoáng, những tiếng thú rừng kêu la inh-ỏi, lão JŪJAKA lo sợ ác thú, tìm đến gốc cây to, dùng giây buộc chân hai trẻ tại gốc cây, còn phải lão thì leo lên nhánh tìm nơi ẩn-trú để nghỉ đêm.

Thê-thảm thay cho hai trẻ, phải chịu cảnh màn trời chiếu đất lạnh-lẽo, quần áo, thân-thể lấm lem bụi đất, khóc than thảm-thiết. Khi ấy có hai vị trời trên cây thấy hai trẻ quý-tộc bơ-vơ, cô-độc, nên động lòng biến ra làm cha và mẹ của hai trẻ, ẩm bông che chở, nâng-niu hai trẻ như con ruột, vị thiên-nữ cho KANHĀ bú sữa; vị thiên-tử cho trẻ JĀLĪ dùng thực-phẩm, rồi dỗ-dè cho ngủ trọn đêm vì lòng trong sạch và thương hai trẻ côi-quạnh không cha mẹ. Trời rặng sáng, hai vị trời bèn để hai trẻ nằm xuống rồi biến mất.

Sáng ra lão JŪJAKA dẫn hai trẻ ra khỏi rừng. Đến đây có hai nẻo, một ngã đi đến kinh-đô SAÑJEJA và một ngã về

KALINGARĀSTHA ; chư-thiên khiến cho lão JŪJAKA làm-lạc đi theo đường CETUTTARA vừa đúng 15 hôm thì đến thủ-đô SANJEYA.

Sáng ngày ấy, tại kinh-thành có cuộc lễ long-trọng, nên dân-chúng dọn quét đường-sá sạch-sẽ, treo cờ kết hoa xinh đẹp.

Vào canh năm ngày ấy, đức vua SANJEYA nằm mộng thấy có một lão mặt đen, mặt thỏn, cầm hai hoa sen mới nở, vào đến tận bệ rồng, hai tay cung-kính dâng đến đức vua. Đức vua thọ lãnh hai hoa sen rồi giắt lên hai tai của ngài. Hoa sen rớt xuống trước mặt mùi thơm ngọt ngào, khiến đức vua rất vui mừng, giựt mình tỉnh giấc.

Sáng ra, đức vua truyền đòi các thầy Balamôn đến để bàn điếm chiêm-bao. Các vị Balamôn bèn tâu rằng : Tâu bệ-hạ, chúng tôi đoán chắc bệ-hạ sẽ được trùng-phùng với các hoàng-tộc đã lìa xa từ lâu trong ngày nay. Đức vua được nghe qua rất mừng, ban thưởng cho các Balamôn và ngự trên long-xa ra cửa thành.

Khi đó, lão JŪJAKA dẫn hai trê vừa đến trước mặt đức vua, do chư-thiên che mắt quan quân nên không ai ngăn cản. Đức vua liếc thấy không rõ, nên không nhận thật là cháu, ngài bèn tỏ lời rằng :

KASSETAMMUKHAMĀBHĀTI HEMAṂVUTTATTAMAGGINĀ NIKKHAMVAJĀTARŪPASSA UKKĀMUKHAMPAHAMSI-TAM UBHOSADISAPACCAṂGĀ UBHOŚADISALAKKHANĀ JĀLISSASADISAEKO EKĀKANHĀJINĀYATHĀ SIHĀVILĀ-VANIKKHANTĀ UBHOSAMPATĪRŪPAKĀ JĀTARŪPAMAYĀ-YEVA IMEDISSANTIDĀRAKĀTI.

Các quan ời ! Các quan ời ! hai trẻ theo lão Balamôn đi qua trước mặt trăm đó, là con cháu của ai ? Hai trẻ khôi ngô, mặt mày sáng-rõ, hai trẻ đều xinh đẹp, trẻ trai bên kia giống hình như cháu JĀLĪ ; trẻ bên này không khác cháu KANHĀ chút nào, hiệp với diềm chiêm-bao mà trăm đã thấy khi hôm. Tướng mạo cử-chỉ của hai trẻ là con giòng quý-tộc. Cả hai đi đứng nghiêm-trang như sư-tử ra khỏi động vàng, diện-mạo hai trẻ như vàng-ròng ánh-sáng, rõ-rệt là cao quý cho đến ngũ-căn cũng thế.

Khi đức vua tỏ ý khộn ngại hai cháu như thế, ngài bèn sai một vị cận thần đến bắt lão Balamôn và hai trẻ vào chầu lập-tức. Tuân lệnh vua, vị cận thần liền ra dẫn lão JŪJAKA và hai trẻ đến giữa sân rồng. Đức vua không để cho các quan tra-vấn, e sai-lạc ý muốn của ngài. Đức vua bèn phán hỏi ngay lão Balamôn rằng : Này lão ôi ! Hai trẻ này lão được từ đâu mà dẫn đến đây ?

— Tâu thánh-thượng, hai trẻ đây là con của đức VESSAN-TARA ngài ngự được an-vui và hành-đạo trong rừng núi tuyết-sơn ; ngài cho hai trẻ đến tôi bằng đức-tin trong-sạch để bổ-khuyết pháp thí Balamật. Tôi đi từ núi tuyết-sơn mới vừa đến đây, buổi sáng này.

— Này lão ! lão dám lừa-dối trăm sao ? Hai trẻ như ngọc quý thế này, ai lại đem cho đến người để làm tôi mọi. Người lấy chi làm bằng, nếu không trăm sẽ căn-cứ theo luật-hình mà sửa trị.

— Tâu, tôi đâu dám dối lệnh hoàng-thượng, đức VESSAN-TARA đã phát nguyện bổ-thí đến kẻ nghèo đói, cô-độc, ví như địa-cầu là nơi nâng-đỡ tất cả chúng-sanh ; hoặc như nước các sông rạch làm cho người, thú được mát-mẽ an-vui thế nào, nước tâm của đức VESSANTARA cũng vậy. Tâu lệnh hoàng-thượng,

đó là bằng chứng xác-thật của già JŪJAKA, xin bệ-hạ từ - bi thương xót xét lại cho lão nhờ.

Khi ấy, các triều-thần văn võ được nghe lão JŪJAKA tâu như thế, đều tin chắc và bàn cùng nhau rằng : Này tất cả chúng ta đến hội-họp trong nơi đây, hãy quan-sát sự - tích của đức VESSANTARA khi ngài còn trị-vì trong kinh-đô này, ngài đã bố-thí đến tất cả kẻ nghèo đói và cô-độc, thậm-chí đến voi báu ngài cũng cho, khiến cho chúng dân bất-bình, nên ngài phải lánh đi vào non tuyết lạnh mà vẫn còn bố-thí hai con yêu quý đến lão JŪJAKA. Xem đây thì rõ, thật khác thường, cổ-kim chưa từng thấy, nếu ngài thí của kho thì gọi là do đức tin, nay lại nỡ đem hai con như cặp mắt mà dứt bỏ đi, là khác với thói quen từ ngàn xưa

Khi đó, hai trẻ JĀLĪ và KANHĀ được nghe, liền nhớ đến ân đức cao-dày của cha lành mà động lòng không thể nhẫn-nín với những lời phê-phán của triều-thần. Hai trẻ định tỏ lời ngăn ngừa của các quan, ví như núi Tu-di-sơn bị gió thổi lay chuyển nghiêng chiều, mà nhờ uy-lực của chư-thiên dùng tay chống đỡ cho đứng vững lại như trước. Trẻ JĀLĪ bèn quì tâu rằng : Tâu đức Tổ-phụ, các quan dễ-duôi, dám đồng nhau khinh-rẻ cha chúng tôi như vậy có nên chăng ? Vì phụ-vương chúng tôi bỏ ngài vàng, vào ngục trong rừng, họ mới dám đem nhau trách-cứ, xem thường không lòng kính nể.

— Tâu, đức Tổ-phụ ôi ! trước mặt đức Tổ-phụ mà các quan không kiên sợ, lại dùng lời vô-lễ như thế. Lúc phụ-vương cháu tu trong rừng nghèo khổ, thì của kho đâu mà bố-thí, chỉ có hai cháu quý mến mà thôi, nên mới kiên-gan dứt bỏ, mong

được giác-ngộ để tế-độ tận chúng-sanh, như các đức Bồ-tát từ xưa kể-thống dòng-dõi chư Phật vậy. Bậc thượng-lưu quân-tử làm những việc cao-quí lợi-ích cho đời như thế, mà họ là hàng hạ-lưu lại dám tỏ lời trách-cứ như vậy. Cầu đức tổ-phụ phán-đoán theo công-lý, cho biết hàng thuộc hạ của đức vua như thế, có xứng-đáng chăng ?

Được nghe lời tâu của hai cháu, đức vua phán rằng : Này hai cháu quý mến ôi ! hai cháu đừng tỏ lời phiền-trách các quan. Chúng ta đây đều vui-thích với sự đại-thí của cha cháu, cháu đừng buồn, có ai dám tỏ lời khinh-rẽ đâu. À ! khi cha cháu đem hai cháu ra thí như vậy, có tâm hoan-hỷ hay buồn tiếc chi chăng ? Cháu nên tường-thuật lại cho tổ-phụ nghe rõ tự-sự đi.

Trẻ JĀLĪ bèn tâu tất cả câu chuyện từ đầu chí cuối cho đức Tổ-phụ nghe đầy đủ. Đức vua SUSANJEYARĀJA thấy hai cháu còn đang ở trong quyền-lực của lão JŪJAKA, ngài bèn phán hỏi rằng : Này hai cháu ngọc ơ ! Cha và mẹ chúng cháu đều là dòng dõi hoàng-gia, từ trước hai cháu từng vào ngồi trên vế của Tổ-phụ, nay sao hai cháu lại đổi tánh thờ-ơ ví như khách lạ, vì sao cháu nở ngồi xa tổ-phụ vậy ?

Trẻ JĀLĪ tâu : Tâu, tổ-phụ từ-bi dạy bảo như thế, song hôm nay hai cháu là tôi đòi, đâu dám lên ngồi trên bái tọa, làm cho tổ-phụ giảm giá-trị, hổ mặt với triều-đình. Do đó, hai cháu hổ-thẹn sợ như lây đến tổ-phụ, nên xin ngồi xa xa như kẻ tôi tớ như vậy.

Cháu JĀLĪ ơ ! Vì sao nở buông lời hạ mình như vậy. Những câu nói chua cay của cháu như người đem lửa đốt mặt, hoặc như kê ngồi trên lò lửa, làm cho tổ-phụ phải bức rức xồn xồn ngồi

không yên trên ngai vàng, cháu chớ tỏ lời buồn trách tổ-phụ làm chi. Cháu ngọc ời ! tổ-phụ sẽ chuộc lại hai cháu bằng tất cả báu vật trong đền, không để cho cháu phải làm nô-lệ của lão JŪJAKA đâu. Ở lúc cha cháu thí hai cháu đến lão JŪJAKA có ra giá là bao nhiêu chăng ? Cháu hãy nói cho tổ-phụ biết đi nhé JĀLĪ.

— Nhân đó, trẻ JĀLĪ bèn quì tâu : « Cha chúng cháu có dạy : về phần cháu là một ngàn lượng vàng ; nhưng phần em ngọc KANHĀ cha cháu đánh giá rất cao : bò, trâu, ngựa, voi, tôi trai, tó gái mỗi loại 100 và 1.000 lượng vàng. Khi nào những báu vật mà cháu đã kể đây, trao đến tận tay đầy đủ cho lão JŪJAKA này giờ nào rồi, thì hai cháu sẽ được tự-do, ra khỏi tay của lão JŪJAKA trong giờ ấy.

Đức vua SUSANJEYA phán rằng : Chỉ có bấy nhiêu đó phải chăng ?

— Vâng !

Đức vua bèn dạy mở kho lấy của báu đem trao cho lão JŪJAKA. Các quan đồng nhau đếm tiền và của giao đủ đến lão JŪJAKA và ban thêm một dinh-thự 7 từng, bởi công khó của lão đem hai cháu đến cho Trẫm.

Từ đây, lão JŪJAKA ngự trong điện cao 7 từng, có đầy đủ vật dụng cần-thiết, có tôi trai, tó gái hầu hạ, hưởng đời sống hạnh-phúc an-vui.

Đức vua SANJEYA khi đã chuộc được hai đứa cháu ngọc, ngài rất thỏa-thích, hoàng-hậu và cung-phí đồng nhau đến mừng rỡ, ẵm-bồng, nâng-niu hai cháu. Đem tắm rửa trang-phục, cho

thọ-dụng đầy-đủ sự cao sang quyền-quí của nhà vua, đồ hai trẻ an nghỉ trên giường rồng, nệm gấm, có cung-nga hầu-hạ ngày đêm, « hết cơn bỉ cực, tới hồi thới lai ».

Được vua SAÑJEYA hỏi hai cháu rằng: « Này cháu JĀLĪ và KANHĀ, song thân của hai cháu được mạnh-khỏe bình-an và tìm hái trái vừa đủ nuôi thân không? Sự lo sợ vì thú dữ có xảy đến chăng? Được an-vui hay khổ-cực thế nào? Hai cháu hãy tỏ cho tổ-phụ biết rõ đi.

Trẻ JĀLĪ và KANHĀ tâu rằng: Tâu đức tổ-phụ, tổ-phụ hỏi thăm về sự khổ vui của cha mẹ cháu; tâu, cha mẹ cháu vẫn được khỏe mạnh và tìm hái trái đủ no lòng, Các ác thú nhỏ lớn cũng không đến phá hại, do cha cháu hằng rải lòng từ-bi đến tất cả mọi loài, cho nên chúng sinh trong rừng chung-quanh chỗ ngụ đều có tâm mát-mẻ. chẳng hề xảy ra điều gì đáng lo sợ cả. Tâu đức tổ-phụ, thương thay cho mẹ chúng cháu, buổi sáng lo dậy sớm quét dọn tịnh-thất, săn sóc hai cháu, lo gánh nước cho đầy đủ trong các nơi chứa, rồi dặn-dò nâng-niu hôn-hít hai cháu. Khi mẹ MADRĪ vào rừng tìm hái trái, chọn những trái ngọt ngon, nhỏ lớn, không nài sự cực-nhoc gian-lao nguy-hiểm, chỉ mong sao cho chồng con được no đủ thì hài lòng. Mỗi ngày hằng tìm hái trái vừa đủ đem về dâng đến cha cháu và nuôi hai cháu.

Tổ phụ ôi ! không phải chúng cháu JĀLĪ và KANHĀ dám nhiều lời thêm bớt, đặt điều dối gạt tổ phụ đâu. Tâu đức tổ-phụ, hai cháu còn nhỏ dại không rõ được tâm-trạng của đức tổ-phụ sao. Thông thường chúng-sanh, sanh ra trong thế-gian hằng có phiền-não, chưa đạt đến Niết-Bàn thì hay thương yêu triều-mến,

nhieu tình-dục, không thương cái chi bằng thương con. Cha cháu có tâm quyền-luyến cháu không bao giờ quên đâu. Tổ-phụ ôi ! Lẽ đâu tổ-phụ lại quên cha cháu, không thương tiếc chút nào, nên đành bỏ cha cháu quạnh-hiu cô-độc, không thấy rằng là bậc hiếm có. Cha cháu là bậc đế-vương quý báu trên đời, mà tổ-phụ nỡ nào tin những lời vô-lẽ của chúng dân, đành đuổi cha cháu ra khỏi đền vàng, cho hết thấy phần uất đi.

— Ôi ! thật thế, cháu JĀLĪ ơi ! trước kia vì tổ-phụ nghe lầm hiểu quấy. Cháu ơi cháu đừng than trách làm cho tổ-phụ phải đau lòng hối-hận, bởi tổ-phụ đây chưa kịp quan-sát chu-đáo, vì lòng dân quá xôn-xao, phản-uất, nên tổ-phụ lo sợ, nghi-ngờ, chỉ tin lời của dân-gian mới đuổi cha cháu ra khỏi đền vàng, cũng do dân-chúng nhiều lời châm-chích, khiến tổ-phụ bất bình, đấy là cái nghiệp của tổ-phụ, vậy tổ-phụ cam chịu lỗi-lầm, làm cho con và hai cháu phải khổ cực gian-lao. Vậy cháu JĀLĪ hãy đi thỉnh cha cháu trở về trị-vì như trước đi.

Trẻ JĀLĪ tâu rằng : Tâu, cháu đâu dám trái lệnh của tổ-phụ nhưng được tổ-phụ ngự đi cùng thì càng quý hơn.

Khi đức vua SAÑJEYA được nghe lời tâu của cháu JĀLĪ thì càng phát tâm hoan-hỉ bèn đáp rằng : Đúng lắm, để tổ-phụ đi rước thì cha cháu mới không còn nghi ngờ. Cháu hãy là hướng-đạo đến núi GIRĪNANKA nơi xuất-gia của cha cháu. Đức vua bèn ra lệnh cho quan quân dẫn binh ủng-hộ đi rước đức VESSANTARA (Bồ-tát) trở về. Dân chúng đồng đi theo rất đông để nghinh đức Bồ-tát, quan quân rần-rộ ăn-mặc từng đoàn : tốp mặc đồ trắng, vàng, đoàn mặc y xanh, đỏ ồn-ào náo-nức sắp vào rừng tuyết-sơn.

Khi đức vua SANJEYA chuẩn-bị quân-binh đi nghinh-tiếp đức VESSANTARA ; ngày ấy, lão JŪJAKA dùng bữa quá no cho đến chắt lửa không thể tiêu-hóa thực-phẩm được, lão phải chết ngay. Đức vua cho thiêu thi-hài rồi bố-cáo cho thân-quyển lão hay, song cũng chẳng thấy ai đến nhìn nhận, nên đức vua dạy đem tất cả tài-sản của lão JŪJAKA nhập vào kho quốc-gia.

Qua ngày thứ 7, đức vua dẫn hoàng-hậu, cung-phí các quan quân xuất thành, đoàn binh rầm-rộ kéo đi trọn 45 ngày, đường xa 60 do-tuần mới đến núi GIRĪNANKA.

JĀLI KUMĀRO PIMUCCALINDASARATIRE
KHANDHĀVĀRAMNIVĀSĀPETVĀ CUDDASERA-
THASAHASSĀNĪ ĀGATĀMAGGĀBHIMUKHĀ NEVA-
THAPĀ PETVĀ TASMIŃPADESI SĪHABYAGGHADĪ-
PIKHAGGĀDĪSUĀRAKKHAMŚUSAMVIDAHI HAT-
THIĀDĪNAMSADDOMAHĀ AHOSĪTI.

Hoàng-tôn JĀLĪ làm hướng-gạo, dẫn quan-quân đi trước, khi đến ao sen MUCALINDA bèn dừng binh an-nghĩ chờ hoàng tổ-phụ. Đi đến 45 ngày, trải qua 60 do-tuần mới tới chỗ ngụ của đức Bồ-tát. Đức vua SANJEYA vào trước và phán rằng hoàng-hậu và hai cháu sẽ vào sau. Khi đức Bồ-tát và nàng MADRĪ thấy phụ-vương đến, chạy ra quì lạy nơi chân. Vua cha tỏ lời an-ủi hỏi han về hàn-huyên ấm lạnh của hai con rằng : Hai con ngụ nơi đây được an-vui chăng ? Hằng ngày hái trái làm thực-phẩm được no lòng chăng ? Có ác thú đến quấy nhiễu chăng ? Đức vua thấy sắc mặt hai con có vẻ tiêu-tụy nên ngài mũi lòng rơi lệ. Đức Bồ-tát và nàng MADRĪ khóc ròng và tâu

rằng : Tàu, hai con được an-vui, hằng ngày vào rừng hái trái nuôi thân vừa đủ, ác thú cũng không đến phá-hại. Bồ-tát tàu hỏi vua cha rằng : Tàu phụ-vương, phụ-vương và mẫu-hậu được sức khỏe kiện toàn như xưa chăng ? Các quan quân, cung-phi mỹ-nữ và dân-chúng được mạnh-khỏe, trong nước vẫn được thái-bình chăng ?

Đức vua SAÑJEYA đáp : Tất cả mọi người đều bình-an, vui-vẻ và không còn bất-bình như xưa nữa.

Nói qua mẫu-hậu là mẹ của đức Bồ-tát, từ từ vào đến cửa tịnh-thất, đức Bồ-tát và nàng MADRĪ xem thấy đồng qui mọp bên chân mẹ khóc than kể lể. Đoạn, nàng MADRĪ thấy hai con là JĀLĪ và KANHĀ, nàng quá mừng chạy lại ôm con, mũi lòng khóc nức-nở, ba mẹ con khóc đến ngất xỉu, khiến cho đức Bồ-tát, vua cha và mẫu hậu lấy làm náo-nùng cũng bất-tĩnh; tất cả quan-quân, cung-phi mỹ nữ thấy thế, đều cảm-động không còn biết gì cả như một cơn mê. Trong bầu không khí trang-nghiêm và linh-động ấy, khiến tất cả thế-giới huyên-náo, địa cầu lay chuyển, cho đến đỉnh núi Tu-di-sơn cũng chịu theo pháp Balamật. Đức Đế-thích dùng thiên-nhãn quan-sát thấy rõ ràng : Ô ! Đức vua VESSANTARA (Bồ-tát) có sự động-tâm vì xa-lìa hoàng-tộc đã lâu, nay được tái-ngộ, ngài đang than khóc với 5 hoàng-gia, nếu ta không cứu-độ, sợ 5 hoàng-gia ấy phải mệnh-chung. Đức Đế-thích liền cầm ô vàng bay xuống rưới nước cam-lồ thành mưa rót nhằm thân-thể của 6 vị hoàng-gia và tất cả quan-quân đều được lai-tĩnh. Sau khi được an-hảo, đức vua SAÑJEYA tỏ lời mời đức VESSANTARA (bồ-tát) trở về kế-vị như trước,

Đức Bồ-tát xin khước-từ rằng : Ngày trước con bồ-thí mà phải bị đuổi đi vào rừng, nay trở về không tiện, xin phụ-hoàng tha lỗi cho.

Đức vua SAÑJEYA nghe đức Bồ-tát tâu như thế bèn tỏ lời an-ủi khuyên-giải rằng : Nầy hoàng-nhi ôi ! trước kia vì thấy dân-chúng xôn xao bất-bình nên cha không kịp xét kỹ, phải làm việc quấy làm như thế. Vậy hoàng-nhi từ-bi đến dân-gian mà tha-thứ cho. Tất cả quan quân cũng đều quì tâu xin đức Bồ-tát rộng-lượng khoan-dung ; khẩn cầu đôi ba lượt đức Bồ-tát mới chấp-thuận. Ngài và nàng MADRĪ trở vào thay đổi y-phục đạo-sĩ trở thành cư-sĩ, ngài nhìn tịnh-thất mà rằng : Ôi tịnh-thất này ! Ta đã nương nhờ trong nơi đây để bồ-túc pháp Balamật được 9 tháng 15 ngày, từ đây ta đâu còn săn-sóc, quét dọn nữa, nghĩ đến càng ngậm-ngùi tắc dạ ; ngài nhiễu 3 vòng tịnh-thất để tỏ lòng nhớ ơn rồi trở ra. Vua cha và tất cả 60.000 quan quân đều chuẩn-bị sẵn nước thơm tắm cho Bồ-tát và mặc long-bào đến ngài, đồng thời làm lễ Đăng-cực (1) trong nơi ấy. Lễ tôn-vương xong, quan quân thỉnh đức Bồ-tát lên long-xa đồng nhau hộ-giá trở về kinh-đô JETUTTARA. Tại kinh-thành tất cả triều-thần và dân-chúng đều trang-hoàng đèn-đài nhà cửa, đường-xá để cung-nghinh đức VESSANTARA Bồ-tát. Trong hàng dân, nhất là kẻ nghèo đói, cô-độc rất hân-hoan nghinh-tiếp, vì họ tin rằng sẽ được đức Bồ-tát ban nhiều ân-huệ. Đến kinh-thành trời đã tối, đức VESSANTARA ngự vào đèn vàng an-nghĩ. Đêm ấy, ngài nghĩ rằng : Sáng mai đoàn ăn xin biết ta đã trở về đèn, đồng

(1) tôn lên ngôi vua.

nhau hoan-hỉ tấp-nập đến chờ lãnh của thí. Hỡi ơi ! như thế của-cải đâu vừa cho ta bố-thí lúc này ?

Khi đó, làm cho đức Đễ-thích nóng-nảy ngồi trên bảo-tọa không yên, khi biết rõ, ngài liền cho mưa 7 báu xuống đầy-đủ trong đền. Đức Bồ-tát xem thấy lấy làm vui mừng, ngài dạy bá-cáo cho dân-gian hay, để đến thọ-thí. Tất cả dân nghèo trong xứ đều được thọ lãnh của thí đầy đủ, nhưng chẳng hết của báu ấy, đức Bồ-tát bèn cho nhập số vàng còn dư vào kho. Ngài cho phóng-thích các tội-nhơn như sở-thích.

Từ đây đức Bồ-tát hằng tinh-tấn bố-thí, trì-giới v.v. mong bồ-túc pháp thập-độ cho viên-mãn để được giác-ngộ trong ngày vị-lai. Ngài sống đến 120 tuổi mới thăng-hà, được sanh lên thiên-cung Đẩu-xuất-đà (DUSITA) có tên rõ-rệt là DUSITADEVA-PUTTA. Những người thực-hành theo giáo-huấn của đức Bồ-tát, khi mạng-chung đều được sanh lên Đạo-lợi thiên cung cả.

SATTHĀ IMAM GĀTHĀSAHASSAPATI MANDI-
TAM MAHAVESSANTARĀJATAKAM ĀHĀRITVĀ.

Đức Giáo-chủ thuyết về tích đức VESSANTARA gồm có một ngàn lẻ một (1 001) kệ-ngôn vừa xong, ngài giảng tiếp rằng :

BHIKKHAVE — Này các thầy tỳ-khưu ! Trên không-trung mưa rớt xuống giữa nơi hội-họp trong thuở trước, hỡi Như-lai sanh ra là dòng vua như vậy.

Kế-tiếp, đức Thế-tôn thuyết-pháp Tứ-diệu-đế, nhất là khổ-đế xong rồi, ngài hội các tiền-kiếp lại như vậy :

« JŪJAKOBRĀHMANOLUDDHO » — Thuở ấy, lão ăn mày JŪJAKA thêm khát đó, nay là Đề-Bà-Đạt-Đa ; (AMI-

TTADĀCA) — Nàng AMITTADĀ nay là nàng CĪNCA-MĀNAVIKĀ ; (JETAPUTTA) — Người thợ săn JETA nay là CHANNATHERA ; (TAPASO) — Đức ACUTTA đạo-sĩ nay là đức Xá-Lợi-Phất ; (SAKKO) đức Đễ-thích nay là đức A-Nậu-Lầu-Đà ; (VESSUKAMMO) Vị trời VESSUKAMMA nay là đức Mục-kiền-Liên ; (MAGGARUMHISI-HORĀJA) vị trời biển ra sư-tử nay là đức UPALĪ ; vị trời biển ra cọp nay là đức SIMBALĪ, vị trời biển ra beo nay là đức CULANĀGAMABĀTHERA ; Vị trời biển ra Bồ-tát đạo-sĩ (khi hai trẻ bị bỏ dưới gốc cây) nay là đức MAHAKACCĀ-YANA ; vị thiên-nữ biển ra nàng MADRĪ cho trẻ KANHĀ bú, nay là nàng VISĀKHĀ đại thí-chủ ; (MADDHARĀJA) đức vua MADDHARĀJA phụ-vương nàng MADRĪ nay là MAHĀNĀMA, dòng Thích-Ca ; (DĀNA VEYYĀVACCĀ-MACCO) — cận thần chỉ-huy sự bố-thí cho đức VESSANTARA nay là nhà triệu-phú Cấp-cô-độc ; (SAÑJAYO) — Đức vua SAÑJEYA nay là đức Tịnh-Phạn-Vương (PHUSSATI-DEVĪ hoàng-hậu PHUSSATI nay là MĀYĀ hoàng-hậu (Phật-mâu) nàng MADRĪ nay là mẹ RĀHULĀ (JALĪKUMARO) Trẻ JĀLI nay là RĀHULĀ ; trẻ KANHĀ nay là Tỳ-khưu ni UPAVANNAATHERĪ ; PARISSĀSAHAJĀTĀCA — Tất cả 60.000 quân quân đều là hàng Phật-tử ; VESSANTARO — đức VESSANTARA nay là AHAM EVA tức là Như-Lai, được chứng quả Chánh-đẳng Chánh-giác vậy.

EVAM SAÑKHEPENA SAMMATĀ

Thuyết về truyện VESSANTARA tóm tắt chỉ bấy nhiêu

ĐÂY XIN LƯỢC GIẢI VỀ 13 THIÊN THEO THỨ TỰ LÀ :
THIÊN THỨ I.—

DASAVARAKANDA — Giải về khi đức Phật ngự đi đến kinh đô **KAPĪLAVASTU** (Ca-tỳ-la-vệ) ngài hiện thần-thông làm mưa, rồi ngài thuyết truyện đức **VESSANTARA** và tiền nghiệp nàng **SUPĀRASUPPATĪ**; đức Đế-thích nhắc lời yêu-cầu mà nàng **SUPĀRASUPPATĪ**, tâu xin 10 điều...

THIÊN THỨ II.—

HIMABĀNAKANDA — Giải về khi nàng **SUPĀRASUPPATĪ** giáng-sanh từ Đạo-Lợi thiên-cung vào lòng bà hoàng-hậu của đức vua **SAÑJEYA**. Thuở ấy đức Bồ-tát giáng-sinh xuống nhân-gian, ngài có danh-hiệu là đức **VESSANTARA**. Bồ-tát được voi báu **PACCA-GANĀGA** rồi bố-thí, ngài được nàng **MADRĪ** làm hoàng-hậu. Nàng **MADRĪ** sanh trai **JĀLĪ** và gái **KANHĀ**. Bọn Balamôn xứ **KALINGARA** đến xin voi báu; đức Bồ-tát thí voi, dân chúng bắt-bình, dẫn nhau đến tâu đức vua **SAÑJEYA** xin đuổi đức **VESSANTARA** đi ngụ trên núi **GIRĪVĀNKATA**.

THIÊN THỨ III.—

DĀNĀKANDA — Giải về đức **VESSANTARA** đại thí các báu vật mỗi món 7 lần, rồi lạy từ-biệt vua cha và mẫu-hậu. Đức vua **SAÑJEYA** ngăn nàng **MADRĪ** không cho theo chồng. Nàng **MADRĪ** trình bày về tình trạng góa chồng, đức **VESSANTARA** ngự ra đi với

hoàng-hậu MADRĪ và hai con được nửa đường ngài thí xe và ngựa, đồng thời cho quân hộ-tổng trở về.

THIÊN THỨ IV.—

VANAPPAVESANAKANDA — Giải về đức VES. SANTARA ngự đi đến xứ CĒTA. Đức vua CĒTARĀSTHA thỉnh ngài ở lại và xin nhường ngôi. Đức VES. SANTARA không nhận lời, ngài hỏi thăm đường đi đến núi GIRĪVANKATA, rồi từ-giả đức vua CĒTA, dẫn nàng MADRĪ và hai con thẳng lên núi GIRĪVANKATA.

THIÊN THỨ V.—

JŪJAKAKANDA — Giải về lý-lich lão Balamôn JŪTAKA là kẻ ăn xin cho đến khi được nàng AMITTADĀ là vợ. Do trai thanh-niên chọc ghẹo, nói xấu và bọn Balamôn nữ đánh chưởi, nàng AMITTADĀ bèn bảo lão JŪJAKA đi tìm tội trai, tố gái. Lão JŪJAKA chịu lòng vợ, đi tìm đức VESSANTARA để xin JĀLĪ và KANHĀ? Trước hết gặp CETAPUTTA thợ săn bảo-vệ Bồ-tát bị lão JŪJAKA dùng lời dối-gạt nên khỏi bị hại.

THIÊN THỨ VI.—

CŪLAVANNAKANDA — Giải về khi CETAPUTTA chỉ dẫn đường đến núi GIRĪVANKATA cho lão JŪJAKA và dẫn lão đến hỏi thăm đức Đạo-sĩ ACCUTTA.

THIÊN THỨ VII.—

MAHAVANAKANDA — Giải về lão JŪJAKA được gặp đức Đạo-sĩ ACCUTTA. Đạo-sĩ nghi lão đi xin JĀLĪ và KANHĀ; lão JŪJAKA bèn dùng lời dối gạt

tự xưng là đại-diện của đức vua cha SAÑJEYA đến thỉnh đức VESSANTA về kế-vị. Đạo-sĩ ACCUTTA tin lời bèn chỉ đường cho lão JŪJAKA đến núi GĪRĪVANKATA.

THIÊN THỨ VIII.—

KUMĀRAKANDA — Giải về lão JŪJAKA đến ngủ bên ao sen gần tịnh-thất đức Bồ-tát — Nàng MADRĪ nằm mộng. Đức VESSANTARA đoán điềm chiêm-bao của nàng MADRĪ — Nàng chẳng an lòng rất lo sợ, nhưng sáng ra phải vào rừng hái trái nuôi chồng con. Lão JŪJAKA vào hầu Đức VESSANTARA bồ-tát, cầu xin JĀLĪ và KANHĀ. JĀLĪ và KANHĀ chạy xuống ao sen trốn. Đức VESSANTARA phán gọi hai con, rồi cho đến lão JŪJAKA. Lão JŪJAKA buộc hai tay trẻ lỏi đi và đánh chưởi đến khi ra khỏi rừng.

THIÊN THỨ IX.—

MADŪKANDA — Giải về ba vị trời hóa ra ác-thú cản đường nàng MADRĪ. Nàng cầu khẩn xin đường về, cho đến mặt trời gần lặn, ba ác thú mới mở đường. Nàng MADRĪ chạy thẳng về tịnh-thất tìm kiếm hai con, nhưng chẳng thấy ; nàng tâu hỏi chồng. Đức Bồ-tát lại quở trách. Thương hại nàng MADRĪ tìm con trong đêm cho đến khi té-xiêu, bất tỉnh dưới thang tịnh-thất của chồng. Lúc bấy giờ, ngài VESSANTARA mới tường-thuật tự-sự và an-ủi nàng. Nàng MADRĪ phát tâm hoan-hỉ trong sự đại-thí của chồng.

THIÊN THỨ X.—

SAKKAKANDA — Giải về khi đức Đế-thích biến

ra vị Balamôn đến xin nàng MADRĪ. Đức VESSANTARA rất hoan-hỉ cho ngay. Vị Balamôn xin gọi nàng lại cho đức VESSANTARA.

THIÊN THỨ XI.—

MAHARĀJAKANDA — Giải về lão JŪJAKA dẫn hai trẻ đến kinh-dô JETUTTARA. Đức vua SAÑJEYA chuộc hai trẻ. Trẻ JĀLĪ tỏ bày sự khổ cực của đức VESSANTARA và nàng MADRĪ. Đức vua SAÑJEYA dạy sắp đặt dẫn binh đi rước đức VESSANTARA tại núi GIRĪVANKATA, do trẻ JĀLĪ hướng-đạo.

THIÊN THỨ XII.—

CHAKATHIYAKANDA — Giải về trẻ JĀLĪ dẫn quân-binh đến núi GIRĪVANKATA. Đức VESSANTARA cùng nàng MADRĪ nghe tiếng quân-binh đồng ra ngoài tìm xem. Đức SAÑJEYA và bà SUPĀRASUPPATI đến gặp đức VESSANTARA — Hai trẻ gặp mẹ. Tất cả 6 hoàng-gia và quân binh than khóc cho đến bất tỉnh nhơn sự. Đức Đế-thích hóa mưa xuống cứu-độ, cả 6 hoàng-gia và quân-binh được hồi-tỉnh. Đức vua SAÑJEYA cùng quan quân đồng thỉnh đức VESSANTARA Bồ-tát về kế vị như trước.

THIÊN THỨ XIII.—

UGARAKANDA — Giải về đức VESSANTARA Bồ-tát và nàng MADRĪ hoàn-tục. Cả 6 hoàng-gia sum-hợp dẫn binh trở về kinh-dô JETUTTARA, đức VES-

SANTARA lên thống-trị và bồ-túc Balamật pháp như xưa . . .

Tất cả 10 truyện đức Bồ-tát tu hạnh Balamật đầy đủ, trước khi được giác-ngộ thành Phật. Mười tích này rất dài, các bậc trưởng-thượng từ xưa hằng sùng bái, thường đem thuyết-pháp trong các cuộc đại lễ, nhất là trong ngày Vu-lan-Bồn (từ 23 đến cuối tháng 8 trong mỗi năm). Dù là phiên-dịch bằng cách vén-gọn không đầy-đủ chi-tiết, song có thể giúp cho hàng đọc-giả nhận được chí tu-hạnh Balamật của Bồ-tát.

* * *

BỒ - THÍ BALAMẬT CÓ 5 CHI :

- 1/- Bồ-thí không mong được quả báo, như người muốn được lợi trong sự buôn bán.
- 2/- Bồ-thí không có tâm dính mắc với vật-thí, như vật đem gởi cho kẻ khác.
- 3/- Bồ thí không chú tâm tích-trữ, như chứa của để dành.
- 4/- Bồ-thí không nghĩ rằng sau khi thác sẽ được vật đã thí.
- 5/- Bồ-thí vì nghĩ rằng bồ-thí là điều tốt, cao-thượng, đáng làm và chân-chánh.

* * *

BỐ-THÍ CỦA BẬC THIÊN-TRÍ-THỨC CÓ 5 CHI :

1/- SADDHĀYA DĀNAM DETI — Cho theo đức-tin.

2/- SAKKACCAM DĀNAM DĀNAM DETI — Cho bằng sự tôn kính.

3/- KĀLENA DĀNAM DETI — Cho theo thời (1)

4/- ANUGGAHITACITTENA DANAM DETI — Cho bằng tâm tế-độ.

5/- ATTĀNĀNCA PARĀNCA ANUPAHACCA DĀNAM DETI — Cho do không phá-hủy mình và người.

PHƯỚC BÀU CỦA SỰ BỐ-THÍ THEO ĐỨC-TIN LÀ :

1/- ADDHO MAHADDHANO MAHĀBHOGO — Là người sẽ được giàu có.

2/- ABHIRŪPADASSANĪYO PĀSĀDIKO — Là người sẽ xinh đẹp kiều-diễm.

PHƯỚC BÀU CỦA SỰ BỐTHÍ BẰNG CÁCH TÔN KÍNH LÀ :

1/-ADDHO MAHADDHANO MAHĀBHOGO — Là người sẽ được giàu có.

(1) Thí theo thời là như mùa nào có trái gì ... có vật chi sanh theo mùa thì thí vật ấy.

2/- SASSUSĀ — Sẽ có con, vợ, tôi-tớ là người dễ-dạy.

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ BỐ THI THEO THỜI LÀ :

1/- ADDHO MAHADDHANO MAHĀBHOGO —
là người sẽ được giàu có.

2/- ATTHAPARIPŪRA — Có lợi ích đầy đủ trong
khi sắp chết.

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ BỐ-THÍ BẰNG TÂM TẾ ĐỘ LÀ :

1/- ADDHO MAHADDHANO MAHĀBHOGO —
Là người sẽ được giàu sang.

2/- ULĀRAPAÑCAKĀMAGUNACITTO — Chỉ có
tâm vừa lòng với ngũ-dục tuyệt-hảo.

PHƯỚC BÁU CỦA SỰ BỐ-THÍ KHÔNG PHÁ HỦY
MÌNH VÀ NGƯỜI LÀ :

1/- ADDHO MAHADDHANO MAHĀBHOGO —
Là người sẽ được giàu có.

2/- BHOGĀBHAYO — Không lo sợ đến của - cải là
quả-phúc trong kiếp vị lai.

NGUYÊN NHÂN BỐ-THÍ CÓ 8 ĐIỀU LÀ :

- 1/- ĀSAJJADĀNA — Sự bố-thí đã chuẩn-bị trước.
- 2/- BHAYADĀNA — Bố-thí vì sợ.
- 3/- ADĀSĪDĀNA — Bố-thí vì nghĩ rằng họ đã cho mình trước.
- 4/- DASSATIDĀNA — Bố-thí vì nghĩ rằng họ sẽ cho mình mai hậu.
- 5/- SĀHUDĀNA — Bố-thí vì tin chắc rằng là việc tốt.
- 6/- PACADĀNA — Bố-thí vì nghĩ rằng ta phiền não đây do chưa được bố-thí để dành từ trước.
- 7/- KITTISADDADĀNA — Bố-thí vì mong được danh tiếng.
- 8/- CITTĀLANĀKĀRADĀNA — Bố-thí mong cho tâm được trang-hoàng để hành-pháp minh-sát.

* * *

8 CÁCH BỐ-THÍ CỦA BẠC THIỀN-TRÍ THỨC :

- 1/- SUCIDĀNA — Cho vật trong-sạch.
- 2/- PAÑĪTADĀNA — Cho vật quý.
- 3/- KĀLADĀNA — Cho theo thời.
- 4/- KAPPIYADĀNA — Cho vật nên cho đến bậc xuất-gia.
- 5/- VICEYYADĀNA — Cho đến người mà mình chọn rằng là bậc đáng cho.

6/- ABHINHADĀNA — Thường bố-thí, không lựa ngày.

7/- PASĀDADĀNA — Có tâm trong sạch khi cho

8/- DATVĀDĀNA — Cho rồi thỏa-thích.

QUẢ BÁO CỦA SỰ BỐ-THÍ

Bốn phần phước của sự thí thực-phẩm trong CATUKANIPĀTA AṄGUTTARANIKĀYA là : Tuổi thọ, sắc-đẹp, an-vui, sức mạnh, trong kiếp sanh ra là người và chư thiên, có Phật-Ngôn như vậy :

« YO SAÑÑATĀNAM PARADATTABHOJINAM
KĀLENA SAKKACCAM DADĀTI BHOJANAM
CATTĀRI THĀNĀNI ANUPPAVECCHATI ĀYUÑCA
VANNANCA SUKHAM BALANCA

ĀUYDĀYĪ BALADĀYĪ SUKHAM VANNAM
DADO NARO DIGHĀYN YASAVĀ.

HOTI YATTHA YATTHŪPAPAJJATI.

Kẻ nào dâng thực-phẩm đến bậc chế-ngự ngũ-căn, thường thọ-thực mà người cúng-dường. Kẻ đó gọi là dâng bốn món tức là tuổi thọ, sắc đẹp, an-vui, sức-mạnh đó.

Người cho tuổi thọ, sắc đẹp, an-vui, sức mạnh đó hằng được sống lâu, có quyền thế trong nơi họ đi thọ sinh như vậy.

Trong kinh SĪHASŪTRA có ghi 5 quả-báo của sự
bố thí là :

- 1/- PIYO — Là nơi biết thương yêu của
quần - chúng.
- 2/- BHAJO — Là nơi tìm tới của người lành.
- 3/- KITTI — Có danh thơm tiếng tốt.
- 4/- VISĀRADO — Dạn-dĩ trong nơi hội-họp.
- 5/- SUGATI — Được thọ sinh trong cõi trời,
đây ám chỉ phước-báo ở kiếp
vị - lai.

ĐỨC PHẬT GIẢI ĐÁP LỜI HỎI CỦA NÀNG SUMANĀ CÔNG-CHÚA VỀ QUẢ-BÁO SỰ BỐ-THÍ

Trong tạng kinh quyền thứ I, đoạn thứ 4 PATHA-
MAPAÑÑĀSAKA có ghi rằng : « Nàng SUMANĀ công-
chúa có 500 thiếu-nữ tùy-tùng vào hầu đức Phật, sau khi
lễ-bái xong, công-chúa bèn bạch hỏi rằng :

VẤN : Bạch Phật : hai vị thỉnh-văn của ngài đều có đức-
tin, trí-tuệ và giới-đức đồng nhau, song một vị có
bố-thí, còn một vị không bố-thí. Sau khi tan-rã
ngũ-uẩn được sanh lên trời, cả hai vị trời ấy có
khác nhau chăng, bạch Phật ?

ĐÁP : Này nàng SUMANĀ ! Hai vị trời đó khác nhau. Vị có bố-thí hằng được cao-sang, sống lâu, sắc đẹp, an-vui, có quyền tước và chủ-tể hơn vị không bố-thí.

VẤN : Bạch Phật, khi hai vị trời ấy giáng-sanh xuống làm người, có khác nhau chăng, bạch Phật ?

ĐÁP : Khác nhau SUMANĀ ! Người có bố-thí hằng được phước cao hơn người không bố-thí về sự : sống lâu, sắc đẹp, an-vui, quyền-tước và chủ-tể.

VẤN : Nếu hai vị ấy xuất-gia, có khác nhau chăng, bạch Phật ?

ĐÁP : Khác nhau SUMANĀ ! Người có bố-thí hằng tốt hơn người không bố-thí 5 điều : đầy đủ 4 vật-dụng, và là nơi thương yêu vừa lòng của hàng phạm-hạnh nữa.

VẤN : Nếu cả hai vị được chứng quả A-La-Hán, thì khác nhau chăng, bạch Phật ?

ĐÁP : Này nàng SUMANĀ ! Về phần giải-thoát thì không khác nhau đâu.

VẤN : Thật rất là kỳ-diệu, bạch Phật. Người đời nên bố-thí làm phước thật, vì quả phúc hằng có nhiều sự bảo-hộ đến người và trời cùng hạng xuất-gia, bạch Phật ?

ĐÁP : Như thế SUMANĀ ! Người nên bố-thí và làm phước, vì phước có thể che-chở ủng-hộ đến người

trời và bậc xuất-gia. Đức Thế-Tôn bèn giảng tiếp rằng : « Vầng trăng khi ra khỏi đám mây, hăng rực-rỡ hơn tất cả tinh-tú, thế nào, người có đức tin dứt của bố-thí, có giới-đức thì hăng chói-lọi hơn tất cả kẻ bôn-xén như thế đó. Mây phát lên làm cho mưa to, nước đầy tràn ngập trong nơi ẩm-thấp thế nào, chư Thánh-văn của đức Chánh-Đẳng Chánh-giác là hạng nhiều sự hiểu-biết, là bậc hiển-minh hăng dè - nén kẻ rít-róng do 5 điều là : tuổi thọ, sắc đẹp, an-vui, quyền-tước và chủ-tề, thế đó. Những người có của hăng được cao-sang trên cõi trời như vậy.

Đây chỉ cho ta thấy rằng 4 thiện-pháp là : Đức-tin, trì-giới, trí-tuệ cho thọ-sinh trong cõi người và trời như nhau. Chỉ có quả bố-thí khác hơn là cho : tuổi thọ, sắc đẹp, an-vui, quyền-tước và chủ-tề được cao-quí. Quả phúc sự dứt bỏ của cải ra bố-thí đó hăng được đầy đủ của-cải và hạnh-phúc.

D U' T